

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phụ lục I
DANH MỤC THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT ĐƯỢC PHÉP SỬ DỤNG TẠI VIỆT NAM
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 03 /2016/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 4 năm 2016
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn).*

TT	MÃ HS	TÊN HOẠT CHẤT – NGUYÊN LIỆU (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (CROP/PEST)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
I. THUỐC SỬ DỤNG TRONG NÔNG NGHIỆP:					
1. Thuốc trừ sâu:					
1	3808	Abamectin	Ababetter 1.8 EC, 3.6EC, 5EC	1.8EC: sâu cuốn lá/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; bọ trĩ/ đưa hấu; sâu vẽ bùa/ cam; nhện đỏ/ chè 3.6EC: nhện đỏ/ quýt, bọ trĩ/ dưa hấu, rầy bông/ xoài; sâu cuốn lá/ lúa 5EC: nhện đỏ/ quýt; sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH MTV Lucky
			Abafax 1.8EC, 3.6EC	sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa; bọ cánh tơ/ chè	Công ty TNHH SX - TM Tô Ba
			Abagold 38EC, 55EC, 65EC	38EC: Sâu tơ/bắp cải; bọ trĩ/chè; sâu cuốn lá/lúa; nhện đỏ/cam 55EC: nhện đỏ/ chè; sâu cuốn lá/lúa 65EC: Nhện gié/lúa, sâu cuốn lá/lúa; nhện đỏ/ cam; bọ trĩ/chè	Công ty TNHH thuốc BVTV Mekong
			Abagro 1.8 EC, 4.0EC	1.8EC: sâu cuốn lá/ lúa; nhện đỏ/ cây có múi 4.0EC: sâu cuốn lá/ lúa; nhện đỏ/ cây có múi; sâu xanh/ lạc; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu vẽ bùa/ cà chua; bọ trĩ/ chè; sâu tơ/ cải bắp	Asiagro Pacific Ltd
			Abakill 1.8 EC, 3.6 EC, 10WP	1.8EC: rầy nâu, bọ trĩ, sâu cuốn lá, bọ xít hôi/ lúa; bọ trĩ/ xoài 3.6EC: rầy nâu, bọ trĩ, sâu cuốn lá/ lúa; bọ trĩ/ xoài; sâu vẽ bùa/ cam 10WP: sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu vẽ bùa/ cam	Công ty TNHH TM DV Nông Hưng
			Abamec-MQ 20EC, 50EC	20EC: Sâu cuốn lá/lúa 50EC: Sâu khoang/lạc, nhện đỏ/chè	Công ty CP Sunseaco Việt Nam

Abamine 1.8 EC, 3.6EC, 5WG, 5.4EC	1.8EC: sâu xanh/ bắp cải, dòi đục lá/ cà chua, sâu vẽ bùa/ cam 3.6EC: sâu tơ/ bắp cải, nhện đỏ/ cam, sâu xanh/ đậu tương, bọ trĩ/ dưa hấu 5WG: sâu tơ/ bắp cải; nhện gié/ lúa 5.4EC: sâu cuốn lá /lúa; sâu đục quả/ đậu tương	Công ty CP Thanh Điền
Aba-navi 5.5EC, 40EC	5.5EC: sâu cuốn lá/ lúa 40EC: nhện gié/ lúa	Công ty CP Khử trùng Nam Việt
Abapro 1.8 EC, 5.8EC	1.8EC: bọ trĩ/ chè, nhện đỏ/ cây có múi, sâu tơ/ bắp cải 5.8EC: rầy xanh/ chè, sâu cuốn lá/ lúa	Sundat (S) Pte Ltd
Abasuper 1.8EC, 3.6EC, 5.55EC	1.8EC, 3.6EC, 5.55EC: sâu đục thân, rầy nâu, bọ xít, bọ trĩ, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; rệp muội/ đậu tương; rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; rầy bông, sâu ăn bông/ xoài 5.55EC: nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè	Công ty TNHH Phú Nông
Aba thai 1.8EC, 3.6EC, 5.4EC, 6.5EC	1.8EC: bọ trĩ/ xoài, sâu cuốn lá/ lúa 3.6EC: nhện/ cam; bọ trĩ/ xoài; sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa 5.4EC: sâu vẽ bùa/ cam, nhện/ xoài; sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa 6.5EC: Sâu cuốn lá, rầy nâu, nhện gié, bọ phấn/ lúa; nhện đỏ/xoài; bọ trĩ/dưa hấu; sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng
Abatimec 1.8 EC, 3.6EC, 5.4EC	1.8EC: sâu tơ/ bắp cải; sâu cuốn lá/ lúa; sâu vẽ bùa/ cam; sâu xanh da láng/ đậu tương 3.6EC: bọ trĩ/ dưa hấu; nhện gié, sâu cuốn lá/ lúa; nhện đỏ/cam 5.4EC: sâu cuốn lá/ lúa, dòi đục lá/ cà chua; sâu đục quả/ đậu tương	Công ty CP Đồng Xanh
Abatin 1.8 EC, 5.4 EC	1.8EC: sâu xanh da láng/ lạc; bọ trĩ/ dưa hấu; dòi đục lá/ cà chua; sâu tơ/ bắp cải; sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; sâu xanh/ dưa chuột; sâu vẽ bùa/ cam 5.4EC: sâu xanh da láng/ lạc; sâu cuốn lá/ lúa; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu xanh ăn lá/ dưa chuột; dòi	Map Pacific PTE Ltd

	đục lá/ cà chua; sâu tơ/ bắp cải	
Abatox 1.8EC, 3.6EC	1.8EC: bọ xít, bọ trĩ, rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; rệp muội/ đậu tương; rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; rầy bông, sâu ăn bông/ xoài; nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè 3.6EC: bọ xít, bọ trĩ, rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; rệp muội/ đậu tương; rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; rầy bông, sâu ăn bông/ xoài; nhện đỏ, rầy xanh/ chè	Công ty TNHH Hóa Nông Á Châu Hà Nội
Abavec super 5.5EC, 7.5EC	5.5EC: rầy nâu, bọ trĩ, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; rầy bông/ xoài 7.5EC: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
Abekal 3.6EC, 5.0EC	3.6EC: sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa 5.0EC: sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH vật tư nông nghiệp Phương Đông
Abvertin 3.6EC	sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu khoang/ lạc; sâu vẽ bùa/ cam	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
Aceny 1.8 EC, 3.6EC, 4.2EC, 5.5EC	1.8EC: bọ trĩ, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; nhện đỏ/ cam; bọ trĩ/ dưa hấu 3.6EC: sâu cuốn lá, nhện gié, rầy nâu/ lúa; nhện đỏ, sâu vẽ bùa, rầy chổng cánh/ cam 4.2EC, 5.5EC: sâu cuốn lá, nhện gié, rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yên
Acimetin 1.8 EC, 3.6EC, 5EC, 5.6EC, 6.5EC, 8EC; 100WG	1.8EC: sâu cuốn lá/ lúa, sâu tơ/ bắp cải, bọ trĩ/ dưa hấu 3.6EC: bọ trĩ, nhện gié/ lúa, rệp muội/ cam, rầy bông/ xoài 5EC: rầy nâu/ lúa, bọ xít muỗi/ chè 5.6EC, 8EC: nhện gié, sâu cuốn lá/ lúa; nhện lông nhung/nhãn 6.5EC: nhện đỏ/ vải 100WG: nhện gié, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
Agbamex 1.8 EC, 3.6EC, 5EC, 6.5EC	1.8EC: sâu cuốn lá/ lúa, sâu tơ/ bắp cải, bọ trĩ/ chè 3.6EC, 5EC: sâu tơ, sâu xanh/ rau họ thập tự; sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát

	6.5EC: sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa	
Agromectin 1.8 EC, 5.0WG, 6.0EC	1.8EC: nhện gié/ lúa, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải, sâu tơ/ súp lơ, bọ nhậy/ cải thảo, sâu xanh/ cải xanh, bọ trĩ/ nho, nhện đỏ/ cam, sâu xanh da láng/ hành 5.0WG, 6.0EC: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Nam Bắc
Agrovertin 50EC	Sâu tơ/ bắp cải, sâu cuốn lá/ lúa, sâu vẽ bùa/ cam; bọ trĩ/ dưa hấu; nhện đỏ/cà chua	Công ty TNHH Việt Hoá Nông
Akka 1.8EC, 3.6EC, 5.5EC, 22.2WP	1.8EC, 3.6EC: sâu xanh/ cà chua; nhện gié, sâu cuốn lá nhỏ/ lúa; sâu tơ/ cải bắp; bọ trĩ/ dưa hấu 5.5EC: sâu tơ/ bắp cải; sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu xanh/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu 22.2WP: sâu tơ/ bắp cải; rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu xanh/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu	Eastchem Co., Ltd.
Alfatin 1.8 EC, 6.5 EC	1.8EC: sâu tơ/ bắp cải, sâu cuốn lá/lúa 6.5EC: sâu đục quả/ đậu tương, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
Alibaba 1.8EC, 3.6EC, 4.5EC, 6.0EC	1.8EC, 6.0EC: sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu khoang/ lạc 3.6EC: sâu cuốn lá, bọ trĩ, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu khoang/ lạc 4.5EC: bọ trĩ, sâu cuốn lá, rầy nâu, nhện gié/lúa	Công ty TNHH TM Thái Nông
Amazin's 3.6EC, 5.5EC	3.6EC: Sâu tơ/bắp cải; bọ trĩ, sâu cuốn lá/ lúa 5.5EC: rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải, nhện đỏ/chè	Công ty CP Vật tư KTNN Cần Thơ
Amectinaic 18EC, 36EC, 45EC	rầy nâu, nhện gié, bọ trĩ, sâu đục bẹ, sâu cuốn lá/ lúa; sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải, nhện lông nhung/nhân	Công ty CP Hoá chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
AMETINannong 1.8EC, 3.6EC, 5.5EC, 5.55EC, 10WP, 18WP	1.8EC, 3.6EC: sâu tơ/ bắp cải; sâu cuốn lá nhỏ, nhện gié, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/ lúa; sâu xanh/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu 5.5EC: nhện gié, sâu cuốn lá/ lúa; sâu tơ/ cải bắp; sâu xanh/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu 5.55EC, 10WP, 18WP: rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao, sâu phao đục bẹ, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/ cà chua, đậu tương; bọ trĩ/ dưa hấu.	Công ty TNHH An Nông

Anb40 Super 1.8EC, 3.6 EC, 6.0EC, 18WP, 22.2WP	1.8EC, 3.6EC: sâu cuốn lá, nhện gié, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu 6.0EC, 18WP, 22.2WP: sâu cuốn lá, nhện gié, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao, sâu phao sâu đục bẹ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu xanh, sâu xanh da láng/ đậu tương; nhện đỏ/ chè	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
Andomec 1.8 EC, 3.6EC, 5EC, 5WP	1.8EC: sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu xanh/ rau cải xanh; bọ trĩ/ dưa hấu; nhện đỏ/ cam; sâu đục ngọn/ điều 3.6EC: sâu tơ/ bắp cải, sâu cuốn lá/ lúa 5EC: sâu đục bẹ/ lúa, sâu tơ/ bắp cải, rầy bông/ xoài ; nhện lông nhung/nhân 5WP: sâu cuốn lá/ lúa, sâu xanh da láng/ rau cải, rệp sáp/ cà phê	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
Ankamec 1.8EC, 3.6EC, 4EC; 4.5EC	1.8EC: nhện gié/lúa 3.6EC, 4EC, 4.5EC: sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Agricare Việt Nam
Aremec 18EC, 36EC, 45EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, bọ trĩ, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh bướm trắng, bọ nhảy, rệp/ cải xanh; sâu đục quả/ đậu đũa; sâu xanh, dòi đục lá/ cà chua; dòi đục lá/ đậu tương; bọ trĩ, nhện đỏ/ dưa hấu; sâu xanh da láng, sâu khoang/ lạc; sâu cuốn lá/ đậu xanh; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; nhện đỏ, rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa/ cam; bọ xít, nhện đỏ, sâu đục cuống quả/ vải; rệp, sâu khoang/ thuốc lá; rầy bông, sâu ăn bông/ xoài; sâu xanh da láng, bọ trĩ/ nho; sâu róm/ thông; sâu xanh da láng, sâu hồng/ bông vải; bọ trĩ/ điều	Cali – Parimex Inc.
Azimex 20 EC, 40EC	20EC, 40EC: sâu cuốn lá nhỏ, nhện gié, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/ lúa; sâu tơ/ rau cải, bắp cải; ruồi/ lá cải bó xôi; sâu xanh da láng/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu vẽ bùa/ cam; nhện đỏ, bọ trĩ/ nho; nhện đỏ/ nhãn; bọ xít muỗi/ điều, chè; rệp sáp, nhện đỏ/ cà phê 40EC: sâu khoang, sâu xanh/ lạc	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.

B40 Super 2.0 EC, 3.6 EC, 5.5EC	2.0EC, 3.6EC: sâu cuốn lá, nhện gié, bọ trĩ, sâu phao/ lúa; sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; bọ trĩ, nhện đỏ/ dưa hấu; sâu xanh/ đậu xanh; nhện đỏ/ cam 5.5EC: sâu cuốn lá, nhện gié, bọ trĩ, sâu đục bẹ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; sâu xanh/ đậu xanh; bọ trĩ, nhện đỏ/ dưa hấu	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
Bamectin 1.8 EC, 5.55EC, 22.2WG	1.8EC: sâu đục thân, cuốn lá/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh bướm trắng/ súp lơ; sâu xanh/ cải xanh; sâu xanh, ruồi hại lá/ cà chua; sâu vẽ bùa/ cam, quýt; sâu ăn lá/ chôm chôm, sầu riêng 5.55EC, 22.2WG: sâu tơ, sâu xanh bướm trắng, bọ nhầy/ bắp cải; sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa; sâu vẽ bùa/cam; sâu ăn lá/ chôm chôm, sầu riêng	Công ty TNHH TM - SX Phước Hưng
Binhtox 1.8 EC, 3.8EC	1.8EC: sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh bướm trắng/ rau cải; dòi đục lá/ cà chua; sâu vẽ bùa/ cam; sâu xanh/ lạc, thuốc lá, bông vải 3.8EC: nhện đỏ/ cam; sâu đục quả/ đậu tương; bọ trĩ/ dưa hấu; rầy/ bông xoài; sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa	Bailing Agrochemical Co., Ltd
Brightin 1.8EC, 4.0EC	1.8EC: sâu tơ/ bắp cải, sâu vẽ bùa/ cây có múi, nhện lông nhung/nhãn 4.0EC: sâu khoang/ lạc; sâu cuốn lá, bọ trĩ, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; sâu xanh da láng, sâu đục quả/ đậu tương; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; bọ trĩ/ dưa hấu	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
Bm Abamatex 1.8EC	sâu cuốn lá/ lúa	Behn Meyer Agcare LLP
Bnongduyen 2.0 EC, 4.0EC, 75EC, 100EC	2.0 EC, 4.0EC: sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; nhện đỏ/ cam; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu tơ/ bắp cải 75EC: nhện gié/ lúa 100EC: rệp sáp/ cà phê	Công ty CP SAM
Boama 2.0EC	sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa	Công ty TNHH MTV Trí Văn Nông
BP Dy Gan 1.8EC, 3.6EC, 5.4EC	1.8EC: sâu cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng, sâu khoang/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty TNHH TM Bình Phương

	3.6EC: sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu xanh/ lạc; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng, sâu khoang/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài 5.4EC: sâu cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu xanh/ lạc; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng, sâu khoang/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	
Carbamec 50EC, 50WP, 75EC, 100EC, 100WP, 150WP	Bọ trĩ, sâu đục bẹ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
Car pro 1.8EC, 3.6EC, 5.4 EC	1.8EC: sâu xanh da láng/ đậu tương; nhện gié/ lúa; bọ trĩ/ dưa hấu 3.6 EC: sâu cuốn lá/ lúa; sâu xanh/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua 5.4EC: sâu cuốn lá/ lúa; sâu đục quả/ đậu tương; nhện đỏ/ cam	Công ty CP Bốn Đúng
Catcher 2 EC	nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; sâu tơ/ bắp cải; sâu cuốn lá, nhện gié, sâu đục bẹ/ lúa; bọ trĩ/ dưa hấu; dòi đục lá/ rau bó xôi	Sinon Corporation, Taiwan
Catex 1.8 EC, 3.6 EC, 100WG	1.8 EC, 3.6 EC: sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ cải xanh; sâu xanh da láng/ hành; bọ cánh tơ, nhện đỏ/ chè; nhện lông nhung/ vải; sâu xanh/ đậu xanh; sâu cuốn lá nhỏ, nhện gié, sâu đục bẹ, bọ trĩ/ lúa; sâu vẽ bùa, bọ trĩ, nhện đỏ/ cam, quýt; bọ trĩ/ dưa chuột; sâu đục quả/ xoài 100WG: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Nicotex
Chitin 2EC, 3.6EC	2EC: sâu cuốn lá/ lúa 3.6EC: nhện đỏ/ chè, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Hóa chất Đại Nam Á
Đầu trâu Merci 1.8EC	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Bình Điền MeKong
Daphamec 3.6EC, 5.0EC	3.6EC: Sâu xanh/cải xanh, bọ trĩ/dưa hấu 5.0EC: Rầy bông/xoài; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Kinh doanh hóa chất Việt Bình Phát
Dibamec 1.8 EC, 3.6EC, 5 WG	sâu đục cành/ điều; rệp sáp/ cà phê; sâu khoang, sâu xanh/ thuốc lá; nhện đỏ, rầy xanh/ chè; rầy bông / xoài; sâu vẽ bùa, nhện đỏ, rầy chổng	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA

	cánh/ cam; bọ xít/ vải, nhãn; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu tơ, sâu xanh, sâu xám/ bắp cải; sâu xanh, sâu xanh da láng/ cải xanh; dòi đục lá, sâu vẽ bùa/ cà chua; bọ xít, bọ trĩ, nhện gié, sâu keo, sâu cuốn lá/ lúa; rệp, rệp muội, sâu khoang/ đậu tương	
DT Aba 50EC, 60.5EC	50EC: Sâu cuốn lá/lúa 60.5EC: Bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
Fanty 2 EC, 3.6 EC, 4.2EC, 5.0EC, 5.6EC, 6.2EC	2EC: sâu cuốn lá, bọ trĩ, nhện gié, sâu đục bẹ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; rầy chổng cánh, nhện đỏ/ cam 3.6EC: sâu cuốn lá, bọ trĩ, nhện gié, sâu đục bẹ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu 4.2EC: sâu cuốn lá, rầy nâu, sâu đục bẹ, nhện gié, bọ trĩ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; rầy xanh, bọ cánh tơ, nhện đỏ/ chè 5.0EC: sâu cuốn lá, bọ trĩ, sâu đục thân, nhện gié, sâu đục bẹ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; nhện đỏ, rầy chổng cánh/ cam 5.6EC, 6.2EC: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
Haihamec 1.8EC, 3.6 EC	bọ trĩ, sâu đục bẹ, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu; nhện đỏ/ cam; rệp sáp/ hồ tiêu; bọ trĩ/ điều	Công ty TNHH SX TM Hải Hàng
Hifi 1.8 EC, 3.6EC, 5.4EC	1.8EC: sâu tơ/ bắp cải; sâu cuốn lá, nhện gié/lúa 3.6EC, 5.4EC: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH - TM ACP
Honest 1.8EC, 54EC	1.8EC: bọ trĩ/ dưa hấu, sâu tơ/ bắp cải, sâu cuốn lá/ lúa 54EC: sâu khoang/lạc; rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu tơ/bắp cải, bọ trĩ/dưa hấu; nhện lông nhung/nhãn	Công ty CP Hóc Môn
Invert 1.8EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam
Javitin 18EC, 36EC, 55EC, 65EC, 100WP	18EC: sâu cuốn lá, nhện gié, bọ xít, sâu phao/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; bọ trĩ/dưa hấu; rầy xanh, nhện đỏ/chè; dòi đục lá/cà chua; rệp sáp/ cà phê 36EC: sâu cuốn lá, nhện gié, bọ trĩ, sâu đục bẹ/	Công ty CP Nông dược Nhật Việt

	lúa; nhện lông nhung/ vải; sâu đục quả/ xoài; bọ cánh tơ, bọ xít muỗi/ chè 55EC: nhện gié/lúa 65EC: sâu cuốn lá/ lúa 100WP: sâu xanh da láng/ đậu tương; sâu khoang/ lạc; bọ trĩ, sâu cuốn lá/ lúa; sâu đục quả/ vải; rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè	
Jianontin 2 EC, 3.6EC	sâu tơ/ bắp cải; sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; nhện đỏ/ cam	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
Longphaba 1.8 EC, 3.6 EC, 5EC; 88SC	1.8EC, 3.6EC: sâu tơ/ bắp cải; sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa 5EC: rầy nâu/ lúa; nhện đỏ/ cam; bọ trĩ/ dưa hấu; rầy bông/ xoài 88SC: sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
Limectin 4.5EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM Thiên Nông
Mahal 3.6EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM SX GNC
Megamectin 20EC, 40EC, 56EC, 126WG	20EC: Sâu đục quả/ vải 40EC: Bọ cánh tơ/chè 56EC: Sâu cuốn lá/lúa 126WG: Sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
Melia 0.2EC, 3.6EC, 4.2EC, 4.5EC, 5WP, 5.5WP	0.2EC: sâu cuốn lá/ lúa; rầy xanh/ chè; sâu tơ, bọ nhậy/ bắp cải; sâu vẽ bùa/ bưởi 3.6EC, 4.2EC, 5WP: sâu cuốn lá/ lúa; rầy xanh/ chè; sâu tơ, bọ nhậy/ bắp cải 4.5EC, 5.5WP: sâu cuốn lá, rầy xanh/ lúa; rầy xanh, nhện đỏ/ chè; bọ nhậy, sâu tơ/ bắp cải	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
Miktin 3.6 EC	bọ xít muỗi, rầy xanh, bọ trĩ, nhện đỏ/ chè; nhện gié, rầy nâu, sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục bẹ/ lúa; bọ xít, sâu đục quả/ vải; sâu xanh da láng/ đậu tương; sâu xanh/ cà chua; sâu vẽ bùa, rầy chổng cánh/ cam; sâu tơ, rệp, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rầy bông/ xoài	Công ty CP TM BVTV Minh Khai
Nafat 3.6EC, 5.0EC	sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa	Công ty TNHH Kiên Nam
Nas 9.9EC, 36EC, 60EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Phong Phú

Newsodant 2EC, 4EC, 4.5EC, 5EC, 5.5EC, 6 EC, 8EC	2EC, 4EC, 4.5EC: sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải 5EC, 5.5EC, 6 EC, 8EC: sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, nhện gié, bọ trĩ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; nhện đỏ, bọ trĩ/ cam	Công ty TNHH TM SX Khánh Phong
Nimbus 1.8 EC, 6.0EC	1.8EC: sâu khoang/ lạc; sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; bọ trĩ, sâu cuốn lá nhỏ/ lúa; sâu đục quả/ đậu tương; rầy xanh, nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; sâu vẽ bùa, ruồi đục quả/ cam; sâu đục quả/ vải 6.0EC: bọ trĩ, sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục bẹ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; sâu khoang/ lạc; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; sâu đục quả/ vải; nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; bọ trĩ/ dưa hấu	Công ty TNHH Vật tư BVTV Phương Mai
Nockout 1.8 EC	sâu tơ/ bắp cải	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
Novimec 1.8EC, 3.6EC, 7.2EC	1.8EC: sâu cuốn lá, đục bẹ, rầy nâu, bọ trĩ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh da láng/ bắp cải; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông, bọ trĩ/ xoài; bọ cánh tơ, bọ xít muỗi/ chè 3.6EC: sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu; nhện đỏ/ cam 7.2EC: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Nông Việt
Nouvo 3.6EC	bọ cánh tơ/ chè, sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; bọ xít muỗi/điều	Công ty CP Nông dược HAI
NP Pheta 2.0EC, 2.2EC, 3.6EC, 4.2EC, 5.0EC, 6.0EC, 6.6EC	2.0EC, 2.2EC, 3.6EC, 4.2EC, 5.0EC: sâu cuốn lá, nhện gié, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu xanh/ lạc, thuốc lá; dòi đục lá/ cà chua; rầy bông/ xoài; nhện đỏ, vẽ bùa/ cam 6.0EC: Sâu cuốn lá/lúa 6.6EC: Sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa	Công ty CP Điền Thạnh
Obamausa 36EC, 50EC, 55EC, 65EC, 72EC	36EC, 55EC, 65EC: nhện gié, sâu cuốn lá/lúa 50EC, 72EC: sâu cuốn lá/lúa, nhện lông nhung/nhãn	Công ty CP Vật tư Liên Việt
Oxatin	1.8 EC: sâu cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ/	Công ty TNHH

1.8 EC, 3.6EC, 6.5EC	bấp cải 3.6 EC: sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; bọ cánh tơ/ chè 6.5EC: sâu cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu; bọ cánh tơ/ chè; nhện đỏ/ cam	Sơn Thành
Parma 3.6EC, 5.4EC, 7.5EC	3.6EC, 5.4EC: sâu cuốn lá, rầy nâu, nhện gié, bọ trĩ/ lúa 7.5EC: bọ trĩ, rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
Phesoltin 5.5EC	Sâu cuốn lá/lúa, nhện đỏ/cam, sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH World Vision (VN)
Phi ung 4.0 EC	sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa	Công ty TNHH Nông nghiệp Xanh
Phumai 1.8EC, 3.6EC, 5.4EC	sâu vẽ bùa/ cam; nhện đỏ/ chè; sâu khoang/ lạc; sâu cuốn lá nhỏ, bọ trĩ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; bọ cánh tơ/ chè; sâu đục quả/ vải	Công ty CP ĐTKTNN và PTNT Trung ương
Plutel 0.9 EC, 1.8 EC, 3.6EC, 5 EC	0.9EC: sâu tơ/ bắp cải; rầy xanh, bọ cánh tơ, nhện đỏ/ chè; sâu xanh, sâu khoang, rệp muội/ bắp cải; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam 1.8EC, 3.6 EC: sâu cuốn lá, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ, nhện gié/ lúa; bọ xít/ vải; rệp sáp/ cà phê; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; nhện đỏ/ cam; sâu tơ, sâu xanh, rệp muội, sâu khoang/ bắp cải; sâu khoang/ lạc; bọ xít muỗi/ điều; rệp muội/ na, nhãn; rầy/ xoài; sâu đo, sâu xanh/ hoa hồng; bọ trĩ/ dưa hấu, nho; sâu xanh/ cà chua 5EC: rầy xanh, nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; sâu tơ, sâu khoang, sâu xanh, rệp muội/ bắp cải; rệp sáp/ cà phê; sâu khoang/ lạc; bọ trĩ, sâu cuốn lá, nhện gié, sâu đục thân/ lúa; bọ xít muỗi/ điều; bọ xít/ vải thiều; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; rầy/ xoài; rệp muội/ nhãn; bọ trĩ/ dưa hấu, dưa chuột, nho; sâu xanh/ cà chua	Guizhou CVC INC. (Tổng Công ty Thương mại Zhongyue Quý Châu Trung Quốc)
Queson 0.9 EC, 1.8 EC, 3.6EC, 5.0EC	sâu tơ, sâu xanh/ cải xanh; rệp sáp/ cà phê; rệp sáp, rầy chổng cánh, nhện đỏ/ vải, nhãn, cam, xoài; bọ trĩ, nhện đỏ/ chè; bọ trĩ, sâu cuốn lá, sâu	Công ty TNHH TM & SX Gia Phúc

	đục bẹ, nhện gié/ lúa; bọ trĩ/ dừa hấu	
Reasant 1.8EC, 2WG, 3.6EC, 5EC, 5WG	1.8EC, 3.6EC: sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang/ bắp cải; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; sâu đục thân, sâu cuốn lá, nhện gié, sâu đục bẹ/ lúa; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; bọ xít, sâu đo, rệp muội/ vải, nhãn, na, hồng; rệp muội, nhện, sâu ăn lá/ điều; nhện đỏ, sâu xanh/ hoa hồng; rệp sáp/ cà phê; sâu xanh/ cà chua; bọ trĩ/ dừa hấu, nho; rầy/ xoài; sâu khoang lạc; nhện đỏ/ sắn dây; sâu ăn lá, rầy, rệp muội/ hồ tiêu; sâu róm/ thông 2WG, 5WG: sâu xanh, sâu khoang, sâu tơ/ bắp cải; nhện đỏ/ cam; bọ xít/ vải, nhãn; bọ cánh tơ/ chè; bọ xít muỗi/ điều; sâu đục thân, nhện gié, sâu cuốn lá/ lúa; sâu róm/thông; bọ trĩ/ dừa chuột 5EC: rệp sáp/ cà phê; sâu khoang/ lạc; bọ trĩ, sâu cuốn lá, nhện gié, sâu đục thân/ lúa; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu xanh, sâu tơ, rệp muội, sâu khoang/ bắp cải; bọ xít muỗi, sâu ăn lá/ điều; bọ xít/ vải thiều; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; rầy/ xoài; rệp muội/ nhãn; bọ trĩ/ dừa hấu, nho; sâu xanh/ cà chua; nhện đỏ/ sắn dây; sâu róm/ thông	Công ty TNHH Việt Thắng
Redsuper 4.5ME, 5WG, 20WG, 30EC, 39EC, 60EC	4.5ME: Bọ trĩ/ lúa 5WG, 20WG: Sâu cuốn lá/ lúa 30EC, 39EC: Sâu đục bẹ/ lúa 60EC: Sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH Pháp Thủy Sĩ
Sauaba 3.6EC	sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; bọ nhảy/bắp cải, bọ xít muỗi/chè	Công ty TNHH TM Thái Phong
Sau tiu 1.8EC, 3.6EC	sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục bẹ, nhện gié, bọ trĩ / lúa; sâu tơ, sâu xanh da láng/ bắp cải; dừa hấu/ bọ trĩ	Công ty CP TST Cần Thơ
Shertin 1.8EC, 3.6EC, 5.0EC	1.8EC: sâu tơ/ bắp cải 3.6EC, 5.0EC: sâu cuốn lá, bọ trĩ, nhện gié, sâu phao đục bẹ, rầy nâu, rầy lưng trắng/ lúa; sâu tơ, sâu xanh, sâu xám bọ nhảy, sâu khoang / bắp cải; bọ trĩ/ nho, dừa hấu; rầy xanh, bọ cánh tơ, nhện đỏ/ chè; nhện đỏ, rệp muội/ cam, vải; nhện lông	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA

	nhung/ vải	
Sieusher 1.8 EC, 3.6 EC, 4.4EC, 6.0 EC, 75EC	1.8EC, 3.6EC: bọ trĩ, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; nhện đỏ/ cam; sâu tơ/ bắp cải 4.4EC, 6.0EC, 75EC: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
Silsau 1.8EC, 3.6EC, 4 EC, 4.3EC, 4.5EC, 4.7EC, 5EC, 5.3EC, 5.5EC, 6EC, 6.5EC, 8EC, 10WP	1.8EC, 3.6EC: sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục bẹ, nhện gié, bọ trĩ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh da láng/ bắp cải; sâu xanh da láng/ lạc, đậu tương, đậu xanh; bọ trĩ/ dưa hấu, dưa chuột; sâu vẽ bùa, nhện đỏ, bọ trĩ/ cà chua, ớt, cam 4EC, 4.5EC, 5EC, 5.5EC, 6EC, 8EC: sâu cuốn lá nhỏ, bọ trĩ, nhện gié, sâu đục bẹ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu xanh da láng/ lạc 4.3EC, 4.7EC, 5.3EC: sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải 6.5EC: Nhện gié, bọ trĩ, sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh da láng/ bắp cải; nhện đỏ/ cam; sâu xanh da láng/ lạc 10WP: nhện đỏ, bọ cánh tơ, rầy xanh/ chè; sâu đục thân, sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục bẹ, nhện gié, bọ trĩ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh da láng/ bắp cải; sâu xanh da láng/ lạc, đậu tương, đậu xanh; bọ trĩ/ dưa hấu, dưa chuột; sâu vẽ bùa, nhện đỏ, bọ trĩ/ cà chua, ớt, cam	Công ty TNHH ADC
Sittomectin 3.6EC, 5.0EC	sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa; dòi đục lá/ cà chua; sâu xanh/ bắp cải; sâu tơ/ cải xanh; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty TNHH Sitto Việt Nam
Tập Kỳ 1.8 EC, 3.6EC	1.8EC: Sâu tơ/ bắp cải 3.6EC: Sâu cuốn lá/ lúa	Viện Di truyền Nông nghiệp
Tigibamec 6.0EC	sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
Tiger five 5EC, 6.5EC	5EC: sâu cuốn lá/ lúa 6.5EC: sâu xanh da láng/ hành, nhện đỏ/ cam	Công ty TNHH P-H
Tikabamec 1.8EC, 3.6EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu khoang/ bắp cải; sâu xanh bướm trắng, rệp, bọ nhảy/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè;	Công ty CP XNK Thọ Khang

	sâu vẽ bùa, nhện đỏ, rầy chổng cánh/ cam; rầy bông/ xoài	
Tineromec 1.8EC, 3.6EC, 4.2EC, 70WG	1.8EC: sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng, rệp/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu; rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè; sâu khoang/ đậu tương; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; rầy bông/ xoài; bọ trĩ/ điều 3.6EC: sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, rệp/ bắp cải; rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; rầy bông/ xoài; bọ trĩ/ điều 4.2EC: bọ trĩ/ lúa, rầy bông/ xoài 70WG: Sâu tơ/bắp cải	Công ty CP Vật tư NN Hoàng Nông
Tungatin 1.8 EC, 3.6 EC, 10EC	1.8EC: bọ trĩ, nhện gié, sâu đục bẹ, sâu phao, bọ xít dài, sâu cuốn lá nhỏ/ lúa; sâu xanh, dòi đục lá/ cà chua; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu xanh da láng, sâu đục quả/ đậu xanh; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa, ruồi đục quả/ cam 3.6EC: sâu cuốn lá nhỏ, bọ xít hôi, bọ trĩ, nhện gié, sâu đục bẹ, sâu phao, sâu đục thân/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/ cải xanh; sâu xanh, dòi đục lá cà chua; nhện đỏ/ dưa chuột; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu xanh da láng đậu xanh; sâu đục quả đậu tương; sâu vẽ bùa/ cây có múi; rầy bông xoài; rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè; rệp sáp, mọt đục cành/ cà phê; rệp sáp/ hồ tiêu; bọ trĩ, sâu đục thân điều 10EC: sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, nhện gié, sâu đục bẹ/ lúa; sâu khoang/ khoai lang; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh bướm trắng/ cải xanh; sâu xanh, sâu xanh da láng/ cà chua, đậu xanh; bọ trĩ, bọ xít, nhện đỏ/ dưa hấu; dòi đục lá, sâu đục quả/ đậu tương; sâu xanh da láng, bọ trĩ/ nho; bọ xít, sâu cuốn lá/ vải; rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa/ cam; sâu đục bông, rầy bông/ xoài; sâu xanh da láng, sâu hồng/ bông vải; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; rệp sáp/ cà phê, hồ tiêu; bọ xít	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng

				muối/ điều	
			Tervigo 020SC	tuyến trùng/khoai tây, hồ tiêu, thanh long, cà phê	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
			Vibamec 1.8 EC, 3.6EC, 5.55EC	1.8EC: dòi đục lá/ cà chua; sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; bọ trĩ / dưa hấu; sâu xanh/ đậu tương; sâu tơ/ bắp cải; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam 3.6EC: sâu cuốn lá/ lúa; bọ trĩ/ dưa hấu 5.55EC: bọ trĩ/ dưa hấu, nho; nhện đỏ, bọ trĩ, rầy xanh/ chè; sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa, Nhện đỏ/cam; rầy nâu, nhện gié, sâu năn/lúa; sâu xanh/ cải xanh	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
			Voi thai 2EC, 2.6EC, 3.6EC, 4 EC, 4.7EC, 5.5 EC, 5.8EC, 6.2EC, 25WP	2EC, 3.6EC, 4EC, 5.5EC: sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa 2.6EC, 4.7EC, 25WP: sâu cuốn lá, nhện gié, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; sâu xanh/ lạc, thuốc lá; dòi đục lá/ cà chua; rầy bông/ xoài; bọ trĩ/ dưa hấu 5.8EC: nhện đỏ/ cam; dòi đục lá/ cà chua; sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa 6.2EC: sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; sâu xanh bướm trắng/ bắp cải	Công ty TNHH - TM Nông Phát
			Voiduc 42EC, 58EC	nhện gié, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Việt Đức
			Waba 1.8 EC, 3.6EC, 5.55EC, 10 WP, 18WP	1.8EC, 3.6EC: sâu tơ/ bắp cải; sâu cuốn lá, nhện gié, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/ lúa; sâu xanh/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu 5.55EC, 10WP, 18WP: rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao, sâu phao đục bẹ, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/ cà chua, đậu tương; bọ trĩ/ dưa hấu	Công ty TNHH US.Chemical
			Yomikendo 20WG, 38EC, 5.5ME	20WG, 5.5ME: Sâu cuốn lá/ lúa 38EC: Sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
2	3808	Abamectin 10g/l + Acetamiprid 30g/l	Acelant 4EC	rệp, bọ trĩ/ bông; rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
3	3808	Abamectin 20g/l + Acetamiprid 230g/l	Newtoc 250EC	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA

			Safari 250EC	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM-SX GNC
4	3808	Abamectin 17.5g/l (35g/l), (48.5g/l), (7g/l), (25g/l), (36g/l) + Alpha-cypermethrin 0.5g/l (1g/l), (1.5g/l), (43g/l), (50g/l) (54g/l)	Shepatin 18EC, 36EC, 50EC, 50EC, 75EC, 90EC	18EC, 36EC: sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, bọ trĩ, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; dòi đục lá/ đậu tương; sâu khoang, sâu xanh da láng/ lạc; sâu cuốn lá/ đậu xanh; sâu khoang, rệp/ thuốc lá; sâu róm/ thông; sâu xanh da láng, sâu hồng/ bông vải; bọ trĩ/ điều 50EC (48.5 g/l + 1.5g/l): sâu đục thân, rầy nâu, bọ trĩ, sâu cuốn lá/ lúa; sâu xanh/ đậu xanh 50EC (7g/l + 43g/l): bọ trĩ, bọ xít, sâu cuốn lá, 75EC, 90EC: sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ/ lúa 90EC: sâu xanh/ đậu xanh	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
5	3808	Abamectin 9g/l (18 g/l) + Alpha-cypermethrin 16g/l (32g/l)	Siutox 25EC, 50EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
6	3808	Abamectin 18g/l (36g/l) + Alpha-cypermethrin 100g/l (100g/l)	B thai 118 EC, 136EC	118EC: sâu cuốn lá/ lúa 136EC: nhện gié, sâu đục bẹ/ lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
7	3808	Abamectin 25g/l + Alpha-cypermethrin 50g/l + Chlorpyrifos Ethyl 475g/l	Fultoc super 550EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức
			Sacophos 550EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
8	3808	Abamectin 0.5% + Azadirachtin 0.3%	Azaba 0.8EC	sâu tơ/ bắp cải; sâu đục quả/ đậu trạch, vải; nhện đỏ, sâu ăn lá, sâu vẽ bùa/cam; sâu xanh/ thuốc lá; nhện đỏ, rầy xanh/ chè; sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Nông Sinh
9	3808	Abamectin 35g/l (54g/l) + Azadirachtin 1g/l (1g/l)	Agassi 36EC, 55EC	36EC: sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; nhện đỏ, rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè; sâu tơ/ cải xanh; bọ xít, sâu đục quả/ vải; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; bọ trĩ/ dưa chuột; sâu đục quả/ đậu đũa 55EC: bọ trĩ, sâu đục bẹ/ lúa; rầy xanh, bọ cánh tơ, bọ xít muỗi/ chè; sâu xanh da láng/ lạc; sâu tơ/ bắp cải; nhện lông nhung, sâu đục gân lá/ vải; sâu đục quả/ xoài; bọ trĩ/ nho; nhện đỏ/ dưa hấu	Công ty TNHH Hoá chất và TM Trần Vũ
10	3808	Abamectin 3.5g/l (7g/l),	Fimex	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu	Công ty CP Vật tư BVTV

		(10g/l) + Azadirachtin 11.5g/l (18g/l), (26g/l)	15EC, 25EC, 36EC	tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; bọ trĩ, sâu xanh/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài; sâu khoang/ đậu tương	Hà Nội
11	3808	Abamectin 35.8g/l (41.8g/l), (49.8g/l), (59.9g/l), (69g/kg), (99.9g/kg) + Azadirachtin 0.2g/l (0.2g/l, (0.2g/l), (0.1g/l), (1g/kg), (0.1g/kg)	Goldmectin 36EC, 42EC, 50EC, 60SC, 70SG, 100SG	36EC, 42EC, 50EC: sâu cuốn lá, bọ trĩ, sâu đục bẹ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; nhện đỏ/ dưa hấu; dòi đục lá/ đậu tương; rệp/ ngô; sâu khoang/ thuốc lá; sâu vẽ bùa/ cam; bọ cánh tơ/ chè; bọ trĩ/ điều; rệp sáp/ hồ tiêu 60SC, 70SG, 100SG: sâu tơ/ bắp cải	Công ty CP Vật tư NN Hoàng Nông
12	3808	Abamectin 3.5g/l (36g/l) + Azadirachtin 0.1g/l (1g/l)	Mectinsuper 3.6EC, 37EC	sâu tơ, bọ nhảy/ bắp cải; sâu vẽ bùa/ bưởi; rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
13	3808	Abamectin 37 g/l + Azadirachtin 3 g/l	Vinup 40 EC	sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng /súp lơ; sâu xanh/cà chua; bọ cánh tơ, rầy xanh/ chè; rệp đào/ thuốc lá; nhện đỏ/ cam; sâu xanh da láng/ đậu tương	Công ty TNHH US.Chemical
14	3808	Abamectin 6 g/l + Azadirachtin 1g/l + Emamectin benzoate 5g/l	Elincol 12ME	sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; rầy xanh, bọ cánh tơ, nhện đỏ/ chè; nhện đỏ/ cam; sâu tơ/ bắp cải	Công ty CP ENASA Việt Nam
15	3808	Abamectin 0.1% (1.7%), (3.5%) + <i>Bacillus thuringiensis</i> var.kurstaki 1.9% (0.1%), (0.1%)	Kuraba WP, 1.8EC, 3.6EC	WP: sâu tơ, sâu xanh, sâu đo, dòi đục lá/ rau họ hoa thập tự; sâu khoang, sâu xanh/ lạc; sâu đo, sâu đục quả/ đậu tương; sâu xanh, dòi đục lá/ cà chua; bọ trĩ/ dưa chuột; sâu đục thân/ ngô; sâu đục gân lá, sâu đục quả/ vải; nhện đỏ/ chè; nhện đỏ, sâu vẽ bùa, sâu ăn lá/ cây có múi; sâu xanh/ bông vải; sâu róm thông 1.8EC, 3.6EC: sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; nhện lông nhung/ vải; bọ cánh tơ, nhện đỏ, rầy xanh/ chè; sâu khoang, sâu xanh, sâu đục quả/ đậu tương, lạc; nhện gié, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Sản phẩm Công Nghệ Cao

16	3808	Abamectin 0.9 % + <i>Bacillus thuringiensis</i> var.kurstaki 1.1 %	ABT 2 WP	sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu đục cuống, sâu đục quả, sâu đục gân lá/ vải; nhện đỏ/ chè; bọ trĩ/ thuốc lá; sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Nông Sinh
17	3808	Abamectin 1g/kg + <i>Bacillus thuringiensis</i> var.kurstaki 19 g/kg	Akido 20WP	sâu tơ, bọ nhảy/ bắp cải, sâu vẽ bùa/ bưởi, rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH MTV BVT Omega
18	3808	Abamectin 2g/kg (35.5g/l), (53g/l)+ <i>Bacillus thuringiensis</i> var. kurstaki 18g/kg (0.5g/l), (1g/l)	Atimecusa 20WP, 36EC, 54EC	sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; rệp/ ngô; sâu tơ/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; sâu khoang/ đậu tương; bọ trĩ/ dưa hấu; nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty CP Vật tư NN Hoàng Nông
19	3808	Abamectin 1.8g/kg + <i>Bacillus thuringiensis</i> 20g/kg (10 ¹⁰ bt/g)	Tridan 21.8WP	sâu vẽ bùa/ cam; bọ cánh tơ, rầy xanh/ chè; nhện lông nhung/ vải; sâu xanh da láng/ đậu tương; rệp sáp/ cà phê; ruồi đục quả/ xoài; sâu tơ/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, bọ xít/ lúa	Công ty TNHH TM DV XNK Thuận Thành
20	3808	Abamectin 0.2 % (30g/l) + Beta- cypermethrin 0.8% (15g/l)	Smash 1EC, 45EC	1EC: sâu khoang/ đậu tương, sâu cuốn lá/ lúa 45EC: Sâu cuốn lá, rầy nâu, sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH VT BVT Phương Mai
21	3808	Abamectin 17.5g/l (35g/l), (48.5g/l) (25g/l), (36g/l) + Chlorfluazuron 0.5g/l (1g/l), (1.5g/l), (50g/l), (54g/l)	Confitin 18 EC, 36EC, 50EC, 75EC, 90EC	18EC, 36EC: sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, bọ trĩ, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh bướm trắng, bọ nhảy, rệp/ cải xanh; sâu đục quả/ đậu đũa; sâu xanh, dòi đục lá/ cà chua; bọ trĩ, nhện đỏ/ dưa hấu; dòi đục lá/ đậu tương; sâu khoang, sâu xanh da láng/ lạc; sâu cuốn lá/ đậu xanh; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; nhện đỏ, rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa/ cam; bọ xít, nhện đỏ, sâu đục cuống quả/ vải; sâu khoang, rệp/ thuốc lá; rầy bông, sâu ăn bông/ xoài; sâu xanh da láng, bọ trĩ/ nho; sâu róm/ thông; sâu xanh da láng, sâu hồng/ bông; bọ trĩ/ điều 50EC, 75EC, 90EC: Sâu xanh/ đậu xanh; bọ cánh tơ, bọ xít muỗi, rầy xanh/ chè; sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; bọ trĩ, sâu xanh da láng/ nho	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức
22	3808	Abamectin 18 g/l +	Voliam targo	Sâu tơ/bắp cải; nhện lông nhung/nhãn; sâu cuốn	Công ty TNHH Syngenta

		Chlorantraniliprole 45g/l	063SC	lá, nhện gié, sâu đục thân/lúa; nhện đỏ, bọ xít muỗi/chè	Việt Nam
23	3808	Abamectin 1.5% + Chlorpyrifos Ethyl 48.5%	Acek 50EC	sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
24	3808	Abamectin 40 g/l + Chlorpyrifos Ethyl 150g/l	Cây búa vàng 190EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
25	3808	Abamectin 9 g/l + Chlorpyrifos Ethyl 241g/l	Monifos 250EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
26	3808	Abamectin 10 g/l + Chlorpyrifos Ethyl 545g/l	Paragon 555EC	Sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa	Bailing Agrochemical Co., Ltd
27	3808	Abamectin 0.9% + Chlorpyrifos Ethyl 24.1%	Phesoltinfos 25EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH World Vision (VN)
28	3808	Abamectin 2g/l + Chlorpyrifos Ethyl 148g/l	Vibafos 15 EC	sâu xanh da láng/ lạc, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
29	3808	Abamectin 20 g/l + Chlorpyrifos Ethyl 265g/l + Fenobucarb 265g/l	Furacarb 550EC	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
30	3808	Abamectin 25g/l (36g/l), (25g/l) + Chlorpyrifos Ethyl 505g/l (568g/l), (605g/l) + Lambda- cyhalothrin 25g/l (64g/l), (70g/l)	Cotoc 555EC, 668EC, 700EC	555EC: sâu cuốn lá/ lúa 668EC: rệp sáp/ cà phê 700EC: rầy nâu/ lúa	Công ty CP VT Nông nghiệp Hoàng Nông
31	3808	Abamectin 25g/l + Chlorpyrifos Ethyl 505g/l + Lambda- cyhalothrin	Rotoc 555EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình

32	3808	Abamectin 15g/l (25g/l), (25g/l) + Chlorpyrifos Ethyl 300g/l (505g/l), (610g/l) + Lambda-cyhalothrin 18g/l (25g/l), (65g/l)	Sixtoc 333EC, 555EC, 700EC	333EC: Sâu cuốn lá/lúa 555EC: Sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa; rệp sáp giả/cà phê, sâu đục quả/đậu tương 700EC: Sâu phao đục bẹ, sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa ; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông
33	3808	Abamectin 18 g/l + Cypermethrin 132 g/l	Nongtac 150EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
34	3808	Abamectin 2g/l (60g/l) + (dầu khoáng và dầu hoa tiêu) 243g/l (3g/l)	Song Mã 24.5 EC, 63EC	24.5 EC: sâu tơ/ rau họ thập tự; rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè 63EC: Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Vật tư và Nông sản Song Mã
35	3808	Abamectin 15g/l (5g/l), (5g/l), (75g/l) (5g/l), (100g/kg), (100g/kg) + Deltamethrin 15g/l (105g/l), (140g/l), (100g/l), (165g/l), (150g/kg), (50g/kg) + Fipronil 45g/l (120g/l), (143g/l), (145g/l), (163g/l), (450g/kg), (600g/kg)	Thiocron 75EC, 230SC, 288SC, 320EC, 333SC, 700WG, 810WG	75EC, 320EC, 333SC, 810WG: sâu cuốn lá/ lúa 230SC, 288SC: nhện gié/ lúa 700WG: rầy nâu/lúa	Công ty CP VT Nông nghiệp Hoàng Nông
36	3808	Abamectin 36 g/l + Difenconazole 150g/l + Propiconazole 150g/l	Golcet 336EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
37	3808	Abamectin 8.45% + Emamectin benzoate 1.54%	Abavec gold 9.99EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
38	3808	Abamectin 18g/l, (64g/l), (7.2%), (25g/kg) + 10g/l, (1g/l), (4.0%), (50g/kg) Emamectin benzoate	Acprodi 28 EC, 65EC, 11.2WP; 75WG	28EC: sâu cuốn lá/ lúa, nhện lông nhung/nhăn 65EC: nhện đỏ/ vải 11.2WP: rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa 75WG: nhện gié, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
39	3808	Abamectin 30g/l (36g/l), (36g/kg) +	B52duc 40EC, 56EC, 56SG, 68WG, 80WG	40EC, 56EC, 80WG: nhện gié, sâu cuốn lá/ lúa 56SG: Sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Việt Đức

		Emamectin benzoate 10g/l (20g/l), (20g/kg)		68WG: Sâu cuốn lá/lúa; nhện gié/lúa	
40	3808	Abamectin 18g/l (37g/l), (49g/kg), (55g/l), (1g/kg), (10g/kg), (1g/kg) + Emamectin benzoate 3g/l (1g/l), (1g/kg), (1g/l), (60g/kg), (70g/kg), (125g/kg)	Divasusa 21EC, 38EC, 50WP, 56EC, 61WG, 80WG, 126WG	21EC: bọ trĩ/ lúa 21EC, 38EC, 50WP, 56EC: bọ nhảy, sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa; rầy xanh, bọ xít muỗi/ chè; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; sâu róm/ thông 61WG, 80WG, 126WG: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
41	3808	Abamectin 22g/l (40g/kg) + Emamectin benzoate 55g/l (80g/kg)	Dofama 77EC, 120WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
42	3808	Abamectin 30 g/l (45g/kg), (38g/kg), (45g/kg) + Emamectin benzoate 25g/l (41g/kg), (70g/kg), (90g/kg)	Footsure 55EC, 86WG, 108WG , 135WG	55EC: Sâu khoang/lạc 86WG, 108WG, 135WG: Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Minh Thành
43	3808	Abamectin 0.2g/l (0.5g/l), (15g/l), (30g/kg), (0.5g/kg), (27.5g/l), (35g/kg), (35g/l), (100g/kg), (100g/kg), (150g/kg), (70g/l) + Emamectin benzoate 10g/l (20g/l), (20g/l), (30g/kg), (50g/kg), 27.5g/l (35g/kg), (40g/l), (50g/kg), (82g/kg), (100g/kg), (30g/l)	Emalusa 10.2EC, 20.5EC, 35EC, 60SG, 50.5SG, 55EC, 70SG, 75EC, 150SG, 182SG, 250SG, 100EC	10.2EC, 20.5EC, 50.5SG: sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; rệp/ ngô; sâu tơ/ bắp cải; dòi đục lá/ đậu trạch; sâu khoang/ lạc; bọ trĩ/ dưa hấu; nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài 35EC: bọ trĩ/chè 55EC: rệp bông/ xoài 60SG: nhện đỏ/cam 70SG: sâu tơ/ bắp cải 75EC: bọ cánh tơ/chè 100EC: bọ trĩ/ lúa 150SG: sâu đục thân/lúa 182SG, 250SG: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Vật tư NN Hoàng Nông
44	3808	Abamectin 30g/l+ 20g/l Emamectin benzoate	Uni-duapack 5EC	Sâu cuốn lá/lúa, sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH World Vision (VN)
45	3808	Abamectin 18g/l (38g/l), (78g/kg),	Unimectin 20EC, 40EC,	20EC: bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH Hóa chất &

		(106g/kg) + Emamectin benzoate 2g/l (2g/l), (38g/kg), (20g/kg)	116WG, 126WG	40EC, 116WG, 126WG: sâu cuốn lá/ lúa	TM Trần Vũ
46	3808	Abamectin 20g/l (47g/l), (40g/l), (55g/l), (47g/l) + Emamectin benzoate 20g/l (10 g/l), (20g/l), (10g/l), (20g/l)	Voi tuyệt vời 40EC, 57EC, 60EC, 65EC, 67EC	40EC, 57EC, 65EC, 67EC: Rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa 60EC : Rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa, nhện lông nhung/nhân	Công ty TNHH TM Nông Phát
47	3808	Abamectin 35g/l (48.5g/l) + Emamectin benzoate 1g/l (1.5g/l)	Sieufatoc 36EC, 50EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu khoang/ đậu tương; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; bọ trĩ, sâu xanh/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, bọ xít muỗi/ chè; rầy bông/ xoài	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
48	3808	Abamectin 36g/l (42g/l), (54g/l) + Emamectin benzoate 0.2g/l(0.2g/l), (0.2g/l)	Sitto Password 36.2EC, 42.2EC, 54.2EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu xanh/ dưa hấu; rầy xanh/ chè; sâu khoang/ đậu tương; rầy bông/ xoài	Công ty CP Châu Á Thái Bình Dương (Asia Pacific)
49	3808	Abamectin 37 g/l (55g/l), (1g/kg), (10g/kg), (1g/kg) + Emamectin benzoate 1g/l (1g/l), (60g/kg), (70g/kg), (125g/kg)	Newmexone 38EC, 56EC, 61WG, 80WG, 126WG	38EC: Sâu phao/ lúa 56EC: Sâu đục thân/ lúa 61WG, 80WG, 126WG: Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Pháp Thụy Sĩ
50	3808	Abamectin 2% + 1% Emamectin benzoate	Hải cầu 3.0EC	sâu cuốn lá/ lúa; sâu xanh da láng/ đậu tương	Công ty TNHH Nông nghiệp Xanh
51	3808	Abamectin 3% + Emamectin benzoate 2%	Daiwantin 5EC	sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu xanh da láng/ đậu tương	Công ty CP Futai
52	3808	Abamectin 3% (60g/l) + Emamectin benzoate 2% (10g/l)	Jia-mixper 5EC, 70EC	5EC: sâu xanh da láng/ đậu tương, sâu cuốn lá/ lúa 70EC: sâu cuốn lá, nhện gié /lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
53	3808	Abamectin 33g/l (43g/l), (53g/l), (60g/l) + Emamectin benzoate 5g/l (5g/l), (5g/l), (5g/l)	S-H Thôn Trang 3.8EC, 4.8EC, 5.8EC, 6.5EC	3.8EC, 4.8EC, 5.8EC: sâu cuốn lá/ lúa 6.5EC: sâu đục bẹ/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
54	3808	Abamectin 18g/l (10g/l), (18g/l), (33g/l)	TC-Năm Sao 20EC, 15EC, 27.5EC,	20EC, 35EC: bọ cánh tơ/ chè, bọ trĩ/ dưa hấu, bọ xít/ vải, rệp muội/ nhãn, sâu tơ/ bắp cải, sâu	Công ty TNHH Việt Thắng

		+ Emamectin benzoate 2g/l, (5 g/l), (9.5g/l), (2g/l)	35EC	cuốn lá/ lúa 15EC, 27.5EC: Sâu tơ/ bắp cải, bọ trĩ/ dưa hấu, sâu cuốn lá/ lúa, bọ xít/ vải	
55	3808	Abamectin 20g/l + Emamectin benzoate 5g/l + Imidacloprid 120g/l	Vdcpenalduc 145EC	rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Việt Đức
56	3808	Abamectin 0.1g/kg, (5g/l), (2g/kg) + Fipronil 2.9g/kg, (50g/l), (798g/kg)	Michigane 3GR, 55SC, 800WG	3GR, 800WG: sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa 55SC: sâu khoang/ lạc	Cali – Parimex Inc.
57	3808	Abamectin 17.5g/l (35g/l) + Fipronil 0.5g/l (1g/l)	Scorpion 18 EC, 36EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, bọ trĩ, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; dòi đục lá/ đậu tương; sâu khoang, sâu xanh da láng/ lạc; sâu cuốn lá/ đậu xanh; sâu khoang, rệp/ thuốc lá; sâu róm/ thông; sâu xanh da láng, sâu hồng/ bông; bọ trĩ/ điều	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
58	3808	Abamectin 15 g/l + Fipronil 45 g/l + 15g/l Lambda-cyhalothrin	Calitoc 75EC	sâu cuốn lá/ lúa	Cali – Parimex. Inc.
59	3808	Abamectin 10g/l (10g/l), (10g/l), (10g/l), (1.8%) + Imidacloprid 98g/l (128g/l) (148g/l) (168g/l), (25%)	Talor 10.8EC, 13.8EC, 15.8EC, 17.8EC, 26.8WP	10.8EC: bọ trĩ, rầy nâu/ lúa 13.8EC, 15.8EC, 17.8EC, 26.8WP: rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
60	3808	Abamectin 10g/l + Imidacloprid 90g/l	Aba-plus 100EC	bọ trĩ, bọ xít hôi, sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; rệp muội/ đậu tương	Công ty TNHH Phú Nông
61	3808	Abamectin 15g/l (30g/l) + Imidacloprid 90g/l (90g/l)	Nosauray 105EC, 120EC	105EC: rầy nâu/ lúa 120EC: sâu đục bẹ/ lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
62	3808	Abamectin 15g/l + Imidacloprid 90g/l	Emicide 105EC	sâu đục bẹ, sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH – TM Tân Thành
63	3808	Abamectin 18.5g/l (37g/l), (63g/l), (90g/kg), (108g/kg) + Imidacloprid 1.5g/l (3g/l), (9g/l), (18g/kg), (27g/kg)	Vetsemex 20EC, 40EC, 72EC, 108WG, 135WG	20EC, 40EC: sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, bọ trĩ, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; dòi đục lá/ đậu tương; sâu khoang, sâu xanh da láng/ lạc; sâu cuốn lá/ đậu xanh; sâu khoang, rệp/ thuốc lá; sâu róm/ thông; sâu xanh da láng, sâu hồng/ bông vải; bọ trĩ/ điều	Công ty CP Nông dược Việt Nam

				72EC: Sâu cuốn lá/ lúa 108WG: Sâu khoang/ lạc, sâu cuốn lá/lúa 135WG: Sâu khoang/lạc	
64	3808	Abamectin 35g/l + Imidacloprid 5g/l + Pyridaben 150g/l	Nospider 190EC	nhện gié/ lúa	Công ty TNHH Hóa chất & TM Trần Vũ
65	3808	Abamectin 18.5g/l + Imidacloprid 3.5g/l + Pyridaben 5.5g/l	Dugamite 27.5EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
66	3808	Abamectin 15g/l (15g/l) + Indoxacarb 50g/l (135g/l)	Sixsess 65EC, 150EC	65EC: Sâu cuốn lá/ lúa 150EC: Sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
67	3808	Abamectin 0.4% (9 g/l), (15g/l), (18g/kg) + Lambda-cyhalothrin 1.6% (45 g/l), (60g/l), (72g/kg)	Karatimec 2EC, 54EC, 75EC, 90WG	2EC: sâu xanh/ lạc 54EC: Sâu cuốn lá, sâu phao đục bẹ/ lúa 75EC: Sâu cuốn lá/ lúa 90WG: Sâu cuốn lá/ lúa, sâu khoang/ lạc	Công ty CP Nông dược Việt Nam
68	3808	Abamectin 19g/l (38g/l), (9g/l), (48.5g/l), (18g/l), (36g/l) + Lambda-cyhalothrin 1g/l (2g/l), (27g/l) (1.5g/l), (32g/l), (39g/l)	Actamec 20EC, 40EC, 36EC, 50EC, 50EC, 75EC	20EC, 40EC: sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, bọ trĩ, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; dòi đục lá/ đậu tương; sâu khoang, sâu xanh da láng/ lạc; sâu cuốn lá/ đậu xanh; sâu khoang, rệp/ thuốc lá; sâu róm/ thông; sâu xanh da láng, sâu hồng/ bông vải; bọ trĩ/ điều 36EC, 50EC(48.5g/l + 1.5g/l): Sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa 50EC (18g/l + 32g/l): Sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/ lúa 75EC: Sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/ lúa; sâu xanh/ đậu xanh	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
69	3808	Abamectin 30g/l (20g/l), (10g/kg), (18g/l), (10g/l), (1g/l), (20g/kg) + Lambda-cyhalothrin 50g/l (50g/l), (100g/kg), (1g/l), (30g/l), (110g/l), (1g/kg) + 5g/l (50g/l),	Kakasuper 85EC, 120EW, 130WP; 20EC, 41ME, 266SC, 421WP	85EC, 120EW, 130WP: Sâu cuốn lá/lúa 20EC, 41ME: sâu cuốn lá/lúa 266SC, 421WP: rầy nâu/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung

		(20g/kg), (1g/l), (1g/l), (155g/l), (400g/kg) Thiamethoxam			
70	3808	Abamectin 0.2% (50g/l) + Matrine 2% (25g/l)	Abecyny 2.2 EC, 75EC	2.2 EC: bọ trĩ/ dừa hấu; sâu xanh/ cải bắp; rầy nâu/ lúa; nhện đỏ/ cam 75EC: Sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yên
71	3808	Abamectin 1g/l (20g/l) + Matrine 5g/l (5g/l)	Ametrinx 6EC, 25EC	sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao, sâu phao đục bẹ, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/ cà chua, lạc, đậu tương; bọ trĩ/ dừa hấu; sâu ăn hoa/ xoài	Công ty TNHH An Nông
			Luckyler 6EC, 25EC	sâu đục thân, rầy nâu, bọ trĩ, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh bướm trắng, bọ nhảy, rệp/ cải xanh; sâu đục quả/ đậu đũa; sâu xanh, dòi đục lá/ cà chua; bọ trĩ, nhện đỏ/ dừa hấu; dòi đục lá/ đậu tương; sâu khoang, sâu xanh da láng/ lạc; sâu cuốn lá/ đậu xanh; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; nhện đỏ, rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa/ cam; bọ xít, nhện đỏ, sâu đục cuống quả/ vải; sâu khoang, rệp/ thuốc lá; rầy bông, sâu ăn bông/ xoài; sâu xanh da láng, bọ trĩ/ nho; sâu róm/ thông; sâu xanh da láng, sâu hồng/ bông vải; bọ trĩ/ điều	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
72	3808	Abamectin 20g/l + Matrine 5 g/l	Aga 25 EC	sâu cuốn lá, bọ xít, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, rệp muội, bọ nhảy/ cải xanh, bắp cải; sâu cuốn lá, dòi đục lá/ đậu xanh, đậu tương; dòi đục lá, sâu xanh/ cà chua; bọ trĩ, nhện đỏ/ dừa hấu; sâu vẽ bùa, rầy chổng cánh, nhện đỏ/ cam; nhện đỏ, bọ xít muỗi, sâu đục quả/ vải, nhãn; rầy bông, sâu ăn bông/ xoài; rệp sáp, nhện đỏ, rầy xanh/ chè, cà phê; sâu khoang, rệp/ thuốc lá; nhện đỏ, sâu xanh/ bông vải; bọ trĩ/ điều	Công ty TNHH TM & SX Gia Phúc
73	3808	Abamectin 20g/l (56g/l) + Matrine 2g/l (2g/l)	Sudoku 22EC, 58EC	22EC: sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; rầy xanh, bọ cánh tơ, nhện đỏ/ chè; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/ nho; rầy chổng cánh/ cam; bọ trĩ/ điều; sâu đục quả/ đậu đũa; sâu đục cuống quả, sâu đục gân lá/ vải 58EC: nhện gié, rầy nâu/ lúa; bọ xít muỗi, bọ cánh tơ, nhện đỏ/ chè; nhện lông nhung, bọ xít/ vải; bọ trĩ/ dừa hấu; sâu đục quả/ đậu đũa; sâu tơ/	Công ty TNHH Hoá chất và TM Trần Vũ

				cải xanh; sâu xanh/ nhỏ	
74	3808	Abamectin 1.8% + Matrine 0.2%	Miktox 2.0 EC	bọ xít, sâu đục quả/ vải; rầy bông/ xoài; rầy nâu, nhện gié, sâu đục bẹ, sâu cuốn lá nhỏ/ lúa; rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa/ cam; sâu xanh da láng/ đậu tương; bọ trĩ, rầy xanh, bọ xít muỗi, nhện đỏ/ chè; rệp, sâu xanh bướm trắng, sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/ cà chua	Công ty CP TM BVTV Minh Khai
75	3808	Abamectin 2.0% (4.3%), (5.4%) + Matrine 0.2 % (0.2%), (0.2%)	Tramictin 2.2EC, 4.5EC, 5.6EC	sâu cuốn lá, rầy nâu, sâu đục bẹ, nhện gié, bọ trĩ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu xanh da láng/ đậu tương; bọ cánh tơ, rầy xanh/ chè; nhện đỏ, rầy chổng cánh/ cam	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
76	3808	Abamectin 35g/l (48.5g/l) + Matrine 1g/l (1.5g/l)	Newlitoc 36EC, 50EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu khoang/ đậu tương; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; bọ trĩ, sâu xanh/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, bọ xít muỗi/ chè; rầy bông/ xoài	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
77	3808	Abamectin 36g/l (42g/l), (54g/l) + Matrine 0.1g/l (0.2g/l), (0.2g/l)	Tinero 36.1EC, 42.2EC, 54.2EC	sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; rệp/ ngô; sâu tơ/ bắp cải; dòi đục lá/ đậu trạch; sâu khoang/ lạc; bọ trĩ/ dưa hấu; nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty CP Vật tư NN Hoàng Nông
78	3808	Abamectin 36 g/l(54g/l) + Matrine 1 g/l (1g/l)	Kendojapane 37EC, 55EC	37EC: Sâu đục bẹ/ lúa 55EC: Sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
79	3808	Abamectin 50 g/l + Matrine 5 g/l	Amara 55 EC	sâu cuốn lá, nhện gié, sâu đục bẹ, sâu đục thân/ lúa; sâu tơ/ cải xanh; sâu xanh/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu; nhện đỏ, bọ xít muỗi, bọ trĩ, rệp/ chè; sâu xanh da láng/ đậu xanh; sâu đục quả/ đậu tương; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài; mọt đục cành/ cà phê; rệp sáp/ hồ tiêu; bọ trĩ, sâu đục thân/ điều	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
80	3808	Abamectin 4g/l (1g/kg), (2g/kg) + Methylamine avermectin 35g/l (54g/kg), (114g/kg)	Pompom 3.9EC, 5.5WG, 11.6WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Vật tư và Nông sản Song Mã
81	3808	Abamectin 35 g/l + Permethrin 100g/l	Fisau 135EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP ND Quốc tế Nhật Bản
82	3808	Abamectin 2% (40g/l)	Dotimec	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV

		+ Permethrin 7% (160g/l)	9EC, 200EC		Thanh Hưng
83	3808	Abamectin 40 g/l + Permethrin 150 g/l	SBC-Thon Trang 190EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
84	3808	Abamectin 20g/l + Petroleum oil 250g/l	Đầu trâu Bihopper 270EC	nhện đỏ/ chè, rệp sáp/cà phê	Công ty CP Bình Điền MeKong
85	3808	Abamectin 0.2% + Petroleum oil 24.3%	Koimire 24.5EC	nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; bọ cánh tơ, rầy xanh/ chè; sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục bẹ, rầy nâu/ lúa; sâu xanh da láng/ đậu tương; rệp sáp/ cà phê; sâu đục quả/ xoài; nhện lông nhung/ vải; sâu tơ/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
			Petis 24.5 EC	nhện đỏ/ cây có múi	Công ty TNHH TM Tùng Dương
86	3808	Abamectin 0.2% (0.5 %) + Petroleum oil 24.3% (24.5 %)	Soka 24.5EC, 25 EC	24.5EC: sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam quýt, nhện; nhện lông nhung/ vải; sâu xanh/ thuốc lá; sâu khoang/ lạc; dòi đục lá/ đậu tương; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu xanh da láng/ cà chua; nhện đỏ, bọ cánh tơ, rầy xanh/ chè 25EC: nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam, quýt; nhện lông nhung/ vải; nhện đỏ/ nhãn; sâu khoang/ lạc; sâu xanh da láng/ thuốc lá; dòi đục lá, sâu đục quả/ đậu tương; bọ trĩ/ bí xanh, dưa chuột, dưa hấu; sâu cuốn lá, bọ xít dài, nhện gié, sâu đục bẹ, sâu đục thân/ lúa; sâu xanh da láng/ bông vải; rầy chổng cánh, ruồi đục quả/ cam; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Trường Thịnh
87	3808	Abamectin 0.2% + Petroleum oil 24.8%	Feat 25EC	sâu cuốn lá/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa chuột, bí xanh, dưa hấu; dòi đục lá/ cà chua; sâu khoang/ lạc; nhện đỏ/ cam; nhện lông nhung, nhện đỏ/ nhãn	Công ty CP Môi trường Quốc tế Rainbow
88	3808	Abamectin 1% + Petroleum oil 24%	Batas 25EC	bọ trĩ, sâu cuốn lá/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu xanh da láng, sâu khoang/ lạc; sâu đục quả/ đậu tương; bọ trĩ/ dưa hấu; nhện lông nhung/ vải; nhện đỏ, sâu vẽ bùa, rầy chổng cánh/ cam; rầy xanh, nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; rầy bông/ xoài; rệp sáp/ hồ tiêu	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao

89	3808	Abamectin 5g/l + Petroleum oil 245g/l	Tikrice 25EC	sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh, bọ nhảy/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; bọ cánh tơ, rầy canh/ chè	Công ty CP XNK Thọ Khang
90	3808	Abamectin 0.3% + Petroleum oil 88%	Visober 88.3EC	Nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cây có mùi; rệp sáp/ cà phê; nhện lông nhung/nhãn	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
91	3808	Abamectin 0.3% (55g/l) + Petroleum oil 39.7%(5g/l)	Sword 40 EC, 60EC	40EC: bọ cánh tơ, nhện đỏ/ chè; sâu tơ/ bắp cải; sâu cuốn lá nhỏ/ lúa; dòi đục lá/ cải bó xôi; bọ trĩ, bọ phấn/ dưa hấu; sâu vẽ bùa, nhện đỏ, rệp muội/ cam 60EC: nhện đỏ/ vải, nhện lông nhung/nhãn	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
92	3808	Abamectin 5g/l (5g/l), (5g/l) + Petroleum oil 245g/l (295g/l), (395g/l)	Aramectin 250EC, 300EC, 400EC	sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; rệp/ ngô; sâu tơ/ bắp cải; dòi đục lá/ đậu trạch; sâu khoang/ lạc; bọ trĩ/ dưa hấu; nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty CP Vật tư NN Hoàng Nông
93	3808	Abamectin 9g/l (18g/l), (36g/l) + Petroleum oil 241g/l (342g/l), (464g/l)	Blutoc 250EC, 360EC, 500EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; sâu khoang/ đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
94	3808	Abamectin 9g/l (18g/l), (36g/l) + Petroleum oil 241g/l (332g/l), (464g/l)	Sieulitoc 250EC, 350EC, 500EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; sâu khoang/ đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
95	3808	Abamectin 10g/l + Profenofos 50g/l + Pyridaben 150g/l	Fidasuper 210EC	nhện đỏ/đậu tương	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
			Newprojet 210EC	nhện đỏ/đậu tương	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
96	3808	Abamectin 18 g/l + Pyridaben 150 g/l	Aben 168EC	nhện đỏ/ chè, dưa hấu; nhện gié, rầy nâu/ lúa; rệp/ hồ tiêu; sâu hồng/ bông vải; rệp sáp/ cà phê, bọ xít muỗi/ điều, rầy chổng cánh/ cam	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
97	3808	Abamectin 20g/l + Pyridaben 160g/l	Nomite-Sạch nhện 180EC	Nhện đỏ/ cam	Công ty TNHH Nông Nghiệp Xanh
98	3808	Abamectin 12g/l +	Sieu fitoc	sâu cuốn lá; nhện gié/lúa	Công ty CP Hóa Nông

		Quinalphos 138g/l	150EC		Mỹ Việt Đức
99	3808	Abamectin 12 g/l + Quinalphos 238 g/l	Acpratin 250EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
100	3808	Abamectin 40 g/l + Quinalphos 100 g/l	IQ-Thôn Trang 140EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
101	3808	Abamectin 20g/l + Spinosad 25 g/l	Aterkil 45 SC	sâu cuốn lá/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ hành; sâu khoang/ lạc; nhện đỏ /cam	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
102	3808	Abamectin 22g/l + Spinosad 25g/l	Rice NP 47SC	Sâu đục quả/vải	Công ty TNHH TM Nông Phát
103	3808	Abamectin 10 g/kg + Thiosultap-sodium (Monosultap) 950g/kg	Aba-top 960WP	sâu cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu, sâu đục thân, bọ xít hôi/ lúa	Công ty TNHH Phú Nông
104	3808	Acephate (min 97%)	Anitox 50SC	sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa	Công ty CP TST Cần Thơ
			Ansect 72SP	sâu cuốn lá/ lúa, rầy/ xoài	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
			Appenphate 75SP	sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH Kiên Nam
			Asataf 75SP	sâu xanh/ đậu tương	Công ty TNHH MTV Lucky
			Binhmor 40EC	sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ xít/ lúa; rệp sáp, rệp vảy/ cà phê	Bailing Agrochemical Co., Ltd
			BM Promax 75WP	rầy nâu/ lúa	Behn Meyer Agcare LLP
			Lancer 40EC, 50SP, 75SP, 97WG	40EC: sâu đục thân/ lúa 50SP: sâu đục thân/ lúa, rệp vảy/ cà phê, sâu đục quả/ đậu tương 75SP: rệp vảy/ cà phê, sâu khoang/ lạc, sâu cuốn lá/ lúa 97WG: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
			Mace 75SP, 97SP	75SP: sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, sâu đục thân/ lúa; sâu khoang/ thuốc lá; rầy bông/ xoài; bọ xít muối/ điều 97SP: sâu đục bẹ/ lúa, sâu xanh/ thuốc lá, bọ xít muối/ điều	Công ty TNHH Adama Việt Nam
			MO-annong	40SL: bọ xít/ lúa	Công ty TNHH

			40SL, 50SP, 75SP, 300SL	50SP, 75SP, 300SL: sâu cuốn lá/ lúa	An Nông
			Monster 40 EC, 75 WP	40EC: sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa; rệp sáp/ cà phê; rệp/ thuốc lá; sâu tơ/ rau cải; rầy xanh/ chè 75WP: sâu đục thân/ lúa, rầy/ dưa, rệp sáp/ cà phê, sâu khoang/ thuốc lá	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
			Mytox 5GR, 40EC, 75SP	sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
			Orthene 75SP, 97Pellet	75SP: sâu khoang/ lạc; sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; sâu đục thân/ ngô; rệp sáp/ cà phê 97Pellet: rệp/ thuốc lá, sâu tơ/ bắp cải, sâu xanh/ cà chua	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
			Song hy 75SP	sâu cuốn lá/ lúa	Sinon Corporation, Taiwan
			Viaphate 40EC, 75SP	40EC: sâu đục thân/ lúa 75SP: sâu xanh/ đậu tương	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
105	3808	Acephate 400g/l (400g/l) + Alpha-cypermethrin 10g/l (25g/l)	Acesuper 410 EC, 425EC	410EC: sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ xít/ lúa 425EC: sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
106	3808	Acephate 21% + Chlorpyrifos Ethyl 14%	Achony 35 WP	sâu đục quả/ đậu tương	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yên
107	3808	Acephate 50% + Imidacloprid 1.8%	Acemida 51.8 SP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
108	3808	Acetamiprid (min 97%)	Actatoc 150EC, 200WP, 200EC, 350EC	150EC, 350EC: rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ cà phê, rệp bông xo/ mía 200EC: rầy nâu/ lúa 200WP: rầy nâu/ lúa; rệp bông xo/ mía; rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
			Afeno 30WP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam
			Amender 200SP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
			Amsipilan 20SP	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Việt Hóa Nông
			Ascend 20 SP	rệp sáp/ cà phê, rầy nâu/ lúa, bọ trĩ/ điều	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
			Cayman	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH – TM

			25WP		Nông Phát
			Daiwance 200SP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Futai
			Domosphi 10SP, 20 EC	10SP: rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ cà phê, sâu xanh/ đậu tương 20EC: rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Thanh Điền
			Google 30WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX GNC
			Hotray 200SL	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM Thái Phong
			Melycit 20SP	rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ ca cao	Công ty CP Long Hiệp
			Mopride 20 WP	sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; bọ trĩ/ điều; rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Nông nghiệp HP
			Mosflannong 30EC, 200WP, 300WP, 300SC, 600WG	30EC: sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa 200WP: bọ trĩ, sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa 300WP, 300SC, 600WG: Rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH An Nông
			Mospilan 3 EC	rệp sáp/ cà phê, rầy xanh/bông vải	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
			Motsuper 36WG	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
			Nired 3 EC	bọ trĩ, rầy nâu/lúa	Công ty CP Nicotex
			Otoxex 200SP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
			Raysuper 30EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM DV Quỳnh Giao
			Sadamir 200WP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
			Sếu đỏ 3 EC	rầy nâu/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
			Tosi 30WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH BMC
			Uni-aceta 20SP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH World Vision (VN)
109	3808	Acetamiprid 30g/l + Alpha-cypermethrin 50g/l	Mospha 80 EC	sâu cuốn lá/ lúa, sâu khoang/ đậu tương	Công ty CP Đồng Xanh

110	3808	Acetamiprid 100g/kg + Buprofezin 150g/kg	Sieurray 250WP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Hoá nông Mỹ Việt Đức
111	3808	Acetamiprid 10% + Buprofezin 15%	Uni-acetafezin 25WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH World Vision (VN)
112	3808	Acetamiprid 15%, (170g/kg), (170g/kg) (170g/kg) + Buprofezin 35%, (380g/kg), (430g/kg) (480g/kg)	Asimo super 50WP, 550WP, 600WP, 650WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
113	3808	Acetamiprid 150g/kg (200g/kg), (150g/kg) + Buprofezin 150g/kg, (200g/kg), (350g/kg)	Ba Đăng 300WP, 400WP, 500WP	300WP: rầy nâu/ lúa, rệp muội/ cà phê 400WP, 500WP: rầy nâu, bọ trĩ/lúa; rệp sáp giả/cà phê	Công ty TNHH Việt Thắng
114	3808	Acetamiprid 20% + Buprofezin 20%	Penalty 40WP	rầy nâu, rầy lưng trắng/ lúa	Công ty TNHH ADC
115	3808	Acetamiprid 20% (22%), (24%) + Buprofezin 20% (25%), (30%)	Khongray 40WP, 47WP, 54WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH – TM Nông Phát
116	3808	Acetamiprid 20% + Buprofezin 25%	Binova 45WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty CP Đồng Xanh
117	3808	Acetamiprid 250 g/kg + Buprofezin 250g/kg	Acetapro 500WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Kital
			Everest 500WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Nam Bộ
118	3808	Acetamiprid 400g/kg + Buprofezin 250g/kg	Atylo 650WP	Rầy nâu, rầy lưng trắng/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH TM Thái Nông
119	3808	Acetamiprid 150 g/kg + Buprofezin 150 g/kg + Chlorpyrifos Ethyl 450g/kg	CLB-Thôn trang 750WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
120	3808	Acetamiprid 200g/l + Buprofezin 150g/l + Chlorpyrifos ethyl 400g/l	Chlorusa 750EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam
121	3808	Acetamiprid 40g/kg (10g/l), (1g/l), (50g/l), (300g/kg) + Buprofezin	Chavez 170WP, 230EC, 512EC, 550EC, 600WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung

		120g/kg (20g/l), (1g/l), (50g/l), (200g/kg) + Fenobucarb 10g/kg (200g/l), (510g/l), (450g/l), (100g/kg)			
122	3808	Acetamiprid 100 g/kg + Buprofezin 300g/kg + Imidacloprid 100g/kg	Rakotajapane 500WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
123	3808	Acetamiprid 150g/kg + Buprofezin 255g/kg + Imidacloprid 150g/kg	Calira 555WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hoà Bình
124	3808	Acetamiprid 100 g/kg (20g/kg), (50g/l), (300g/kg) + Buprofezin 150 g/kg (20g/kg), (20g/l), (150g/kg) + Isoprocarb 50 g/kg (300g/kg), (300g/l), (150g/kg)	Chesone 300WP, 340WP, 370EC, 600WP	300WP: rầy nâu/ lúa 340WP, 370EC, 600WP: rầy nâu, rầy lưng trắng /lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
125	3808	Acetamiprid 450g/kg + Buprofezin 300g/kg + Thiamethoxam 50.8g/kg	Osioi 800.8WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH An Nông
126	3808	Acetamiprid 3% + Cartap 92%	Hugo 95SP	sâu cuốn lá/ lúa, sâu khoang/ lạc, rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Hóc Môn
127	3808	Acetamiprid 100g/kg (100g/l) + Chlorpyrifos ethyl 400g/kg (550g/l)	Checsusa 500WP, 650EC	500WP: Sâu đục thân, rầy nâu/lúa 650EC: Rầy nâu/lúa	Công ty CP ND Quốc tế Nhật Bản
128	3808	Acetamiprid 2% + Chlorpyrifos Ethyl 18%	Ecasi 20EC	rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Enasa Việt Nam
			Nicopro 20EC	Sâu đục thân, rầy nâu/lúa	Công ty CP Nicotex
129	3808	Acetamiprid 30g/l+ Chlorpyrifos Ethyl 495g/l	Megashield 525EC	Rầy nâu, sâu đục thân, sâu đục bẹ/ lúa; mọt đục cành, rệp sáp/ cà phê; sâu khoang/ lạc	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
130	3808	Acetamiprid 200 g/kg +	Mopride rubi 500WP	Rệp sáp/cà phê ; sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP

		Chlorpyrifos Ethyl 300g/kg			
131	3808	Acetamiprid 80g/l + Chlorpyrifos Ethyl 400g/l	Classico 480EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP VTNN Việt Nông
132	3808	Acetamiprid 100g/l + Chlorpyrifos Ethyl 260g/l + Fenobucarb 306g/l	Politoc 666EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hoà Bình
133	3808	Acetamiprid 200g/kg + Chlorpyrifos Ethyl 400g/kg + Imidacloprid 200g/kg	Xojapane 800WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
134	3808	Acetamiprid 20% + Chlorpyrifos Methyl 30%	Mopride gold 50WP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
135	3808	Acetamiprid 150g/kg + Dinotefuran 250g/kg	Acnal 400WP	Rầy nâu/ lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH TM Thái Nông
136	3808	Acetamiprid 300g/kg + Emamectin benzoate 50g/kg	Jojetino 350WP	Bọ trĩ/ lúa	Công ty CP NN HP
137	3808	Acetamiprid 50 g/l + Fenobucarb 350 g/l	Jara 400EC	Rầy nâu/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
138	3808	Acetamiprid 0.1g/kg, (0.2g/l), (20g/kg) + Fipronil 2.9 g/kg, (49.8g/l) (780g/kg)	Dogent 3GR, 50SC, 800WG	3GR, 50SC, 800WG: sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa 3GR: sâu khoang/ lạc 50SC: rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
139	3808	Acetamiprid 5g/l (10g/kg), (280g/kg), (100g/kg), (20g/kg) + Fipronil 10g/l (20g/kg), (20g/kg), (300g/kg), (800g/kg)	Redpolo 15EC, 30WP, 300WP, 400WG, 820WG	15EC, 30WP, 820WG: sâu cuốn lá/ lúa 300WP: rầy nâu/ lúa 400WG: sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
140	3808	Acetamiprid 50g/l + Fipronil 50g/l	Amibest 100ME	Rầy nâu, sâu đục thân/lúa, rệp sáp giả/cà phê	Công ty TNHH Việt Hoá Nông

141	3808	Acetamiprid 3% (30g/l), (30g/kg), (30g/kg) + Imidacloprid 2% (20g/l), (20g/kg), (20g/kg)	Sutin 5EC, 50SC, 50WP, 50WG	5EC: rầy nâu, bọ trĩ/ lúa 50SC, 50WP, 50WG: Rầy nâu/lúa	Công ty CP BVTV I TW
142	3808	Acetamiprid 70g/kg + Imidacloprid 130g/kg	Sachray 200WP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
143	3808	Acetamiprid 200g/kg + Imidacloprid 200g/kg	Azarin 400WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Nông dược HAI QUI NHON
144	3808	Acetamiprid 100g/kg (125g/kg), (200g/kg) + Imidacloprid 50g/kg (125g/kg), (200g/kg)	Mã lực 150WP, 250WP, 400WP	150WP, 400WP: rầy nâu, bọ xít/ lúa; rệp sáp/ cà phê 250WP: bọ trĩ, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
145	3808	Acetamiprid 100 g/kg + Imidacloprid 200g/kg	Vip super 300WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
146	3808	Acetamiprid 100 g/l + Imidacloprid 55 g/l	Nongiahy 155SL	Rệp sáp/ cà phê, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH – TM Thái Phong
147	3808	Acetamiprid 150 g/kg , (150g/kg), (150g/kg)+ Imidacloprid 200g/kg (250 g/kg), (350g/kg)	Setusa 350WP, 400WP, 500WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
148	3808	Acetamiprid 25% (20%) + Imidacloprid 8%(16%)	Caymangold 33WP, 36WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
149	3808	Acetamiprid 77g/kg + Metolcarb (min 98%) 200g/kg	Diệt rầy 277WP	Rầy nâu/Lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Phong Phú
150	3808	Acetamiprid 250g/kg (400g/kg), (400g/kg) + Pymetrozine 250g/kg (300g/kg), (300g/kg)	Secso 500WP, 700WP 700WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
151	3808	Acetamiprid 25% + Pymetrozine 50%	Centrum 75WG	Rầy nâu/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
152	3808	Acetamiprid 30g/l + Pyridaben 170g/l	Sedox 200EC	nhện gié/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
153	3808	Acetamiprid 10 g/kg +	Goldra	rầy nâu/ lúa, rệp bông xo/ mía	Công ty CP Nông dược

		Thiamethoxam 240g/kg	250WG		Việt Nam
154	3808	Acetamiprid 100 g/kg + Thiamethoxam 250g/kg	B-41 350WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
155	3808	Acetamiprid 50g/kg + Thiosultap-sodium (Nereistoxin) 550g/kg	Alfatac 600 WP	sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
156	3808	Acetamiprid 50 g/kg + Thiosultap-sodium (Nereistoxin)700g/kg	Goldan 750 WP	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
157	3808	Acrinathrin (min 99.0%)	Rufast 3 EC	nhện đỏ/ chè	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
158	3808	Alpha-cypermethrin (min 90 %)	Ace 5 EC	sâu phao/ lúa	Công ty CP TST Cần Thơ
			Alfacua 10 EC	sâu đục bẹ/ lúa, bọ xít muỗi/ điều, rệp sáp/ cà phê, sâu khoang/ lạc	Công ty CP Đồng Xanh
			Alfathrin 5EC	sâu cuốn lá/ lúa, bọ xít muỗi/ điều	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
			Alpha 5EC, 10EC, 10SC	5EC: sâu cuốn lá, cua/ lúa 10EC: sâu khoang/ lạc 10SC: kiến/ cà phê, sâu khoang/ lạc, bọ trĩ/ lúa, bọ xít muỗi/ điều	Map Pacific PTE Ltd
			Alphacide 50EC, 100EC, 170EC, 260EC	50EC: sâu cuốn lá, bọ xít/ lúa 100EC: bọ xít/ lúa 170EC, 260EC: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
			Altach 5 EC	sâu cuốn lá/ lúa, bọ xít/ lạc	Công ty CP Nông dược HAI
			Anphatox 2.5EC, 5EC, 25EW, 50EW, 100SC	2.5EC: sâu đục thân/ lúa 5EC: sâu khoang/ lạc, bọ xít/ lúa 25EW, 50EW: sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa; rệp muỗi/ đậu tương; sâu đục quả/ cà phê 100SC: bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH An Nông
			Antaphos 25EC, 50EC, 100EC	25EC: sâu cuốn lá/ lúa 50EC: sâu keo, sâu cuốn lá/ lúa; sâu đục quả/ đậu tương 100EC: sâu đục quả/ cà phê, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
			Bestox 5EC	sâu cuốn lá, bọ trĩ, bọ xít/ lúa; rệp/ đậu tương	FMC Agricultural Products Interational AG

Bpalatox 25EC, 50EC, 100EC	25EC: bọ trĩ/ lúa 50EC: sâu cuốn lá/ lúa 100EC: sâu khoang/ lạc	Công ty TNHH TM Bình Phương
Caterice 5EC	Bọ trĩ/lúa	Hextar Chemicals Sdn, Bhd
Cyper - Alpha 5 EC	sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
Dantox 5 EC	bọ trĩ/ lúa, sâu xanh/ bông vải, rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
Fastac 5 EC	bọ trĩ, bọ xít, rầy, sâu cuốn lá/ lúa; rệp/ cà phê	BASF Vietnam Co., Ltd.
Fascist 5EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Long Hiệp
Fastocid 5 EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
Fastphos 50EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
Fentac 2.0 EC	sâu đục quả/ đậu tương	Imaspro Resources Sdn Bhd
FM-Tox 25EC, 50EC, 100EC	25EC: sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; sâu khoang/ lạc, rệp sáp/ cà phê; bọ xít muỗi/ điều 50EC: sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; sâu khoang/ lạc, rệp sáp/ cà phê 100EC: sâu khoang/ lạc, rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Việt Thắng
Fortac 5 EC	sâu cuốn lá/ lúa, sâu khoang/ lạc	Forward International Ltd
Fortox 25EC, 50 EC, 100EC	25EC, 50EC: sâu khoang/ lạc; sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa 100EC: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM DV Ánh Dương
Motox 2.5EC, 5EC, 10EC	2.5EC: bọ xít, bọ trĩ/ lúa; kiến, rệp sáp/ cà phê; rệp/ đậu tương 5EC: bọ xít muỗi/ điều; rệp sáp/ cà phê, hồ tiêu; bọ xít, bọ trĩ, sâu keo lúa; sâu đục quả/ đậu xanh 10EC: rệp/ bông vải; sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa; sâu đục quả/ đậu tương; rệp sáp/ cà phê; bọ xít muỗi/ điều	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
Pertox 5 EC, 100EW, 250EW, 250WP	5EC: bọ trĩ, sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa 100EW, 250EW, 250WP: Sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
Pytax-s 5EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa chất

					Đại Nam Á
			Sapen - Alpha 5 EC	sâu hồng/ bông vải; sâu cuốn lá/ lúa; bọ trĩ, bọ xít/ lúa cạn	Công ty CP BVTV Sài Gòn
			Supertox 25EC, 50EC, 100EC	50EC: sâu đục thân / lúa 25EC, 100EC: sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa	Cali – Parimex. Inc.
			Thanatox 5EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP ND Việt Nam
			Tiper - Alpha 5 EC	bọ xít/ lúa	Công ty TNHH TM Thái Phong
			Unitox 5 EC	bọ xít/ lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
			Vifast 5EC, 10 SC	5EC: sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; bọ xít muỗi/điều 10SC: bọ xít/ lúa; mối/ cao su, cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
159	3808	Alpha-cypermethrin 30g/l (50g/kg) + Buprofezin 100g/l (200g/kg) + Chlorpyrifos Ethyl 300g/l (500g/kg)	Soddy 430EC, 750WP	430SC: Rầy nâu/ lúa 750WP: Sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH An Nông
160	3808	Alpha-cypermethrin 100g/l + Chlorflazuron 10g/l + Fipronil 50g/l	Kalou 160EW	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
161	3808	Alpha - cypermethrin 1% (2%), (1.6%) + Chlorpyrifos Ethyl 16% (38%), (65%)	Apphe 17EC, 40EC, 666EC	17EC: sâu đục thân/ lúa, ngô; sâu xanh/ đậu tương; sâu đục quả/ bông vải 40EC: sâu đục quả/ đậu tương, rệp sáp/ cà phê, bọ xít muỗi/ điều, sâu khoang/ lạc, sâu cuốn lá/ lúa, mối/ cao su 666EC: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Đồng Xanh
162	3808	Alpha-cypermethrin 20g/l (40g/l) + Chlorpyrifos Ethyl 230g/l (460g/l)	Supertac 250EC, 500EC	250EC: sâu khoang/ lạc 500EC: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
163	3808	Alpha-cypermethrin 50g/l + Chlorpyrifos Ethyl 500g/l	Fitoc 550EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA

164	3808	Alpha-cypermethrin 50g/l (50g/kg), (50g/l), (50g/l) + Chlorpyrifos Ethyl 25g/l, (500g/kg), (600g/l), (700g/l)	VK.sudan 75EC, 550WP, 650EC, 750EC	75EC: Bọ trĩ/ lúa 550WP: Rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; sâu xanh da láng/ đậu tương; rệp sáp/ cà phê 650EC: Rầy nâu, nhện gié, sâu cuốn lá/ lúa; sâu xanh da láng/ đậu tương; rệp sáp/ cà phê 750EC: Rệp sáp/cà phê; sâu xanh da láng/đậu tương; sâu cuốn lá, rầy nâu, nhện gié/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
165	3808	Alpha-cypermethrin 2% + Chlorpyrifos Ethyl 38%	Careman 40EC	Mọt đục cành/cà phê	Công ty CP TST Cần Thơ
166	3808	Alpha-cypermethrin 300g/l + Chlorpyrifos Ethyl 400g/l	Light 700EC	Sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH TM SX GNC
167	3808	Alpha-cypermethrin 50g/l + Chlorpyrifos Ethyl 520g/l	Marvel 570EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Mekong
168	3808	Alpha-cypermethrin 40g/l (40g/l), (40g/l) + Chlorpyrifos Ethyl 400g/l (410g/l), (437g/l) + Dimethoate 226g/l, (297g/l), (300g/l)	Bowing 666EC, 747EC, 777EC	666EC: Sâu đục thân/ngô 747EC: rệp sáp/cà phê 777EC: sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Vật tư NN Hoàng Nông
169	3808	Alpha-cypermethrin 50g/l + Chlorpyrifos Ethyl 482g/l + 18g/l Emamectin benzoate	Agritoc 550EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
			Filitox super 550EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
170	3808	Alpha-cypermethrin 40g/l, (40g/l), (40g/l) + Chlorpyrifos Ethyl 400g/l, (410g/l), (420g/l) + Fenobucarb 210g/l, (250g/l), (260g/l)	Rocketasia 650EC, 700EC, 720EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Vật tư NN Hoàng Nông
171	3808	Alpha-cypermethrin 55g/l + Chlorpyrifos	Pictoc 666EC	Sâu cuốn lá/Lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình

		ethyl 300g/l + Fenobucarb 311g/l			
172	3808	Alpha-cypermethrin 30g/l (25g/l), (60g/kg) + Chlorpyrifos Ethyl 220g/l (565 g/l), (440g/kg) + Imidacloprid 50g/l (5g/l), (100g/kg)	Spaceloft 300EC, 595EC, 600WP	300EC: Bọ trĩ, rầy nâu, nhện gié, sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu đục bẹ/ lúa; rệp sáp/cà phê 595EC: Sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; một đục cành/cà phê 600WP: Rệp sáp, một đục cành/ cà phê; rầy nâu, sâu đục bẹ, sâu cuốn lá, sâu đục thân, nhện gié/lúa	Công ty TNHH An Nông
173	3808	Alpha-cypermethrin 50g/l (50g/l) + Chlorpyrifos Ethyl 520g/l (545g/l) + Indoxacarb 30g/l (5g/l)	Vitashield gold 600EC	600EC (50g/l + 520g/l + 30g/l): Sâu đục thân, rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa; rệp sáp, một đục cành/cà phê 600EC (50g/l + 545g/l + 5g/l): Một đục cành, rệp sáp/cà phê; Nhện gié, sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ phấn/lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
174	3808	Alpha -cypermethrin 66g/l + Chlorpyrifos ethyl 400g/l + Quinalphos 200g/l	Picmec 666EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
175	3808	Alpha-cypermethrin 50g/l + Chlorpyrifos Ethyl 550g/l + Thiamethoxam 30 g/l	Hiddink 630EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
176	3808	Alpha-cypermethrin 10g/l (15g/l), (20g/l) + Dimethoate 140g/l (185g/l), (280g/l)	Cyfitox 150EC, 200EC, 300EC	150EC, 200EC: sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa 300EC: rệp sáp/ cà phê; sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ/ lúa; rệp/ mía	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
177	3808	Alpha-cypermethrin 50g/l + Enamectin benzoate 50g/l	Redtoc 100EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Vipes Việt Nam
178	3808	Alpha-cypermethrin 1% + Fenobucarb 40%	Hopfa 41EC	rầy nâu, sâu cuốn lá, bọ xít/ lúa	BASF Vietnam Co., Ltd.
179	3808	Alpha-cypermethrin 5g/kg (10g/kg), (30g/l), (60g/l) + Fenobucarb	Sieugon 85GR, 370WP, 530EC, 80EW	80EW, 85GR, 370WP: rầy lưng trắng/lúa 530EC: rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ

		50g/kg (10g/kg), (450g/l), (10g/l) + Isoprocarb 30g/kg, (350g/kg), (50g/l), (10g/l)			
180	3808	Alpha-cypermethrin 100g/l (150g/kg) + Fipronil 100g/l (300g/kg) + Imidacloprid 150g/l (300g/kg)	Sieublack 350SC, 750WP	350SC: sâu đục bẹ, sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa; rệp sáp/cà phê 750WP: sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH An Nông
181	3808	Alpha-cypermethrin 1%, (75g/kg) + Fipronil 9% (150g/kg) + Indoxacarb 20% (75g/kg)	Acmastersuper 30WP, 300SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Á Châu
182	3808	Alpha-cypermethrin 30g/l + Imidacloprid 20g/l	Alphador 50EC	bọ xít, rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Thanh Điền
183	3808	Alpha-cypermethrin 50g/l + Imidacloprid 100g/l + Thiamethoxam 200g/l	Zap 350SC	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Tập đoàn Điện Bàn
184	3808	Alpha-cypermethrin 50g/l + Permethrin 5g/l + Profenofos 30g/l	Ktedo 85EC	bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
185	3808	Alpha-cypermethrin 50g/l (100 g/l), (100g/l), (30g/l) + Phoxim 45g/l (30 g/l), (100g/l), 400g/l)	Kasakiusa 95EC, 130EW, 200EC, 430EC	95EC: Bọ trĩ/lúa 130EW, 200EC: Sâu cuốn lá/lúa 430EC: Sâu đục thân/lúa, bọ xít muỗi/ điều	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
186	3808	Alpha-cypermethrin 10g/l + Profenofos 200g/l	Profast 210EC	sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa, sâu xanh/ đậu tương, rệp sáp, rệp vảy, sâu đục quả/ cà phê	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
187	3808	Alpha-cypermethrin 30g/l (30g/l) + Profenofos 270g/l	Actatac 300EC, 600EC	300EC: sâu đục thân/ lúa 600EC: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Vật tư NN Hoàng Nông

		(570g/l)			
188	3808	Alpha-cypermethrin 30g/l + Quinalphos 270g/l	Moclodan 300EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Vật tư NN Hoàng Nông
189	3808	Alpha-cypermethrin 35g/l + Quinalphos 215g/l	Focotoc 250EC	sâu khoang/ lạc	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
190	3808	Amino acid	Amino 15SL	Rầy nâu/ lúa	Công ty Hợp danh SH NN Sinh Thành
191	3808	Amitraz (min 97%)	Mitac 20 EC	nhện lông nhung/nhân	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
192	3808	Amitraz 350g/kg + Hexythiazox 100g/kg	Map nano 450WP	nhện gié/lúa	Map Pacific PTe Ltd
193	3808	Annonin (min 95%)	TT-Anonin 1EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
194	3808	Artemisinin	Visit 5 EC	sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang/ rau; rầy xanh/ chè; rệp muội, bọ trĩ/ cây có mùi	Công ty CP PAC
195	3808	Azadirachtin	Agiaza 0.03 EC, 4.5EC	0.03EC: sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục thân/ lúa; bọ trĩ, rầy xanh/ chè; rệp sáp/ na; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/ rau cải; nhện đỏ/ ớt; rệp/ cà 4.5EC: sâu xanh/ cải xanh; sâu đục quả, nhện đỏ/ ớt; sâu tơ/ bắp cải; rệp sáp/ thuốc lá; nhện đỏ/ hoa hồng; sâu xanh da láng/ đậu tương; rệp/ cà pháo; sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục thân/ lúa; nhện đỏ/ cam; rệp sáp/ na; bọ cánh tơ, nhện đỏ, rầy xanh/ chè	Công ty TNHH SX TM DV Thu Loan
			Altivi 0.3EC	sâu tơ, sâu xanh/ rau cải xanh; nhện đỏ, rầy xanh/ chè; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam, quýt; sâu cuốn lá, nhện gié, sâu đục bẹ/ lúa	Công ty CP Nicotex
			Aza 0.15 EC	sâu tơ/ bắp cải	Công ty TNHH Phan Lê
			A-Z annong 0.03EC, 0.15EC, 0.3EC, 0.6EC, 0.9EC	0.03EC, 0.15EC: rầy nâu, cuốn lá/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ cải bông; rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè; nhện đỏ/ cam; rệp muội/ thuốc lá; rệp sáp/ cà phê. 0.3EC: sâu cuốn lá nhỏ, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ cải bông, đậu tương; rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè;	Công ty TNHH An Nông

	nhện đỏ/ cam; rệp muội/ thuốc lá; rệp sáp/ cà phê; sâu xanh/ cà chua 0.6EC, 0.9EC: bọ trĩ, sâu phao đục bẹ, rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ súp lơ; sâu xanh/ cà chua; sâu xanh da láng/ đậu tương; nhện đỏ/ cam; rệp đào/ thuốc lá; rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè; rệp sáp/ cà phê	
Bio Azadi 0.3SL	bọ trĩ/ nho	Công ty TNHH CNSH Điền Trang Xanh
Boaza 0.3EC, 0.6EC	0.6EC: Nhện gié/lúa 0.3EC: Sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH Nông Duyên
Cittioke 0.6EC, 0.9EC	rầy nâu, sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/ cà chua	Eastchem Co., Ltd.
Goldgun 0.3EC, 0.6EC, 0.9EC	sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ súp lơ; sâu xanh/ cà chua, đậu tương; rệp đào/ thuốc lá; nhện đỏ/ cam; rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
Hoaneem 0.03EC, 0.15EC, 0.3EC	sâu cuốn lá/lúa; bọ nhảy, sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ đậu tương; nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ bưởi	Công ty CP Vật tư NN Hoàng Nông
Jasper 0.3 EC	sâu cuốn lá/ lúa, sâu tơ/ rau thập tự, nhện đỏ/ cây có múi, rầy bông/ nho, rệp/ thuốc lá, rầy xanh/ chè	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
Kozomi 0.15EC, 0.3EC, 1EC	0.15EC: bọ nhảy/ bắp cải; nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; rầy nâu/ lúa 0.3EC: sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, bọ nhảy/ bắp cải; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu xanh da láng, sâu đục quả/ đậu tương; rệp sáp/ cà phê; rệp đào/ thuốc lá; sâu vẽ bùa/ bưởi; rầy xanh/ xoài 1EC: rệp đào/ thuốc lá; rầy xanh/ xoài; sâu đục quả/ đậu đỗ; rầy xanh chè	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
Minup 0.3EC, 0.6EC, 0.9EC	0.3EC: sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ súp lơ, đậu tương; rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè; nhện đỏ/ cam; rệp đào/ thuốc lá; rệp sáp/ cà phê; sâu xanh/	Công ty TNHH US.Chemical

				cà chua 0.6EC, 0.9EC: sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ súp lơ, đậu tương; sâu xanh/ cà chua; rệp đào/ thuốc lá; rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè; rệp sáp/ cà phê	
			Misec 1.0 EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa; sâu tơ, bọ nhảy, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải	Viện Khoa học vật liệu ứng dụng
			Mothian 0.35EC	sâu tơ/ bắp cải	Công ty CP Nông nghiệp Thiên An
			Neem Nim Xoan Xanh green 0.15 EC, 0.3 EC	0.15EC: ruồi đục lá/ cải bó xôi, rệp sáp/ cà phê, bọ cánh tơ/ chè 0.3EC: ruồi đục lá/ cải bó xôi, rệp sáp/ cà phê, bọ cánh tơ/ chè, sâu tơ/ bắp cải, sâu xanh da láng/ cải bông	Công ty TNHH Ngân Anh
			Sarkozy 0.3EC, 1EC, 1WP	sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; sâu tơ, sâu xanh, bọ nhảy/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu; rầy xanh, bọ xít muỗi/ chè	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
			Sokotin 0.3EC	sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu xanh da láng/ đậu tương; sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; nhện đỏ, rầy xanh/ chè	Công ty CP Phát triển NN Việt Tiến Lạng Sơn
			Super Fitoc 3EC, 5EC, 10EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; sâu khoang/ đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
			Trutat 0.32EC	sâu đục quả/ đậu tương; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; sâu tơ/ bắp cải; rệp muội/ cải bẹ; bọ nhảy/ rau cải; sâu cuốn lá/ lúa; bọ trĩ, nhện đỏ/ chè; rệp sáp/ cà phê; sâu xanh da láng/ thuốc lá	Công ty CP Môi trường Quốc tế Rainbow
			Vineem 1500EC	rệp/ rau; bọ trĩ, sâu cuốn lá/ lúa; bọ nhảy, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; bọ trĩ, nhện đỏ, bọ xít muỗi, rầy xanh/ chè	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
			VSN 10SL	sâu cuốn lá/ chè	Công ty TNHH chè Vina Suzuki
196	3808	Azadirachtin 1.5g/kg +	Mig 18	Sâu cuốn lá, sâu đục thân, nhện gié/lúa	Công ty TNHH TM DV

		Chlorfluazuron 200g/kg + Emamectin benzoate 5.5g/kg	207WG		Tân Hưng
197	3808	Azadirachtin 5g/l (7g/l), (9g/l) + Emamectin benzoate 5g/l (7.5g/l), (9g/l)	Ramec 10EC, 15EC, 18EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; sâu khoang/ đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
198	3808	Azadirachtin 0.1g/l (0.1g/l), (0.2g/l), (0.1g/kg), (0.1 g/kg), (0.1g/l), (0.1g/l), (0.1g/l), (0.1g/kg), (0.1g/l) (0.1g/kg), (0.1g/kg) + Emamectin benzoate 10g/l (20g/l), (40g/l), (54.9g/kg), (69.9g/kg), (74.9g/l), (79.9g/l), (99.9g/l), (102.9g/kg), (62.9g/l), (177.9g/kg), (199.9g/kg)	Emacinmec 10.1EC, 20.1EC, 40.2EC, 55SG, 70SG, 75SC, 80EC, 100SC, 103SG, 63EC, 178SG, 200SG	10.1EC, 20.1EC, 40.2EC: sâu cuốn lá/ lúa; sâu khoang/ đậu tương; sâu tơ/ bắp cải; rầy xanh/ chè; rệp bông/ xoài; nhện đỏ/ cam 55SG, 80EC: sâu cuốn lá/ lúa 63EC: rầy bông/xoài 70SG, 75SC, 100SC: Sâu tơ/bắp cải 103SG: rầy nâu/lúa 178SG: bọ cánh tơ/ chè 200SG: sâu vẽ bùa/cam	Công ty CP Vật tư NN Hoàng Nông
199	3808	Azadirachtin 3 g/l (3g/kg), (3g/l), (3g/kg), (3g/kg) + Emamectin benzoate 22 g/l (52g/kg), (52g/l), (62g/kg), (97g/kg)	Promathion 25EC, 55WG, 55EC, 65WG, 100WG	25EC: Sâu xanh/ đậu tương, sâu cuốn lá/ lúa, sâu tơ/ bắp cải, nhện đỏ/cam 55WG: Sâu xanh/ đậu tương, sâu cuốn lá/ lúa, sâu tơ/ bắp cải 55EC: Sâu tơ/bắp cải 65WG, 100WG: Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Hoá chất và TM Trần Vũ
200	3808	Azadirachtin 1 g/kg + Emamectin benzoate 115g/kg	Dragonfly 116WG	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Đầu tư và PT TM QT Thăng Long
201	3808	Azadirachtin 0.124% + Extract of Neem oil 66%	Agrimorstop 66.124EC	sâu khoang/ lạc	Kital Ltd.
202	3808	Azadirachtin 3 g/l + Matrine 2 g/l	Lambada 5EC	sâu cuốn lá/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ hành; sâu khoang/ lạc	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng

203	3808	Azadirachtin 5g/l (7.5g/l), (10g/l) + Matrine 4g/l (7.5g/l), (10g/l)	Golmec 9EC, 15EC, 20EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; sâu khoang/ đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
204	3808	Azadirachtin 0.6% + Matrine 0.4%	Biomax 1 EC	sâu xanh bướm trắng, rệp muội, sâu tơ/ bắp cải, cải xanh; sâu xanh da láng/ đậu tương, cà chua; rầy xanh, bọ cánh tơ, nhện đỏ, rệp muội/ chè; bọ nhảy/ cải làn; rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa; nhện đỏ, sâu vẽ bùa, rệp muội/ cam; sâu vẽ bùa, rệp muội, nhện đỏ/ quýt	Công ty TNHH vật tư nông nghiệp Phương Đông
205	3808	Azadirachtin 3g/l + Spinosad 17g/l	Dompass 20SC	Sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH Agricare Việt Nam
206	3808	Azocyclotin 450g/kg + Buprofezin 250g/kg + Diflubenzuron 50g/kg	Usagtox 750WP	nhện gié/lúa	Công ty TNHH An Nông
207	3808	Azocyclotin (min 98%) 100g/l, (600g/kg), (200g/kg) + 260g/l, (100g/kg), (550g/kg) Flonicamid (min 98%)	Autopro 360SC, 700WP, 750WP	360SC: rệp sáp/cà phê, rầy nâu/lúa 700WP: nhện gié/ lúa, nhện đỏ/ cà phê 750WP: rệp sáp/cà phê, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
208	3808	Azocyclotin 300g/kg + Spiromesifen (min 97%) 400g/kg	Trextot 700WP	nhện gié/lúa	Công ty TNHH An Nông
209	3808	<i>Bacillus thuringiensis</i> var. aizawai	Aizabin WP	sâu tơ, sâu xanh, sâu đo/ rau họ hoa thập tự; sâu khoang, sâu cuốn lá/ lạc; sâu khoang, sâu đục quả/ đậu tương; sâu xanh, sâu khoang, sâu đo/ cà chua; sâu cuốn lá/ cây có múi; sâu xanh, sâu khoang/ thuốc lá; sâu xanh, sâu đo/ bông vải	Công ty TNHH Sản phẩm Công Nghệ Cao
			Aztron DF 35000 DMBU	sâu tơ/ cải bắp; sâu xanh da láng/ cà chua; sâu xanh da láng, sâu tơ, sâu khoang/ cải xanh; sâu vẽ bùa/ cây có múi; sâu đục quả/ hồng xiêm, xoài	Doanh nghiệp Tư nhân TM Tân Quy
			Enasin 32WP	Sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa, sâu tơ/bắp cải	Công ty CP ENASA Việt Nam
			Map - Biti WP 50000 IU/mg	sâu xanh, sâu tơ/ bắp cải; sâu khoang/ rau cải, dưa hấu; sâu xanh/ cà chua, đậu tương, thuốc lá	Map Pacific PTE Ltd

			Xentari 35WG	sâu tơ/ bắp cải, sâu khoang/ nhỏ	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
210	3808	<i>Bacillus thuringiensis</i> var.kurstaki	An huy (8000 IU/mg) WP	sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu khoang/ lạc, đậu cô ve; sâu xanh da láng/ cà chua, thuốc lá; sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH Trường Thịnh
			Biobit 16 K WP, 32 B FC	sâu xanh/ bắp cải, sâu xanh / bông vải	Forward International Ltd
			Biocin 16 WP, 8000 SC	16WP: sâu tơ/ rau cải, sâu xanh da láng/ đậu 8000SC: sâu tơ rau cải, bắp cải; sâu xanh da láng/ đậu	Công ty CP BVTV Sài Gòn
			Baolus 50000 IU/mg WP	sâu tơ/ bắp cải	Công ty TNHH Hóa chất Đại Nam Á
			Bicilus 18WP	sâu khoang/ lạc	Công ty TNHH King Elong
			Comazol (16000 IU/mg) WP	sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; rầy xanh, nhện đỏ/ chè	Công ty CP Nicotex
			Crymax [®] 35 WP	sâu tơ/ bắp cải	Cali – Parimex. Inc.
			Delfin WG (32 BIU)	sâu tơ/ rau; sâu đo/ đậu; sâu xanh/ cà chua, hoa hồng, hành; sâu đục quả/ vải; sâu xanh da láng/ lạc; sâu khoang, sâu xanh/ bắp cải; sâu róm/ thông	Công ty TNHH Việt Thắng
			Dipel 6.4WG	sâu tơ/ bắp cải, bọ xít muỗi, sâu cuốn lá/ chè	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
			Forwabit 16 WP, 32WP	sâu xanh/ bắp cải, sâu ăn lá/ bông vải	Forward International Ltd
			Halt 5% WP (32000 IU/mg)	sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ lạc	Công ty CP Công nghệ tiêu chuẩn sinh học Vĩnh Thịnh
			Jiabat 15WG, (50000 IU/mg) WP	15WG: sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ cải bắp (50000 IU/mg)WP: sâu tơ/ bắp cải	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
			Kuang Hwa Bao WP 16000 IU / mg	sâu tơ, sâu bướm trắng/ bắp cải	Bion Tech Inc.
			MVP 10 FS	sâu tơ, sâu xanh/ rau	Cali – Parimex. Inc.
			Newdelpel (16000 IU/mg) WP, (32000 IU/mg) WP,	sâu tơ/ bắp cải; sâu cuốn lá nhỏ/ lúa; rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè; sâu xanh/ cà chua	Công ty TNHH An Nông

			(64000 IU/mg) WG		
			Shian 32 WP (3200 IU/mg)	sâu tơ/ rau thập tự	Công ty TNHH SX TM DV Tô Đăng Khoa
			Thuricide HP, OF 36 BIU	HP: sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang/ bắp cải; sâu xanh/ hành, cà chua, hoa hồng; sâu đục quả/ vải, cà chua; sâu xanh da láng/ lạc; sâu róm/ thông OF 36BIU: sâu xanh, sâu khoang/ bắp cải; sâu xanh/ hành, cà chua, hoa hồng; sâu đục quả/ vải; sâu xanh da láng/ lạc; sâu róm/ thông	Công ty TNHH Việt Thắng
			Vbtusa (16000 IU/mg) WP	sâu tơ, bọ nhảy/ bắp cải; sâu vẽ bùa/ cam; sâu róm/ thông; sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
			Vi - BT 16000WP, 32000WP	16000WP: sâu ăn lá/ rau, sâu cuốn lá/ lúa 32000WP: sâu tơ/ bắp cải, sâu xanh da láng/ đậu	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
			V.K 16 WP, 32 WP	sâu xanh/ bông vải, sâu tơ/rau	Công ty CP BVTV I TW
211	3808	<i>Bacillus thuringiensis</i> var. kurstaki 16.000 IU + Granulosis virus 10 ⁸ PIB	Bitadin WP	sâu ăn lá, sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang/ rau; sâu xanh, sâu xanh da láng, sâu khoang, sâu đục thân, sâu đục quả/ bông vải, thuốc lá; sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa; sâu róm/ thông; rệp bông xơ/ mía	Công ty TNHH Nông Sinh
212	3808	<i>Bacillus thuringiensis</i> var. kurstaki 1.6% + Spinosad 0.4%	Xi-men 2SC	bọ phấn, dòi đục lá/ cà chua; sâu tơ, rệp muội, sâu xanh/ bắp cải; sâu khoang/ lạc, đậu tương; sâu xanh da láng/ hành; dòi đục lá, nhện đỏ/ dưa chuột; sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH MTV Lucly
213	3808	<i>Bacillus thuringiensis</i> . var. 7216	Amatic (10 ¹⁰ bào tử/ml) SC	sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu khoang/ lạc, đậu cove; sâu xanh da láng/ cà chua, thuốc lá; sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH Trường Thịnh
			Pethian (4000 IU) SC	sâu tơ/ su hào; sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu khoang/ lạc, đậu cove; sâu xanh da láng/ cà chua, thuốc lá; sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Nông nghiệp Thiên An
214	3808	<i>Bacillus thuringiensis</i> var. T 36	TP - Thần tốc 16.000 IU	sâu đục thân/ lúa; rầy xanh, bọ trĩ, nhện đỏ/ chè; sâu xanh/ cà chua	Công ty TNHH Thành Phương
215	3808	<i>Beauveria bassiana</i> Vuill	Biobaube 5DP	rầy nâu/ lúa; sâu róm/ thông	Trung tâm NC SX các chế phẩm sinh học
			Biovip 1.5 x 10 ⁹ bào tử/g	rầy, bọ xít/ lúa	Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long

			Muskardin 10WP	sâu đục thân/ lúa, ngô; sâu xanh da láng/ cà chua, rầy nâu/ lúa	Công ty CP TST Cần Thơ
216	3808	Beauveria 10 ⁷ CFU/g + Metarhizium 10 ⁷ CFU/g	Thiên địch-tàng hình WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH SX TM Lương Nông
217	3808	<i>Beauveria bassiana</i> 1 tỷ bào tử/ g + <i>Metarhizium anizopliae</i> 0.5 tỷ bào tử/g	Trắng xanh WP	rầy nâu/ lúa	Công ty Hợp danh SH NN Sinh Thành
218	3808	Bensultap (min 98%)	Pretiny 95WP	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM SX Ngọc Yến
219	3808	Beta-cyfluthrin 12.5g/l + Chlorpyrifos Ethyl 250g/l	Bull Star 262.5 EC	rầy nâu/ lúa; sâu khoang/ khoai tây, ca cao; bọ xít muỗi/ca cao, sâu khoang, sâu xám/ngô	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
220	3808	Beta-cyfluthrin 35g/l (62.5g/kg) + Chlorpyrifos Ethyl 535g/l (410g/kg) + Imidacloprid 25g/l (82.5 g/kg)	Pustausa 555WP, 595EC	555WP: Bọ trĩ/lúa 595EC: Sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu phao đục bẹ, rầy nâu, nhện gié/lúa; mọt đục cành/cà phê	Công ty TNHH An Nông
221	3808	Beta-cyfluthrin 55g/l + Clothianidin 400g/l	TT Shake 455 SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
222	3808	Beta-cyfluthrin 90g/l + Imidacloprid 210g/l	Solomon 300 OD	bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; rệp/ngô; rệp sáp/cà phê, hồ tiêu; bọ trĩ/ điều	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
223	3808	Beta-cypermethrin (min 98.0 %)	Chix 2.5 EC	sâu cuốn lá, bọ xít, bọ trĩ/ lúa; sâu khoang/ lạc; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH UPL Việt Nam
			Daphatox 35 EC	sâu keo, sâu cuốn lá/ lúa; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Kinh doanh hóa chất Việt Bình Phát
			Nicyper 4.5 EC	sâu xanh/ đậu xanh, rệp vảy/ cà phê, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Nicotex
224	3808	Beta-cypermethrin 50g/l, (60g/kg), (200g/l), (10g/kg) + Buprofezin 50g/l, (60g/kg), (10g/l), (300g/kg)	Okamex 100EC, 120WP, 210SC, 310WP	100EC: sâu đục thân/ lúa 120WP: Sâu cuốn lá/ lúa 210SC, 310WP: rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
225	3808	Beta-cypermethrin	Superfos 550EC	Rầy nâu/Lúa	Công ty TNHH Vipes

		70g/l + Chlorpyrifos ethyl 480g/l			Việt Nam
226	3808	Beta-cypermethrin 36g/l + Chlorpyrifos ethyl 425g/l + Quinalphos 205g/l	Wofamec 666EC	Sâu đục thân/Lúa	Công ty CP QT Hoà Bình
227	3808	Beta-cypermethrin 50g/l + Emamectin benzoate 10g/l + Lufenuron 60g/l	Caranygold 120EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
228	3808	Beta-cypermethrin 10g/l, (15g/l), (20g/kg) (20g/l) + Profenofos 200 g/l (100g/l), (300g/kg) (500g/l) + Thiamethoxam 50 g/l (160g/l), (100g/kg) (50g/l)	Akulagold 260 EW, 275SC, 420WP, 570EC	260EW, 420WP: rầy nâu, sâu đục thân/ lúa; rệp sáp/ cà phê 275SC: rầy lưng trắng/lúa 570EC: rầy nâu/ lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
229	3808	Benfuracarb (min 92 %)	Oncol 5GR, 20EC, 25WP	5GR: sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; rệp vảy, tuyến trùng/ cà phê 20EC, 25WP: sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; rệp vảy, tuyến trùng, ấu trùng ve sầu/cà phê	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
230	3808	Bifenthrin (min 97%)	Talstar 10 EC	sâu khoang/ lạc	FMC Agricultural Products Interational AG
231	3808	Bifenthrin 17.1% + Imidacloprid 17.1%	Vote 34.2SC	Sâu đục thân/ngô	Công ty TNHH Phú Nông
232	3808	Bifenthrin 50g/l + Imidacloprid 250g/l	Galil 300SC	nhện gié/lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam
233	3808	Bifenthrin 50g/l + Novaluron 50g/l	Rimon Fast 100SC	sâu xanh da láng/ lạc	Công ty TNHH Adama Việt Nam
234	3808	Buprofezin (min 98 %)	Annongaplau 100WP, 250WP, 250SC, 400SC, 400WG	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH An Nông
			Anproud 70WG	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
			Aperlaur	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Quốc tế

100WP, 250WG, 250WP, 500EC, 500WP, 700WG		Hòa Bình
Apolo 10WP, 25WP, 25SC, 40WP	10WP, 25SC: rây nâu/ lúa, rệp sáp/ cà phê 25WP: rây nâu/ lúa, rệp sáp/ cà phê, rây/ xoài 40WP: rây nâu/ lúa	Công ty TNHH – TM Thái Nông
Applaud 10WP, 25SC	10WP: rây/ lúa, rây xanh/ chè 25SC: rây nâu/ lúa, rệp sáp/ cam	Nihon Nohyaku Co., Ltd.
Asmai 100WP, 250WP, 350WP, 500WG, 500WP	rây nâu/ lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
Bombi 300WP	rây nâu/ lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
Bush 700WG	rây nâu/ lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
Butal 10 WP, 25WP	10WP: rây nâu/ lúa; rệp sáp/ cà phê, xoài; rây chống cánh/ cây có múi; bọ xít muỗi/ điều 25WP: rây chống cánh/ cam; rây nâu/ lúa; rây xanh/ chè; rệp sáp/ xoài, cà phê; bọ xít muỗi/ điều	Bailing Agrochemical Co., Ltd
Butyl 10WP, 40WG, 400SC	10WP: rây nâu/ lúa, rây xanh/ chè 40WG: rây nâu/ lúa, rây bông/ xoài, rây nâu nhỏ, rây lưng trắng/lúa 400SC: rây nâu/ lúa, rây bông/ xoài	Công ty CP BVTV Sài Gòn
Difluent 10WP, 25WP	10WP: rây nâu/ lúa 25WP: rây nâu/ lúa, rệp sáp/ na	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
Encofezin 10WP, 25WP	10WP: rây nâu/ lúa, bọ xít muỗi/ chè 25WP: rây nâu / lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
Hoptara 25WP	rây nâu/ lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
Hello 250WP, 500WP, 700WG	250WP: rây nâu/ lúa; rệp, rây bông/ xoài; rây xanh, bọ xít muỗi/ chè; rệp sáp/ cà phê; rây chống cánh/ cam 500WP: rây nâu/ lúa, rệp sáp/ cà phê, na; rây chống cánh/cam 700WG: Rây nâu/lúa, rây bông/xoài, rệp sáp/cà	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng

				phê, rệp sáp/cam, rệp muội/dừa hấu, bọ xít muỗi/điều, rầy xanh/lạc	
			Lobby 10WP, 25WP	10WP: rầy nâu/ lúa 25WP: rầy nâu, rầy lưng trắng/ lúa	Công ty TNHH ADC
			Map – Judo 25 WP, 800WP	25WP: rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ cam 800WP: rệp sáp/ cà phê, rầy nâu/ lúa	Map Pacific PTE Ltd
			Oneplaw 10WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
			Pajero 30WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thanh Hưng
			Partin 25WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
			Profezin 10WP, 250WP, 400SC	10WP, 250WP: Rầy nâu/lúa 400SC: Bọ xít muỗi/chè, rầy bông/ xoài, rầy nâu/ lúa	Công ty CP Hóc Môn
			Ranadi 10 WP, 25WP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Đồng Xanh
			Sấm sét 25WP, 400SC	25WP: rầy nâu/ lúa, rầy bông/ xoài 400SC: rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
			Shadevil 250WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH MTV SNY
			Thần công 25WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH – TM Nông Phát
			Tiffy Super 500WG	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
			Tiksun 250WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH BVTV Hoàng Anh
			Uni-prozin 25WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH World Vision (VN)
			Viappla 10WP, 25WP	rầy nâu/ lúa, rầy xanh/ chè	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
235	3808	Buprofezin 100 g/l + Chlorpyrifos Ethyl 500g/l	Nanofos 600EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Nam Nông Phát
236	3808	Buprofezin 10% + Chlorpyrifos Ethyl 40%	Abm 50EC	Rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành

237	3808	Buprofezin 100g/l (g/kg) + Chlorpyrifos Ethyl 400g/l (g/kg)	Penalty gold 50EC, 50WP	50EC: sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, rầy nâu, bọ trĩ, bọ xít, sâu đục thân, nhện gié, rầy phấn trắng/lúa; rệp sáp, mọt đục cành/ cà phê 50WP: sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH ADC
238	3808	Buprofezin 100 g/l + Chlorpyrifos Ethyl 455g/l	Proact 555EC	Sâu đục bẹ, sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa; sâu đục quả, rệp muội/đậu tương; sâu đục quả, mọt đục cành/cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
239	3808	Buprofezin 100g/l + Chlorpyrifos Ethyl 400g/l	Bonus-gold 500EC	Rầy nâu, sâu đục thân/lúa	Công ty CP Nicotex
			B52-usa 500EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Nông dược Đại Nam
240	3808	Buprofezin 25% (150g/l) + Chlorpyrifos Ethyl 5% (400g/l)	U30-Thôn trang 30WP, 55EC	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
241	3808	Buprofezin 280g/kg, (100/kg), (300g/kg). (250g/l), (250g/l) + Chlorpyrifos ethyl 300g/kg (400g/kg), (300g/kg), (400g/l), (510g/l) + Dinotefuran 15g/kg (100g/kg), (25g/kg), (16g/l), (17g/l)	Dragoncin 595WP, 600WP, 625WP, 666EC, 777EC	595WP, 625WP: Rầy nâu/lúa 666EC: Rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa 777EC, 600WP: rệp sáp/cà phê, rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
242	3808	Buprofezin 150g/l + Chlorpyrifos Ethyl 350g/l + Dinotefuran 200g/l	Nanosynusa 700EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông
243	3808	Buprofezin 100g/l + Chlorpyrifos Ethyl 400g/l + Fenobucarb 200g/l	Nanora super 700EC	rầy nâu, sâu phao đục bẹ, sâu cuốn lá/lúa; rệp sáp giả/cà phê	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông
244	3808	Buprofezin 120g/l + Chlorpyrifos Ethyl 480g/l + Fipronil 35g/l	Saguaro 635EC	rầy nâu/lúa	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
			Winter	rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy phấn	Công ty TNHH

			635EC	trắng, nhện gié/lúa	ADC
245	3808	Buprofezin 120 g/l + Chlorpyrifos Ethyl 495g/l + Fipronil 35 g/l	ABM-gold 650EC	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
246	3808	Buprofezin 200g/kg (90g/l) + Chlorpyrifos Ethyl 50g/kg (400g/l) + Imidacloprid 200g/kg (10g/l)	Bamper 450WP, 500EC	450WP: Rầy nâu/lúa 500EC: Sâu đục thân, rầy nâu/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty CP Nông dược Việt Thành
247	3808	Buprofezin 100 g/l + Chlorpyrifos Ethyl 450g/l + Imidacloprid 50g/l	Clacostusa 600EC	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
248	3808	Buprofezin 200g/kg (150g/kg) + Chlorpyrifos Ethyl 300g/kg (400g/kg) + Imidacloprid 100g/kg (150g/kg)	Himlam 600WP , 700WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
249	3808	Buprofezin 400 g/kg + Chlorpyrifos Ethyl 300g/kg + Imidacloprid 40g/kg	Federo 740WP	Rầy nâu/ lúa	Eastchem Co., Ltd
250	3808	Buprofezin 22% + Chlorpyrifos Ethyl 5% + Imidacloprid 3%	Maraton 30EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Vật tư KTNH Cần Thơ
251	3808	Buprofezin 120g/l (300g/kg) + Chlorpyrifos ethyl 460g/l (400g/kg) + Lambda-cyhalothrin 20g/l (50g/kg)	Topple 600EC, 750WP	600EC: Rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa 750WP: Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
252	3808	Buprofezin 100g/kg (160g/kg), (160g/kg), (170g/kg), (170g/kg) + Chlorpyrifos ethyl	Tresbacmy 600WP, 686WG, 700WP, 728WP, 768WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP TM và Đầu tư Bắc Mỹ

		200g/kg (206g/kg) (210g/kg), (218g/kg), (228g/kg) + Pymetrozine 300g/kg (320g/kg), (330g/kg), (340g/kg), (370g/kg)			
253	3808	Buprofezin 100g/l + Chlorpyrifos ethyl 400g/l + Permethrin 100g/l	Supergun 600EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP ĐT TM và PTNN ADI
254	3808	Buprofezin 200g/kg + Clothianidin 200g/kg	Nikita 400WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Mùa Vàng
255	3808	Buprofezin 400g/l + Deltamethrin 50g/l	Mastercide 45SC	rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ cà phê, bọ xít muỗi/ điều	Sundat (S) Pte Ltd
256	3808	Buprofezin 50 g/l+ Deltamethrin 6.25g/l	Dadeci EC	rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
257	3808	Buprofezin 400g/l + Deltamethrin 50g/l	Season 450SC	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM DV XNK Đức Thành
258	3808	Buprofezin 150g/kg + Dinotefuran 50g/kg	Sieubup 200WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Nam Nông Phát
259	3808	Buprofezin 25% + Dinotefuran 5%	Apta 300WP	Rầy nâu/ lúa, bọ cánh tơ/chè	Công ty TNHH ADC
260	3808	Buprofezin 20% + Dinotefuran 10%	Bn-dinobu 30WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Bảo Nông Việt
261	3808	Buprofezin 180g/kg + Dinotefuran 120g/kg	Dino-top 300WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Khử trùng Nam Việt
262	3808	Buprofezin 150g/kg + Dinotefuran 250g/kg	Raynanusa 400WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông
			Lotoshine 400WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam
			Party 400WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
263	3808	Buprofezin 155g/kg, 180g/kg (210g/kg), (250g/kg), (208g/kg) + Dinotefuran 150g/kg, 193g/kg (208g/kg),	Bluecat 450WP, 568WG, 608WP, 658WG, 668WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP TM Đầu tư Bắc Mỹ

		(208g/kg), (210g/kg) + Imidacloprid 145g/kg, 195g/kg (190g/kg), (200g/kg), (250g/kg)			
264	3808	Buprofezin 20g/l (100g/kg), (54.5g/l), (250g/kg), (90g/kg) + Dinotefuran 0.5g/l (100g/kg), (0.5 g/l), (10g/kg), (10g/kg) + Isoprocarb 60g/l (200g/kg), (400g/l), (200g/kg), (400g/kg)	Sinevagold 81EW, 400WP, 455EC, 460WP, 500WP	81EW: bọ trĩ/lúa 455EC: Rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ cà phê 400WP, 460WP, 500WP: Rầy nâu/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
265	3808	Buprofezin 7% + Fenobucarb 20 %	Applaud-Bas 7 WP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
266	3808	Buprofezin 100g/l + Fenobucarb 500g/l	Hoptara2 600EC	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
267	3808	Buprofezin 5 g/kg, (100g/l), (300g/kg) + Fenobucarb 80 g/kg, (500g/l), (350g/kg)	Roverusa 85GR, 600EC, 650WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
268	3808	Buprofezin 250g/l + Fenobucarb 425g/l	Gold-cow 675EC	Rầy nâu/lúa, bọ xít/hồ tiêu; rệp sáp/cà phê	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
269	3808	Buprofezin 100g/kg (120g/kg), (10g/l), (1g/l) (20g/l) + Fenobucarb 10g/kg (10g/kg), (10g/l), (511g/l), (500g/l) + Thiamethoxam 10g/kg (10g/kg), (350g/l), (1g/l), (30g/l)	Helloone 120WP, 140WP, 370SC, 513EC, 550EC	120WP, 550EC: Rầy lưng trắng/lúa 140WP, 370SC, 513EC: rầy nâu/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
270	3808	Buprofezin 100g/kg (20g/l), (50g/kg), (20g/l) + Fenobucarb 10g/kg (200g/l) (1g/kg), (500g/l) +	Buccas 120WP, 221EC, 301WP, 550EC	rầy lưng trắng/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ

		Thiamethoxam 10g/kg (1g/l), (250g/kg), (30g/l)			
271	3808	Buprofenzin 250g/kg + Fipronil 50g/kg	Lugens top 300WP	rệp sáp/ cà phê; bọ xít, bọ trĩ, sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Phú Nông
272	3808	Buprofezin 20g/l (125.5g/kg), (20g/kg), (230g/kg) + Fipronil 20g/l (0.5g/kg), (100g/kg), (30g/kg) + Imidacloprid 5g/l (40g/kg), (100g/kg), (500g/kg)	Fidanone 45EW, 166WP, 220WP, 760WG	45EW, 220WP: Sâu cuốn lá/lúa 166WP, 760WG: Rầy nâu/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
273	3808	Buprofezin 6.7%, (40%) + Imidacloprid 3.3% (10%)	Gold Tress 10WP, 50WP	10WP: rầy nâu/ lúa 50WP: rệp sáp/ cà phê, hồ tiêu; rầy nâu/ lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
274	3808	Buprofezin 6.7% (22%) + Imidacloprid 3.3% (17%)	Thần Công Gold 10WP, 39WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
275	3808	Buprofezin 6.7% + Imidacloprid 3.3%	Admara 10WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
			Imiprid 10WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
276	3808	Buprofezin 10% + Imidacloprid 20%	Daiphat 30WP	rầy nâu, bọ trĩ/lúa	Công ty CP Futai
			Uni-prozindor 30WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH World Vision (VN)
277	3808	Buprofezin 25% + Imidacloprid 15%	IMI.R4 40WP	Rầy nâu/ lúa, rệp sáp/cà phê, bọ xít muỗi/điều	Công ty CP Thanh Điền
278	3808	Buprofezin 150g/kg + Imidacloprid 100g/kg	Cytoc 250WP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
			Shepatoc 250WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hoà Bình
279	3808	Buprofezin 200g/kg + Imidacloprid 50g/kg	Anchies 250WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân

280	3808	Buprofezin 195 g/kg + Imidacloprid 25g/kg	Ascophy 220WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
281	3808	Buprofezin 250 g/kg + Imidacloprid 25g/kg	Efferayplus 275WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Nông nghiệp Xanh
282	3808	Buprofezin 200g/kg + Imidacloprid 100g/kg	Imburad 300WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Bình Điền Mê Kông
283	3808	Buprofezin 250g/kg + Imidacloprid 100g/kg	Map spin 350WP	rầy nâu/ lúa	Map Pacific Pte Ltd
284	3808	Buprofezin 250g/kg (300g/kg) + Imidacloprid 50g/kg (100g/kg)	Babsax 300WP, 400WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
285	3808	Buprofezin 300 g/kg + Imidacloprid 150g/kg	Wegajapane 450WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
286	3808	Buprofezin 450g/kg + Imidacloprid 150g/kg	Diflower 600WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH CN KH Mùa màng Anh Rê
287	3808	Buprofezin 22.5% (20g/kg), (50g/l), (200g/l), (250g/kg) + Imidacloprid 2.5% (100g/kg), (200g/l), (200g/l), (500g/kg)	VK.Superlau 25WP, 120WP, 250EC, 400SC, 750WG	25WP, 250EC, 400SC, 750WG: Bọ trĩ, rầy nâu/ lúa 120WP: Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
288	3808	Buprofezin 90g/kg (20g/l), (50g/l), (20g/kg), (200g/kg) + Imidacloprid 20g/kg (1g/l), (50g/l), (20g/kg), (300g/kg) + Isoprocarb 100g/kg (300g/l), (350g/l), (410g/kg), (100g/kg)	Topogold 210WP, 321EC, 450EC, 450WP, 600WP	450EC, 600WP: Rầy nâu/lúa 210WP, 321EC, 450WP: rầy lưng trắng/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung

289	3808	Buprofezin 300g/l (550g/kg) + Imidacloprid 30g/l (150g/kg) + Lambda-cyhalothrin 50g/l (50g/kg)	Ilteruper 380SC, 750WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH An Nông
290	3808	Buprofezin 105g/kg, (190g/kg), (18g/kg), (150g/kg), (6g/kg), (20g/kg), (200g/kg) + Imidacloprid 40g/kg, (18g/kg), (191g/kg), (150g/kg), (5g/kg), (20g/kg), (200g/kg) + Thiosultap-sodium 40g/kg, (38g/kg), (38g/kg), (50g/kg), (429g/kg), (710g/kg), (400 g/kg)	Actaone 185WP, 246WP, 247WP, 350WG, 440WP, 750WP, 800WP	185WP, 350WG, 800WP: rầy nâu/ lúa 246WP, 247WP: Rầy nâu, bọ trĩ/lúa 440WP: sâu cuốn lá/ lúa 750WP: Sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
291	3808	Buprofezin 5.0 % + Isoprocarb 20.0 %	Applaud - Mipc 25 SP	rầy/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
			Apromip 25WP	rầy nâu/ lúa, rầy xanh/ hồ tiêu	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
			Jabara 25WP	rầy nâu/ lúa	Dongbu Farm Hannong Co., Ltd.
292	3808	Buprofezin 6% + Isoprocarb 19%	Superista 25EC	rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Sản phẩm Công Nghệ Cao
293	3808	Buprofezin 350g/kg (200g/kg) + Lambda-cyhalothrin 30g/kg (50g/kg) + Nitenpyram 300g/kg (500g/kg)	Goldcheck 680WP, 750WP	680WP: Nhện gié, rầy nâu/lúa 750WP: Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH An Nông
294	3808	Buprofezin 150 g/kg (200g/l), (150g/kg) + Pymetrozine 150 g/kg (400g/l), (500g/kg)	Tvpymemos 300WP, 600EC, 650WG	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hoá chất & TM Trần Vũ

295	3808	Buprofezin 150g/kg (200g/kg), (50g/kg), (20g/kg) + Pymetrozine 20g/kg, (200g/kg), (500g/kg), (780g/kg)	Chesgold 170WP, 400WP, 550WG, 800WP	170WP, 400WP, 550WG: Rầy nâu/lúa 800WP: rầy lưng trắng/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
296	3808	Buprofezin 200g/kg (50g/kg), (1g/kg) + Pymetrozine 200g/kg (500g/kg), (520g/kg)	Topchest 400WP, 550WG, 521WG	400WP, 521WG: Rầy nâu/ lúa 550WG: Rầy lưng trắng/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
297	3808	Buprofezin 100g/kg + Pymetrozine 400g/kg	Andoches-super 500WG	rầy nâu/ lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
298	3808	Buprofezin 255g/kg + Pymetrozine 300g/kg	Zheds® 555WG	Rầy nâu/ lúa	Công ty CP Quốc tế APC Việt Nam
299	3808	Buprofezin 100g/kg + Pymetrozine 500g/kg	Chatot 600WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
300	3808	Buprofezin 400g/kg + Pymetrozine 200g/kg	Vintarai 600WG	Rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Việt Thắng
301	3808	Buprofezin 20g/kg + Pymetrozine 40g/kg	Azatika 60WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP XNK Thọ Khang
302	3808	Buprofezin 10% + Tebufenozide 5 %	Jia-ray 15WP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
			Quada 15WP	rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa	Nihon Nohyaku Co., Ltd.
303	3808	Buprofezin 250g/kg (450g/kg) + Tebufenpyrad (min 98%) 350g/kg (250g/kg)	Newtime 600WP, 700WP	600WP: Nhện gié/lúa 700WP: nhện gié/ lúa, nhện đỏ/ cà phê	Công ty TNHH An Nông
304	3808	Buprofezin 250 g/kg + Thiamethoxam 50 g/kg	Acme 300WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
305	3808	Buprofezin 269g/kg (449g/kg), (499g/l), (50g/kg) + Thiosultap-sodium (Nereistoxin) 1g/kg (1g/kg), (1g/l), (450g/kg)	Aplougent 270WP, 450WP, 450SC, 500WP	270WP, 450WP, 450SC: Rầy nâu/lúa 500WP: sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam

306	3808	Carbaryl (min 99.0 %)	Carbavin 85 WP	rầy/ hoa cảnh	Bion Tech Inc.
			Comet 85 WP	rầy nâu/ lúa	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.
			Forvin 85 WP	sâu đục thân/ lúa	Forward International Ltd
			Saivina 430 SC	rầy nâu/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
			Sebaryl 85 SP	rầy nâu/ lúa, sâu đục quả/ đậu xanh	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
307	3808	Carbosulfan (min 93%)	Alfasulfan 5 GR	sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
			Afudan 3GR, 20 SC	3GR: sâu đục thân/ ngô, tuyến trùng/ cà phê 20SC: sâu đục thân/ lúa, bọ trĩ/ bông vải	Công ty TNHH – TM Thái Nông
			Amitage 200EC	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Việt Hóa Nông
			Carbosan 25 EC	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
			Coral 5GR, 200SC	5GR: sâu đục thân/ lúa 200SC: rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH - TM ACP
			Dibafon 5GR, 200SC	5GR: tuyến trùng/ mía 200SC: rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Công nghiệp Khoa học Mùa màng Anh-Rê
			Dofacar 5GR	Tuyến trùng/ cà phê	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
			Marshal 3GR, 5GR, 200SC	3GR: sâu đục thân/ mía 5GR: sâu đục thân, rầy nâu/ lúa; tuyến trùng/ cà phê 200SC: sâu đục thân, rầy nâu/ lúa; rệp sáp/ cà phê	FMC Agricultural Products Interational AG
			Vifu - super 5 GR	tuyến trùng/ hồ tiêu, cà phê; rệp sáp/ cà phê; sâu đục thân, sâu năn, rầy nâu, tuyến trùng/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
308	3808	Carbosulfan 200 g/l + Chlorfluazuron 50g/l	Sulfaron 250EC	Sâu đục thân, sâu đục bẹ, sâu keo, nhện gié, rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa; rệp sáp, mọt đục cành /cà phê; sâu xanh láng/ lạc	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
309	3808	Carbosulfan 200g/l + Chlorfluazuron 50g/l + Fipronil 50g/l	Sulfaron gold 300EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
310	3808	Carbosulfan 200 g/l +	Bop 600EC	mọt đục cành, rệp sáp/ cà phê; sâu đục thân/lúa;	Công ty TNHH ADC

		Chlorpyrifos Ethyl 400g/l		sâu đục cành, sâu đục thân/điều	
311	3808	Carbosulfan 200 g/l + Chlorpyrifos ethyl 300g/l	Sapro 500EC	rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Trường Thịnh
312	3808	Cartap (min 97%)	Alfatap 10GR, 95SP	10GR: sâu đục thân/ lúa 95SP: sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
			Badannong 4GR, 10GR, 95SP	4GR: sâu đục thân/ lúa 10GR: sâu đục thân/ lúa, mía 95SP: sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa; sâu ăn lá/ lạc	Công ty TNHH An Nông
			Bazan 5GR	sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
			Caral 95 SP	sâu đục thân/ lúa	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
			Dantac 50GR, 100GR, 500SP, 950SP	50GR, 100GR, 500SP: sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa 950SP: sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
			Gà nòi 4GR, 95SP	4GR: sâu đục thân/ lúa 95SP: sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
			Jiatap 95SP	sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
			Ledan 4GR, 10 GR, 95SP	sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH - TM Bình Phương
			Longkick 50SP	sâu đục thân/ lúa	Dongbu Farm Hannong Co., Ltd.
			Nicata 95 SP	sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Nicotex
			Padan 4GR, 50SP, 95SP	4GR: sâu đục thân/ mía; sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/ lúa 50SP: sâu đục thân/ lúa, ngô, mía 95SP: sâu đục thân/ mía; sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/ lúa; sâu khoang/ lạc	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
			Patox 4GR, 50SP, 95SP	sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; sâu đục thân/ mía	Công ty CP BVTV I TW
			Supertar 950 SP	Bọ xít/hồ tiêu; bọ xít muỗi/điều; rệp sáp/cà phê; sâu đục thân/ngô, mía; sâu khoang/lạc; sâu đục	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng

				hoa/đậu xanh; sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa	
			Wofadan 4GR, 50GR, 95SP, 100GR, 500SP	4GR: sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa 50GR, 100GR, 500SP: sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ/ lúa 95SP: sâu đục thân lúa, ngô	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
			Vicarp 4GR, 95SP	4GR: sâu đục thân/ lúa 95WP: sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
313	3808	Cartap 470 g/kg + Imidacloprid 30 g/kg	Abagent 500WP	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức
314	3808	Cartap 75% + Imidacloprid 10%	Nosau 85WP	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
315	3808	Cartap 4 % + Isoprocab 2.5 %	Vipami 6.5 GR	sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
316	3808	Cartap hydrochloride 475g/kg + Fipronil 25g/kg	Wofagent 500WP	sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
317	3808	Cartap 45% + Thiamethoxam 1%	Natera 46% SG	sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
318	3808	Celastrus angulatus	Agilatus 1EC	sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục thân/ lúa; bọ trĩ/ chè; rệp sáp/ cam; sâu đục quả/ vải; sâu tơ/ bắp cải; bọ nhậy/ rau cải; nhện đỏ/ ớt; dòi đục lá/ đậu trạch; sâu khoang/ thuốc lá	Công ty TNHH VT NN Phương Đông
			Emnus 1EC	sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu khoang/ lạc; sâu xanh da láng/ thuốc lá; rầy xanh, bọ trĩ/ chè; dòi đục lá/ đậu tương	Công ty TNHH Trường Thịnh
319	3808	Chlorantraniliprole (min 93%)	DuPont™ Prevathon® 0.4GR, 5SC, 35WG	0.4GR: sâu đục bẹ, sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa 5SC: dòi đục lá/ cà chua, dưa hấu; sâu xanh sọc trắng/ dưa hấu, sâu xanh da láng, sâu đục quả/ đậu tương, hành; sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/cà chua, bọ nhậy/rau cải thìa, sâu khoang/lạc, 35WG: sâu tơ, bọ nhậy/ bắp cải; sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu đục bẹ/ lúa	DuPont Vietnam Ltd
320	3808	Chlorantraniliprole 5g/kg (20%), (100g/l) + 10g/kg (20%), (200g/l)	Virtako 1.5GR, 40WG, 300SC	1.5GR: Sâu cuốn lá, rầy nâu, sâu đục thân, dòi đục lá /lúa 40WG: Rầy lưng trắng, rệp/ngô, sâu cuốn lá, sâu	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam

		Thiamethoxam		đục thân, rầy nâu/ lúa; sâu đục thân/ngô; nhện lông nhung/nhân 300SC: bọ nhảy/ rau cải, rệp/ cà chua, sâu xám/khoai tây	
321	3808	Chlorantraniliprole 100g/l + Lambda-cyhalothrin 50g/l	Ampligo 150ZC	Sâu cuốn lá/lúa; sâu xanh, sâu đục quả/đậu tương	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
322	3808	Chlorfenapyr	Alex 50WG	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
			Chlorferan 240SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
			Danthick 100EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Đầu tư TM và PTNN ADI
			Ohayo 100SC	Sâu xanh da láng/đậu xanh	Công ty TNHH BMC
			Secure 10EC, 10SC	10EC: sâu xanh da láng/ đậu đỗ lấy hạt, bọ trĩ/ dưa hấu, sâu cuốn lá/ lúa 10SC: sâu xanh da láng/ lạc	BASF Vietnam Co., Ltd.
			Superjet 110SC	rầy lưng trắng/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
			Yamato 110SC	rầy lưng trắng/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
323	3808	Chlorfenapyr 100g/l + Cypermethrin 20g/l	Bugattegold 120SC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ
324	3808	Chlorfenapyr 100g/l + Chlorfluazuron 150g/l	Timdiet 250EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
325	3808	Chlorfenapyr 100g/l + Emamectin benzoate 50g/l	Bạch Hồ 150SC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
326	3808	Chlorfenapyr 100g/l + Fipronil 100g/l	Force 200SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Đầu tư và phát triển Ngọc Lâm
327	3808	Chlorfenapyr 100g/l + Fipronil 50g/l	Kun super 150SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
328	3808	Chlorfenapyr 50g/l + Hexythiazox 50g/l	Secsorun 100SC	Nhện gié, sâu cuốn lá/ lúa; nhện đỏ/ hoa hồng	Công ty CP Nông Việt
329	3808	Chlorfluazuron	Alulinette	sâu tơ/ bắp cải	Công ty CP Quốc tế

		(min 94%)	50EC		Hòa Bình
			Atabron 5EC	sâu tơ/ bấp cải	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
			Atannong 50EC, 50SC	50EC: sâu phao/ lúa 50SC: sâu khoang/ lạc, sâu xanh da láng/ đậu xanh	Công ty TNHH An Nông
			Cartaprone 5 EC	sâu xanh/ lạc	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
330	3808	Chlorfluazuron 10% + Chlorpyrifos Ethyl 16%	Bn-samix 26EC	Sâu cuốn lá, nhện gié, sâu phao đục bẹ/lúa	Công ty CP Bảo Nông Việt
331	3808	Chlorfluazuron 150g/kg (100g/l) + Chlorpyrifos Ethyl 200g/kg (460g/l) + Fipronil 250g/kg (40g/l)	Kampon 600WP, 600EC	600WP: sâu đục thân/lúa 600EC: rầy nâu/lúa	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
332	3808	Chlorfluazuron 100g/l + Chlorpyrifos Ethyl 200g/l + Fipronil 100g/l	Akief 400EC	Sâu cuốn lá, bọ trĩ, sâu phao, sâu đục thân/lúa, rệp sáp/cà phê; sâu xanh/ lạc	Công ty TNHH TM Thái Nông
333	3808	Chlorfluazuron 100g/l + Clothianidin 170g/l	TT Glim 270SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
334	3808	Chlorfluazuron 110g/l + Dinotefuran 160g/l	TT Checker 270SC	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
335	3808	Chlorfluazuron 55g/l + Emamectin benzoate 20g/l	AK Dan 75EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
336	3808	Chlorfluazuron 2g/l + Emamectin benzoate 40g/l	Futoc 42EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức
337	3808	Chlorfluazuron 50g/l (100g/l), (100g/kg) + Emamectin benzoate 20g/l (40g/l), (40g/kg)	Director 70EC, 140EC, 140WP	70EC: Sâu tơ/bấp cải, nhện đỏ/ ớt, sâu cuốn lá/ lúa, bọ trĩ/hoa lay ơn 140EC, 140WP: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM SX Khánh Phong
338	3808	Chlorfluazuron 50g/l (100g/l) + Emamectin benzoate 50g/l (30g/l)	Ammeri 80EC, 150EC	80EC: Sâu tơ/bấp cải, sâu cuốn lá/ lúa 150EC: Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Nông nghiệp Xanh
339	3808	Chlorfluazuron 100g/l	Alantic 140SC, 140WG,	140WG, 140WP:: sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH

		(g/kg) + 40g/l (g/kg) Emamectin benzoate	140WP	140SC: sâu cuốn lá /lúa	Nam Bộ
340	3808	Chlorfluazuron 230g/l (175g/kg) + Emamectin benzoate 30g/l (40g/kg) + Fipronil 90g/l (300g/kg)	VetuJapane 350SC, 515WP	350SC: sâu đục thân/ lúa, sâu xanh/ đậu tương 515WP: Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
341	3808	Chlorfluazuron 100g/l + Emamectin benzoate 40g/l + Fipronil 160g/l	Nofet 300EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
342	3808	Chlorfluazuron 50g/l (100g/l) + Emamectin benzoate 50g/l (120g/l) + Indoxacarb 100g/l (80g/l)	Thadant 200SC, 300EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Anh Dầu Tiên Giang
343	3808	Chlorfluazuron 150g/l + Fipronil 250g/l	TT Bux 400SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
			Vk.Suking 400EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
344	3808	Chlorfluazuron 100g/l + Fipronil 160g/l	Fiplua 260EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Vipes Việt Nam
			Luckystar 260EC	Sâu năn, nhện gié, sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ xít/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
			Zumon super 260EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Kiên Nam
345	3808	Chlorfluazuron 0.2g/kg, (100g/l), (200g/kg)+ Fipronil 9.7g/kg, (160g/l), (320g/kg)	Chief 9.9GR, 260EC, 520WP	9.9GR: rầy nâu, sâu năn, sâu đục thân/ lúa 260EC: Rầy phấn trắng, nhện gié, sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa; sâu xanh/ lạc, 520WP: Rầy phấn trắng, sâu cuốn lá, sâu đục thân, nhện gié/ lúa; sâu xanh/ lạc	Công ty TNHH ADC
346	3808	Chlorfluazuron 110g/l (200g/kg), (220g/kg) + Fipronil 175g/l (325g/kg), (345g/kg)	Schiepusamy 285EC, 525WP, 565WP	285EC: sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa 525WP, 565WP: Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
347	3808	Chlorfluazuron 100 g/l (200g/kg) + Fipronil 100g/l (300g/kg) +	Goodtrix 300SC, 750WP	300SC: Sâu cuốn lá/lúa 750WP: Sâu cuốn lá, sâu đục thân, nhện gié, rầy	Công ty TNHH An Nông

		Imidacloprid 100g/l (250g/kg)		nâu/lúa; sâu xanh da láng/đậu xanh	
348	3808	Chlorfluazuron 200g/kg + Fipronil 350 g/kg + Imidacloprid 100g/kg	TT oxys 650WP	Rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
349	3808	Chlorfluazuron 200g/kg + Fipronil 200g/kg + Thiamethoxam 350g/kg	Fipthoxam 750WG	Sâu phao đục bẹ/lúa	Công ty CP KT Dohaledusa
350	3808	Chlorfluazuron 70 g/l + Indoxacarb 150 g/l	NPellaugold 220SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
351	3808	Chlorfluazuron 15% + Indoxacarb 15%	TT Bite 30SC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
352	3808	Chlorfluazuron 49.9g/kg + Lambda-cyhalothrin 50g/kg	Aniper 99.9WP	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP ND Quốc tế Nhật Bản
353	3808	Chlorfluazuron 200g/kg (300g/kg) + Lambda-cyhalothrin 50g/kg (50g/kg)+ Nitenpyram 500g/kg (430g/kg)	Onecheck 750WP, 780WP	750WP: Rầy nâu/ lúa 780WP: Sâu xanh da láng/đậu tương; sâu đục thân, nhện gié, rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH An Nông
354	3808	Chlorfluazuron 50g/l + Pemethrin 100g/l + Profenofos 300g/l	Messigold 450EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
355	3808	Chlorfluazuron 5g/l (93g/l), (10g/l), (220g/kg), (100g/l), (1g/l) + Profenofos 71g/l (1g/l), (1g/l), (10g/kg), (350g/l), (510g/l) + Thiamethoxam 10g/l (1g/l), (264g/l), (200g/kg), (50g/l), (1g/l)	Bakari 86EW, 95EW, 275SC, 430WP, 500EC, 512EC	86EW: bọ trĩ/lúa 275SC: rầy nâu/lúa 430WP, 95EW: sâu cuốn lá/lúa 512EC, 500EC: Sâu đục thân/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
356	3808	Chlorpyrifos Ethyl	Acetox 40EC	Sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa; sâu khoang/lạc;	Công ty TNHH

(min 94 %)			rệp sáp/cà phê	Trường Thịnh
	Alocbale 40EC		sâu khoang/ lạc; sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH Sản phẩm Công Nghệ Cao
	Anboom 40EC, 48EC		40EC: rệp sáp/ cà phê, mối/điều 48EC: Một đục cành/cà phê, sâu đục ngọn/điều, sâu cuốn lá, bọ phấn trắng/lúa, rệp sáp/ca cao, hồ tiêu; sâu đục quả/ ca cao	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
	Arusa 480EC		rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH TM Thái Nông
	Bonus 40 EC		rệp sáp/cà phê, sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Nicotex
	Bullet 48 EC		sâu khoang/ lạc, rệp sáp/ cà phê	Imaspro Resources Sdn Bhd
	Chlorban 20 EC, 48EC		20EC: sâu cuốn lá/ lúa 48EC: rệp sáp/ cà phê; sâu xanh/ bông vải; sâu xanh da láng/ đậu tương	Công ty TNHH UPL Việt Nam
	Forfox 250EC, 400EC, 650EC		250EC, 400EC: sâu khoang/ lạc 650EC: rệp sáp giả/ cà phê	Công ty TNHH Việt Thắng
	Genotox 48EC, 55.5EC		48EC: sâu xanh da láng/ đậu tương 55.5EC: sâu đục bẹ, sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/ lúa; sâu xanh/ lạc, đậu tương; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH CN KH Mùa màng Anh Rê
	Hoban 30EC, 500EC		30EC: sâu xanh da láng/ lạc, sâu đục thân/ lúa, rệp sáp/ cà phê 500EC: bọ xít muỗi/điều, sâu xanh da láng/lạc, sâu đục thân/lúa, một đục cành/cà phê	Công ty CP Hóc Môn
	Lora 10GR		Sâu đục thân/lúa	Công ty CP SX - TM – DV Ngọc Tùng
	Lorsban 15GR, 30EC, 40EC, 75WG		15GR: sâu đục thân lúa; sâu đục thân, sâu đục bắp/ ngô 30EC: sâu đục thân/ lúa; sâu xanh da láng/ đậu tương, lạc; rệp sáp/ cà phê 40EC: mối/ cao su, hồ tiêu; rệp sáp/ cà phê 75WG: sâu đục thân/ lúa	Dow AgroSciences B.V
	Mapy 48 EC		rệp sáp/ cà phê, hồ tiêu; sâu xanh/ đậu tương; sâu đục thân/ ngô, một đục cành/cà phê; sâu đục thân/lúa; một đục quả/cà phê	Map Pacific PTE Ltd
	Maxfos		rệp sáp/ cà phê, sâu khoang/ lạc, sâu đục thân/	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí

50 EC	lúa	
Medomor 40EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Asiagro Pacific Ltd
Minifos 480EC	rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH MTV SNY
Mondeo 40EC, 60EC	40EC: sâu đục thân/ lúa, sâu khoang/ lạc 60EC: sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH TM Anh Thơ
Noviphos 48EC	rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Nông Việt
Nycap 15GR, 48EC	15GR: rệp sáp rễ/ cà phê 48EC: sâu đục quả/ đậu tương; rệp sáp/ cà phê; sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu đục bẹ/ lúa; sâu đục bắp/ ngô	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yên
Pictac 800WG	Sâu đục thân/lúa	Công ty CP Quốc tế Hoà Bình
Pro-tin 480EC	Sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH P - H
Pyrinex 20 EC, 480EC	20EC: sâu xanh da láng/ lạc; sâu cuốn lá/ lúa; xử lý đất, xử lý hạt giống; rệp sáp/ phê 480EC: sâu xanh/đậu tương; sâu cuốn lá/lúa; rệp sáp/cà phê; sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Adama Việt Nam
Pyritox 200EC, 400EC, 480EC	200EC, 400EC: sâu phao đục bẹ/ lúa; sâu đục quả/ đậu xanh; sâu đục hoa/ đậu tương; mọt đục cành/ cà phê 480EC: rệp vảy/ cà phê, sâu phao đục bẹ/ lúa	Công ty TNHH An Nông
Sanpyriphos 20EC, 48EC	20EC: sâu đục thân/ lúa 48EC: sâu khoang/ lạc	Forward International Ltd
Sargent 6GR	sâu đục thân/ lúa, mía; rầy nâu/ lúa; mối, ve sầu/ cà phê	Công ty CP BVTV Sài Gòn
Sieu Sao E 500WP	sâu đục thân, rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa; rệp sáp/ cà phê; sâu đục quả/ đậu tương	Công ty TNHH Phú Nông
Siriphos 48EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH King Elong
Termicide 40EC	rệp sáp/ cà phê	Hextar Chemicals Sdn, Bhd
Tricel 20EC, 48EC	20EC: sâu xanh/ đậu tương 48EC: bọ trĩ, sâu cuốn lá/lúa; rệp sáp giả/cà phê	Excel Crop Care Limited
Tipho-sieu 400EC	sâu cuốn lá/ đậu tương; rệp sáp, mọt đục cành / cà phê	Công ty TNHH – TM Thái Phong

			Virofos 20EC, 50EC	20EC: sâu xanh da láng/ đậu tương; mồi/ cao su, cà phê 50EC: Sâu phao đục bẹ, sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa; rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
			Vitashield 18EC, 40EC	18EC: sâu đục thân/ lúa 40EC: rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
357	3808	Chlorpyrifos ethyl 350g/kg + Clothianidin 150g/kg + Thiamethoxam 100g/kg	Killray TSC 600WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Vật tư KTNN Cần Thơ
358	3808	Chlorpyrifos Ethyl 250g/l, (450g/l), (550g/l) + Cypermethrin 25g/l, (50g/l), (200g/l)	Stopinsect 275EC, 500EC, 750EC	275EC: sâu đục bẹ/ lúa 500EC: Sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa; sâu đục ngọn/ điều, bọ hà/khoai lang, sâu đục quả/cà phê 750EC: sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu đục bẹ/ lúa, bọ hà/khoai lang	Công ty CP Nông dược Agriking
359	3808	Chlorpyrifos Ethyl 250g/l + Cypermethrin 25g/l	Nurelle D 25/2.5 EC	sâu đục thân, sâu phao đục bẹ, sâu cuốn lá/ lúa; sâu xanh/ bông vải; sâu khoang/lạc; rệp sáp/cà phê	Dow AgroSciences B.V
360	3808	Chlorpyrifos Ethyl 42% (515g/l), (505g/l), (510g/l) + Cypermethrin 8% (80g/l), 200g/l), (250g/l)	Triceny 50EC, 595EC, 705EC, 760EC	50EC: sâu đục quả/ đậu tương; sâu phao đục bẹ, sâu đục bẹ, sâu cuốn lá/ lúa; rệp sáp/ cà phê 595EC: sâu cuốn lá, rầy nâu, sâu đục bẹ/ lúa; rệp sáp/ cà phê 705EC: sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/lúa; rệp sáp/cà phê 760EC: Sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu đục bẹ/lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
361	3808	Chlorpyrifos Ethyl 35% (50%), (550g/l)+ Cypermethrin 5% (10%), (150g/l)	Docytox 40EC, 60EC, 700EC	40EC: sâu đục thân/ ngô 60EC: sâu cuốn lá/ lúa 700EC: rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thanh Hưng
362	3808	Chlorpyrifos Ethyl 400g/l (580g/l) + Cypermethrin 50g/l (100g/l)	Aseld 450EC, 680EC	450EC: rệp sáp/ cà phê, sâu xanh/ lạc 680EC: rệp sáp/ cà phê, sâu xanh/ lạc; sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu đục bẹ/ lúa	Công ty TNHH - TM Thái Nông
363	3808	Chlorpyrifos Ethyl 459g/l (530g/l) + 45.9g/l (50g/l) Cypermethrin	Subside 505EC, 585EC	505EC: bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; rệp sáp, mọt đục cành, sâu đục quả/ cà phê 585EC: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH - TM ACP

364	3808	Chlorpyrifos Ethyl 45.9% + Cypermethrin 4.59%	Bintang 50.49EC	Sâu đục thân/ lúa, rệp sáp/cà phê	Hextar Chemicals Sdn. Bhd.
365	3808	Chlorpyrifos Ethyl 45 g/l (100g/l), (200g/l), (400g/kg), (500g/l), (600g/l) + Cypermethrin 50 g/l (100g/l), (200g/l), (50g/kg), (60g/l), (60g/l)	Cadicone 95EC, 200EC, 400EC, 450WP, 560EC, 660EC	95EC: Bọ trĩ/ lúa 200EC, 400EC: Sâu cuốn lá/ lúa 560EC, 450WP: Sâu đục thân/ lúa 660EC: Sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
366	3808	Chlorpyrifos Ethyl 25% (40%), (50%), (55%) + Cypermethrin 5% (1%), (5%), (5%)	Tungcydan 30EC, 41EC, 55EC, 60EC	30EC: sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; sâu xanh da láng, dòi đục lá/ đậu xanh; sâu róm/ điều; bọ trĩ, sâu đục ngọn/ thuốc lá; rệp sáp/ cà phê; sâu đục thân/ngô 41EC: mối/ cà phê, hồ tiêu 55EC: sâu xanh da láng/ đậu xanh; bọ trĩ/ thuốc lá; sâu đục thân/ ngô; sâu róm, sâu đục thân/ điều; sâu đục thân, sâu cuốn lá, sâu phao, sâu đục bẹ, bọ trĩ, bọ xít, nhện gié, rầy nâu/ lúa; mọt đục cành, sâu đục thân, rệp sáp/ cà phê 60EC: rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa; rệp sáp/ cà phê; mọt đục cành/ cà phê; sâu ăn lá/ khoai lang; sâu đục quả/ đậu tương; sâu xanh da láng/ đậu xanh; sâu đục thân, bọ xít muỗi/ điều; rệp sáp, rệp muỗi/ hồ tiêu	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
367	3808	Chlorpyrifos Ethyl 250g/l (530g/l) + Cypermethrin 50 g/l (55g/l)	Victory 300EC, 585EC	300EC: Rệp/ mía 585EC: Rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa; rệp sáp, mọt đục cành /cà phê	Công ty CP BVTV I TW
368	3808	Chlorpyrifos Ethyl 50% + Cypermethrin 5%	Clothion 55EC	sâu đục quả/ đậu tương, sâu róm/ điều, rệp sáp/ cà phê, sâu xanh da láng/ lạc, sâu cuốn lá/ lúa, mối/ hồ tiêu	Công ty CP Thanh Điền
369	3808	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l + Cypermethrin 50g/l	God 550EC	rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu phao đục bẹ/ lúa; rệp sáp/ cà phê; sâu đục quả/ đậu tương	Công ty TNHH Phú Nông

			Co-cyfos 550EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Baconco
			Supraxong 550EC	Sâu đục thân/lúa	Công ty CP Đầu tư VTNN Sài Gòn
			Trusul 550EC	Sâu cuốn lá, rầy nâu, sâu đục thân/lúa; sâu đục thân/ngô	Công ty TNHH VT BVTV Phương Mai
			Vanguard 550EC	Sâu đục bẹ/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV MeKong
			Wusso 550EC	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH BMC
370	3808	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l (550g/l) + Cypermethrin 50g/l (200g/l)	Lion super 550EC, 750EC	550EC: Sâu đục thân/ lúa 750EC: Rầy nâu, sâu đục bẹ/ lúa	Công ty TNHH P-H
371	3808	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l (500g/l), (500g/l), (500g/l) + Cypermethrin 50 g/l (85g/l), (100g/l), (277g/l)	Serpal super 550EC, 585EC, 600EC, 777EC	550EC: Rầy nâu, sâu đục bẹ/ lúa 585EC: Rệp sáp/ cà phê, rầy nâu/ lúa 600EC: Rệp sáp/ cà phê; rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa 777EC: Rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
372	3808	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l (550g/l), (560g/l) + Cypermethrin 200g/l (227g/l), (239g/l)	Đại Bàng Đỏ 700EC, 777EC, 799EC	700EC: sâu đục bẹ, rầy nâu/ lúa 777EC: rầy nâu/ lúa 799EC: Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH – TM Nông Phát
373	3808	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l (500g/l), (500g/l), (500g/l), (500g/l), (650 g/l), (650g/l), (650g/l) + Cypermethrin 55g/l (105), (150g/l), (205g/l), (250g/l), (130g/l) (150g/l), (200g/l)	Pertrang 55.5EC, 605EC, 650EC, 705EC, 750EC, 780EC, 800EC, 850EC	55.5EC: sâu đục thân/ ngô 605EC, 705EC, 650EC, 750EC: sâu đục bẹ/ lúa 780EC, 800EC, 850EC: Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
374	3808	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l (g/kg) + 200 g/l (g/kg) Cypermethrin	Tadagon 700EC, 700WP	700EC: Rầy nâu, sâu keo, sâu phao, sâu keo, rầy lưng trắng/lúa; rệp sáp/cà phê; sâu đục ngọn/điều; sâu đục quả/đậu tương	Công ty TNHH – TM Tân Thành

				700WP: Sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa; rệp sáp/cà phê	
375	3808	Chlorpyrifos Ethyl 530g/l (590g/l) + Cypermethrin 55 g/l (110g/l)	Dragoannong 585EC, 700EC	585EC: Bọ xít muỗi/ điều; rệp sáp/ cà phê; sâu đục thân, sâu cuốn lá, sâu phao đục bẹ, rầy nâu, bọ trĩ/ lúa; sâu khoang/ đậu xanh 700EC: Sâu xanh da láng/ đậu xanh; rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH An Nông
376	3808	Chlorpyrifos Ethyl 530g/l + Cypermethrin 55 g/l	Ca - hero 585EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP TST Cần Thơ
			Dragon 585 EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa cạn; rệp sáp/ cà phê; sâu xanh da láng/ lạc; rầy nâu/ lúa	Imaspro Resources Sdn Bhd
			Sairifos 585EC	Rầy nâu nhỏ, rầy lưng trắng, sâu đục thân, rầy nâu/ lúa; rệp sáp/ cà phê; sâu đục thân/ ngô	Công ty CP BVTV Sài Gòn
			Tigishield 585EC	Rầy nâu/ lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
377	3808	Chlorpyrifos Ethyl 530g/l, (500 g/l) + Cypermethrin 55g/l (100 g/l)	Wavotox 585EC, 600 EC	585EC: sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/lúa; sâu khoang/ lạc, rệp sáp/ cà phê 600EC: sâu cuốn lá, rầy nâu, sâu đục thân/ lúa; rệp sáp/ cà phê; sâu khoang/ lạc	Công ty TNHH Việt Thắng
378	3808	Chlorpyrifos Ethyl 50% + Cypermethrin 5%	Uni-dowslin 55EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH World Vision (VN)
379	3808	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l + Cypermethrin 60g/l	Râyusa 560EC	Rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Hoá sinh Phong Phú
380	3808	Chlorpyrifos Ethyl 55% + Cypermethrin 5%	Daiethylfos 60EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Futai
381	3808	Chlorpyrifos Ethyl 550g/l + Cypermethrin 50g/l	F16 600EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
			Jia-cyfos 600EC	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
382	3808	Chlorpyrifos Ethyl 55% + Cypermethrin 15%	Laxytox 70EC	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
383	3808	Chlorpyrifos ethyl	Jubilant 500EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Nông dược

		450g/l + Cypermethrin 50g/l			HAI Quy Nhơn
384	3808	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l + Cypermethrin 100g/l	Fotoc 600EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
385	3808	Chlorpyrifos Ethyl 600g/l + Cypermethrin 50g/l	Inip 650EC	Bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH Anh Dầu Tiền Giang
386	3808	Chlorpyrifos ethyl 500g/kg + Cypermethrin 150g/kg	T-P Boshi 650EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM Thái Phong
387	3808	Chlorpyrifos ethyl 550g/l + Cypermethrin 100g/l	HD-Alzozin 650EC	sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH TM DV Hằng Duy
388	3808	Chlorpyrifos ethyl 550g/l + Cypermethrin 55g/l	Domectin 605EC	sâu cuốn lá/lúa	PT. Sari Kresna Kimia
389	3808	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l + Cypermethrin 200g/l	Cáo sa mạc 700EC	Sâu đục bẹ/ lúa	Công ty TNHH Cánh Đồng Việt.VN
390	3808	Chlorpyrifos Ethyl 600g/l + Cypermethrin 100g/l	Penny 700EC	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
391	3808	Chlorpyrifos Ethyl 550g/l + Cypermethrin 150g/l	Ekar 700EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Delta Cropcare
392	3808	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l + Cypermethrin 50g/l + Emamectin benzoate 10g/l	Acgoldfly 560EC	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH MTV Lucky
393	3808	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l + Cypermethrin 50 g/l + Fenpropathrin 100 g/l	Rago 650EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Hóc Môn
394	3808	Chlorpyrifos ethyl 575g/l + Cypermethrin	Overagon 695EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP XNK

		100g/l + Fipronil 20g/l			Thọ Khang
395	3808	Chlorpyrifos Ethyl 400g/l + Cypermethrin 155g/l+ Imidacloprid 50g/l	Snatousamy 605EC	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
396	3808	Chlorpyrifos Ethyl 400g/l + Cypermethrin 150g/l + Imidacloprid 50g/l	Andotox 600EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
397	3808	Chlorpyrifos Ethyl 550g/l + Cypermethrin 150g/l + Indoxacarb 60g/l	Pumgold 760EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
398	3808	Chlorpyrifos Ethyl 530g/l + Cypermethrin 120g/l + Lufenuron 50g/l	Volz 700EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
399	3808	Chlorpyrifos Ethyl 30g/kg (10g/l), (10g/l), (100g/kg), 100g/l, (5g/l), (600g/l) + Cypermethrin 10g/kg (30g/l), (150g/l), (25g/kg), (25g/l), (40g/l), (40g/l)+ Phoxim 20g/kg (55g/l), (40g/l), (100g/kg), (10g/l), (400g/l), (26g/l)	Cygold 60GR, 95EC, 200EC, 225WP, 225EC, 445EC, 666EC	60GR, 445EC, 666EC: Sâu đục thân/ lúa 95EC: Bọ trĩ/ lúa 200EC: Sâu cuốn lá/ lúa 225EC: rệp sáp/ cà phê 225WP: Sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
400	3808	Chlorpyrifos ethyl 370g/l + Cypermethrin 96g/l + Quinalphos 200g/l	Sanafos 666EC	Sâu đục thân/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
401	3808	Chlorpyrifos ethyl 425g/l + Deltamethrin 36g/l + Quinalphos	Diophos 666EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình

		205g/l			
402	3808	Chlorpyrifos Ethyl 400g/kg + Dinotefuran 150g/kg	Hbousa 550WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
403	3808	Chlorpyrifos ethyl 550g/l + Emamectin benzoate 50g/l	Wince 600EC	sâu đục thân/lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
404	3808	Chlorpyrifos Ethyl 300g/l + Emamectin benzoate 25g/l + Fenobucarb 341g/l	Japenra 666EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
405	3808	Chlorpyrifos Ethyl 512g/l + Emamectin benzoate 18g/l + Lambda-cyhalothrin 25g/l	Fiphos 555EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
			Goldphos 555EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
			Rockest 555EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
406	3808	Chlorpyrifos Ethyl 400g/l + Etofenprox 200g/l	Godsuper 600EC	Rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
407	3808	Chlorpyrifos Ethyl 3% + Fenobucarb 2%	Visa 5 GR	sâu đục thân, rầy nâu, sâu đục bẹ/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
408	3808	Chlorpyrifos Ethyl 250g/l + Fenobucarb 300g/l	Rockfos 550EC	Rầy nâu/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
409	3808	Chlorpyrifos Ethyl 200g/l (250g/l) + Fenobucarb 400 g/l (500g/l)	Babsac 600EC, 750EC	600EC: Sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; rệp muội/ cà phê; sâu róm/ điều 750EC: Sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; rệp muội/ cà phê; sâu róm/ điều	Công ty TNHH Việt Thắng
410	3808	Chlorpyrifos Ethyl 350g/l + Fenobucarb 300g/l	Fenfes 650EC	Mọt đục cành/cà phê; bọ trĩ/thuốc lá; sâu róm/điều; sâu đục thân, sâu keo, bọ xít dài, sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
411	3808	Chlorpyrifos Ethyl	Super Kill Plus	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông

		200g/l + Fenobucarb 350g/l	550EC		Lúa Vàng
412	3808	Chlorpyrifos Ethyl 280g/l + Fenobucarb 306g/l + Imidacloprid 80g/l	Sucotoc 666EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hoà Bình
413	3808	Chlorpyrifos Ethyl 300g/l + Fenobucarb 340g/l + 26g/l Lambda-cyhalothrin	Dratoc 666EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty Cổ phần Quốc tế Hòa Bình
414	3808	Chlorpyrifos ethyl 10g/l + Fenobucarb 480g/l + Phenthoate 300g/l	Anhosan 790EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
415	3808	Chlorpyrifos Ethyl 28.5g/kg (300g/kg) + Fipronil 1.5g/kg (30g/kg)	Wellof 3GR, 330EC	3GR: Rầy nâu/lúa; rệp sáp rễ/ hồ tiêu; bọ hà/ khoai lang 330EC: Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Nông dược HAI
416	3808	Chlorpyrifos Ethyl 200g/l + Imidacloprid 20g/l	Fidur 220EC	Rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
417	3808	Chlorpyrifos Ethyl 4% (56%), (200g/l) + Imidacloprid 1% (10%), (50g/l)	Losmine 5GR, 66WP, 250EC	5GR: rệp sáp/ hồ tiêu, rầy nâu/lúa, sâu đục thân/lúa 66WP: sâu cuốn lá, rầy nâu, sâu đục thân/lúa; rệp sáp/cà phê 250EC: bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; rệp sáp/ cà phê; sâu đục thân/ ngô; sâu đục quả/ bông vải	Công ty CP Đồng Xanh
418	3808	Chlorpyrifos Ethyl 200g/l (450g/l), (450g/kg) + Imidacloprid 50g/l (150g/l), (150g/kg)	Pro-per 250 EC, 600EC, 600WP	250EC: sâu cuốn lá/ lúa 600EC, 600WP: rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
419	3808	Chlorpyrifos Ethyl 200g/l (570g/l), (720g/kg) + Imidacloprid 50g/l (25g/l) (57.7g/kg)	Usagrago 250EC, 595EC, 777.7WP	250EC: sâu cuốn lá/ lúa 595EC: Sâu đục bẹ, sâu cuốn lá, rầy nâu, nhện gié/ lúa; rệp sáp/ cà phê; sâu xanh da láng/đậu xanh 777.7WP: Bọ trĩ, bọ xít muỗi/ điều; rệp sáp/ cà	Công ty TNHH An Nông

				phê; rầy nâu, nhện gié, sâu phao đục bẹ, sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa	
420	3808	Chlorpyrifos Ethyl 48% (480g/l) + Imidacloprid 7% (70g/l)	Dizorin super 55EC	rầy nâu, sâu cuốn lá, rầy lưng trắng/lúa; rệp sáp/hồ tiêu, cà phê	Công ty TNHH – TM Tân Thành
421	3808	Chlorpyrifos Ethyl 300g/l + Imidacloprid 50g/l	Imchlorad 350EC	sâu cuốn lá/ lúa, rệp sáp/ hồ tiêu	Công ty CP Bình Điền Mê Kông
422	3808	Chlorpyrifos Ethyl 480g/l + Imidacloprid 20g/l	Duca 500EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam
423	3808	Chlorpyrifos Ethyl 5% (45%), (480g/l) + Imidacloprid 7% (20%), (120g/l)	Repny 12GR, 65WP, 600EC	12GR: sâu đục thân/ lúa 65WP: rệp sáp/ cà phê, sâu đục bẹ, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa 600EC: Sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
424	3808	Chlorpyrifos Ethyl 490g/l (500g/kg) + Imidacloprid 105 g/l (250g/kg)	Osakajapane 595EC, 750WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
425	3808	Chlorpyrifos Ethyl 400g/l + Imidacloprid 50g/l	Topol 450EC	Rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH hoá chất NN Quốc tế
426	3808	Chlorpyrifos Ethyl 400g/kg + Imidacloprid 110g/kg + 45g/kg Lambda-cyhalothrin	Ragonmy 555WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty CP Lan Anh
427	3808	Chlorpyrifos Ethyl 500g/kg + Imidacloprid 100g/kg + Lambda-cyhalothrin 30 g/kg	Caster 630WP	Rầy nâu/ lúa; rệp sáp, mọt đục cành/ cà phê	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
			Forter 630WP	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Điền Thạnh
428	3808	Chlorpyrifos Ethyl 524g/l + Imidacloprid 40.5g/l + Lambda-cyhalothrin 30.5g/l	Sory 595EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH An Nông

429	3808	Chlorpyrifos Ethyl 235g/l (475g/l) + Lambda-cyhalothrin 15g/l (25g/l)	Monofos 250EC, 500EC	sâu đục thân, rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa, sâu khoang/ lạc	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
430	3808	Chlorpyrifos Ethyl 240g/l (480g/l) + Lambda-cyhalothrin 10g/l (20g/l)	Pyrifdaaic 250EC, 500EC	Sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/ lúa	Công ty CP Hoá chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
431	3808	Chlorpyrifos Ethyl 450g/l + Lambda- cyhalothrin 50g/l	Endo-gold 500EC	rầy nâu, sâu đục bẹ/lúa; sâu khoang/lạc, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
432	3808	Chlorpyrifos Ethyl 475g/l + Lambda- cyhalothrin 25g/l	Chlorphos 500EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
433	3808	Chlorpyrifos Ethyl 580g/l + Lambda- cyhalothrin 20g/l	Centerfly 600EC	Sâu đục bẹ/ lúa	Công ty TNHH SX & NK Bàn Tay Việt
434	3808	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l + Lambda- cyhalothrin 100g/l	Disulfan 600EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
435	3808	Chlorpyrifos Ethyl 425g/l + Lambda- cyhalothrin 25g/l	Pros 450EC	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Trường Thịnh
436	3808	Chlorpyrifos ethyl 425g/l + Lambda- cyhalothrin 36g/l + Quinalphos 205g/l	Shepemec 666EC	Sâu đục thân/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
437	3808	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l + Permethrin 85g/l	Dagronindia 585EC	Sâu đục bẹ/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
			Newmethrin 585EC	rầy nâu/ lúa	Công ty CP XNK Thọ Khang
438	3808	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l + Permethrin 100g/l	Cabatox 600EC	bọ trĩ, nhện gié/lúa	Công ty CP Vật tư KTNN Cần Thơ
439	3808	Chlorpyrifos Ethyl	Novas super	sâu xanh da láng/ đậu tương; rầy nâu, sâu đục	Công ty CP

		600g/l + Permethrin 50g/l	650EC	thân/ lúa; rệp sáp/ cà phê	Nông Việt
440	3808	Chlorpyrifos Ethyl 50g/kg, (100g/kg),(500g/l), (500g/kg) + Permethrin 10g/kg, (20g/kg), (100g/l), (100g/kg)	Tasodant 6GR, 12GR, 600EC, 600WP	6GR: rầy nâu, sâu đục thân/ lúa; rệp sáp, ve sầu, mối/ cà phê 12GR: sâu đục thân, rầy nâu/ lúa; sùng đất, rệp sáp, ve sầu/ cà phê, mối/ cà phê 600WP: sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; rệp sáp/ cà phê 600EC: sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH ADC
441	3808	Chlorpyrifos ethyl 400g/l + Permethrin 100g/l + Pymetrozine 100g/l	Suuly 600EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Đầu tư TM & PTNN ADI
442	3808	Chlorpyrifos Ethyl 300g/kg + Pymetrozine 120g/kg	Map arrow 420WP	rầy nâu, rầy nâu nhỏ/ lúa	Map Pacific Pte Ltd
443	3808	Chlorpyrifos ethyl 300g/kg + Pymetrozine 200g/kg	Plattino 500WP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP NN HP
444	3808	Chlorpyrifos Ethyl 10g/kg (50g/kg), (50g/kg), (400g/kg) (500g/l), (600g/l) + Pymetrozine 490g/kg (500g/kg), (550g/kg), (250g/kg), (166g/l), (177g/l)	Schesyntop 500WG, 550WG, 600WP, 650WP, 666EC, 777EC	500WG, 550WG, 600WP, 650WP, 666EC, 777EC: rầy nâu/lúa 666EC: rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
445	3808	Chlorpyrifos Ethyl 250g/l + Pymetrozine 125g/l + Thiamethoxam 125g/l	Aranta 500EC	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
446	3808	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l + Pyriproxyfen 100g/l	Palace 600EC	rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
447	3808	Chlorpyrifos Ethyl	Dago 400SE	rầy nâu/ lúa	Công ty CP SX TM và DV

		250g/l + Thiamethoxam 150g/l			Ngọc Tùng
448	3808	Chlorpyrifos Ethyl 500g/kg + Thiamethoxam 125g/kg	Scheccusa 625EC	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
449	3808	Chlorpyrifos Ethyl 500g/kg + Thiosultap- sodium (Nereistoxin) 300g/kg	Okachi 800WP	Sâu đục thân/ lúa	Bailing Agrochemical Co., Ltd
450	3808	Chlorpyrifos Ethyl 25% (500g/l) + Trichlorfon 25% (250g/l)	Medophos 50EC, 750EC	50EC: sâu xanh/ đậu xanh 750EC: Sâu phao đục bẹ, sâu cuốn lá/ lúa; rệp sáp giả/cà phê, rệp vảy/ hồ tiêu	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức
451	3808	Chlorpyrifos Methyl (min 96%)	Monttar 3 GR, 7.5EC, 20 EC, 40EC	3GR: sâu đục thân/ ngô 7.5EC, 20EC: sâu cuốn lá/ ngô 40EC: sâu xanh da láng/ đậu tương	Công ty CP Vật tư NN Hoàng Nông
			Sago - Super 3 GR, 20EC	3GR: sâu đục thân/ lúa, ve sầu/ cà phê, sâu đục bắp/ ngô 20EC: rệp sáp/ cà phê; bọ trĩ/ điều	Công ty CP BVTV Sài Gòn
			Sieusao 40EC	sâu vẽ bùa/ cam; xử lý hạt giống trừ sâu đục thân, rầy nâu, muỗi hành, rầy xanh/ lúa; sâu đục quả, rệp/ đậu tương; rệp, rệp sáp, sâu đục quả/ cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
			Taron 50 EC	bọ xít/ lúa; rệp sáp/ cam; sâu đục ngọn/ xoài; sâu đục gân lá/ nhãn; sâu xanh da láng/ hành; bọ trĩ/ đưa hấu	Map Pacific PTE Ltd
452	3808	Chlorpyrifos Methyl 250g/l + Indoxacarb 15g/l	Map dona 265EC	sâu cuốn lá/lúa	Map Pacific Pte Ltd
453	3808	Chlorpyrifos Methyl 300g/kg + Pymetrozine 120g/kg	Map fang 420WP	rầy nâu/lúa	Map Pacific Pte Ltd
454	3808	Chlorpyrifos Methyl 300g/kg + Pymetrozine 200g/kg	Novi-ray 500WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông Việt
455	3808	Chromafenozide	Phares	sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa	Văn phòng đại diện Sojitz

		(min 91%)	50SC		Corporation tại TP Hồ Chí Minh
			Hakigold 50SC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Hóc Môn
456	3808	Chromafenozide 100g/kg + Imidacloprid 200g/kg + Nitenpyram 450g/kg	Mycheck 750WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
457	3808	Clinoptilolite	Map Logic 90WP	tuyến trùng/ lúa, cam, hồ tiêu, thanh long, cà phê, tuyến trùng/cà chua	Map Pacific Pte Ltd
458	3808	Clofentezine (min 96%)	MAP Oasis 10WP	nhện đỏ/ cam	Map Pacific PTE Ltd
459	3808	Clothianidin (min 95%)	Dantotsu 16 SG, 0.5GR, 20SC, 50WG	16SG: rầy nâu/ lúa, bọ trĩ/ dưa hấu, dòi đục lá/ cà chua, rầy xanh/ chè, sâu vẽ bùa/ cam 0.5GR, 20SC, 50WG: Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
			Tiptof 16SG	Rầy nâu/lúa, rầy xanh/chè, bọ trĩ/dưa hấu, sâu vẽ bùa/cam	Công ty TNHH Phú Nông
460	3808	Clothianidin 160g/kg + Dinotefuran 200g/kg	Clodin 360WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP BVTV Kiên Giang
461	3808	Clothianidin 500g/kg + Fipronil 250g/kg	Fes 750WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
462	3808	Cnidiadin	Hetsau 0.4 EC	sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ rau họ thập tự; nhện lông nhung/ vải; bọ cánh tơ/ chè	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
463	3808	Cyantraniliprole (min 93%)	Dupont™ Benevia® 100 OD	sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa; bọ trĩ, sâu xanh sọc trắng, dòi đục lá/ dưa hấu; bọ phấn, sâu xanh, dòi đục lá/ cà chua	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
464	3808	Cyantraniliprole 10% + Pymetrozine 50%	Minecto™ star 60WG	sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
465	3808	Cyflumetofen (min 97.5%)	Danisaraba 20SC	nhện đỏ/hoa hồng	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
466	3808	Cyfluthrin 25 g ai/l + Imidacloprid 25 g ai/l	ConSupra 050 EC	rệp vảy/ cà phê	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
467	3808	Cyfluthrin 25g/l + Imidacloprid 74.9g/l	Anfigoalusa 99.9EC	Rầy xanh/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Thành
468	3808	Cyfluthrin 300g/kg + Dinotefuran 200g/kg	Bee-tt 500WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
469	3808	Cypermethrin	Andoril	25.2EC: Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH SX TM DV

(min 90 %)	25.2EC, 50EC, 100EC, 250EC	50EC: sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa 100EC: sâu keo, sâu cuốn lá/ lúa 250EC: bọ xít/ lúa	Thu Loan
	Appencyper 10EC, 35EC	10EC: sâu xanh/ đậu tương 35EC: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Kiên Nam
	Arrivo 5EC, 10EC, 25EC	5EC: bọ trĩ, bọ xít, rầy xanh/ lúa; sâu xanh da láng/ đậu tương 10EC, 25EC: rầy xanh/ lúa, sâu xanh da láng/ đậu tương	FMC Agricultural Products Interational AG
	Biperin 50EC, 100EC, 250EC	50EC: bọ xít/ lúa 100EC: sâu cuốn lá/ lúa 250EC: sâu xanh da láng/ đậu tương	Công ty TNHH TM Bình Phương
	Classtox 250WP	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Nam Nông Phát
	Cymerin 5EC, 10EC, 25EC	5EC: bọ trĩ, sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa 10EC: sâu cuốn lá/ lúa 25EC: bọ xít, sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
	Cymkill 10EC, 25EC	10EC: bọ trĩ/ lúa, sâu khoang/ bông vải 25EC: sâu khoang/ bông vải	Forward International Ltd
	Cyper 25 EC	sâu cuốn lá/ lúa, bọ xít/ đậu tương	Công ty CP Nông dược HAI
	Cyperan 5 EC, 10 EC, 25 EC	5EC: sâu cuốn lá/ lúa, bọ xít muỗi/ điều 10EC: sâu cuốn lá/ lúa; bọ xít muỗi, sâu róm/ điều 25EC: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
	Cyperkill 5 EC, 10EC, 25EC	5EC: sâu khoang/ đậu tương; sâu đục thân khoai tây; bọ trĩ, bọ xít/ lúa 10EC: sâu khoang/ đậu tương; sâu đục củ/ khoai tây; sâu cuốn lá, rầy xanh, bọ trĩ/ lúa 25EC: rầy xanh, sâu cuốn lá/ lúa; sâu đục quả/ đậu tương; sâu đục thân/ khoai tây	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
	Cypermap 10 EC, 25 EC	10EC: sâu cuốn lá/ lúa 25EC: sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; rệp sáp/ cà phê	Map Pacific PTE Ltd
	Cypersect 5 EC, 10 EC	5EC: sâu ăn lá/ khoai tây, rệp/ cà phê 10EC: bọ xít lúa	Agmatco Vietnam Co., Ltd.
	Cypetox	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Thanh Điền

500EC		
Cyrux 5 EC, 10 EC, 25 EC	5EC: sâu xanh/ đậu xanh, rệp/ cà phê, sâu khoang/ lạc, bọ trĩ, bọ xít/ lúa 10EC: rệp muội/ thuốc lá; bọ xít, bọ trĩ/ lúa; rệp sáp/cà phê; sâu xanh/ bông vải 25EC: sâu xanh/ bông vải	Công ty TNHH UPL Việt Nam
Dibamerin 5 EC, 10 EC, 25 EC	5EC, 25EC: sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa, dòi đục lá/ đậu tương 10EC: sâu đục thân/ lúa, bọ xít muỗi/ điều, dòi đục lá/ đậu tương	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
Dosher 25EC	bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thanh Hưng
Indicy 25EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
Nitrin 10EC	sâu xanh/ đậu xanh	Công ty CP Nicotex
NP-Cyrin super 100EC, 250EC, 200EC, 480EC	100EC: sâu keo, sâu cuốn lá lúa 200 EC: bọ trĩ/ lúa 250 EC: sâu cuốn lá/ lúa, sâu xanh/ đậu tương 480EC: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH – TM Nông Phát
Pankill 5EC, 10EC, 25EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
Power 5 EC	bọ xít/ lúa	Imaspro Resources Sdn Bhd
Pycythrín 5 EC	sâu phao/ lúa	Longfat Global Co., Ltd.
SecSaigon 5 EC, 10EC, 25EC, 50EC	5EC: sâu xanh/ hoa cây cảnh, sâu cuốn lá/ lúa 10EC: nhện đỏ/ bông vải, sâu khoang/ đậu tương, sâu cuốn lá/ lúa 25EC: sâu hồng/ bông vải, sâu cuốn lá/ lúa 50EC: rệp/ cà phê, sâu cuốn lá/ lúa, sâu xanh da láng/ đậu tương	Công ty CP BVTV Sài Gòn
Sherbush 5EC, 10EC, 25EC	5EC: sâu khoang/ lạc, sâu keo/ lúa, rệp sáp/ cà phê, bọ xít muỗi/ điều 10EC: bọ xít, sâu keo/ lúa, rệp sáp/ cà phê, bọ xít muỗi/ điều 25EC: sâu keo/ lúa, bọ xít/ điều, rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang

Sherpa 10EC, 25EC	10EC: sâu cuốn lá/ lúa 25EC: sâu cuốn lá/ lúa; sâu khoang/ lạc, đậu tương	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
Shertox 5EW, 5 EC, 10EW, 10 EC, 25 EC, 25EW, 50EC	5EW, 50EC: sâu phao/ lúa, rệp vảy/ cà phê 5EC: sâu keo, bọ xít/ lúa; rệp vảy/ cà phê 10EW: rệp sáp/ cà phê, sâu phao/ lúa, sâu ăn lá/ đậu tương, sâu khoang/ lạc 10EC: bọ xít/ lúa 25EC: sâu khoang/ lạc, sâu cuốn lá/ lúa 25EW: sâu phao/ lúa, rệp vảy/ cà phê	Công ty TNHH An Nông
Somethrin 10EC	Bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH P-H
Southsher 5EC, 10EC, 25EC	5EC, 25EC: sâu khoang/ lạc 10EC: sâu cuốn lá/ lúa, sâu khoang/ lạc	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
Superrin 50EC, 100EC, 150EC, 200EC, 250EC	50EC: sâu đục thân, bọ trĩ/ lúa 100EC: bọ trĩ/ lúa 150EC, 200EC: sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa 250EC: sâu khoang/ lạc; sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa	Cali – Parimex. Inc.
Tiper 10 EC, 25 EC	10 EC: sâu keo/ lúa 25 EC: sâu đục thân/ lúa, bọ xít/ điều	Công ty TNHH – TM Thái Phong
Tornado 10 EC, 25EC	10EC: sâu cuốn lá/ lúa 25EC: sâu cuốn lá/ lúa, bọ xít muỗi/ điều, rệp sáp/ cà phê	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.
Tungrin 5EC, 10EC, 25EC, 50EC	5EC: sâu keo/ lúa; rệp sáp, kiến/ cà phê 10EC: bọ xít, sâu phao, bọ trĩ/ lúa; rệp sáp/ cà phê; sâu xanh da láng/ đậu tương 25EC: sâu phao, sâu keo/ lúa; rệp sáp/ cà phê; rệp/ thuốc lá; bọ xít muỗi/ điều 50EC: bọ trĩ, sâu đục bẹ/ lúa; sâu xanh da láng/ đậu xanh; rệp/ thuốc lá	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
Visher 10EW, 25EC, 25EW, 50EC	10EW: sâu cuốn lá, sâu phao/ lúa, sâu xanh/ cà chua, thuốc lá 25 EW: sâu xanh/ thuốc lá; sâu phao/ lúa 25EC: Sâu cuốn lá, sâu keo/ lúa 50EC: sâu cuốn lá/ lúa, sâu khoang/ lạc	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
Waja	Bọ trĩ/ lúa	Hextar Chemicals Sdn, Bhd.

			10EC		
			Wamtox 50EC, 100EC, 250EC, 500EC	50EC, 500EC: sâu khoang/ lạc 100EC: sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ/ lúa; bọ xít muỗi/ điều; sâu khoang/ lạc 250EC: sâu khoang/ lạc	Công ty TNHH Việt Thắng
470	3808	Cypermethrin 50 g/l + Dimethoate 400 g/l	Nugor super 450EC	Sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/ lúa; sâu xanh da láng/đậu xanh; sâu xanh/đậu tương; bọ xít muỗi, sâu đục cành/điều; rệp sáp giả, mọt đục cành/cà phê	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
471	3808	Cypermethrin 2% + Dimethoate 8%	Cypdime (558) 10 EC	sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH Anh Dầu Tiền Giang
472	3808	Cypermethrin 3.0% + Dimethoate 27.0%	Nitox 30 EC	sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa; rệp/ cà phê; sâu ăn lá/ đậu tương, điều	Công ty CP Nicotex
473	3808	Cypermethrin 3 % + Dimethoate 37 %	Diditox 40 EC	rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ cà phê	Công ty CP BVTV I TW
474	3808	Cypermethrin 3 % + Dimethoate 42 %	Fastny 45EC	sâu keo/ lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yên
475	3808	Cypermethrin 50 g/l + Dimethoate 300g/l	Dizorin 35 EC	bọ xít, sâu keo, nhện gié, sâu đục bẹ/ lúa; rệp, bọ trĩ/ đậu tương	Công ty TNHH – TM Tân Thành
476	3808	Cypermethrin 2% (20g/l) + Dimethoate 10 % (200g/l) + Fenvalerate 3% (30g/l)	Antracis 15 EC, 250EC	15EC: bọ xít, sâu cuốn lá nhỏ/ lúa 250EC: sâu đục quả/ cà phê	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
477	3808	Cypermethrin 2.6% + Fenitrothion 10.5% + Fenvalerate 1.9%	TP - Pentin 15 EC	rệp/ cà phê, sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH Thành Phương
478	3808	Cypermethrin 260g/l + Indoxacarb 140g/l	Millerusa 400SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
479	3808	Cypermethrin 2.0 % + Isoprocarb 6.0 %	Metox 809 8 EC	sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa	Công ty CP Nicotex
480	3808	Cypermethrin 3 % + Malathion 42 %	Macyny 45 EC	sâu keo/ lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yên
481	3808	Cyromazin 25% + Monosultap 50%	Hotosin 75WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Phú Nông

482	3808	Cypermethrin 30 g/l + Phosalone 175 g/l	Sherzol 205 EC	sâu cuốn lá, sâu keo, sâu gai, bọ xít/ lúa; rệp, sâu ăn lá, bọ xít/ hoa cây cảnh, thuốc lá; sâu đục quả, sâu xanh/ lạc; rầy, sâu xanh/ bông vải	Công ty CP BVTV Sài Gòn
483	3808	Cypermethrin 6.25% + Phosalone 22.5 %	Serthai 28.75EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
484	3808	Cypermethrin 40g/l + Profenofos 400g/l	Forwatin C 44 EC	bọ trĩ/ lúa	Forward International Ltd
			Polytrin P 440 EC	rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
485	3808	Cypermethrin 30g/l + Quinalphos 200g/l	Kinagold 23 EC	sâu xanh/ thuốc lá; rệp sáp/ cà phê; sâu đục quả/ đậu xanh; sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
486	3808	Cypermethrin 5 %, (10%) + Quinalphos 20%, (40%)	Tungrell 25 EC, 50EC	25EC: sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; sâu xanh da láng/ đậu tương; rệp sáp/ cà phê; sâu xanh/ thuốc lá; sâu đục thân/ ngô 50EC: sâu đục bẹ, sâu phao, sâu đục thân, nhện gié, sâu cuốn lá/ lúa; rệp sáp/ cà phê; sâu khoang/ lạc; sâu xanh/đậu xanh	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
487	3808	Cyromazine	Ajuni 50WP	dòi đục lá/ đậu tương	Công ty CP Nicotex
			Chip 100 SL	sâu vẽ bùa/ cây có múi	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
			Newsgard 75 WP	sâu vẽ bùa/ cam	Công ty CP Đồng Xanh
			Nôngiahung 75WP	Sâu vẽ bùa/ cam, dòi đục lá/cà chua	Công ty TNHH – TM Thái Phong
			Roninda 100SL	Dòi đục lá/cà chua	Công ty CP BVTV Sài Gòn
			Trigard 100 SL	dòi đục lá/ dưa chuột, khoai tây	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
488	3808	Dầu botanic + muối kali	Thuốc sâu sinh học Thiên Nông 1 SL	sâu tơ/ bắp cải, rau cải	Công ty Hóa phẩm Thiên nông
489	3808	Dầu hạt bông 40% + dầu đinh hương 20% + dầu tỏi 10%	GC - Mite 70SL	rệp sáp/ cà phê; nhện đỏ/ hoa hồng, bưởi; rệp/ khoai tây; sâu cuốn lá/ lúa; nhện đỏ, rầy xanh/ chè	Công ty TNHH Ngân Anh
490	3808	Deltamethrin (min 98 %)	Appendelta 2.8 EC	sâu phao/ lúa, rệp sáp giả/cà phê, bọ xít muỗi/điều; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Kiên Nam
			Daphacis	sâu cuốn lá/ lúa, sâu đục quả/ đậu xanh	Công ty TNHH Kinh doanh

			25 EC		hóa chất Việt Bình Phát
			Decis 2.5EC, 250WG	2.5EC: sâu cuốn lá/ lúa; sâu xanh, rệp/ thuốc lá; sâu khoang/ lạc; sâu đục thân/ngô, rệp muội/lạc, sâu xanh/đậu tương, bọ xít dài/lúa, sâu ăn lá/điều, mọt đục quả/cà phê 250WG: sâu cuốn lá, bọ xít, bọ trĩ/ lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
			Dersi-s 2.5EC	bọ trĩ, bọ xít muỗi/ điều; sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
			Delta 2.5 EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
			Deltaguard 2.5 EC	sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; sâu xanh da láng/ lạc; bọ xít muỗi/ điều; sâu đục quả/ cà phê	Công ty TNHH World Vision (VN)
			Discid 25EC	sâu khoang/ lạc, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
			Meta 2.5 EC	sâu keo, sâu phao, nhện gié/ lúa; sâu đục quả, rệp/ đậu xanh; sâu khoang/ lạc	Công ty TNHH – TM Tân Thành
			Shieldmate 2.5EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Hextar Chemicals Sdn, Bhd
			Supercis 2.5EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
			Toxcis 2.5EC, 2.5SC	2.5EC: sâu đục bông/ đậu xanh, bọ xít/ lúa 2.5SC: sâu xanh da láng/ đậu tương, rệp vảy/ cà phê	Công ty TNHH An Nông
			Videci 2.5 EC	sâu phao, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
			Wofacis 25 EC	sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
491	3808	Deltamethrin 25g/l (90g/l), (90g/l), (90g/l), (110g/l), (115g/l), (200g/kg), (50g/kg), (5g/kg) + Fipronil 50g/l (120 g/l), (130g/l), (170g/l), (190g/l), (195g/l), (500g/kg), (727g/kg), (795g/kg)	Exkalux 75SC, 210EC, 220SC, 260SC, 300EC, 310SC, 700WG, 777WG, 800WG	75SC, 300EC, 310SC, 777WG, 800WG: Sâu cuốn lá/ lúa 210EC: nhện gié/ lúa 220SC: sâu đục quả/ đậu tương 260SC: sâu xanh/ thuốc lá 700WG: Rầy nâu/lúa	Công ty CP VT Nông nghiệp Hoàng Nông
492	3808	Deltamethrin 10g/l +	Ebato 160SC	Sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa	Công ty CP

		Indoxacarb 150g/l			ENASA Việt Nam
493	3808	Deltamethrin 100g/l + Thiacloprid 147g/l	Fuze 24.7SC	Rệp muội/cà phê, đậu tương; sâu cuốn lá, bọ trĩ, bọ xít hôi, rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Phú Nông
494	3808	Diafenthiuron (min 97 %)	Define 500SC	sâu tơ/ bắp cải	Sundat (S) PTe Ltd
			Detect 50WP	nhện đỏ/ cam	Công ty CP Nicotex
			Fier 250SC, 500WP, 500SC	Nhện đỏ/cam	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Ngọc Lâm
			Kyodo 25SC, 50WP	25SC: Nhện đỏ/cam, nhện gié/lúa 50WP: Sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH BMC
			Pegasus 500 SC	sâu tơ, sâu xanh, sâu ăn lá/ súp lơ, bắp cải; sâu xanh, sâu ăn lá/ cà chua, dưa chuột; sâu đục quả, sâu ăn lá/ bông vải; bọ phấn, rệp, nhện/ cây cảnh; nhện lông nhung/ vải, nhãn	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
			Pesieu 500SC	sâu xanh da láng/ lạc; sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải	Công ty TNHH Việt Thắng
			Redmine 500SC	nhện lông nhung/ vải	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
495	3808	Diafenthiuron 500g/kg + Indoxacarb 50g/kg	Vangiakhen 550SC	Sâu tơ/cải bắp	Công ty TNHH - TM Thái Phong
496	3808	Diazinon (min 95 %)	Agrozinon 60 EC	sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
			Azinon 50 EC	sâu đục thân, bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH Anh Dấu Tiền Giang
			Basitox 5GR, 10GR, 40EC	5GR: sâu đục thân, sâu năn/lúa 10GR: sâu đục thân, sâu năn/ lúa 40EC: bọ xít/ lúa, sâu đục quả/ điều	Công ty CP BVTV I TW
			Basutigi 10GR, 40EC, 50EC	10GR, 50EC: sâu đục thân/ lúa, sâu đục quả/ lạc 40EC: sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
			Binhnon 40 EC	bọ xít, sâu đục thân/ lúa	Bailing Agrochemical Co., Ltd
			Cazinon 10 GR, 50EC	10GR: sâu đục thân/ lúa, tuyến trùng/ ngô, ve sầu/ cà phê 50EC: sâu đục thân/ lúa, bọ xít/ mía	Công ty CP TST Cần Thơ

			Danasu 10 GR, 40EC, 50EC	10GR: sâu đục thân/ ngô, rệp sáp/ cà phê, tuyến trùng/ hồ tiêu 40EC: sâu ăn lá/ ngô, sâu đục thân/ lúa 50EC: sâu đục quả/ đậu tương, mọt đục quả/ cà phê	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
			Diaphos 10GR, 50EC	10GR: sâu đục thân/ lúa, ca cao; rệp gốc/ cà phê; bọ cánh cứng/ dừa 50EC: sâu đục thân/ ngô; sâu đục quả, mọt đục cành/ cà phê	Công ty CP BVTV Sài Gòn
			Diazan 10GR, 40EC, 50EC, 60 EC	10GR: sâu đục thân/ lúa, ngô, điều; rệp sáp rễ/ cà phê 40EC: sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; bọ trĩ, sâu đục thân/ điều 50EC: sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa, ngô; dòi đục thân/ đậu tương; sâu đục thân/ cà phê, sâu đục thân/ điều 60EC: sâu đục thân/ lúa; dòi đục thân/ đậu tương	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
			Diazol 10GR, 50EW, 60 EC	10GR: sâu đục thân/ lúa, cà phê 50EW: sâu cuốn lá, sâu đục thân, nhện gié/ lúa; mọt đục cành/cà phê 60EC: sâu đục thân/ ngô, sâu xanh/ lạc	Công ty TNHH Adama Việt Nam
			Kayazinon 40 EC	sâu cuốn lá/ lúa, rệp/ mía	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
			Phantom 60 EC	sâu đục quả/ đậu tương; sâu đục thân, sâu đục bẹ/ lúa	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.
			Subaru 10GR, 40 EC	10GR: sâu đục thân/ lúa, sâu đục quả/ đậu tương 40EC: sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
			Tizonon 50 EC	sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH – TM Thái Phong
			Vibasu 5GR, 10GR, 10BR, 40EC, 50EC	5GR: sâu đục thân/ lúa 10GR: sâu đục thân/ lúa, ngô 10BR: sâu xám/ ngô 40EC: sâu đục thân/ lúa 50EC: bọ xít, sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
497	3808	Diazinon 6% (30%) + Fenobucarb 4 % (20%)	Vibaba 10GR, 50EC	10GR: sâu đục thân/ lúa 50EC: sâu đục thân/ lúa; sâu đục quả/ đậu tương	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
498	3808	Diflubenzuron 200g/kg	Goodcheck	700WP: Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông

		(430 g/kg) (min 97%) + Nitenpyram 500g/kg (350g/kg)	700WP, 780WP	780WP: bọ xít/ vải, rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié, bọ trĩ/lúa, sâu tơ/bắp cải, rầy xanh/chè	
499	3808	Diiflubenzuron 100g/kg (100g/kg) + Nitenpyram 300g/kg (357g/kg) + 300g/kg (250g/kg) Pymetrozine	Sieuecheck 700WP, 707WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
500	3808	Diiflubenzuron 150g/kg + Nitenpyram 450g/kg + Tetramethrin (min 92%) 150g/kg	Superram 750WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
501	3808	Diiflubenzuron 125 g/kg + Pymetrozine 500 g/kg	TT-gep 625WG	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
502	3808	Dimethoate (min 95 %)	Arriphos 40 EC	bọ xít/ lúa; sâu khoang/ lạc; sâu đục thân/ ngô; bọ trĩ/ bông vải	Công ty TNHH – TM Thái Nông
			Bai 58 40 EC	bọ xít hôi/ lúa, sâu đục quả/ cà phê	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
			Bi - 58 40 EC	rệp sáp/ cà phê	BASF Vietnam Co., Ltd.
			Binh - 58 40 EC	bọ trĩ, bọ xít, rầy xanh/ lúa; rệp/ đậu xanh, thuốc lá; rệp sáp/ cà phê; rệp bông xo/ mía	Bailing Agrochemical Co., Ltd
			Bini 58 40 EC	rệp/ mía, cà phê	Công ty CP Nicotex
			Bitox 40 EC, 50 EC	bọ xít/ lúa	Công ty CP BVTV I TW
			By 90 40 EC	bọ xít/ lúa	Công ty TNHH ADC
			Cova 40EC	rệp sáp/ cà phê	Hextar Chemicals Sdn. Bhd.
			Dibathoate 40 EC, 50 EC	rầy/ lúa, nhện/ cà phê, dòi đục lá/ đậu tương	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
			Dimecide 40 EC	bọ xít/ lúa	Agrimatco Vietnam Co., Ltd.
			Dimenat 20EC	rệp sáp/ cà phê	Công ty CP BVTV Sài Gòn
			Fezmet 40 EC	sâu ăn lá/ hoa cảnh	Zagro Group, Zagro Singapore Pvt Ltd.
			Forgon	sâu cuốn lá/ lúa	Forward International Ltd

			40EC, 50EC		
			Nugor 10GR, 40 EC	10GR: Rệp sáp giả/rễ cà phê, rệp hồ tiêu; sâu đục thân/ ngô, lúa; bọ hung/mía; bọ hà/khoai lang 40EC: sâu ăn lá/ lạc; sâu đục thân/ điều; bọ xít, sâu cuốn lá, bọ trĩ, sâu đục thân, sâu đục bẹ/ lúa; rệp sáp/ cà phê	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
			Pyxote 44 EC	rầy/ ngô	Longfat Global Co., Ltd.
			Thần châu 58 40EC	Rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Đầu tư VTNN Sài Gòn
			Tigithion 40EC, 50 EC	40EC: rệp sáp/ cà phê, bọ xít/ lúa 50EC: rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
			Vidithoate 40 EC	rệp/ dưa hấu, rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
			Watox 400 EC	bọ trĩ, bọ xít/ lúa; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Việt Thắng
503	3808	Dimethoate 15 % + Etofenprox 5 %	Difentox 20 EC	rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ cà phê	Công ty CP BVTV I TW
504	3808	Dimethoate 3 % + Fenobucarb 2%	BB - Tigi 5GR	rầy nâu/ lúa, dế dũi/ ngô	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
			Caradan 5 GR	bọ trĩ/ lúa, sâu đục thân/ mía, ấu trùng ve sầu/ cà phê	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
			Palm 5 GR	sâu đục thân/ lúa	Công ty CP TST Cần Thơ
			Vibam 5 GR	sâu đục thân/ lúa, ngô	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
505	3808	Dimethoate 20% + Fenobucarb 20%	Mofitox 40EC	rầy nâu/ lúa	Công ty CP BVTV I TW
506	3808	Dimethoate 400 g/l + Fenobucarb 100 g/l	Bisector 500EC	Rầy nâu/ lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH SX TM DV Thu Loan
507	3808	Dimethoate 20% + Fenvalerate 10%	Bifentox 30 EC	bọ xít/ lúa; rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
508	3808	Dimethoate 21.5% + Fenvalerate 3.5%	Fenbis 25 EC	rệp/ đậu tương, bọ xít/ lúa, bọ trĩ/ điều	Công ty CP BVTV Sài Gòn
			Fentox 25 EC	bọ xít dài, sâu cuốn lá/ lúa; rệp sáp/ cà phê; bọ trĩ/ điều	Công ty CP TST Cần Thơ
509	3808	Dimethoate 220g/l	Empryse 450EC, 568EC,	568EC: rệp sáp/cà phê	Công ty CP TM và đầu tư

		(318g/l) (390g/l) + Fipronil 30g/l (50g/l) (60g/l) + Quinalphos 200g/l (200g/l), (218g/l)	668EC	450EC, 668EC: sâu cuốn lá/lúa	Bắc Mỹ
510	3808	Dimethoate 2 % + Isoprocarb 3 %	BM - Tigi 5 GR	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
511	3808	Dimethoate 286 g/l + Lambda-cyhalothrin 14g/l	Fitex 300EC	sâu cuốn lá/ lúa, rệp sáp/ cà phê, rệp muội/ mía	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
512	3808	Dimethoate 20 % + Phenthoate 20 %	Vidifen 40EC	rệp sáp/ cà phê, sâu xanh da láng/ lạc, bọ xít dài/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
513	3808	Dimethoate 3 % + Trichlorfon 2 %	Cobitox 5 GR	sâu đục thân/ lúa	Công ty CP BVTV I TW
514	3808	Dinotefuran (min 89%)	Asinjapane 20WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
			Carasso 400WP	rầy nâu, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; bọ cánh tơ/chè	Công ty TNHH TM – DV Thanh Sơn Hoá Nông
			Chat 20WP	rầy nâu/ lúa, bọ nhảy/ bắp cải, rầy bông/ xoài, rầy chổng cánh/ cam, bọ phấn/ cà chua, dòi đục lá/ dưa chuột	Công ty TNHH Phú Nông
			Cheer 20WP	Rầy nâu/ lúa, rệp sáp/cà phê, bọ trĩ/dưa hấu	Công ty CP Vật tư KTNH Cần Thơ
			Cyo super 200WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
			Diny 20WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
			Dovasin 20WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng
			Hitoshi 125ME, 200WP, 250WP, 400WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH An Nông
			Ikuzu 20WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
			Janeiro 25WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM-SX GNC
			Oshin 1GR, 20WP, 20SG,	1GR rầy xanh/ đậu bắp, bọ phấn/cà chua 20WP: rầy nâu/ lúa, rầy/ xoài, dòi đục lá/ dưa	Mitsui Chemicals Agro, Inc.

			100SL	chuột, rầy chổng cánh/ cam, bọ phấn/ cà chua, bọ nhậy/ bắp cải, bọ trĩ/ dưa hấu, rệp sáp/ cà phê 20SG: Bọ phấn/cà chua, bọ nhậy/cải xanh, rầy xanh/đậu bắp 100SL: rầy xanh, bọ trĩ, bọ xít muỗi/ chè; bọ trĩ/ hoa cúc; bọ phấn/ hoa hồng; rầy nâu/lúa	
			Overcin 200WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
			Raves 20WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Delta Cropcare
			Regunta 200WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Sản phẩm Công Nghệ Cao
			Sara.dx 40WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
			Safrice 20WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH – TM Nông Phát
			Santaone 200WP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
			Sida 20WP	Rầy nâu/lúa, rầy chổng cánh/cam, rệp vảy/cà phê, nhện gié, bọ xít dài, bọ trĩ/lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
			Toof 25WP, 150SL	25WP: Rầy lưng trắng, rầy nâu/lúa 150SL: Bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH – TM Tân Thành
			Tosifen 20WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH SX TM Tô Ba
			Yoshito 200WP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
515	3808	Dinotefuran 200g/kg + Imidacloprid 100g/kg	Dichest 300WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Pháp Thụy Sĩ
516	3808	Dinotefuran 250g/kg (10g/kg) + Fipronil 50g/kg (400g/kg) + Imidacloprid 150g/kg (400g/kg)	Vdcnato 450WG, 810WG	450WG: Rầy nâu/lúa 810WG: Sâu cuốn lá, nhện gié, sâu phao đục bẹ/lúa; rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Việt Đức
517	3808	Dinotefuran 1.9% (200g/kg) + Fipronil 0.1% (100g/kg) +	Acidinosin 50WP, 550WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Á Châu

		Nitenpyram 48% (250g/kg)			
518	3808	Dinotefuran 50g/kg + Imidacloprid 150g/kg	Explorer 200WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH CN KH Mùa màng Anh Rê
519	3808	Dinotefuran 150g/kg + Imidacloprid 50g/kg	Anocis 200WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
520	3808	Dinotefuran 5% + Imidacloprid 15%	Brimgold 200WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
521	3808	Dinotefuran 50g/kg + Imidacloprid 200g/kg	Prochess 250WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
522	3808	Dinotefuran 150g/kg + Imidacloprid 150g/kg	Ohgold 300WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
523	3808	Dinotefuran 180 g/kg + Imidacloprid 120 g/kg	Toshinusa 300WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
524	3808	Dinotefuran 100g/kg + Imidacloprid 150g/kg + Thiamethoxam 250g/kg	Bombigold 500WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
525	3808	Dinotefuran 200g/kg + Isoprocarb 200g/kg	Arc-clar 400WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Ngọc Yến
			TD-Chexx 400WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP ĐT TM và PTNN ADI
526	3808	Dinotefuran 150g/kg + Lambda-cyhalothrin 20g/kg + Thiamethoxam 55g/kg	Onzinsuper 225WP	rầy nâu, bọ xít/lúa	Công ty TNHH An Nông
527	3808	Dinotefuran 100g/l + Novaluron 100g/l	Heygold 200SE	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
528	3808	Dinotefuran 85g/l + Profenofos 480g/l	TVG20 565EC	rệp sáp giả/cà phê	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
529	3808	Dinotefuran 166g/kg, (25g/kg), (90g/kg) + Pymetrozine 500g/kg, (530g/kg), (610g/kg)	Chetsduc 666WG, 555WG, 700WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Việt Đức
530	3808	Dinotefuran 250g/kg + Pymetrozine 450g/kg	Metrousa 700WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang

531	3808	Dinotefuran 400 g/kg + Pymetrozine 200 g/kg	Chessin 600WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
532	3808	Dinotefuran 200g/kg + Tebufenozide 50g/kg	Mishin gold 250WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Mùa Vàng
533	3808	Dinotefuran 200 g/kg + Thiamethoxam 42g/kg	Centrosin 242WP	Bọ xít/vải, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa nông Mê Kông
534	3808	Emamectin benzoate (Avermectin B1a 90 % + Avermectin B1b 10%)	Acplant 1.9EC, 4WG, 4 TB, 6EC, 20WG	1.9EC: rầy nâu, sâu phao đục bẹ/ lúa; bọ trĩ/ dưa hầu, sâu vẽ bùa/ cam 4WG: sâu cuốn lá/ lúa, bọ trĩ/ xoài, sâu tơ/ bắp cải, sâu khoang/ đậu tương, bọ xít muỗi/chè 4TB: sâu cuốn lá/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ đậu tương 6EC: sâu tơ/ bắp cải; sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa 20WG: Sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
			Actimax 50WG	sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, bọ trĩ, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ lạc; sâu đục quả/ nhãn; bọ trĩ, dòi đục lá/ dưa hầu; bọ trĩ, sâu xanh/ thuốc lá, nho; bọ xít muỗi, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam, nhện lông nhung/nhãn	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
			Agtemex 3.8EC, 4.5WG, 5WP, 5EC, 5WG	3.8EC, 4.5WG, 5WP, 5EC: sâu cuốn lá, rầy nâu, nhện gié/ lúa; rầy xanh, nhện đỏ, bọ cánh tơ, bọ xít muỗi/ chè; sâu đục quả/ đậu tương, cà chua; sâu vẽ bùa, rệp sáp/ cam; rệp sáp/ cà phê, điều, vải; sâu xanh/ bắp cải 5WG: sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
			Angun 5 WG, 5ME	5WG: sâu cuốn lá, sâu phao, sâu phao đục bẹ, sâu đục thân, nhện gié, bọ trĩ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh da láng, sâu khoang, bọ nhảy/ bắp cải; sâu đục quả/ đậu tương; sâu ăn bông, bọ trĩ/ xoài; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; bọ trĩ/ nho; nhện đỏ/ chè; bọ xít muỗi, sâu đục cành, bọ trĩ/ điều 5ME: Sâu vẽ bùa/ cây có múi, sâu tơ/ bắp cải, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
			Ansuco 5WG, 60EC, 100EC, 120EC, 120WG, 160WG, 200WG	5WG, 60EC, 100EC, 120EC, 160WG, 200WG: Sâu cuốn lá/ lúa 120WG: Sâu đục bẹ/lúa	Công ty TNHH hỗ trợ PTKT và chuyên giao công nghệ

Apache 1EC, 4EC, 6EC, 10WG	1EC: nhện gié, sâu cuốn lá/ lúa; nhện đỏ/ cam 4EC, 6EC: sâu cuốn lá/ lúa 10WG: Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thanh Hưng
Bafurit 5WG	sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh bướm trắng/ cải xanh; sâu xanh/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu đục quả/ đậu tương; sâu đục thân, sâu cuốn lá nhỏ, rầy nâu, nhện gié, sâu đục bẹ/ lúa; sâu xanh da láng/ nho, bông vải; bọ xít/ vải; rầy chổng cánh/ cam; rầy bông/ xoài; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè	Công ty TNHH Nông Sinh
Bemab 20EC, 40WG, 52WG	sâu tơ/ bắp cải, sâu cuốn lá/lúa, bọ trĩ/dưa chuột, sâu khoang/lạc, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM DV Ánh Dương
Binged 36WG, 50WG	36WG: Sâu xanh da láng/ bắp cải 50WG: Sâu tơ/ bắp cải, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH vật tư nông nghiệp Phương Đông
Billaden 50EC, 50WG	Nhện đỏ/cam, sâu xanh/bắp cải	Công ty CP NN Thanh Xuân
Boema 19EC	Sâu tơ/bắp cải	Công ty CP SAM
Browco 50WG, 150WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Minh Thành
Calisuper 4.5ME, 5.5WP, 26WG, 41ME, 52WG, 71WG, 126WG	4.5ME, 5.5WP, 41ME, 52WG, 71WG: sâu cuốn lá/ lúa 26WG: sâu đục thân/ lúa 126WG: sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
Chim ưng 3.8EC, 5.0WG, 20WG	sâu cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu; bọ cánh tơ/ chè; nhện đỏ/ cam	Công ty TNHH Sơn Thành
Comda gold 5WG	Dòi đục lá/cà chua; sâu tơ/bắp cải; sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa; rầy xanh/chè; nhện đỏ/cam; bọ rỉ/dưa hấu, nhện lông nhung/nhãn	Công ty CP BVTV Sài Gòn
Compatt 55.5 WG	Rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Lan Anh
Creek 2.1EC, 51WG	2.1EC: Sâu cuốn lá/lúa 51WG: Sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Hoá chất Đại Nam Á
Danobull 50WG	Sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa, rầy bông/xoài, sâu đục ngon/điều, rệp sáp/cà phê	Công ty CP Nông dược Agriking
Đầu trâu Bi-sad 30EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Bình Điền MeKong
Doabin	1.9EC: nhện gié/ lúa; sâu xanh da láng/ đậu	Công ty CP

1.9EC, 3.8EC	tương; nhện đỏ/ cam 3.8EC: sâu đục quả/ đậu tương; nhện đỏ/ cam; sâu cuốn lá/ lúa	Đồng Xanh
Dofaben 22EC, 40EC, 50WG, 70EC, 100EC, 100WG, 150WG	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
Dollar 50WG, 90EC, 90WG	90WG: Sâu cuốn lá, sâu phao đục bẹ, nhện gié/lúa; su xanh/đậu tương 50WG, 90EC: Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc Tế APC Việt Nam
DT Ema 30EC, 40EC	30EC: Sâu xanh da láng/lạc 40EC: Nhện gié/lúa	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
Dylan 2EC, 5WG, 10EC, 10WG	2EC: sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ cải xanh; sâu xanh da láng/ hành; rầy xanh, nhện đỏ, bọ cánh tơ, bọ xít muỗi/ chè; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam, quýt; nhện lông nhung, sâu đục quả/ nhãn, vải; sâu xanh/ đậu xanh; sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa 5WG: sâu cuốn lá/ lúa, sâu xanh/lạc 10EC: Sâu cuốn lá, nhện gié, sâu đục bẹ/lúa; sâu xanh/đậu xanh 10WG: Sâu cuốn lá/lúa, sâu tơ/bắp cải, bọ cánh tơ/chè, sâu xanh/đậu tương	Công ty CP Nicotex
Eagle 5EC, 10EC, 20EC, 36WG, 50WG	5EC: sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, bọ trĩ, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; sâu xanh bướm trắng, bọ nhảy, rệp/ cải xanh; sâu tơ/ bắp cải; sâu đục quả/ đậu đũa; sâu xanh, dòi đục lá/ cà chua; bọ trĩ, nhện đỏ/ dưa hấu; dòi đục lá/ đậu tương; sâu khoang, sâu xanh da láng/ lạc; sâu cuốn lá/ đậu xanh; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; nhện đỏ, rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa/ cam; bọ xít, nhện đỏ, sâu đục quả/ vải; sâu khoang, rệp/ thuốc lá; rầy bông, sâu ăn bông/ xoài; sâu xanh da láng, bọ trĩ/ nho; sâu róm/ thông; sâu xanh da láng/ bông vải; bọ trĩ/ điều 10EC, 20EC, 36WG, 50WG: sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; dòi đục lá/ cà	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA

	chua; sâu khoang/ đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/ dừa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	
Ebama 5.5WG, 50 EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Khử trùng Nam Việt
Ebenzoate 5WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM SX GNC
Ema king 20EC, 25EC, 40EC, 50WG, 100EC, 100WG	20EC, 40EC : Sâu cuốn lá/lúa, sâu tơ/bắp cải 50WG, 25EC, 100EC, 100WG : sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH thuốc BVTV Mekong
Emaici 50WG	Rầy nâu, nhện gié, bọ trĩ, sâu đục bẹ, sâu cuốn lá/ lúa; sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải	Công ty CP Hoá chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
Emaben 0.2 EC, 2.0EC, 3.6WG, 60SG	0.2EC : sâu cuốn lá nhỏ, bọ trĩ/ lúa; rệp/ rau cải; rầy xanh, bọ trĩ/ chè; dòi đục lá, sâu đục quả/ cà chua; sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang/ bắp cải; sâu vẽ bùa, rầy chổng cánh/ cam, quýt 2.0EC, 3.6WG : sâu đục bẹ, nhện gié, rầy nâu, sâu cuốn lá nhỏ/ lúa; bọ xít muỗi, rầy xanh, bọ trĩ, nhện đỏ/ chè; bọ xít, sâu đục quả/ vải; rầy bông/ xoài; sâu vẽ bùa, rầy chổng cánh/ cam; rệp, sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu xanh/ cà chua; sâu xanh da láng/ đậu tương 60SG : dòi đục lá/cà chua; rầy bông/xoài; sâu đục quả/ vải; bọ trĩ, rầy xanh/chè, bọ trĩ, sâu cuốn lá/lúa; sâu khoang/đậu tương; sâu xanh bướm trắng/bắp cải	Công ty CP Nông nghiệp HP
Emacao-TP 75WG	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP BVTV Toàn Phát
Emagold 6.5EC, 6.5WG, 10.5WG, 12.5WG, 20.5WG	6.5EC : Sâu khoang/lạc 6.5WG, 10.5WG, 12.5WG, 20.5WG : Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Agricare Việt Nam
Emaplant 0.2 EC, 1.9EC, 3.8EC, 5WG	0.2EC : sâu xanh/ đậu xanh 1.9EC : sâu cuốn lá/ lúa; bọ trĩ/ dừa hấu; nhện đỏ/ cam; sâu tơ/ bắp cải 3.8EC : nhện gié/ lúa; sâu đục quả/ đậu tương 5WG : sâu cuốn lá/ lúa; nhện đỏ/ cam	Công ty CP Thanh Điền
Ematin	1.9EC : sâu xanh đục quả/ cà chua, sâu cuốn lá/	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)

1.9 EC, 60EC	lúa 60EC: Sâu cuốn lá/ lúa, bọ trĩ/ dừa hấu	
Emathai 4EC	Nhện đỏ/ cam, bọ trĩ/ xoài, rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa, bọ trĩ/ dừa hấu	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng
Emathion 25EC, 55EC, 55WG, 65WG, 100WG	25EC: Sâu tơ/bắp cải 55EC: Bọ trĩ/dừa hấu 55WG, 65WG: Sâu đục thân/lúa 100WG: Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hoá chất và TM Trần Vũ
Emasun 2.2EC	Nhện đỏ/ cam; sâu tơ/ bắp cải; Sâu đục quả/đậu xanh; bọ trĩ, nhện đỏ/dừa hấu; nhện gié, sâu cuốn lá, bọ trĩ, sâu đục bẹ/ lúa	Zhejiang Hisun Chemical Co., Ltd.
Emasuper 1.9EC, 3.8EC, 5WG	1.9EC: rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè 1.9EC, 5WG: bọ xít hôi, bọ trĩ, rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân, nhện gié/ lúa; sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; rệp muội/ đậu tương; rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; rầy bông, sâu ăn bông/ xoài 3.8EC: rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié / lúa; sâu tơ/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; rệp/ đậu tương; rầy chổng cánh/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty TNHH Phú Nông
Ematigi 3.8EC	sâu tơ/ bắp cải, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
Emtin 38EC, 100WG	38EC: Sâu cuốn lá/lúa 100WG: Sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty TNHH TM DV Việt Nông
Emavua 36EC, 75WG, 50WG, 150WG	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Hatashi Việt Nam
Emaxtin 0.2EC, 1.0EC, 1.9EC, 3.8EC, 5.7EC, 7.6EC, 55.5WG, 108WG	0.2EC, 1.0EC: sâu cuốn lá/ lúa; sâu xanh/ cà chua; sâu tơ/ bắp cải; nhện đỏ/ cam, quýt 1.9 EC: rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ, sâu cuốn lá/ lúa; sâu xanh/ cà chua; sâu tơ/ bắp cải; nhện đỏ/ cam, quýt 3.8EC, 5.7EC, 7.6EC: sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/ cà chua; nhện đỏ/ cam 55.5WG, 108WG: Nhện đỏ/ cam ; sâu cuốn lá,	Công ty TNHH US.Chemical

	rầy nâu/ lúa ; rầy xanh/ chè	
EMETINannong 0.2EC, 1.0EC, 1.9EC, 3.8EC, 5.55WG, 5.7EC, 7.6EC, 108WG	0.2EC, 1.0EC: sâu cuốn lá/ lúa; sâu xanh/ cà chua; sâu tơ/ bắp cải; nhện đỏ/ cam, quýt 1.9EC, 3.8EC, 5.7EC, 7.6EC: sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; nhện đỏ/ cam, quýt; sâu xanh/ cà chua 5.55WG, 108WG: rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa, nhện đỏ/cam	Công ty TNHH An Nông
Etimex 2.6 EC	bọ trĩ, sâu cuốn lá, sâu phao đục bẹ, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ rau cải, bắp cải; ruồi/ lá/ cải bó xôi; sâu xanh da láng/ cà chua; sâu khoang, sâu xanh/ lạc; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu vẽ bùa/ cam; bọ trĩ, nhện đỏ/ nho; nhện đỏ/ nhãn; bọ xít muỗi/ chè, điều; rệp sáp, nhện đỏ/ cà phê	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
Fastish 116WG	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Đầu tư và PT TM QT Thăng Long
Feroly 20SL, 35.5EC, 125WG	20SL: sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, bọ xít/ lúa; bọ trĩ/ dưa hấu; rầy xanh, nhện đỏ/ chè; dòi đục lá/ cà chua; nhện lông nhung/ vải 35.5EC: Sâu khoang/lạc; sâu cuốn lá/lúa 125WG: Sâu cuốn lá/lúa, sâu tơ/ bắp cải	Công ty TNHH TM DV XNK Thuận Thành
Focal 5.5EC, 80WG	5.5EC: sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa 80WG: Sâu cuốn lá, nhện gié, sâu năn / lúa; nhện đỏ/ chè	Công ty TNHH – TM Tân Thành
Foton 5.0 ME	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Hạt giống HANA
G8-Thôn Trang 2EC, 4EC, 5EC, 5.6EC, 56WG, 96WG, 135WG	2EC, 4EC, 5EC, 5.6EC: sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; sâu tơ, sâu xanh da láng/ bắp cải; rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè 56WG: Sâu cuốn lá/ lúa 96WG: Nhện đỏ/ chè, sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa 135WG: sâu đục thân, sâu cuốn lá /lúa, nhện đỏ/cam	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
Go.good One 5WG	Sâu phao đục bẹ/lúa, sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH Ngân Anh

Goldemec 1.9EC, 3.8EC, 5.7EC, 5.55WG, 108WG	1.9EC, 3.8EC, 5.7EC: sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/ cà chua; nhện đỏ/ cam, quýt 5.55WG: Nhện gié/lúa 108WG: Sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
Golnitor 10EC, 20EC, 36WG, 50WG	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; sâu khoang/ đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
Haeuro 75WG, 125WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH CEC Việt Nam
Hagucide 70WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH BVTV Akita Việt Nam
Hoatox 0.5ME, 2ME	0.5ME: sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải, su hào; sâu xanh da láng/ cà chua, thuốc lá; sâu khoang/ lạc, đậu cove; sâu cuốn lá lúa; bọ trĩ/ bí xanh, dưa chuột; nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; nhện đỏ/ cam, quýt 2ME: sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh bướm trắng/ su hào; sâu xanh da láng/ cà chua, thuốc lá; sâu khoang/ lạc, đậu cô ve; sâu cuốn lá/ lúa; bọ trĩ/ bí xanh, dưa chuột; nhện đỏ, bọ trĩ/ chè; nhện đỏ/ cam	Công ty TNHH Trường Thịnh
Homectin 1.9EC, 40EC, 50WG	1.9EC: sâu cuốn lá/ lúa 40EC: Sâu khoang/lạc; rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa; bọ xít muỗi/điều 50WG: Sâu cuốn lá/lúa, bọ trĩ/dưa hấu, sâu xanh bướm trắng/bắp cải	Công ty CP Hóc Môn
Jiametin 1.9EC	sâu tơ/ bắp cải	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
July 1.0 EC, 1.9 EC, 5EC, 5WG	1.0 EC, 1.9 EC: sâu tơ, sâu xanh/ cải xanh; rệp sáp/ cà phê; rệp sáp, rầy chổng cánh, nhện đỏ/ vải, nhãn, cam, xoài; bọ trĩ, nhện đỏ/ chè; bọ trĩ, sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; bọ trĩ/ dưa hấu 5EC, 5WG: sâu tơ, sâu xanh, bọ nhảy/ cải xanh,	Công ty TNHH TM & SX Gia Phúc

	bắp cải; rệp sáp/ cà phê; rệp sáp, rầy chổng cánh, nhện đỏ/ vải, nhãn, cam, xoài; bọ trĩ, nhện đỏ/ chè; bọ trĩ, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu xanh, rệp/ đậu xanh, đậu tương; sâu xanh, rầy/ bông vải, thuốc lá	
Kajio 5EC, 5WG	5EC: Sâu xanh/bắp cải, sâu phao đục bẹ/lúa 5WG: Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH BMC
Khùng 80WG, 60WG, 100WG	80WG: sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa 60WG: sâu cuốn lá, nhện gié/lúa 100WG: sâu đục thân, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty TNHH Việt Đức
Kinomec 1.9EC, 3.8EC	1.9EC: sâu tơ/ bắp cải 3.8EC: bọ trĩ/ dưa hấu	Công ty CP Vicowin
Lion kinh 50WG, 50EC, 100WG	50WG: Sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa 50EC: sâu khoang/lạc 100WG: sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP VT Nông nghiệp Thái Bình Dương
Măng xà 1.9 EC, 65EC	1.9EC: sâu cuốn lá/ lúa; sâu xanh/ dưa hấu 65EC: Sâu xanh da láng/dưa hấu, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Nông nghiệp Xanh
Makegreen 55WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Nam Nông Phát
Map Winner 5WG, 10WG	5WG: sâu cuốn lá/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ lạc; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài; bọ xít muỗi/ chè; sâu khoang/ cải xanh; Sâu đục quả/cà chua, nhện đỏ/hoa hồng; rệp/chanh leo; bọ trĩ, rệp /ót; rầy xanh, sâu xanh /bí ngô 10WG: sâu cuốn lá/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu vẽ bùa/ cam; bọ xít muỗi/ chè; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu xanh da láng/ lạc; rầy bông/ xoài	Map Pacific Pte Ltd
Matrix 1.9EC, 5WG	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Nam Bộ
Mectinone 5.0ME, 5.0WG, 5.5WP, 22EC, 25WG, 41ME, 53WG, 126WG	5.0ME, 5.0WG, 5.5WP, 25WG, 41ME, 53WG, 126WG: sâu cuốn lá/lúa 22EC: Sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH Pháp Thụy Sĩ
Mekomectin 1.9EC, 3.8EC, 45.5EC,	1.9EC: sâu xanh/ cà chua; sâu tơ/ bắp cải; sâu cuốn lá/ lúa; nhện đỏ/ cam	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông

50.5EC, 55.5EC, 70WG, 105WG, 125WG, 135WG	3.8EC: sâu xanh/ cà chua; sâu tơ/ bắp cải; rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa; nhện đỏ/ cam 45.5EC, 50.5EC: nhện đỏ/ cam; sâu đục quả/đậu xanh; sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa 55.5EC: Sâu đục quả/đậu xanh; sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa; nhện đỏ/ cam 70WG: Sâu đục quả/đậu xanh; rầy nâu, bọ trĩ/ lúa; sâu xanh da láng/lạc 105WG: Sâu phao đục bẹ, sâu cuốn lá/lúa,, sâu tơ/bắp cải, sâu đục quả/đậu tương 125WG: Sâu phao đục bẹ, sâu cuốn lá/lúa; sâu tơ/bắp cải 135WG: sâu tơ/bắp cải, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa, sâu đục quả/đậu tương	
Mikmire 2.0 EC, 7.9EC, 14.9WG	2.0EC: bọ xít, sâu đục quả/ vải; rầy bông/ xoài; rầy nâu, sâu đục bẹ, sâu cuốn lá nhỏ, nhện gié/ lúa; sâu xanh da láng/ đậu tương; rầy xanh, bọ trĩ, bọ xít muỗi, nhện đỏ/ chè; rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa/cam; rệp, sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu xanh/ cà chua 7.9EC: sâu tơ/bắp cải 14.5WG: sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP TM BVTV Minh Khai
Moousa 20EC, 50EC, 60WG	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Phong Phú
Nazomi 2.0EC, 5WG	sâu vẽ bùa/ cam, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Kiên Nam
Newgreen 2.0 EC	sâu đục bẹ, bọ trĩ, sâu cuốn lá/ lúa; sâu tơ/ bắp cải	Công ty TNHH - TM Thái Phong
Newmectin 0.2 ME, 0.5ME, 2.0 EC, 5WP, 41ME, 53WG, 126WG	0.2ME: sâu tơ, bọ nhảy/ bắp cải; sâu xanh da láng, sâu đục quả/ đậu tương; rệp sáp/ cà phê; rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa; rệp đào/ thuốc lá; rầy xanh, nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; sâu vẽ bùa/ bưởi; rầy xanh/ xoài 0.5ME: rầy xanh/ xoài 2.0EC: rầy nâu/ lúa 5WP: bọ cánh tơ/ chè 41ME, 53WG, 126WG: sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
New Tapky	0.2EC: sâu xanh bướm trắng, sâu tơ/ bắp cải;	Công ty CP SX TM DV

0.2 EC, 10EC	nhện đỏ/ cam 10EC: Sâu cuốn lá/lúa	Tam Lập Thành
Oman 2EC	sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh bướm trắng/ su hào; bọ trĩ/ chè; nhện đỏ/ cam; sâu xanh da láng/ cà chua, thuốc lá; sâu khoang/ lạc, đậu cove; bọ trĩ/ bí xanh, dưa chuột; sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
Proclaim 1.9 EC	sâu tơ/ bắp cải; sâu cuốn lá, sâu phao đục bẹ/ lúa; nhện đỏ/ cam; rầy bông, sâu đục cuống quả/ xoài; sâu đục quả/ bông vải; sâu khoang, sâu xanh, sâu gai sừng ăn lá/ thuốc lá; rầy xanh, bọ cánh tơ, nhện đỏ/chè; sâu xanh da láng, sâu xanh/ cà chua; sâu xanh da láng/ hành; sâu xanh da láng, sâu tơ, rệp muội/ súp lơ; sâu đục thân/ngô; nhện lông nhung/nhãn	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
Phesolbenzoate 3.8EC	Sâu cuốn lá/lúa, nhện đỏ/cam, sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH World Vision (VN)
Prodife's 1.9 EC, 5.8EC, 5WG, 6WG, 8WG	1.9EC: sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa 5.8EC: rầy bông/ xoài, sâu cuốn lá/lúa, nhện lông nhung/nhãn 5WG: rầy nâu/ lúa 6WG: rầy nâu/ lúa, nhện lông nhung/nhãn 8WG : sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
Promectin 1.0EC, 5.0 EC, 100WG	1.0EC: sâu cuốn lá, rầy nâu, sâu đục bẹ, bọ trĩ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh da láng/ bắp cải; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; bọ xít muỗi, bọ cánh tơ/ chè; bọ trĩ, rệp bông/ xoài 5.0EC: sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ lạc; sâu vẽ bùa/ cam; bọ trĩ/ nho; rệp bông/ xoài 100WG: sâu cuốn lá/ lúa, bọ trĩ/ xoài, sâu xanh da láng/ đậu tương, sâu tơ/ bắp cải	Công ty CP Nông Việt
Quiluxny 1.9EC, 55.5EC, 72EC, 6.0WG	1.9EC: sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa 55.5EC, 72EC: rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa 6.0WG: Sâu tơ/bắp cải; sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu xanh da láng/lạc; nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến

Ratoin 5WG	sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa; rầy xanh/ chè; sâu tơ/ bắp cải	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam
Remy 40EC, 19EC, 65EC, 100WG	Sâu phao đục bẹ/lúa	Công ty TNHH Real Chemical
Rholam 20EC, 42EC, 50WP, 58EC, 68WG	20EC: sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục bẹ, bọ xít/ lúa; bọ trĩ/ dưa hấu; bọ xít muỗi, nhện đỏ/ chè; dòi đục lá/ cà chua; nhện lông nhung/ vải; sâu đục quả/ xoài 42EC: Sâu cuốn lá/lúa 50WP: sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/ súp lơ; nhện đỏ/ cam; rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè; sâu cuốn lá nhỏ, nhện gié, bọ trĩ/ lúa; rệp sáp/ cà phê 58EC: Sâu khoang/lạc 68WG: Sâu xanh da láng/bắp cải	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
Roofer 50EC	Sâu cuốn lá/lúa, nhện đỏ/chè	Công ty CP Đầu tư VTNN Sài Gòn
Royal city 75WG	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP ACB Nhật Bản
Sausto 1EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa; sâu xanh bướm trắng, sâu tơ/ bắp cải; sâu khoang/ lạc, đậu cove; sâu xanh/ cà chua	Công ty CP Môi trường Quốc tế Rainbow
Sherdoba 20EC, 55WG	20EC: Sâu khoang/lạc, sâu cuốn lá/lúa 55WG: Sâu cuốn lá/lúa	Doanh nghiệp Tư nhân DV TM M & Q
Silsau super 1EC, 1.9EC, 2.5EC, 3EC, 3.5EC, 4EC, 5WP	1EC, 1.9EC, 5WP: sâu đục thân, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải 2.5EC, 3EC, 3.5EC, 4EC: sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu vẽ bùa/ cam	Công ty TNHH ADC
Sittobios 19EC, 40EC, 50SG	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; sâu xanh, bọ trĩ/ dưa hấu; rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu khoang/ đậu tương; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty CP Châu Á Thái Bình Dương (Asia Pacific)
Starrimec 5 WG, 10EC, 19EC, 40EC, 75EC, 80SC	5 WG: sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ/ lúa; sâu tơ, sâu khoang/ bắp cải; rệp/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; bọ cánh tơ/ chè, sâu khoang/ đậu tương;	Công ty CP Vật tư NN Hoàng Nông

105SG, 158SG, 198SG,	sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam 10EC: sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ/ lúa; sâu tơ, sâu khoang, rệp/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; bọ cánh tơ/ chè, sâu khoang/ lạc; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam 19EC, 40EC: sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ, nhện gié, rầy nâu/ lúa; rệp/ ngô; sâu tơ, bọ nhảy/ bắp cải; dòi đục lá/ đậu nành; sâu khoang/ lạc; bọ trĩ/ dưa hấu; nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài 75EC, 198SG:sâu cuốn lá/lúa 80SC, 105SG: Nhện đỏ/cam 158SG: sâu tơ/bắp cải	
Susupes 1.9 EC	bọ trĩ, sâu cuốn lá, nhện gié, sâu đục bẹ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu xanh da láng, sâu khoang/ lạc; sâu đục quả/ đậu tương; bọ trĩ/ dưa hấu; nhện lông nhung/ vải; nhện đỏ, sâu vẽ bùa, rầy chổng cánh/ cam; rầy bông/ xoài; rầy xanh, nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; rệp sáp/ hồ tiêu; sâu đục nụ, bọ trĩ/ hoa hồng	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
Tamala 1.9 EC	sâu cuốn lá, nhện gié, rầy nâu/ lúa; rầy bông, rệp sáp/ xoài; sâu tơ/ bắp cải	Công ty TNHH SX - TM Tô Ba
Tanwin 2.0 EC, 4.0EC, 5.5WG, 200WG	2.0EC: sâu cuốn lá, nhện gié, bọ trĩ, sâu đục bẹ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu đục quả/ đậu xanh; bọ trĩ, nhện đỏ/ dưa hấu; nhện đỏ/ cam 4.0EC: nhện gié/ lúa 5.5WG: rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié, bọ trĩ/lúa; sâu tơ/bắp cải; bọ trĩ/dưa hấu 200WG: sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
Tasieu 1.0EC, 1.9EC, 2WG, 3EC, 5EC, 5WG	1.0EC, 1.9EC: sâu ăn lá/ hành; sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang, rệp muội/ bắp cải; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu khoang, sâu xanh da láng/ lạc; sâu xanh, sâu đo, nhện đỏ/ hoa hồng; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; bọ trĩ/ dưa hấu, dưa chuột, nho; rệp muội/ thuốc lá, thuốc lá, na; nhện đỏ, rệp muội/ nhãn; sâu xanh/ cà chua; sâu	Công ty TNHH Việt Thắng

	cuốn lá, nhện gié, bọ trĩ, sâu đục thân, sâu đục bẹ/ lúa; sâu đục quả, nhện đỏ, bọ xít/ vãi; sâu róm/ thông; rầy, sâu xanh/ hồ tiêu; sâu ăn lá, bọ xít muỗi/ điều; rệp sáp/ cà phê; rầy/ xoài 2WG, 5WG: sâu róm/ thông; sâu xanh, sâu khoang, sâu tơ/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa chuột; bọ xít muỗi/ điều; sâu đục thân, nhện gié, sâu cuốn lá/ lúa; nhện đỏ/ cam; bọ cánh tơ/ chè; bọ xít/ vãi, nhãn 3EC, 5EC: Bọ trĩ/ dưa chuột; bọ xít/ vãi, nhãn; sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa; sâu tơ/ bắp cải	
Tikemectin 2EC, 4EC, 20WG, 6.0EC, 60WG, 80WG	2EC, 4EC: sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu khoang/ bắp cải; sâu xanh bướm trắng, rệp, bọ nhậy/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa, nhện đỏ, rầy chổng cánh/ cam; rầy bông/ xoài 6.0EC, 60WG, 20WG: sâu cuốn lá/ lúa 80WG: Rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty CP XNK Thọ Khang
Topcide tsc 5.5EC, 100WG	Sâu tơ/bắp cải	Công ty CP Vật tư KTN Cần Thơ
Topsix 82WG	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Nông dược Đại Nam
Tungmectin 1.0EC, 1.9EC, 5EC, 5WG	1.0EC: sâu xanh bướm trắng, sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh, dòi đục lá/ cà chua; sâu xanh da láng, sâu đục quả/ đậu xanh; ruồi đục quả, sâu vẽ bùa/ cam; sâu cuốn lá nhỏ, sâu phao, sâu đục bẹ, bọ xít dài, bọ trĩ, nhện gié/ lúa; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè 1.9EC: sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/ cải xanh; sâu xanh da láng/ đậu xanh; sâu đục quả/ đậu tương; sâu xanh, dòi đục lá/ cà chua; sâu cuốn lá nhỏ, bọ xít hôi, bọ trĩ, nhện gié, sâu đục bẹ, sâu phao, sâu đục thân/ lúa; sâu vẽ bùa/ cây có múi; nhện đỏ/ dưa chuột; bọ trĩ/ dưa hấu; rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè; rệp sáp, mọt đục cành/ cà phê; rệp sáp/ hồ tiêu; bọ trĩ, sâu đục thân/ điều; rầy bông/ xoài	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng

				5EC: sâu đục thân, sâu cuốn lá nhỏ, rầy nâu, nhện gié, sâu đục bẹ/ lúa; sâu khoang/ khoai lang; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh bướm trắng/ cải xanh; sâu xanh, sâu xanh da láng/ cà chua, đậu xanh; bọ trĩ, bọ xít, nhện đỏ/ dưa hấu; dòi đục lá, sâu đục quả/ đậu tương; sâu xanh da láng, bọ trĩ/ nho; bọ xít, sâu cuốn lá/ vải; rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa/ cam; sâu đục bông, rầy bông/ xoài; sâu xanh da láng/ bông vải; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; rệp sáp /cà phê, hồ tiêu; bọ xít muỗi/ điều 5WG: Sâu khoang/đậu tương; rầy bông/xoài; sâu cuốn lá/lúa; sâu xanh/lạc; sâu tơ/cải bắp bọ xít muỗi/chè; sâu đục quả/cà chua; rệp sáp/hồ tiêu; sâu vẽ bùa/cam; nhện đỏ/nhãn; rệp sáp/na; bọ trĩ/thuốc lá; nhện lông nhung/vải; bọ xít muỗi/ điều; sâu xanh da láng/đậu xanh; bọ trĩ/nho; dòi đục lá/dưa hấu	
			Vimatox 1.9 EC, 5SG	1.9EC: Bọ trĩ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu đục thân, sâu đục bẹ, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; bọ trĩ/ dưa hấu, xoài; sâu vẽ bùa/ cam; nhện đỏ/ bưởi 5SG: Bọ cánh cứng/ rau cải, sâu cuốn lá/lúa, nhện đỏ/cam, nhện lông nhung/nhãn	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
			Zamectin 40EC, 65EC, 83EC, 100WG	Sâu phao đục bẹ/lúa	Công ty CP KT Dohaledusa
535	3808	Emamectin benzoate 50g/l (20g/kg), (55g/kg) + Fipronil 20g/l (400g/kg), (500g/kg)	Nighcid 70SC, 420WG, 555WG	70SC: sâu đục thân, rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa 420WG: Sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa 555WG: rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa; sâu đục thân/ngô	Công ty TNHH VT BVTV Phương Mai
536	3808	Emamectin benzoate 2.5% + Fipronil 17.5%	Rangergold 20WP	Bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thanh Hưng
537	3808	Emamectin benzoate 10g/l (50g/kg) (10g/kg) + Fipronil 120g/l (200g/kg), (130g/kg) +	Celltop 180EW, 300WP, 410WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung

		Thiamethoxam 50g/l (50g/kg), (100g/kg)			
538	3808	Emamectin benzoate 10% + Flufiprole 10%	Tatachi 200WP	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
539	3808	Emamectin benzoate 10% + Indoxacarb 20%	Lk-saula 30WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
540	3808	Emamectin benzoate 35g/kg + Indoxacarb 60g/kg	Obaone 95WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
541	3808	Emamectin benzoate 50g/kg + Indoxacarb 50g/kg	Chetsau 100WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH SX và KD Tam Nông
542	3808	Emamectin benzoate 50g/l + Indoxacarb 100g/l	Hd-Fortuner 150EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM DV Hằng Duy
			IE-max 150EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông Tín AG
543	3808	Emamectin benzoate 10g/l + Indoxacarb 150g/l	Emingold 160SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Mùa Vàng
544	3808	Emamectin benzoate 30g/l + Indoxacarb 150g/l	Dhajapane 180SC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
545	3808	Emamectin benzoate 50g/l + Indoxacarb 150g/l	Shieldkill 200SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
546	3808	Emamectin benzoate 10% + Indoxacarb 10% + Fipronil 15%	Mely 35WG	nhện gié/ lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Á Châu
547	3808	Emamectin benzoate 25g/l + Lambda- cyhalothrin 25g/l	Carbatoc 50EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
548	3808	Emamectin benzoate 20g/l + Liuyangmycin 100g/l	Map Genie 12EC	nhện gié, sâu cuốn lá/ lúa; sâu xanh da láng/ đậu trương; bọ trĩ/ dưa hấu; nhện đỏ/ cam; rầy bông/ xoài	Map Pacific Pte Ltd
549	3808	Emamectin benzoate	Tik-tot 60EC	Sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa	Công ty CP XNK

		20g/l + Lufenuron 40g/l			Thọ Khang
550	3808	Emamectin benzoate 49g/l (148g/l) + Matrine 1g/l (2g/l)	Nasdaq 50EC, 150WG	50EC: Sâu cuốn lá/lúa 150WG: Sâu tơ/bắp cải	Công ty CP CN Hoá chất Nhật Bản Kasuta
551	3808	Emamectin benzoate 5g/l (10g/l) + Matrine 5g/l (10g/l)	Kimcis 10EC, 20EC	10EC: Sâu đục ngọn/ điều; rệp sáp/ cà phê; sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa; rầy bông/ xoài 20EC: nhện lông nhung/ nhãn, rệp sáp/ cam, bọ hà khoai lang	Công ty CP Nông dược Agriking
552	3808	Emamectin benzoate 1g/l (3.5g/l), (5g/l), (7.5g/l) + Matrine 4g/l (3.5g/l), (5g/l), (7.5g/l)	Gasrice 5EC, 7EC, 10EC, 15EC	5EC, 10EC: sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, bọ trĩ, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; sâu xanh bướm trắng, bọ nhảy, rệp/ cải xanh; sâu tơ/ bắp cải; sâu đục quả/ đậu đũa; sâu xanh, dòi đục lá/ cà chua; bọ trĩ, nhện đỏ/ dưa hấu; dòi đục lá/ đậu tương; sâu khoang, sâu xanh da láng/ lạc; sâu cuốn lá/ đậu xanh; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; nhện đỏ, rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa/ cam; bọ xít, nhện đỏ, sâu đục quả/ vải; sâu khoang, rệp/ thuốc lá; rầy bông, sâu ăn bông/ xoài; sâu xanh da láng, bọ trĩ/ nho; sâu róm/ thông; sâu xanh da láng/ bông vải; bọ trĩ/ điều 7EC, 15EC: sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; sâu khoang/ đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
553	3808	Emamectin benzoate 9g/l (19g/l), (49g/kg), (89g/l), (59.9g/kg), (167g/kg), (207g/kg) + Matrine 1g/l (1g/l), (1g/kg), (1g/l), (0.1g/kg), (1g/kg), (1g/kg)	Mectinstar 10EC, 20EC, 50SG, 60SG, 90SC 110SG, 168SG, 208SG	10EC, 20EC, 50SG: sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; sâu tơ, sâu khoang/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu khoang/ lạc; rệp/ thuốc lá; rầy xanh/ chè; rầy bông/ xoài; nhện đỏ/ cam; sâu róm/ thông 60SG: sâu tơ/ bắp cải 90SC: rầy bông/xoài 110SG, 168SG, 208SG: sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Vật tư NN Hoàng Nông
554	3808	Emamectin benzoate 21g/l (41g/l), (56g/l) + Matrine 2g/l(2g/l),(2g/l)	9X-Actione 2.3EC, 4.3EC, 5.8EC	sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, bọ trĩ, rầy nâu, nhện gié/ lúa; sâu tơ, sâu xanh da láng/ bắp cải; rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang

555	3808	Emamectin benzoate 10g/l (19g/l), (20g/kg), (29g/l), (60.9g/kg), (119.9g/kg) + Matrine 1g/l (1g/l), (1g/kg), (1g/l), (0.1g/kg), (0.1 g/kg)	Redconfi 11EC, 20EC, 21WP, 30EC, 61WG, 120WG	11EC, 20EC, 21WP, 30EC: sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh, bọ nhảy/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; bọ xít muối, rầy canh/ chè 61WG, 120WG: rầy lưng trắng/lúa	Công ty CP Thuộc BVTV Việt Trung
556	3808	Emamectin benzoate 10g/l (48g/kg), (98g/kg), (25g/l) + Matrine 2g/l (2g/kg), (2g/kg), (2g/l)	Rholam Super 12EC, 50SG, 100WG, 27EC	12EC: sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; rầy xanh, bọ cánh tơ, nhện đỏ/ chè; sâu tơ/ bắp cải; sâu đục quả, bọ xít/ vải; nhện đỏ/ hoa hồng; bọ trĩ/ dưa chuột; rầy chồng cánh/ cam 27EC: nhện gié/lúa; sâu tơ/bắp cải 50SG: sâu đục bẹ, bọ xít/ lúa; bọ cánh tơ, bọ xít muối, nhện đỏ/ chè; sâu tơ/ cải xanh; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu vẽ bùa/ cam; sâu xanh da láng/ nho; sâu khoang/ lạc; rầy bông/ xoài; sâu đục gân lá/ vải 100WG: Sâu cuốn lá/lúa, sâu khoang/lạc	Công ty CP nông dược Nhật Việt
557	3808	Emamectin benzoate 22g/l (42g/l), (60g/l) + Matrine 4g/l (4g/l) (4g/l)	Bạch tượng 26EC, 46EC, 64EC	26EC: Sâu cuốn lá, rầy nâu lúa 46EC: rầy nâu/ lúa, sâu cuốn lá 64EC: rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa; nhện đỏ/ cam; nhện lông nhung/nhãn	Công ty TNHH - TM Nông Phát
558	3808	Emamectin benzoate 24g/l, (55g/l), (55g/kg), (99g/kg) + Matrine 1g/l, (0.5g/l), (0.5g/kg), (0.9g/kg)	Dolagan 25EC, 55.5EC, 55.5WG, 99.9WG	25EC: Sâu cuốn lá/lúa, sâu tơ/ bắp cải, sâu vẽ bùa/ cam, bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè 55.5EC, 99.9WG: nhện gié, sâu cuốn lá/lúa 55.5WG: sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP ND Quốc tế Nhật Bản
559	3808	Emamectin benzoate 95g/kg + Matrine 5g/kg	K54 100WG	Sâu cuốn lá/ lúa, nhện gié/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
			Pro-sure 100WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông Việt
560	3808	Emamectin benzoate 29.5g/l (35.5g/kg), (49g/l), (49g/kg) + Matrine 0.5g/l (0.5g/kg), (1g/l), (1g/kg)	Techtimex 30EC, 36WG, 50EC, 50WG	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
561	3808	Emamectin benzoate 0.4% (4g/l), (4g/l) +	Map Go 20ME, 39.6SL, 39.6ME	20ME: sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa, nhện/sắn 39.6SL: sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, nhện	Map Pacific Pte Ltd

		Monosultap 19.6% (392g/l), (392g/l)		gié/ lúa; sâu xanh da láng/ lạc; rệp sáp/cà phê 39.6ME: sâu cuốn lá, nhện gié /lúa	
562	3808	Emamectin benzoate 5g/l + Petroleum oil 245g/l	Eska 250EC	sâu cuốn lá, bọ xít dài, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; nhện đỏ, sâu vẽ bùa, rầy chổng cánh/ cam; nhện lông nhung/ vãi; sâu xanh da láng/ thuốc lá; sâu khoang/ lạc, đậu tương; bọ trĩ, dòi đục lá/ dưa chuột, bí xanh; rệp sáp/ cà phê; bọ xít muỗi, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu tơ, sâu xanh, rệp/ bắp cải; nhện đỏ/ nhãn	Công ty CP Nông nghiệp HP
			Comda 250EC	Bọ trĩ/ dưa hấu, bọ xít muỗi/ chè, rầy bông/ xoài, rệp muội/ hoa cúc, rệp sáp/ cà phê, sâu tơ/ bắp cải, sâu xanh da láng/ hành	Công ty CP BVTV Sài Gòn
563	3808	Emamectin benzoate 10g/l (5g/l) + Petroleum oil 240g/l (395g/l)	Emamec 250EC, 400EC	sâu đục thân, cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; rệp/ ngô; sâu tơ/ bắp cải; dòi đục lá/ đậu trạch; sâu khoang/ lạc; bọ trĩ/ dưa hấu; nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty CP Vật tư NN Hoàng Nông
564	3808	Emamectin benzoate 19g/l (25g/l), (30g/l) + Permethrin 80.99 g/l (130g/l), (155g/l)	Tiachop 99.99EC, 155EC, 185EC	99.99EC: sâu cuốn lá/ lúa 155EC: sâu xanh da láng/ đậu xanh 185EC: sâu keo/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
565	3808	Emamectin benzoate 20g/l + Permethrin 220g/l	Happymy 240EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
566	3808	Emamectin benzoate 10g/l + Quinalphos 240g/l	Daisuke 250EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
567	3808	Emamectin benzoate 30g/kg + Spinosad 25g/kg	Amagong 55WP	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Agricare Việt Nam
568	3808	Emamectin benzoate 50g/l (50g/kg) +200g/l (200g/kg) Spinosad	Boxin-TSC 25EC, 250WP	Sâu xanh/bắp cải	Công ty CP Vật tư KTNN Cần Thơ
569	3808	Esfenvalerate (min 83 %)	Esfel 5 EC	sâu ăn tạp/ đậu tương	Map Pacific PTE Ltd
			Sumi - Alpha 5 EC	sâu đục quả/ đậu tương; bọ xít, sâu cuốn lá, sâu phao đục bẹ/ lúa	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam

			Vifenalpha 5EC	sâu cuốn lá/ lúa, sâu đục quả/ đậu lấy hạt	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
570	3808	Esfenvalerate 1.25 % + Fenitrothion 25%	Sumicombi - Alpha 26.25 EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, bọ xít/ lúa; sâu khoang/ lạc; rầy xanh/ bông vải	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
571	3808	Ethiprole (min 94%)	Curbix 100 SC	rầy nâu/ lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
572	3808	Ethiprole 100 g/l + Imidacloprid 100g/l	Peridor 200SC	rầy nâu/ lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
573	3808	Ethoprophos (min 94%)	Agpycap 10GR	tuyến trùng/ hồ tiêu	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
			Etocap 10 GR	tuyến trùng/ hồ tiêu	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
			Gold-goat 10GR	Tuyến trùng/hồ tiêu	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
			Nisuzin 10 GR	tuyến trùng/ cà phê	Công ty CP Nicotex
			Nokaph 10GR	tuyến trùng, sâu trong đất/ hồ tiêu, thuốc lá	Công ty TNHH ADC
			Saburan 10GR	Tuyến trùng/hồ tiêu	Công ty CP BVTV Sài Gòn
			Starap 100GR	tuyến trùng/ hồ tiêu	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
			Vimoca 10GR	tuyến trùng/ hồ tiêu, cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
574	3808	Etofenprox (min 96%)	Noray 30EC	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
			Slavic 10SC	rầy nâu/ lúa	Bailing Agrochemical Co., Ltd
			Trebon 10 EC, 20 WP, 30EC	10EC: rầy nâu, sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; rầy xanh, bọ trĩ, bọ xít muỗi/ chè; sâu xanh, sâu khoang/ bông vải, ngô; sâu vẽ bùa; rệp/ vải; bọ xít muỗi/điều 20WP: rầy nâu/ lúa; bọ xít/ vải, nhãn; rầy xanh/ chè; rầy/ xoài; sâu khoang/ bắp cải 30EC: rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa; rầy mềm/ bắp cải; rầy xanh/ chè	Mitsui Chemicals Agro, Inc. .
575	3808	Etofenprox 2% + Phenthoate 48 %	ViCIDI - M 50 EC	bọ xít/ lúa, sâu xanh/ lạc	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam

576	3808	Eucalyptol (min 70%)	Pesta 2SL	nhện đỏ, sâu vẽ bùa, rầy chổng cánh/ cam; nhện lông nhung/ vãi; nhện đỏ/ nhện; sâu khoang/ lạc; sâu xanh da láng/ thuốc lá; sâu đục quả/ đậu tương; bọ trĩ/ bí xanh, dưa hấu; sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/ lúa; sâu tơ/ bắp cải	Công ty CP Môi trường Quốc tế Rainbow
577	3808	Fenbutatin oxide (min 95%)	Nilmite 550SC	nhện gié/ lúa	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
578	3808	Fenitrothion (min 95 %)	Factor 50EC	sâu đục thân/ lúa; rệp sáp/ cà phê	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.
			Forwathion 50EC	sâu đục thân/ lúa, rệp/ cà phê	Forward International Ltd
			Metyl annong 50EC	sâu cuốn lá/ lúa, rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH An Nông
			Nysuthion 50EC	Bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yên
			Sumithion 50 EC, 100 EC	sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
			Visumit 5DP, 50EC	5DP: cáo cáo, sâu trong đất/ lúa 50EC: sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
579	3808	Fenitrothion 45% + Fenoburcarb 30%	Difetigi 75 EC	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
			Subatox 75 EC	sâu cuốn lá/ lúa, rệp sáp/ cà phê	Công ty CP BVTV I TW
580	3808	Fenitrothion 25% (250g/l) + Fenvalerate 5% (50g/l)	Hosithion 30EC	bọ xít hôi/ lúa, sâu ăn tạp/ lạc	Công ty CP Hóc Môn
			Sumicombi 30EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, bọ xít/ lúa; sâu khoang/ đậu tương; sâu đục quả, rệp vảy/ cà phê	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
			Sumitigi 30 EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
581	3808	Fenitrothion 450g/l + Fenpropathrin 50g/l	Danitol - S 50 EC	nhện, bọ trĩ/ lúa; sâu đục cành, đục quả, rệp sáp/ cà phê; rệp, sâu xanh, rầy xanh, bọ trĩ/ bông vải	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
582	3808	Fenitrothion 200 g/l (g/kg) + Trichlorfon 200 g/l (g/kg)	Ofatox 400EC, 400WP	400EC: bọ xít/ lúa, rệp/ ngô 400WP: sâu gai, bọ xít, bọ trĩ/ lúa; rệp sáp/ cà phê; rệp bông xo/ mía	Công ty CP BVTV I TW
583	3808	Fenobucarb (BPMC)	Abasba 50EC	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hóa chất

(min 96 %)			Đại Nam Á
	Anba 50 EC	rầy nâu/ lúa, bọ xít/ hồ tiêu, rệp/ đậu tương	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
	Basasuper 700EC	rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
	Bascide 50 EC	rầy/ lúa, rệp/ thuốc lá	Công ty CP BVTV Sài Gòn
	Bassa 50 EC	rầy/ lúa, rệp sáp/ bông vải	Nihon Nohyaku Co., Ltd.
	Bassatigi 50 EC	rầy nâu, sâu keo/ lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
	Dibacide 50 EC	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
	Dosadx 50EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
	Excel Basa 50 EC	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH OCI Việt Nam
	Forcin 50 EC	rầy nâu/ lúa, bọ trĩ/ bông vải	Forward International Ltd
	Hoppecin 50 EC	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Nông dược HAI
	Jetan 50 EC	rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
	Metasa 500EC	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH – TM Tân Thành
	Nibas 50 EC	rầy nâu, rầy lưng trắng/ lúa, rệp vảy/ cà phê	Công ty CP Nicotex
	Pasha 50 EC	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
	Super Kill 50 EC	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hóa nông Lúa Vàng
	Tapsa 50 EC	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH - TM Thái Phong
	Triray 50 EC	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Kiên Nam
	Vibasa 50 EC	rầy, rầy nâu/ lúa; rệp/ bông vải	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
	Vitagro 50 EC	rầy nâu/ lúa	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.

584	3808	Fenobucarb 160g/l + Fipronil 20g/l	Access 180 EC	rầy nâu/ lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
585	3808	Fenobucarb 300g/l + Imidacloprid 50g/l	Azora 350EC	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
586	3808	Fenobucarb 415g/l + Imidacloprid 35g/l	Javipas 450EC	rầy nâu/ lúa	Công ty CP nông dược Nhật Việt
587	3808	Fenobucarb 200g/l (450g/l) + Imidacloprid 50g/l (50g/l)	Lanro 250EC, 500EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông dược Agriking
588	3808	Fenobucarb 150g/l (5g/kg) + Isoprocarb 150g/l (195g/kg)	Anbas 200WP, 300 EC	rầy nâu/ lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
589	3808	Fenobucarb 150g/l (350g/l), (500g/l) + Isoprocarb 100g/l (150g/l) (150g/l)	Kimbas 250EC, 500EC, 650EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông dược Agriking
590	3808	Fenobucarb 20 % + Phenthoate 30 %	Viphensa 50 EC	sâu đục thân, sâu đục bẹ/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
591	3808	Fenobucarb 30% + Phenthoate 45%	Diony 75 EC	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
592	3808	Fenobucarb 300g/l + Phenthoate 450g/l	Hopsan 75 EC	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Nông dược HAI
593	3808	Fenobucar 305 g/l + Phenthoate 450 g/l	Abasa 755EC	Rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa; mọt đục cành, rệp sáp/cà phê; sâu xanh/lạc; bọ xít muỗi/điều	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
594	3808	Fenobucarb 45 % + Phenthoate 30%	Knockdown 75 EC	rầy nâu/ lúa, sâu xanh/ lạc	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
595	3808	Fenpropathrin (min 90 %)	Alfapathrin 10 EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
			Danitol 10 EC	nhện lông nhung/ vải, rệp/ bông vải	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
			Vimite 10 EC	nhện đỏ/ hoa hồng; bọ trĩ, rệp sáp, nhện đỏ/ cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
596	3808	Fenpropathrin 160g/l + Hexythiazox 60g/l	Mogaz 220EC	Nhện đỏ/ cam, hoa hồng; nhện gié/ lúa	Sundat (S) PTe Ltd
597	3808	Fenpropathrin 100g/l	Calicydan 150EW,	150EW, 260EC: nhện gié/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV

		(5g/l), (5g/l) + Profenofos 40g/l (55g/l), (300g/l) + Pyridaben 10g/l, (200g/l), (5g/l)	260EC, 310EC	310EC: rệp sáp giả/cà phê	LD Nhật Mỹ
598	3808	Fenpyroximate (min 96%)	Ortus 5 SC	nhện đỏ/ hoa hồng	Nihon Nohyaku Co., Ltd.
599	3808	Fenpyroximate 50g/l + Pyridaben 150g/l	Rebat 20SC	nhện gié/lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
600	3808	Fenthion (min 99.7%)	Encofen 50 EC	sâu đục thân/ lúa, sâu đục quả/ đậu tương	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
601	3808	Fenvalerate (min 92 %)	Dibatox 10EC, 20EC	10EC: sâu keo/ lúa, sâu cuốn lá/ lạc, rệp sáp/ cà phê 20EC: sâu cuốn lá, sâu keo/ lúa; sâu cuốn lá/lạc; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
			Encofenva 20 EC	rầy nâu/ lúa, rệp muội/ điều	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
			Fantasy 20 EC	rầy nâu/ lúa	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.
			Fenkill 20 EC	sâu đục thân/ lúa, sâu đục quả/ đậu tương	Công ty TNHH UPL Việt Nam
			First 20EC	bọ xít/ lúa	Zagro Singapore Pte Ltd
			Kuang Hwa Din 20EC	rầy xanh/ lúa	Bion Tech Inc.
			Pathion 20EC	sâu xanh/ thuốc lá	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
			Pyvalerate 20 EC	rầy, sâu cuốn lá/ lúa; bọ xít muỗi/ điều	Forward International Ltd
			Sanvalerate 200 EC	bọ xít/ lúa	Longfat Global Co., Ltd.
			Sutomo 25EC	Sâu đục quả/ đậu tương	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
			Timycin 20 EC	bọ xít/ lúa	Công ty TNHH - TM Thái Phong
			Vifenva	sâu xanh/ thuốc lá, bọ xít/ đậu lấy hạt, sâu	Công ty CP Thuốc sát trùng

			20 EC	keo/lúa	Việt Nam
602	3808	Fenvalerate 6 % + Malathion 15 %	Malvate 21 EC	sâu khoang/ lạc, sâu bao/ điều	Công ty CP BVTV Sài Gòn
603	3808	Fipronil (min 95 %)	Again 3GR, 50SC, 800WG	3GR : sâu đục thân/ lúa 50SC : sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa 800WG : sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH US.Chemical
			Airblade 5SC, 800WG	Bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
			Angent 5SC, 800WG	5SC : bọ trĩ/ lúa 800WG : sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM DV Việt Nông
			Anpyral 800WG	Sâu cuốn lá, sâu đục thân, nhện gié/lúa; sâu khoang/lạc, mọt đục cành/cà phê; dòi đục thân/ đậu tương, bọ xít muỗi/ ca cao	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
			Anrogen 0.3GR, 10.8GR, 50SC, 800WG	0.3GR : sâu đục thân/ lúa 10.8GR : Rầy nâu/lúa; tuyến trùng, ấu trùng ve sâu/cà phê 50SC, 800WG : sâu đục thân/ ngô; bọ trĩ, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH An Nông
			Cagent 3GR, 5SC, 800WG	3GR : Sâu đục thân/ lúa 5SC : xử lý hạt giống trừ rầy nâu, bọ trĩ/ lúa 800WG : Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP TST Cần Thơ
			Centago 800WG	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Việt Đức
			Cyroma 5SC	sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
			Fidegent 50 SC, 800WG	50SC : sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa 800WG : rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié, bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam
			Finico 800 WG	sâu đục thân/ ngô; sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Nicotex
			Fipent 800WG	sâu đục thân/ ngô	Công ty TNHH Agro Việt
			Fiprogen 0.3GR, 0.5GR, 5SC, 800WG	0.3GR, 0.5GR : Sâu đục thân/lúa 5SC : sâu đục thân/ lúa, sâu xanh/ đậu tương 800WG : sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát

Fipshot 800WG	sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Thanh Điền
Fi-Hsiung Lai 0.3GR, 5SC	0.3GR: sâu đục thân/lúa 5SC: Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH World Vision (VN)
Forgen 800 WG	bọ trĩ/ lúa	Forward International Ltd
Hybridsuper 800WG	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Nam Bộ
Javigent 800WG	sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
Jianil 5 SC	sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa, xử lý hạt giống để trừ bọ trĩ/ lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
Legend 0.3GR, 5SC, 800WG	0.3GR: bọ trĩ, sâu đục thân/ lúa; sâu đục thân/ ngô, mía 5SC: sâu đục thân/ ngô, mía; sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; rệp sáp/ cà phê; rệp muội/ bông vải; sâu khoang/ thuốc lá 800WG: sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; sâu đục thân/ ngô; rệp sáp/ cà phê; sâu khoang/ thuốc lá; rệp/ bông vải	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
Lexus 5SC, 800WG, 800WP	5SC: sâu cuốn lá/ lúa 800WG: sâu xanh da láng/ lạc, rệp/ cam 800WP: sâu cuốn lá/ lúa; rệp sáp/ cà phê	Map Pacific PTE Ltd
Lugens 200FS, 800WG	200FS: xử lý hạt giống trừ rầy nâu, bọ trĩ, sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa; sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa 800WG: rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
Lupus 50ME	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Việt Hóa Nông
Phironin 50 SC, 800WG	50SC: sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; sâu khoang/ lạc; xử lý hạt giống để trừ bọ trĩ/ ngô, sâu cuốn lá/ lúa 800WG: sâu đục thân/ ngô; sâu khoang/ lạc; sâu cuốn lá/ lúa; xử lý hạt giống trừ sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng

Phizin 50SC, 800 WG	50SC: sâu cuốn lá/ lúa 800WG: sâu đục thân/ ngô; sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH Trường Thịnh
Rambo 5SC, 800WG	bọ trĩ, sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu năn/ lúa	Công ty TNHH TM SX Khánh Phong
Ranger 0.3GR, 5SC, 800WG	0.3GR: sâu đục thân/ lúa 5SC: sâu đục thân/ ngô, bọ trĩ/ lúa 800WG: bọ trĩ, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thanh Hưng
Reagt 5SC, 800WG	5SC: rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa 800WG: rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa; sâu đục thân/ ngô	Công ty TNHH Việt Thắng
Regal 3GR, 6GR, 50SC, 75SC, 800WG	3GR: sâu đục thân/ lúa, sùng/ mía, tuyến trùng/ hồ tiêu 6GR: Sâu đục thân, tuyến trùng/ lúa 50SC: sâu cuốn lá, rầy nâu, sâu đục thân/ lúa 75SC: Sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa 800WG: sâu đục thân/ ngô; sâu cuốn lá, rầy nâu, sâu đục thân/ lúa	Cali – Parimex. Inc.
Regent 0.3GR, 5SC, 800WG	0.3GR: sâu đục thân, rầy nâu, bọ trĩ, sâu keo, sâu phao, sâu cuốn lá, sâu năn/ lúa; sâu đục thân/ ngô, mía; ve sầu/ cà phê 5SC: sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; xử lý hạt giống trừ dế, kiến, nhện, bọ trĩ, sâu đục thân, sâu năn, rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu phao, sâu keo/ lúa 800WG: sâu đục thân, bọ xít, rầy nâu, sâu cuốn lá, bọ trĩ, nhện gié/ lúa; bọ trĩ/ điều; rệp sáp/ cà phê	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
Regrant 800WG	sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao

Rigell 3GR, 6GR, 50SC, 75SC, 800WG	3GR: sâu cuốn lá/ đậu tương; sâu đục thân/ ngô; tuyến trùng, sâu đục thân/ mía 6GR: Sâu cuốn lá, sâu đục thân, tuyến trùng/ lúa 50SC: sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa 75SC: Sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa 800WG: rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
Rigenusamy 3GR, 50SC, 800WG	3GR: Sâu đục thân/lúa 50SC: Bọ trĩ, sâu cuốn lá/ lúa 800WG: Sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
Sagofifro 850WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
Supergen 5SC, 800WG	5SC: xử lý hạt giống để trừ bọ trĩ, sâu phao, sâu keo, muỗi hành, sâu đục thân, rầy nâu/ lúa; bọ trĩ, sâu đục bẹ, sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa 800WG: sâu cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu, sâu đục thân, bọ xít/ lúa; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH – TM Tân Thành
Suphu 0.3GR, 10GR, 5SC, 10EC, 800WG	0.3GR: sâu đục thân/ ngô; sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu năn/ lúa 10GR: rầy nâu, sâu đục thân, nhện gié/ lúa; rệp sáp, ấu trùng ve sầu, tuyến trùng/ cà phê 5SC: sâu cuốn lá, bọ trĩ, sâu đục thân/ lúa 10EC: sâu đục thân/ ngô, lúa, mía 800WG: sâu đục thân, bọ trĩ, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH ADC
Tango 50SC, 800WG	sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ/ lúa	Công ty CP BVTV I TW
Tungent 5GR, 5SC, 100SC, 800WG	5GR: Rệp sáp giả/rễ cà phê; tuyến trùng/hồ tiêu; sâu đục thân/mía, ngô 5SC: sâu xanh, sâu khoang/ lạc; sâu đục thân/ ngô; sâu đục thân, sâu cuốn lá, sâu phao, bọ xít, sâu đục bẹ, rầy nâu, bọ trĩ/ lúa; sâu róm/ điều 100SC: rệp sáp/ cà phê; bọ xít muỗi/điều, tuyến trùng/hồ tiêu, sâu đục thân/mía; sâu xanh da láng/lạc, sâu xanh/đậu tương, sâu đục thân/ngô, rầy nâu, bọ trĩ/lúa 800WG: bọ xít muỗi/ điều; rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa; sâu xanh/ lạc; sâu đục thân/ ngô	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng

			Tur 800WG	rệp vảy/ cà phê, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Đồng Xanh
			Virigent 0.3GR, 50SC, 800WG	0.3GR: sâu đục thân/ lúa 50SC: sâu cuốn lá/ lúa, xử lý hạt giống trừ bọ trĩ, rầy nâu/lúa 800WG: bọ trĩ, sâu đục thân, sâu năn, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
604	3808	Fipronil 75g/l + Difenoconazole 150g/l + Propiconazole 150g/l	Goldmil 375EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
605	3808	Fipronil 100g/l + Flufiprole 100g/l	Flufipro 200SC	nhện gié/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
606	3808	Fipronil 75 g/l + Hexaconazole 100 g/l	Goldfit 175SC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
607	3808	Fipronil 400 g/kg + Imidacloprid 100 g/kg	Angerent 500WP	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
608	3808	Fipronil 0.3% + Imidacloprid 0.2%	Futim 5GR	sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Nông dược HAI
609	3808	Fipronil 2.9 g/kg, (3g/kg), (50g/l), (20g/l), (85g/kg), (785g/kg)) + Imidacloprid 0.1g/kg, (2g/kg), (5g/l), (80g/l), (15g/kg), (15g/kg)	Configent 3GR, 5GR, 55SC, 100EC, 100WP, 800WG	3GR, 5GR, 55SC, 800WG: sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa 55SC: sâu đục thân, sâu cuốn lá, nhện gié, bọ trĩ/ lúa 100EC: sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa 100WP: sâu xanh/ đậu tương	Công ty TNHH Kiên Nam
610	3808	Fipronil 3g/kg, (29g/l), (59g/l), (130g/kg), (30g/kg), (400g/kg), (30g/kg), (800g/kg) + Imidacloprid 1g/kg, (1g/l), (1g/l), (25g/kg), (250g/kg), (100g/kg), (720g/kg), (30g/kg)	Henri 4GR, 30EC, 60SC, 155WP, 280WP, 500WG, 750WG, 830WG	4GR, 30EC, 60SC, 500WG: sâu cuốn lá/ lúa 155WP: sâu phao/ lúa 280WP, 750WG: rầy nâu/ lúa 830WG: sâu đục bẹ/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
611	3808	Fipronil 600 g/kg + Imidacloprid 150g/kg	Sespa gold 750WG	bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
612	3808	Fipronil 180g/l (400g/kg) + Imidacloprid 360g/l	Sunato 540FS, 800WG	540FS: Xử lý hạt giống trừ rầy nâu, bọ trĩ/lúa 800WG: Rệp sáp giả/ca cao, cà phê; rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa, bọ trĩ/điều; rệp muội,	Bayer Vietnam Ltd (BVL)

		(400g/kg)		bộ phận/khoai tây, rệp sáp giả/hồ tiêu	
613	3808	Fipronil 250g/kg + Imidacloprid 440g/kg + Lambda-cyhalothrin 60g/kg	Kosau 750WP	Sâu đục bẹ/lúa	Công ty TNHH An Nông
614	3808	Fipronil 100 g/kg + Imidacloprid 10 g/kg + Thiamethoxam 250g/kg	Accora 360WG	rầy nâu/ lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
615	3808	Fipronil 600g/kg + Imidacloprid 150g/kg + Thiamethoxam 100g/kg	Hummer 850WG	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
616	3808	Fipronil 50 g/l + Indoxacarb 25 g/l	Blugent 75SC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
617	3808	Fipronil 300g/kg + Indoxacarb 150g/kg	Map wing 45WP	Sâu cuốn lá nhỏ/lúa	Map Pacific Pte. Ltd
618	3808	Fipronil 500g/l + Indoxacarb 150g/l	Seahawk 650SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
619	3808	Fipronil 400g/kg + Indoxacarb 150g/kg	Rido 550WP	Sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa	Công ty TNHH TM DV Việt Nông
620	3808	Fipronil 500g/kg, (306g/kg) + Indoxacarb 100g/kg, (150g/kg)	M79 600WG, 456WP	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
621	3808	Fipronil 50g/l (38g/l) (100g/kg) (450g/kg) + Indoxacarb 16.88g/l (130g/l) (100g/kg), (50g/kg)	Bugergold 66.88EW, 168SC, 200WP, 450SG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
622	3808	Fipronil 50g/l + Indoxacarb 150g/l	Homata 200EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam
623	3808	Fipronil 25g/l (10g/l) + Indoxacarb 25g/l (150g/l)	Adomate 50SC,160SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
624	3808	Fipronil 30g/l (35g/kg), (160g/l), (100g/l), (10g/l), (200g/kg), (606g/kg) + Indoxacarb	Newebay 95EC, 99.9WG, 170EW, 180SC, 220SC, 270WG, 666WG	95EC, 99.9WG, 180SC, 270WG, 666WG: Sâu cuốn lá/lúa 170EW: Rầy lưng trắng/lúa 220SC: rầy nâu/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung

		50g/l (54.9g/kg), (10g/l), (20g/l), (10g/l), (20g/kg), (50g/kg) + Thiamethoxam 15g/l (10g/kg), (10g/l), (50g/l), (200g/l), (50g/kg), (10g/kg)			
625	3808	Fipronil 80g/l + Lambda-cyhalothrin 20g/l	Nanochiefusa 100EC	sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông
626	3808	Fipronil 35g/l (50g/l), (90g/l) + Lambda-cyhalothrin 15g/l (25g/l) , (25g/l)	Accenta 50EC, 75EC, 115EC	50EC, 115EC: sâu đục thân/ lúa 75EC: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP nông dược Nhật Việt
627	3808	Fipronil 45g/l (500g/kg), (795g/kg) + Lambda-cyhalothrin 15g/l (200g/kg), (5g/kg)	Goldgent 60EC, 700WG, 800WG	60EC: sâu cuốn lá/ lúa 700WG, 800WG: Rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu đục bẹ, bọ trĩ/ lúa	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
628	3808	Fipronil 50 g/l + 25g/l Lambda-cyhalothrin	Golgal 75EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
629	3808	Fipronil 120g/kg + Methylamine avermectin 60g/kg	Fu8 18WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
630	3808	Fipronil 0.8 g/l (10.4g/l), (0.1g/l), (60g/kg), (5g/kg), (260g/kg) + Nitenpyram 100 g/l (390g/l), (449.9g/l), (440g/kg), (550g/kg), (540g/kg)	Newcheck 100.8SL, 400.4SL, 450SL, 500WP, 555WP, 800WP	100.8SL, 400.4SL, 500WP, 555WP: rầy nâu/ lúa 100.8SL: Nhện gié/lúa 450SL: Nhện gié, rầy nâu/lúa 800WP: Rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa; rệp sáp/cà phê, bọ trĩ/điều	Công ty TNHH An Nông
631	3808	Fipronil 260g/kg + Nitenpyram 540g/kg	Meta gold 800WP	Rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
632	3808	Fipronil 50 g/kg + Pymetrozine 250g/kg	Pymota 300WG	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hoá chất và TM Trần Vũ
633	3808	Fipronil 100g/kg + Pymetrozine 500g/kg	Chesshop 600WG	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH SX và KD Tam Nông

			Jette super 600WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Mekong
634	3808	Fipronil 500g/kg + Pymetrozine 200g/kg	M150 700WG	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
635	3808	Fipronil 85g/kg, (110g/kg), (680g/kg), (800g/kg) + Pymetrozine 500g/kg, (550g/kg), (120g/kg), (10g/kg)	Chet 585WG, 660WG, 810WG	585WG: rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa 660WG, 800WG: rầy nâu/lúa 810WG: sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Việt Đức
636	3808	Fipronil 150g/kg + Pymetrozine 600g/kg	Biograp 750WG	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
637	3808	Fipronil 25g/l + Quinalphos 225g/l	Goltoc 250EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
638	3808	Fipronil 20% + Tebufenozide 20%	Tore 40SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
639	3808	Fipronil 50.5g/l (100g/kg)+ Thiacloprid 250g/l (550g/kg) + Thiamethoxam 100g/l (107g/kg)	Bagenta 400.5SC, 757WP	400.5SC: Sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/lúa; sâu xanh da láng/đậu xanh, rệp sáp/cà phê 757WP: Sâu cuốn lá, rầy nâu, sâu đục bẹ, sâu đục thân/ lúa; sâu xanh da láng/đậu xanh, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH An Nông
640	3808	Fipronil 5 g/kg + Thiamethoxam 295g/kg	Onera 300WG	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
641	3808	Fipronil 200g/l (100g/kg) + 200g/l (100g/kg)Thiamethoxam	MAP Silo 40SC, 200WP	40SC: Xử lý hạt giống trừ bọ trĩ/lúa 200WP: bọ trĩ/ lúa	Map Pacific Pte Ltd
642	3808	Fipronil 0.3% + 11.7% Thiosultap-sodium	Fretil super 12GR	Sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
643	3808	Fipronil 15 g/l + Trichlorfon 485 g/l	Cylux 500EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
644	3808	Fipronil 4g/kg + Tricyclazole 40g/kg	Latini 44GR	sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
645	3808	Fipronil 4 g/kg + Tricyclazole 50 g/kg	Boithu 54GR	Sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
646	3808	Fipronil 15 g/l + Tricyclazole 150g/l	Bobaedan 165SC	sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa	Dongbu Farm Hannong Co., Ltd.

647	3808	Fipronil 75 g/l + Tricyclazole 500g/l	Golneb 575 SC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
648	3808	Flonicamid (min 95%)	Acpymezin 10WG, 50WG	10WG: Rầy nâu nhỏ/lúa, nhện lông nhung/nhăn 50WG: Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
649	3808	Flonicamid 100g/kg + Nitenpyram 400g/kg	Achetray 500WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
650	3808	Flonicamid 100g/kg + Nitenpyram 300g/kg + Pymetrozine 300g/kg	Florid 700WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
651	3808	Flubendiamide (min 95%)	Takumi 20WG, 20SC	20WG: sâu tơ/ bắp cải, sâu cuốn lá/lúa; sâu khoang/ lạc; sâu đục quả/ cà chua 20SC: sâu tơ/ bắp cải, sâu cuốn lá/lúa	Nihon Nohyaku Co., Ltd.
652	3808	Flufenoxuron (min 98 %)	Cascade 5 EC	sâu xanh da láng/ lạc, đậu tương; nhện đỏ/ cây có múi, chè	BASF Vietnam Co., Ltd.
653	3808	Fluazinam (min 95%)	Flame 500SC	Nhện đỏ/ cam	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
654	3808	Flufiprole (min 97%)	Tachi 150SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Á châu
655	3808	Flufiprole 50g/l + Indoxacarb 100g/l	Good 150SC	nhện gié/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
656	3808	Gamma-cyhalothrin (min 98%)	Vantex 15CS	sâu đục thân/ lúa, sâu xanh da láng/ lạc	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
657	3808	Garlic juice	Bralic - Tỏi Tỏi 1.25SL	bọ phấn/ cà chua	Công ty TNHH Adama Việt Nam
658	3808	Garlic juice	Biorepel 10SL	rầy xanh, bọ cánh tơ, bọ xít muỗi/ chè; ruồi/ lá cải bó xôi; rệp muội/ hoa cúc, cải thảo; bọ phấn/ cà chua; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Ngân Anh
659	3808	Hexaflumuron (min 95%)	Staras 50EC	sâu xanh/ lạc	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
660	3808	Hexythiazox (min 94 %)	Lama 50EC	Nhện gié/lúa	Công ty TNHH BMC
			Nissorun 5 EC	nhện đỏ/ chè, hoa hồng; nhện gié/ lúa	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
			Nhendo 5EC	Nhện gié/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
			Tomuki 50EC	nhện gié/ lúa	Công ty CP Nông dược

					Việt Nam
661	3808	Hexythiazox 50g/l + Pirydaben 150g/l	Nisomite 200EC	Nhện đỏ/ chè	Công ty TNHH Trường Thịnh
662	3808	Hexythiazox 40g/l + Pyridaben 160g/l	Super bomb 200EC	nhện gié/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
663	3808	Imidacloprid (min 96 %)	Acmayharay 100WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Á Châu
			Actador 100 WP	rầy nâu/ lúa	Cali – Parimex. Inc.
			Admire 050 EC, 200 OD	050EC: rầy nâu, rầy xanh, bọ trĩ/ lúa; rệp, rầy xanh/ bông vải 200OD: rầy nâu/ lúa; bọ trĩ/ lúa, điều; rệp sáp, rệp vảy/ cà phê; rầy xanh, rệp muội/ bông vải	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
			Admitox 050EC, 100SL, 100WP, 200SC, 250WP, 600SC, 750WG	050EC, 100SL: rầy nâu/ lúa 100WP: rệp sáp/ cà phê, rầy nâu, bọ trĩ/ lúa 200SC: rầy nâu, sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; rệp sáp/ cà phê 250WP, 750WG: rầy nâu, bọ trĩ/ lúa 600SC: rầy nâu, bọ trĩ/ lúa, xử lý hạt giống trừ bọ trĩ, rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH An Nông
			Aicmidac 100WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Hoá chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
			Amico 10EC, 20WP	10EC: rầy nâu/ lúa 20WP: rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
			Anvado 100WP, 200SC, 700WG	100WP, 200SC: Rầy nâu/ lúa 700WG: rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
			Armada 50EC, 100EC, 100SL, 100WG, 700WG	50EC: bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu cuốn lá/ lạc 100EC: bọ trĩ/ lúa; sâu cuốn lá/ lạc 100SL: rệp sáp/ cà phê 100WG: rầy nâu/ lúa 700WG: bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
			Asimo 10WP	bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
			Biffiny 10 WP, 70WP, 400SC	10WP: bọ trĩ/ lúa, rầy nâu/ lúa 70WP: rầy nâu, bọ trĩ/ lúa; xử lý hạt giống trừ bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến

	400SC: rầy nâu, bọ trĩ/ lúa	
Confidor 100 SL, 200SL, 700WG	100SL: rệp sáp, rệp vảy/ cà phê 200SL: rầy nâu, bọ trĩ/lúa; rệp sáp/cà phê 700WG: rầy nâu, bọ trĩ/ lúa; rệp sáp/ cà phê, hỏ tiêu	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
Conphai 10ME, 10WP, 15WP, 100SL, 700WG	10ME, 10WP, 15WP, 700WG: rầy nâu/ lúa 100SL: rầy nâu/ lúa; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Trường Thịnh
Imida 10 WP, 20SL	10WP : bọ trĩ/ lúa 20SL: Rầy nâu/lúa	Công ty CP Long Hiệp
Imidova 150WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng
Imitox 10WP, 20SL, 700WG	10WP, 20SL: rầy nâu/ lúa 700WG: bọ trĩ/ lúa, rệp sáp/ cà phê, xử lý hạt giống trừ bọ trĩ/ lúa	Công ty CP Đồng Xanh
Inmanda 100WP, 250WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM Bình Phương
Iproimida 20SL	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Futai
Javidan 100WP, 150SC, 250WP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
Jiami 10SL	rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
Jugal 17.8 SL	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
Just 050 EC	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM – DV Thanh Sơn Hóa Nông
Kerala 700WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX GNC
Kimidac 050EC	rầy nâu, bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH – TM Tân Thành
Kola 600FS, 700WG	600FS: xử lý hạt giống trừ bọ trĩ, rầy nâu, ruồi hại lá/ lúa 700WG: bọ trĩ, rầy nâu, ruồi hại lá/ lúa	Công ty TNHH ADC
Kongpi-da 151WP, 700WG	151WP: rầy nâu/ lúa, bọ xít muỗi/ điều 700WG: rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng

Map – Jono 5EC, 700WP	5EC: bọ trĩ/ lúa 700WP: rầy nâu/ lúa; sâu xám/ ngô; rầy xanh/ bông vải	Map Pacific PTE Ltd
Mega-mi 178 SL	bọ trĩ, rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM Anh Thơ
Mikhada 10WP, 20WP, 45ME, 70WG	rầy nâu/ lúa	Công ty CP TM BVTV Minh Khai
Miretox 2.5WP, 5EC, 10EC, 10WP, 12EC, 250WP, 700WG	2.5WP, 12EC: bọ trĩ, rầy nâu/ lúa 5EC, 10EC, 10WP, 250WP, 700WG: rầy nâu/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
Midan 10 WP	rầy xanh/ bông vải; rầy nâu, bọ trĩ, rầy lưng trắng/ lúa; rệp vảy/ cà phê; bọ trĩ/ điều	Công ty CP Nicotex
Nomida 10WP, 15WP, 25WP, 28WP, 50EC, 700WG	10WP, 15WP, 25WP, 28WP, 50EC: rầy nâu/ lúa 700WG: rầy nâu, bọ trĩ/ lúa	Công ty CP Điện Thành
Phenodan 10 WP, 20 WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH VT BVTV Phương Mai
Pysone 700 WG	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
Saimida 100SL	rệp sáp/ cà phê	Công ty CP BVTV Sài Gòn
Sahara 25WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thanh Hưng
Sectox 50EC, 100EC, 100WP, 200EC, 700WG	100WP: rầy nâu/ lúa 50EC, 100EC, 200EC, 700WG: rầy nâu, bọ trĩ/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
Stun 20SL	Rầy nâu/lúa	Hextar Chemicals Sdn, Bhd.
Sun top 700WP	rầy nâu/ lúa	Sundat (S) PTe Ltd
T-email 10WP, 70WG	10WP: bọ trĩ, rầy nâu, nhện gié/ lúa; rệp sáp, rệp vảy/ cà phê 70WG: sâu cuốn lá, rầy nâu, nhện gié/ lúa; rệp sáp, rệp vảy/ cà phê; dòi đục lá/ đậu xanh; bọ xít muỗi, bọ trĩ/ điều; rệp sáp, bọ xít lưới/ hồ tiêu	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
Thần Địch Trùng 200WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Nam Nông Phát
Thanasat 10WP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam

			Tinomo 100SL	rầy nâu, bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH TM Thái Phong
			Vicondor 50 EC, 700WP	50 EC: Rầy nâu/ lúa 700WP: Rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
			Yamida 10WP, 100EC, 700WG, 700WP	10WP: bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; rệp sáp, rệp vảy/ cà phê 100EC, 700WG, 700WP: bọ trĩ, rầy nâu/ lúa	Bailing Agrochemical Co., Ltd
664	3808	Imidacloprid 200g/l + Indoxacarb 70g/l	Yasaki 270SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
665	3808	Imidacloprid 150g/l + Indoxacarb 150g/l	Xacarb 300SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Vipes Việt Nam
			Xarid 300SC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Kiên Nam
666	3808	Imidacloprid 3% + Isoprocarb 32%	Qshisuco 35WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH hỗ trợ phát triển kỹ thuật và chuyển giao công nghệ
667	3808	Imidacloprid 100g/kg + Isoprocarb 250g/kg	Tiuray TSC 350WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Vật tư KT NN Cần Thơ
668	3808	Imidacloprid 250g/kg + Lambda-cyhalothrin 50g/kg + Nitenpyram 450g/ kg	Centertrixx 750 WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hoá nông Mê Kông
669	3808	Imidacloprid 250g/kg (205g/kg) + Lambda-cyhalothrin 50g/kg (50g/kg) + Nitenpyram 450g/kg (500g/kg)	Startcheck 750WP, 755WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH An Nông
670	3808	Imidacloprid 5% + Nitenpyram 45% + Pymetrozine 25%	Ramsuper 75WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
671	3808	Imidacloprid 200g/kg + Nitenpyram 450g/kg + Transfluthrin (min 95%) 50g/kg	Strongfast 700WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
672	3808	Imidacloprid 100g/kg (50g/l), (150g/kg) +	Actagold 120WP, 200EC, 500WP	120WP, 200EC: Rầy lưng trắng/lúa 500WP: Rầy nâu/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung

		Pirimicarb 20g/kg (150g/l), (350g/kg)			
673	3808	Imidacloprid 50g/l + Profenofos 200g/l	Vitasupe 250EC	rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ cà phê	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.
674	3808	Imidacloprid 2% + Pyridaben 18%	Hapmisu 20EC	bọ phấn/ lạc, rệp sáp/ cà phê, bọ trĩ/ hoa hồng, nhện gié/lúa	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
675	3808	Imidacloprid 2.5% + Pyridaben 15%	Usatabon 17.5WP	rệp bông xo/ mía, rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
676	3808	Imidacloprid 150 g/kg (150g/kg), (250g/kg) + Pymetrozine 200 g/kg (500g/kg), (500g/kg)	Tvpymeda 350WP, 650WG, 750WG	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hoá chất & TM Trần Vũ
677	3808	Imidacloprid 15g/kg + Thiamethoxam 285g/kg	Wofara 300WG	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
678	3808	Imidacloprid 150g/kg + Thiamethoxam 200g/kg	Leader 350WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Tập Đoàn Điện Bàn
679	3808	Imidacloprid 100g/l (400g/kg) + Thiamethoxam 200g/l (350g/kg)	NOSOT Super 300SC, 750WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH An Nông
680	3808	Imidacloprid 200g/kg + Thiamethoxam 50g/kg	Aicpyricyp 250WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Hoá chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
681	3808	Imidacloprid 10g/kg (50g/kg) + 340g/kg (700g/kg) Thiosultap-sodium (Nereistoxin)	Actadan 350WP, 750WP	350WP: sâu cuốn lá/ lúa 750WP: sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
682	3808	Imidacloprid 1.7% (5%) + Thiosultap- sodium (Nereistoxin) 38.3% (85%)	Zobin 40WP, 90WP	40WP: rầy nâu/ lúa 90WP: sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa; sâu khoang/ lạc; rệp sáp/ cà phê; bọ xít muỗi/ điều; sâu xanh da láng/ đậu tương	Công ty CP Nông nghiệp HP
683	3808	Imidacloprid 2 % + Thiosultap-sodium (Nereistoxin) 58 %	Midanix 60WP	sâu xanh/ đậu tương; sâu cuốn lá; bọ trĩ, rầy nâu/ lúa	Công ty CP Nicotex
684	3808	Imidacloprid 4g/kg	Vk. Dan	40GR, 850WP: Sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV

		(190g/kg), (17g/kg), (25g/kg), (20g/kg) + Thiosultap-sodium (Nereistoxin) 36/kg (100g/kg), (393g/kg), (825 g/kg), (930g/kg)	40GR, 290WP, 410WP, 850WP, 950WP	290WP: Rầy nâu/ lúa 410WP: Sâu cuốn lá/ lúa 950WP: Bọ trĩ, sâu cuốn lá/ lúa; sâu đục thân/ ngô	Omega
685	3808	Imidacloprid 5% (50g/kg) + Thiosultap-sodium (Nereistoxin) 70% (750g/kg)	Rep play 75WP, 800WP	75WP: sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu đục bẹ/ lúa 800WP: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
686	3808	Indoxacarb	Actatin 150SC	sâu khoang/ lạc	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
			Agfan 15SC	Sâu cuốn lá/ lúa	Rotam Asia Pacific Limited
			Amateusamy 150SC, 300WP	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
			Amsac 14.5SC	Sâu tơ/bấp cải	Công ty TNHH Kiên Nam
			Amater 150SC, 30WG	150SC: Sâu cuốn lá/ lúa, sâu xanh da láng/đậu tương 30WG: Sâu xanh/ cà chua	Công ty CP Vật tư KTNH Cần Thơ
			Ameta 150SC	sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; sâu xanh/cà chua, sâu tơ/bấp cải, sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH – TM Tân Thành
			Anhvato 150SC	Sâu tơ/bấp cải	Công ty TNHH TM Thái Phong
			Anmaten 150SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM DV Việt Nông
			Blog 8SC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
			Clever 150SC, 300WG	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP BVTV I TW
			Doxagan 150SC	Sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam
			DuPont™ Ammate® 30WG, 150SC, 150EC	30WG: sâu cuốn lá/ lúa, sâu xanh/ cà chua, sâu tơ/bấp cải, sâu xanh da láng/hành 150SC: sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ đậu tương, hành; sâu xanh/ thuốc lá, dưa hấu; sâu	DuPont Vietnam Ltd

				khoang/ lạc; sâu cuốn lá/ lúa 150EC: sâu khoang/ lạc, sâu xanh/ thuốc lá, sâu xanh da láng/đậu tương, sâu xanh/dừa hấu, sâu cuốn lá/lúa	
			Indocar 150SC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Á Châu
			Indony 150SC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
			Indosuper 150SC, 300WG	150SC: Sâu tơ/ bắp cải; sâu cuốn lá, bọ trĩ, bọ xít hôi, nhện gié/ lúa; rệp muội, sâu đục quả, sâu đục hoa, sâu xanh/ đậu tương, nhện lông nhung/nhân 300WG: Sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
			Opulent 150SC	Sâu cuốn lá/ lúa, sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH Minh Long
			Supermate 150SC	sâu xanh da láng/ đậu tương, sâu cuốn lá/ lúa, sâu xanh/ thuốc lá, sâu khoang/ lạc	Công ty TNHH An Nông
			Sunset 300WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
			Thamaten 150SC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
			Wavesuper 15SC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Nam Bộ
687	3808	Indoxacarb 10% + Fipronil 5%	Isophos 15EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
688	3808	Indoxacarb 55g/kg (30g/l), (0.2g/l), (160g/l) + Profenofos 0.5g/kg (120g/l), (84.8g/l), (40g/l)	Goldkte 55.5WG, 150EC, 85EW, 200SC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
689	3808	Indoxacarb 50g/kg + Pymetrozine 550g/kg	Pymin 600WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông Tín AG
690	3808	Indoxacarb 150g/l + Lambda-cyhalothrin 30g/l	Divine 180SC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP CN Hóa chất Nhật Bản Kasuta
691	3808	Indoxacarb 1.5% + Monosultap 30%	Dupon TM Halley [®] 31.5WP	Sâu cuốn lá/lúa	Du Pont Vietnam Ltd.

692	3808	Indoxacarb 150g/l + Tebufenozide 200g/l	Captain 350SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
693	3808	Isoprocarb	Mipcide 50WP	rầy xanh/ bông vải, rầy nâu/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
			Micinjapane 500WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
			Tigicarb 20EC, 25WP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
			Vimipc 20EC, 25WP	rầy/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
694	3808	Isoprocarb 400g/kg + Thiamethoxam 25g/kg	Cynite 425 WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
695	3808	Isoprocarb 400g/kg (400 g/kg) + Thiacloprid 50g/kg (100 g/kg)	Zorket 450WP, 500WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Được Mùa
696	3808	Isoprocarb 200g/kg + Pymetrozine 100g/kg	Silwet 300WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
697	3808	Karanjin	Takare 2EC	nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; bọ trĩ/ dưa chuột, nho, dưa hấu; nhện lông nhung/nhãn; nhện gié/lúa, nhện lông nhung/vải	Công ty CP Nông dược HAI
698	3808	Lambda -cyhalothrin (min 81%)	Helarat 2.5 EC	sâu khoang/ đậu tương	Helm AG
			Karate 2.5 EC	sâu cuốn lá, bọ xít, bọ trĩ, sâu phao, rầy nâu/ lúa; bọ xít muỗi/ điều; sâu cuốn lá, sâu ăn lá/ lạc; sâu ăn lá/ đậu tương	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
			Katedapha 25EC	bọ xít, sâu cuốn lá/ lúa; bọ xít muỗi/ điều; sâu đục quả/ đậu tương; sâu xanh da láng/ lạc	Công ty TNHH Kinh doanh hóa chất Việt Bình Phát
			Katera 50EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Thanh Điền
			K - T annong 2.5EC, 25EC, 25EW	2.5EC: sâu phao/ lúa 25EC, 25EW: sâu cuốn lá/ lúa, sâu khoang/ đậu tương	Công ty TNHH An Nông
			K - Tee Super 2.5EC, 50EC	2.5EC: sâu cuốn lá/ lúa 50EC: sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
			Fast Kill 2.5 EC	rệp/ thuốc lá	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông

			Iprolamcy 5EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Futai
			Perdana 2.5EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Hextar Chemicals Sdn, Bhd.
			Racket 2.5EC	sâu ăn lá/ lạc	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
			Sumo 2.5 EC	bọ trĩ/ lúa	Forward International Ltd
			Vovinam 2.5 EC	sâu cuốn lá/ lúa, sâu róm/ điều	Công ty CP BVTV Sài Gòn
699	3808	Lambda-cyhalothrin 50g/kg + Nitenpyram 450g/kg + Paichongding (min 95%) 250g/kg	Kingcheck 750WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
700	3808	Lambda -cyhalothrin 15g/l + Profenofos 335g/l	Wofatac 350 EC	sâu khoang/ lạc; sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu đục bẹ/ lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
701	3808	Lambda-cyhalothrin 20g/l + Profenofos 150g/l	Gammalin super 170EC	sâu xanh da láng/ đậu tương; rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; rệp sáp/ cà phê	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd
702	3808	Lambda-cyhalothrin 15g/l + Quinalphos 235g/l	Cydansuper 250EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
			Repdor 250 EC	rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
703	3808	Lambda-cyhalothrin 20g/l + Quinalphos 230g/l	Supitoc 250EC	sâu khoang/ lạc	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
704	3808	Lambda-cyhalothrin 106g/l + Thiamethoxam 141g/l	Alika 247ZC	sâu cuốn lá, rầy nâu, nhện gié/ lúa; bọ xít muỗi/ca cao; rệp, rầy lưng trắng/ngô; bọ xít lười/ hồ tiêu, mọt đục quả/ cà phê	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
			Fortaras top 247SC	rầy nâu, bọ xít hôi, sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
705	3808	Lambda-cyhalothrin 110g/l + 140g/l Thiamethoxam	Valudant 250SC	Sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH – TM Tân Thành
			Yapoko 250SC	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
706	3808	Lambda-cyhalothrin	Uni-tegula 24.7SC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH World Vision

		10.6% + Thiamethoxam 14.1%			(VN)
707	3808	Lambda-cyhalothrin 2g/l (15g/l), (2g/l), (50g/l) + Phoxim 120g/l (20g/l), (20g/l), (30g/l) + Profenofos 283g/l (450g/l), (66.88g/l), (19.99g/l)	Boxing 405EC, 485EC, 88.88EC, 99.99EW	405EC: Rầy nâu, sâu đục thân/ lúa 485EC: Rầy nâu, sâu đục thân/lúa; mọt đục cành, rệp sáp/cà phê 88.88EC: Bọ trĩ, sâu cuốn lá/lúa 99.99EW: Sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Thuốc BVT Việt Trung
708	3808	Lambda-cyhalothrin 20g/l (10g/kg) (110g/l), (20g/kg) (30g/l) (50g/kg) + Thiacloprid 36.66g/l (100g/kg) (10g/l), (10g/kg), (350g/l) (500g/kg) + Thiamethoxam 10g/l (10g/kg), (150g/l), (300g/kg), (100g/l) (50g/kg)	Arafat 66.66EW, 120WP, 270SC, 330WP, 480SC, 600WP	66.66EW: Sâu cuốn lá/lúa 120WP, 270SC, 330WP, 480SC: Rầy lưng trắng/lúa 600WP: Sâu đục thân/lúa	Công ty CP Thuốc BVT Việt Trung
709	3808	Lufenuron (min 96 %)	Lufenron 050EC	sâu tơ/ bắp cải, sâu cuốn lá/lúa; sâu xanh da láng/ đậu xanh, thuốc lá; sâu đục quả/ đậu tương, sâu vẽ bùa/cam	Công ty CP Đồng Xanh
			Match 050 EC	sâu tơ/ rau; sâu xanh/ đậu xanh, thuốc lá; sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
710	3808	Liuyangmycin	ANB52 Super 100EC	nhện gié, rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa; nhện lông nhung/ vãi; sâu tơ/ bắp cải; dòi đục lá/ dưa hấu	Công ty TNHH An Nông
			Map Loto 10EC	nhện đỏ/ xoài, cam; sâu xanh da láng/ đậu tương; bọ phấn/ đậu cove; rệp muội/ quýt	Map Pacific Pte Ltd
711	3808	Malathion (min 95 %)	Malate 50EC, 73EC	50EC: sâu xanh da láng/ lạc 73EC: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP BVT Sài Gòn
			Malfic 50 EC	sâu khoang/ lạc; sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
712	3808	Matrine (dịch chiết từ cây khổ sâm)	Agri-one 1SL	sâu khoang/ lạc, đậu cove; dòi đục lá/ đậu tương; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp muội/ cải bẹ; sâu cuốn lá/ lúa; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu xanh da láng/ cà chua,	Công ty CP Môi trường Quốc tế Rainbow

			thuốc lá; bọ cánh tơ, nhện đỏ/ chè	
		Ajisuper 0.5SL, 1SL, 1EC, 1WP	sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh, bọ nhảy/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; bọ cánh tơ, rầy xanh/ chè	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Aphophis 5EC, 10EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu khoang/ đậu tương; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; bọ trĩ, sâu xanh/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, bọ xít muỗi/ chè; rầy bông/ xoài	Công ty CP nông dược Việt Nam
		Asin 0.5 EC, 0.5SL	0.5EC: sâu xanh, rệp muội/ thuốc lá 0.5SL: sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ đậu tương	Công ty TNHH – TM Thái Nông
		Đầu trâu Jolie 1.1SP	bọ trĩ/ lúa	Công ty CP Bình Điền MeKong
		Dotrine 0.6 SL	Sâu tơ/ bắp cải	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
		Ema 5EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu đục bẹ, rầy nâu, nhện gié/ lúa; sâu khoang/ khoai lang; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh bướm trắng/ cải xanh; sâu xanh, sâu xanh da láng/ cà chua, đậu xanh; bọ trĩ, bọ xít, nhện đỏ/ dưa hấu; dòi đục lá, sâu đục quả/ đậu tương; sâu xanh da láng, sâu hồng/ bông vải; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ nâu/ chè, rệp sáp/ cà phê, hồ tiêu; bọ xít muỗi/ điều; bọ trĩ, sâu xanh da láng/ nho; bọ xít, sâu cuốn lá/ vải; rầy chồng cánh, sâu vẽ bùa/ cam; sâu đục bông, rầy bông/ xoài	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Faini 0.288EC, 0.3 SL	0.288EC: rầy nâu/lúa, rầy xanh/chè 0.3SL: sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; bọ cánh tơ, nhện đỏ/ chè; sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa	Công ty CP Nicotex
		Kobisuper 1SL	nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; sâu cuốn lá/ lúa; nhện đỏ/ hoa cúc, cam; dòi đục lá/ đậu đũa; sâu xanh/ cà chua; sâu xanh da láng/ hành; nhện đỏ/ nho; sâu đục quả, ruồi đục lá/ đậu đũa; ruồi hại lá/ cây bó xôi; sâu khoang/ lạc; sâu xanh/ thuốc lá; bọ trĩ, nhện đỏ/ dưa chuột	Công ty TNHH Nam Bắc

Ly 0.26SL	sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ rau họ thập tự; bọ cánh tơ/ chè	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
Marigold 0.36SL	rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè; rệp sáp/ cà phê; rầy xanh/ xoài; sâu xanh da láng/ đậu tương; sâu khoang/ lạc; sâu vẽ bùa/ cam; bọ trĩ/ dưa hấu; nhện đỏ/ vải; bọ xít/ điều; sâu đục quả/ chôm chôm; sâu tơ/ bắp cải; thối quả/ xoài; mốc xám/ nho; sương mai/ dưa hấu, cà chua	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
Plasma 3EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP QT APC Việt Nam
Sakumec 0.36EC, 0.5EC	sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; bọ nhảy, sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ đậu tương; rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam	Công ty CP Vật tư NN Hoàng Nông
Sokonec 0.36 SL	sâu xanh da láng/ đậu tương; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa; nhện đỏ, rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè; sâu đục quả/ đậu cove; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải	Công ty TNHH vật tư nông nghiệp Phương Đông
Sokupi 0.36SL, 0.5SL	0.36SL: sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ rau họ thập tự; rệp muội/ cải bẹ; sâu khoang/ đậu cove, lạc; bọ trĩ/ dưa chuột; sâu xanh/ cà chua; sâu xanh da láng, rệp muội/ thuốc lá; sâu vẽ bùa, rệp muội, nhện đỏ/ cam; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; dòi đục lá/ đậu tương; bọ nhảy/ rau cải xanh; sâu cuốn lá nhỏ, bọ xít dài/ lúa 0.5SL: sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp muội / cải bẹ; sâu khoang/ lạc, đậu cove; sâu xanh da láng/ thuốc lá, cà chua; bọ trĩ/ dưa chuột; bọ trĩ, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Trường Thịnh
Wotac 5EC, 10EC, 16EC	5EC: sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, bọ trĩ, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh bướm trắng, bọ nhảy, rệp/ cải xanh; sâu đục quả/ đậu đũa; sâu xanh, dòi đục lá/ cà chua; bọ trĩ, nhện đỏ/ dưa hấu; dòi đục lá/ đậu tương; sâu khoang, sâu xanh da láng/ lạc; sâu cuốn lá/ đậu xanh; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; nhện đỏ, rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa/ cam; bọ xít,	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA

				nhện đỏ, sâu đục cuống quả/ vải; sâu khoang, rệp/ thuốc lá; rầy bông, sâu ăn bông/ xoài; sâu xanh da láng, bọ trĩ/ nho; sâu róm/ thông; sâu xanh da láng, sâu hồng/ bông vải; bọ trĩ/ điều 10EC, 16EC: sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; sâu khoang/ đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	
713	3808	Matrine 0.5% + Oxymatrine 0.1%	Disrex 0.6 SL	sâu ăn hoa/ xoài, sâu tơ/ bắp cải, sâu xanh/ lạc	Công ty TNHH An Nông
714	3808	Matrine 2g/l + Quinalphos 250g/l	Nakamura 252 EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
715	3808	Metaflumizone (min 96%)	Verismo 240SC	sâu khoang/hành; sâu tơ/cải bắp; sâu cuốn lá/lúa; sâu xanh da láng/đậu tương	BASF Vietnam Co., Ltd.
716	3808	<i>Metarhizium anisopliae</i>	Naxa 800DP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP sinh học NN Hai Lúa Vàng
			Ometar 1.2 x 10 ⁹ bào tử/g	rầy, bọ xít/ lúa; bọ cánh cứng/ dừa	Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long
717	3808	<i>Metarhizium anisopliae</i> var. <i>anisopliae</i> M1 & M3 10 ⁹ -10 ¹⁰ bào tử/g	Metament 90 DP	xử lý đất trừ tuyến trùng/ cải xanh; xử lý đất trừ bọ nhảy, ấu trùng bọ hung, bọ hà, sâu xám/ cải củ	Viện Sinh thái và Bảo vệ công trình
718	3808	<i>Metarhizium anisopliae</i> var <i>anisopliae</i> Ma 5 10 ¹¹ -10 ¹² bào tử/g	Vimetarzimm 95DP	mối/ xoài; sâu xám/ cải củ; rầy nâu/ lúa; bọ hung đen/ mía	Trung tâm NC SX các chế phẩm sinh học
719	3808	Methoxyfenozide (min 95%)	Prodigy 23 SC	sâu khoang, sâu xanh/ lạc; sâu xanh da láng/ bắp cải; sâu cuốn lá/ lúa	Dow AgroSciences B.V
720	3808	Methylamine avermectin	Lutex 1.9EC, 5.5WG, 10WG	1.9EC: sâu cuốn lá/lúa 5.5WG: sâu tơ/ bắp cải, sâu cuốn lá/ lúa 10WG: Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Vật tư và Nông sản Song Mã
			Hagold 75WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH CEC Việt Nam
721	3808	Milbemectin (min 92%)	Benknock 1EC	nhện đỏ/ cam, chè, hoa hồng; nhện lông nhung/vải	Mitsui Chemicals Agro, Inc.
			Cazotil 1EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM Anh Thơ

722	3808	Naled (Bromchlophos) (min 93 %)	Dibrom 50EC, 96EC	Bọ xít hôi/ lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
			Flibol 50EC, 96EC	Bọ xít hôi/ lúa	Công ty CP TST Cần Thơ
			TĐK_Epoxyco 50EC	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH SX TM DV Tô Đăng Khoa
723	3808	Nitenpyram (min 95%)	Acnipyram 50WP	Rầy nâu/ lúa, nhện lông nhung/nhân	Công ty TNHH Hoá sinh Á Châu
			Dyman 500WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty CP NN HP
			Elsin 10EC, 20EC, 500SL, 600WP	10EC: Rầy nâu, rầy lưng trắng/ lúa; rệp/ đậu tương; rầy chổng cánh/ cam; rầy xanh/ chè; bọ nhảy/ cải xanh 20EC, 500SL, 600WP: Rầy nâu/lúa	Công ty CP Enasa Việt Nam
			Nitensuper 500WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
724	3808	Nitenpyram 40% + Pymetrozine 30%	TT Led 70WG	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
725	3808	Nitenpyram 30% (50%) + Pymetrozine 40% (25%)	Lkset-up 70WG, 75WP	70WG: Rầy nâu/Lúa 75WP: Bọ trĩ, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Á Châu
726	3808	Nitenpyram 400g/kg + Pymetrozine 200g/kg	Palano 600WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hóa nông Lúa Vàng
727	3808	Nitenpyram 40% + Pymetrozine 40%	Auschet 80WP	Rầy nâu nhỏ/ lúa	Công ty TNHH MTV Lucky
728	3808	Nitenpyram 300 g/kg (500g/kg) + Pyriproxyfen (min 97%) 200g/kg (220g/kg)	Supercheck 500WP, 720WP	500WP: Bọ xít/ vải, rầy nâu/lúa, nhện lông nhung/nhân 720WP: Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH An Nông
729	3808	Nitenpyram 450g/kg + Tebufenozide 200g/kg + Thiamethoxam 100g/kg	Facetime 750WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
730	3808	Novaluron (min 96%)	Rimon 10EC	sâu tơ/ bắp cải, sâu xanh da láng/ lạc	Công ty TNHH Adama Việt Nam
			True 100EC	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Phú Nông

731	3808	Oxymatrine	Vimatrine 0.6 SL	bọ trĩ, nhện đỏ, bọ xít muỗi/ chè; sâu tơ/ rau cải ngọt; ruồi hại lá/ cải bó xôi; bọ phấn, sâu đục quả, sâu xanh da láng/ cà chua; bọ xít muỗi/ điều; sâu cuốn lá/ lúa; bọ trĩ/ dưa hấu	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
732	3808	Permethrin (min 92 %)	Agroperin 10EC	rầy/ lúa, sâu ăn lá/ đậu xanh	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
			Army 10EC	sâu khoang/ đậu tương	Imaspro Resources Sdn Bhd
			Asitrin 50EC	sâu khoang/ lạc	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
			Clatinusa 500EC	Sâu keo/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
			Crymerin 50EC, 100EC, 150EC, 250EC	50EC: Mọt đục cành, rệp sáp/ cà phê; sâu khoang/ lạc; sâu róm/ điều; sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa 100EC: bọ xít muỗi/ điều, rệp sáp/ cà phê, hồ tiêu, sâu cuốn lá/ lúa 150EC: rệp sáp/ hồ tiêu, sâu cuốn lá/ lúa 250EC: bọ xít muỗi/ điều, sâu khoang/ lạc	Công ty TNHH Việt Thắng
			Fullkill 10EC, 50EC	10EC: sâu phao/ lúa 50EC: sâu cuốn lá/ lúa	Forward International Ltd
			Galaxy 50EC	sâu xanh/ lạc	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
			Kilsect 10EC	Sâu khoang/lạc	Hextar Chemicals Sdn, Bhd
			Map - Permethrin 10EC, 50EC	10EC: sâu cuốn lá/ lúa, sâu đục quả/ đậu tương 50EC: sâu cuốn lá/ lúa, bọ xít muỗi/ điều, sâu đục quả/ đậu tương, sâu xanh da láng/ lạc, rệp sáp/ cà phê	Map Pacific PTE Ltd
			Megarín 50 EC	sâu xanh/ đậu tương	Công ty TNHH TM Anh Thơ
			Patriot 50EC	sâu khoang/ đậu tương	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
			Peran 10 EC, 50 EC	10EC: sâu ăn tạp/ bông vải 50EC: sâu cuốn lá/ lúa; sâu ăn tạp, sâu đục quả/ đậu tương; bọ xít muỗi/ điều	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
			PER annong	100EC: bọ xít/ lúa	Công ty TNHH

			100EC, 100EW, 500EC, 500EW	100EW: rệp sáp/ cà phê, sâu cuốn lá/ lúa 500EC: bọ xít, sâu cuốn lá/ lúa, sâu đục hoa/ đậu tương, rệp vảy/ cà phê 500EW: sâu cuốn lá/ lúa; rệp vảy/ cà phê	An Nông
			Perkill 10 EC, 50 EC	10EC: bọ xít/ lúa, sâu khoang/ đậu tương, rệp vảy/ cà phê 50EC: sâu xanh/ đậu xanh; rệp sáp / cà phê; sâu cuốn lá nhỏ, bọ xít/ lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
			Permecide 50 EC	sâu khoang/ lạc, bọ xít muỗi/ điều, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
			Pernovi 50EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Nông Việt
			Perthrin 50EC	sâu khoang/ đậu tương, sâu cuốn lá/ lúa, bọ xít muỗi/ điều, sâu ăn tạp/ bông vải	Công ty CP Đồng Xanh
			Pounce 1.5GR, 10EC, 50EC	1.5GR: ruồi/ đậu tương 10EC: rệp/ thuốc lá; bọ trĩ, bọ xít/ lúa 50EC: sâu khoang/ lạc	FMC Agricultural Products Interational AG
			Tigifast 10 EC	sâu khoang/ đậu tương, sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
			Tungperin 10EC, 25EC, 50 EC	10EC: sâu xanh da láng/ đậu xanh; rệp sáp/ cà phê; bọ xít muỗi, sâu róm/ điều; sâu cuốn lá, bọ trĩ, sâu đục bẹ/ lúa 25EC: sâu xanh da láng/ đậu xanh; rệp sáp/ cà phê; bọ xít muỗi, sâu róm/ điều; sâu cuốn lá, bọ trĩ, sâu đục bẹ/ lúa 50EC: sâu cuốn lá nhỏ, bọ trĩ/ lúa; sâu xanh da láng/ đậu xanh; dòi đục lá/ đậu tương; sâu đục ngọn/ thuốc lá; rệp sáp/ cà phê; bọ xít muỗi/ điều; sâu đục thân/ mía	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
733	3808	Permethrin 100g/l + Profenofos 400g/l	Checksau TSC 500EC	Sâu cuốn lá/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty CP Vật tư KTNH Cần Thơ
734	3808	Permethrin 100g/l + Quinalphos 250g/l	Ferlux 350EC	Sâu đục bẹ/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
735	3808	Petroleum spray oil	Citrole 96.3EC	rệp muội, rệp sáp, nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cây có múi	Total Fluides. (France)
			Dầu khoáng DS 98.8 EC	nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cây có múi	Công ty CP Đồng Xanh

			DK-Annong Super 909EC	Rầy xanh/ chè; rệp sáp/ cà phê; nhện đỏ/ cam	Công ty TNHH An Nông
			Medopaz 80EC	bọ trĩ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam	Kital Ltd.
			SK Enspray 99 EC	nhện đỏ/ chè, cây có múi, nhện lông nhung/nhãn	Công ty CP BVTV Sài Gòn
			Vicol 80 EC	rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
736	3808	Phenthoate (Dimephenthoate) (min 92 %)	Elsan 50 EC	sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa; rầy xanh, sâu ăn lá/ thuốc lá; rệp/ bông vải; sâu đục thân/ mía; sâu khoang/ lạc; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Nissei Corporation Việt Nam
			Forsan 50 EC, 60 EC	50EC: bọ xít/ lúa 60EC: sâu cuốn lá/ lúa; sâu đục thân/ ngô	Forward International Ltd
			Nice 50 EC	rầy nâu, sâu phao đục bẹ/ lúa	Công ty TNHH An Nông
			Phetho 50 EC	sâu đục thân/ lúa, ngô	Công ty CP Nông dược HAI
			Pyenthoate 50 EC	sâu đục thân/ lúa	Longfat Global Co., Ltd.
			Vifel 50 EC	sâu xanh/ lạc; sâu cuốn lá, bọ xít dài/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
737	3808	Phosalone (min 93%)	Pyxolone 35 EC	bọ trĩ/ lúa	Forward International Ltd
			Saliphos 35 EC	sâu cuốn lá/ lúa, sâu keo/ ngô, rệp sáp/ cà phê, bọ xít muỗi/ điều	Công ty CP BVTV Sài Gòn
738	3808	Pirimicarb (min 95%)	Altis 50 WP	rệp muội/ thuốc lá	Công ty CP Nicotex
739	3808	Polyphenol chiết xuất từ Bồ kết (<i>Gleditschia australis</i>), Hy thiêm (<i>Siegesbeckia orientalis</i>), Đon buốt (<i>Bidens pilosa</i>), Cúc liên chi đại (<i>Parthenium hysterophorus</i>)	Anisaf SH-01 2SL	rầy xanh, bọ xít muỗi/ chè; sâu xanh, sâu tơ, sâu khoang/ bắp cải, rau cải; sâu xanh, sâu khoang/ dưa chuột; sâu khoang, muỗi đen, rệp đào/ thuốc lá	Viện nghiên cứu đào tạo và tư vấn khoa học công nghệ (ITC)
740	3808	Profenofos (min 87%)	Binhfos 50 EC	bọ trĩ/ lúa; rệp, sâu khoang/ bông vải; rệp/ ngô	Bailing Agrochemical Co., Ltd
			Callous 500 EC	sâu khoang/ đậu xanh, sâu đục thân/ ngô, bọ trĩ/ lúa	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
			Carina 50EC	Sâu cuốn lá/lúa	Sumitomo Corporation

					Vietnam LLC.
			Cleaver 45EC	sâu xanh da láng/ lạc	Công ty TNHH Thuốc BVTV Bông Sen Vàng
			Selecron 500 EC	sâu xanh, sâu khoang, rệp, bọ trĩ, nhện đỏ/ bông vải; sâu cuốn lá, rầy xanh/ lúa; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
741	3808	Profenofos 50g/l + Propargite 150g/l + Pyridaben 150g/l	Ducellone 350EC	nhện đỏ/lạc	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
			Newdive 350EC	nhện đỏ/lạc	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
742	3808	Profenofos 450g/l + Thiamethoxam 100g/l	Thipro 550EC	Rầy lưng trắng, rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông Tín AG
743	3808	Profenofos 100 g/l + Thiamethoxam 147g/l	Tik wep 247 EC	rầy nâu/ lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty CP XNK Thọ Khang
744	3808	Propargite (min 85 %)	Atamite 73EC	nhện đỏ/ hoa hồng, cam	Công ty TNHH Việt Thắng
			Comite ^(R) 73 EC	nhện đỏ/ chè, rau, đậu, cây có múi, sắn; nhện gié/ lúa	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd.
			Daisy 57EC	nhện đỏ/ chè	Công ty CP Nicotex
			Kamai 730 EC	nhện đỏ/ cam, nhện gié/lúa	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức
			Saromite 57 EC	nhện đỏ/ chè; nhện gié, bọ phấn /lúa, nhện lông nhung/nhân	Công ty CP BVTV Sài Gòn
			Superrex 73 EC	nhện đỏ/ cam	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
745	3808	Pymetrozine (min 95%)	Bless 500WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
			Checknp 70WG	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
			Chelsi 50WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng
			Chess 50WG	rầy nâu, rầy lưng trắng, bọ phấn/lúa; bọ trĩ, rầy bông/ xoài	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
			Cheesapc 500WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế APC Việt Nam
			Cheestar 50WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP Nicotex

			Chersieu 50WG, 75WG	50WG: Rầy nâu, bọ xít dài/lúa, rệp sáp giả/cà phê 75WG: rệp muối/ thuốc lá, bọ xít dài/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Việt Thắng
			Chits 500WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông dược Agriking
			Gepa 50WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
			Hichespro 500WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
			Hits 50WG	Rầy nâu/lúa, nhện lông nhung/nhăn, rệp sáp/cà phê; rệp muối, bọ phấn/cải xanh	Công ty TNHH Phú Nông
			Jette 50WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH thuốc BVTV Mekong
			Longanchess 50WG, 70WP, 700WG, 750WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
			Matoko 50WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
			Oscare 50WG, 600WG	50WG: Rầy nâu/lúa 600WG: rầy nâu, bọ trĩ /lúa	Công ty TNHH BMC
			Sagometro 50WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
			Schezgold 500WG, 750WG	500WG : rầy xanh/chè, rầy nâu/lúa 750WG: rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hoá chất và TM Trần Vũ
			Scheccjapane super 500WG, 750WG	500WG: Rầy nâu/lúa 750WG: Rầy nâu, bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
			TT-osa 50WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
746	3808	Pymetrozine 65% + Thiamethoxam 5%	Chery 70WG	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH-TM Nông Phát
747	3808	Pyrethrins	Bopy 14EC, 50EC	14EC: Sâu tơ/bấp cải 50EC: rệp muối/bấp cải, nhện đỏ/chè	Công ty TNHH MTV Trí Văn Nông
			Mativex 1.5EW	rệp/ bắp cải, thuốc lá, nho	Công ty TNHH Nông Sinh
			Nixatop 3.0 CS	rệp muối, sâu tơ, sâu xanh/ cải xanh; rầy xanh, bọ cánh tơ, bọ xít muỗi/ chè; rầy nâu, bọ trĩ, sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu đục bẹ/ lúa	Công ty CP Nicotex

748	3808	Pyrethrins 2.5% + Rotenone 0.5%	Biosun 3EW	rầy xanh, bọ cánh tơ, nhện đỏ, bọ xít muỗi/ chè; sâu tơ/ bắp cải; bọ nhảy/ rau cải; bọ phấn/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu, thuốc lá, nho	Công ty TNHH Nông Sinh
749	3808	Pyridaben (min 95 %)	Alfamite 15EC, 20WP	15EC: nhện đỏ/ cây có múi, chè; nhện lông nhung/ vải, nhãn 20WP: nhện/ cam, nhện gié/ lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
			Bipimai 150EC	nhện đỏ/ chè	Công ty TNHH TM Bình Phương
			Coven 200EC	nhện gié/ lúa	Công ty CP Hóc Môn
			Dandy 15 EC	nhện đỏ/ chè	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
			Dietnhen 150EC	nhện gié/ lúa	Công ty CP Điền Thanh
			Koben 15EC	bọ trĩ/ dưa hấu; nhện đỏ/ chè, cam; rầy bông/ xoài; bọ xít muỗi/ điều; rệp/ cải, bông vải; nhện gié/lúa	Bailing Agrochemical Co., Ltd
			Ongrum 200EC	Nhện gié/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
			Tifany 15 EC, 18 EC, 25EC	nhện đỏ/ cam	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
750	3808	Pyridalyl (min 91%)	Sumipleo 10EC	sâu tơ/ bắp cải	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
751	3808	Pyriproxyfen (min 95%)	Permit 100EC	rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
			Sunlar 110EC	Sâu vẽ bùa/ cam	Sundat (S) PTe Ltd
752	3808	Pyriproxyfen 50g/l + Quinalphos 250g/l	Assassain 300EC	nhện gié/lúa	Công ty TNHH An Nông
753	3808	Pyriproxyfen 350g/kg + Tolfenpyrad (min 95%) 250g/kg	Bigsun 600WP	Nhện gié/lúa	Công ty TNHH An Nông
754	3808	Quinalphos (min 70%)	Aquinhphos 40EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam
			Faifos 5GR, 25EC	5GR: sâu đục thân/ ngô, lúa 25EC: rệp muội/ thuốc lá, sâu khoang/ lạc, rệp sáp/ cà phê, sâu xanh/ bông vải, sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
			Kinalux	sâu khoang/ lạc; sâu ăn tạp/ đậu tương; rệp sáp/	Công ty TNHH UPL Việt Nam

			25EC	cà phê; sâu phao, sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; sâu đục ngọn/ điều	
			Methink 25 EC	sâu phao/ lúa, rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
			Obamax 25EC	sâu khoang/ lạc; rệp sáp/ cà phê; sâu phao đục bẹ, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Lionchem Co., Ltd.
			Peryphos 25 EC	sâu phao/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
			Quiafos 25EC	sâu đục bẹ/ lúa, rệp sáp/ cà phê, vòi voi đục nõn/ điều	Công ty CP Đồng Xanh
			Quilux 25EC	sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; sâu đục ngọn/ điều, rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Thanh Điền
			Quintox 5EC, 10EC, 25 EC	5EC: sâu cuốn lá/ ngô 10EC: rệp sáp/ cà phê 25EC: sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
755	3808	Quinalphos 230g/l + Thiamethoxam 40g/l	Inikawa 270EC	sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
756	3808	Rotenone	Bin 10EC, 25EC	10EC: Sâu tơ/bấp cải 25EC: Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH đầu tư và phát triển Ngọc Lâm
			Dibaroten 5 WP, 5SL, 5GR	5WP: sâu xanh/ cải bẹ, dưa chuột 5WP, 5SL, 5GR: sâu xanh da láng, sâu xanh, sâu tơ, rầy/ cải xanh, cải bắp; rầy chổng cánh, nhện đỏ/ bầu bí, dưa hấu, dưa chuột, cam, quýt; rệp muối, nhện đỏ/ nho; rệp muối, nhện đỏ, sâu ăn lá/ hoa - cây cảnh; nhện đỏ, rầy xanh, rệp vảy xanh, rệp sáp/ chè, thuốc lá, cà phê, hồ tiêu; bọ nhảy, bọ xít, rệp/ đậu xanh, đậu tương; rệp muối, nhện đỏ, rầy bông/ xoài	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
			Fortenone 5 WP	sâu tơ/ rau, sâu xanh/ đậu	Forward International Ltd
			Limater 7.5 EC	sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh, bọ nhảy, rệp/ cải xanh; rệp, nhện đỏ, sâu đục quả/ ớt; rệp sáp/ bí xanh; nhện đỏ/ bí đỏ, hoa hồng; rệp, sâu khoang/ thuốc lá; sâu khoang/ lạc; sâu xanh da láng, dòi đục lá/ đậu tương; rầy xanh, nhện đỏ, bọ xít muỗi, bọ trĩ/ chè; sâu vẽ bùa, rệp sáp, nhện đỏ/ cam; bọ xít/ nhãn; rệp/ xoài; sâu đục quả/ vải; rệp sáp/ na; sâu	Công ty TNHH VT NN Phương Đông

				ăn lá/ cây hồng; sâu róm/ ổi	
			Newfatoc 50WP, 50SL, 75WP, 75SL	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; sâu khoang/ đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông
			Rinup 50 EC, 50WP	sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ súp lơ, lạc, đậu tương; sâu xanh/ cà chua; dòi đục lá/ dưa chuột; bọ trĩ/ dưa hấu; rệp đào/ thuốc lá; nhện đỏ/ cam; rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè; sâu ăn hoa/ xoài	Công ty TNHH An Nông
			Rotecide 2SL	Ấu trùng ve sầu, rệp sáp/cà phê, sâu tơ/ bắp cải, rầy nâu/ lúa	DNTN TM DV Đăng Phúc
			Trusach 2.5EC	sâu đục quả/ đậu tương; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; sâu tơ/ bắp cải; rệp muội/ cải bẹ; bọ nhảy/ rau cải; sâu cuốn lá/ lúa; bọ trĩ, nhện đỏ/ chè; rệp sáp/ cà phê; sâu xanh da láng/ thuốc lá	Công ty CP Môi trường Quốc tế Rainbow
			Vironone 2 EC	sâu tơ/ rau họ thập tự	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
757	3808	Rotenone 50g/kg (g/l) + Saponin 145g/kg (g/l)	Sitto-nin 15BR, 15EC	tuyến trùng/ bắp cải, cà phê; bọ hung/ mía	Công ty TNHH Sitto Việt Nam
758	3808	Rotenone 2.5% + Saponin 2.5%	Dibonin 5WP, 5SL, 5GR	5WP: bọ nhảy, sâu xanh/ cải xanh 5WP, 5SL, 5GR: sâu xanh da láng, sâu xanh, sâu tơ, rầy/ cải xanh, cải bắp; rầy chổng cánh, nhện đỏ/ bầu bí, dưa hấu, dưa chuột, cam, quýt; rệp muội, nhện đỏ/ nho; rệp muội, nhện đỏ, sâu ăn lá/ hoa - cây cảnh; nhện đỏ, rầy xanh, rệp vẩy xanh, rệp sáp/ chè, thuốc lá, cà phê, hồ tiêu; bọ nhảy, bọ xít, rệp/ đậu xanh, đậu nành; rệp muội, nhện đỏ, rầy bông/ xoài	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
759	3808	Rotenone 2g/kg + Saponin 148g/kg	Ritenon 150BR, 150GR	tuyến trùng/ bắp cải, cà phê; bọ hung/ mía	Công ty CP Vật tư NN Hoàng Nông
760	3808	Saponin	Map lisa 230SL	Sâu tơ/bắp cải	Map Pacific Pte. Ltd.
761	3808	Saponozit 46% + Saponin acid 32%	TP - Thần Điền 78SL	rệp sáp, rệp vẩy xanh, rệp nâu/ cà phê, xoài; rệp muội/ nhãn, vải; rệp/ đậu tương; bọ trĩ/ dưa chuột; rầy xanh, bọ cánh tơ, nhện đỏ/ chè	Công ty TNHH Thành Phương
762	3808	Silafluofen	Silatop	rầy nâu/ lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)

			7EW, 20EW		
763	3808	Sodium pimaric acid	Dulux 30EW	rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Nicotex
764	3808	Spinetoram (min 86.4%)	Radiant 60SC	sâu xanh da láng/ hành, lạc, đậu tương; dòi đục lá, sâu đục quả, bọ trĩ/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu, nho, xoài; bọ trĩ, dòi đục lá/ ớt; sâu vẽ bùa/ cây có múi; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; bọ trĩ/ hoa hồng, chè; bọ trĩ, sâu đục thân, sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa	Dow AgroSciences B.V
765	3808	Spinosad (min 96.4%)	Akasa 25SC, 250WP	sâu đục thân, sâu cuốn lá, nhện gié, rầy nâu, sâu keo/ lúa; sâu tơ, sâu xanh, rệp, bọ nhảy/ bắp cải; sâu xanh da láng/ hành, lạc; dòi đục lá, sâu đục quả/ cà chua; sâu khoang/ đậu tương; dòi đục quả/ ổi; sâu đục quả/ xoài	Công ty TNHH Wonderful Agriculture (VN)
			Automex 100EC, 250EC, 250SC, 250WP	100EC, 250EC, 250WP: Sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa 250SC: Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
			Daiwansin 25SC	sâu tơ/ bắp cải	Công ty CP Futai
			Efphê 25EC, 100EC, 250WP	sâu đục thân, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải	Công ty TNHH ADC
			Spicess 28SC	sâu xanh/ cà chua; sâu tơ/ bắp cải	Công ty TNHH An Nông
			Spinki 25SC	bọ xít hôi, bọ trĩ, rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu keo lúa; sâu tơ, sâu xanh, rệp muội/ bắp cải; sâu xanh, dòi đục lá, sâu khoang/ cà chua; sâu xanh, rệp muội/ đậu tương; rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; rầy bông, sâu ăn bông, rệp vảy/ xoài	Công ty TNHH Phú Nông
			Success 0.24CB, 25SC, 120SC	0.24CB: Ruồi đục quả/ xoài, ổi 25SC: sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/ cà chua; sâu xanh da láng/ hành; ruồi đục quả/ ổi, xoài 120SC: sâu đục bẹ, sâu cuốn lá/ lúa; sâu tơ/bắp cải	Dow AgroSciences B.V
			Suhamcon 25SC, 25WP	sâu tơ, sâu xanh bướm trắng, rệp muội, bọ nhảy sọc cong vỏ lạc/ bắp cải; rệp muội, bọ nhảy, sâu xanh da láng/ hành; sâu xanh, dòi đục lá/ cà chua; sâu đục quả, rệp muội/ đậu đũa; sâu xanh	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ Cao

				da láng/ lạc	
			Wish 25SC	sâu tơ, sâu xanh, rệp, bọ nhảy/ rau họ thập tự; sâu xanh, rệp, bọ nhảy/ hành	Công ty CP Đồng Xanh
766	3808	Spirotetramat (min 96%)	Movento 150OD	rệp muội/ bắp cải, rệp sáp/cà phê, cam, hồ tiêu, bọ trĩ/chè	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
767	3808	Sulfoxaflor (min 95%)	Closer 500WG	Rầy nâu/lúa	Dow AgroSciences B.V
768	3808	Sulfur	Bacca 80WG	Nhện đỏ/cam	Công ty CP Hóa chất NN I
			Sul-elong 80WG	nhện gié/lúa	Công ty TNHH King Elong
			Sulfex 80WG	nhện gié/lúa; nhện đỏ/cam	Excel Crop Care Ltd.
			Tramuluxjapane 80WG	Nhện đỏ/ cam	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
769	3808	Tebufenozide (min 99.6%)	Mimic [®] 20 SC	sâu xanh da láng/ thuốc lá, lạc; sâu cuốn lá/lúa	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
			Racy 20SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
			Xerox 20SC	sâu xanh da láng/ đậu xanh	Công ty CP Nicotex
770	3808	Tebufenpyrad 250g/kg (min 98.9%) + Thiamethoxam 250g/kg	Fist 500WP	rầy nâu, nhện gié/ lúa	Công ty TNHH – TM Tân Thành
771	3808	Thiacloprid (min 95%)	Calypso 240 SC	bọ trĩ/ lúa	Bayer Vietnam Ltd
			Hostox 480SC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
			Koto 240 SC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/ lúa; rệp sáp/ cà phê; sâu đục quả/ đậu tương;	Công ty TNHH Phú Nông
			Zukop 480SC	Rầy nâu/ lúa	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam

772	3808	Thiamethoxam (min 95 %)	Actara 25WG	25WG: rầy nâu, bọ trĩ/ lúa; rầy xanh, bọ trĩ, bọ xít muỗi/ chè; rệp sáp/ cà phê; rầy chổng cánh/ cây có múi; rệp/ rau cải, dưa chuột, mía, ổi; bọ phân/ cà chua; rầy/ xoài; bọ cánh cứng/ dừa; xử lý đất để trừ: rệp, bọ phân/ cà chua, dưa chuột, dưa lê, bắp cải, su hào, đậu đũa; rệp, bọ phân, bọ trĩ/ dưa hấu, cà pháo; rệp, bọ phân, bọ trĩ, sâu xám/ bí đao; rệp, bọ phân, bọ trĩ, rầy chổng cánh/ cam, bưởi; rệp, rầy chổng cánh/ quýt; rệp, ve sâu/ nhãn; rầy, rệp/ xoài; bọ trĩ/ thanh long, điều; rệp/ thuốc lá	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
			Amira 25WG	rầy nâu, rầy lưng trắng/lúa	Công ty CP Nicotex
			Anfaza 250WG, 350SC	250WG: bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; rệp sáp/ cà phê 350SC: bọ trĩ/ lúa; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH An Nông
			Apfara 25 WG	rầy nâu, bọ trĩ/ lúa; bọ xít muỗi/ chè	Công ty TNHH TM Anh Thơ
			Asarasuper 250WG, 300WG, 500SC, 500WG	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
			Hercule 25WG	bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
			Fortaras 25 WG	rầy nâu, bọ xít, bọ trĩ/ lúa; rầy chổng cánh/ cam; rầy/ bông xoài; rệp sáp, sâu đục cành/ cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
			Furacol 25WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
			Impalaser 25WG	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Nam Bộ
			Jiathi 25WP	bọ trĩ/ lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
			Nofara 35WG, 350SC	35WG: bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; bọ xít muỗi/ chè 350SC: rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH – TM Nông Phát
			Ranaxa 25 WG	rầy bông/ xoài, rầy nâu/ lúa, rệp/ cải củ	Công ty CP Đông Xanh
			Tata 25WG, 355SC	25WG: rầy nâu, bọ trĩ/ lúa; xử lý hạt giống trừ bọ trĩ/ lúa; rầy xanh, bọ xít muỗi/ chè; rệp sáp/ cà phê	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng

				355SC: Rầy nâu/ lúa, rầy/ xoài, rầy chổng cánh/ cam, rệp sáp/ cà phê	
			Thiamax 25WG	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
			Thionova 25WG	rầy nâu/ lúa; rệp muối, rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH UPL Việt Nam
			Vithoxam 350SC	rầy nâu/ lúa; rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa/cam; bọ trĩ, rầy xanh/chè; xử lý hạt giống trừ bọ trĩ/lúa, bọ trĩ/dưa hấu	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
773	3808	Thiodicarb (min 96 %)	Click 75WP	bọ trĩ, ốc bươu vàng, rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa; sâu khoang/ đậu tương; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
			Ondosol 750WP	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH – TM Tân Thành
			Supepugin 750WP	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH – TM Nông Phát
774	3808	Thiosultap-sodium (Nereistoxin) (min 90%)	Acemo 180SL	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Trường Thịnh
			Apashuang 10GR, 18SL, 95 WP	10GR: sâu đục thân/ lúa, mía, ngô 18SL, 95WP: sâu đục thân, bọ trĩ, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH - TM Thái Nông
			Binhdan 10GR, 18SL, 95WP	10GR: sâu đục thân/ lúa, mía, ngô 18SL: rầy nâu, sâu đục thân, bọ trĩ, sâu keo, rầy xanh/ lúa; sâu đục thân, rệp/ ngô; sâu xanh/ đậu tương; sâu đục thân, rệp/ mía; rệp sáp/ cà phê, 95WP: sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, rầy xanh/ lúa; sâu xanh/ đậu tương; rầy/ bông vải; sâu đục thân/ ngô, mía; sâu khoang/ lạc; rệp sáp/ cà phê	Bailing Agrochemical Co., Ltd
			Catodan 18SL, 90WP, 95WP	18SL: sâu cuốn lá/ lúa 90WP, 95WP: sâu cuốn lá/ lúa, rệp/ đậu tương	Công ty CP TST Cần Thơ
			Colt 95 WP, 150 SL	95WP: sâu phao/ lúa 150SL: sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH ADC

Dibadan 18 SL, 95WP	18SL: bọ trĩ, rầy nâu, sâu đục thân/ lúa; rệp bông xơ mía; rầy/ bông vải; rệp/ ngô 95WP: sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa; sâu khoang/ ngô; rầy/ bông vải; rệp sáp/ cà phê; rệp bông xơ/ mía	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
Neretox 18 SL, 95WP	sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa	Công ty CP BVTV I TW
Netoxin 90 WP, 95WP	90WP: sâu xanh/ lạc; sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa 95WP: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
Sát trùng đơn (Sát trùng đạn) 5 GR, 18 SL, 29SL, 90WP, 95WP	5GR: sâu đục thân/ lúa 18SL: sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; sâu ăn lá/ đậu tương 29SL: sâu khoang/ đậu xanh 90WP: sâu cuốn lá/ lúa, sâu ăn lá/ đậu tương 95WP: sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ/ lúa; sâu ăn lá/ đậu tương	Công ty CP Nicotex
Sadavi 18 SL, 95WP	18SL: bọ xít, sâu cuốn lá/ lúa 95WP: sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ xít hôi/ lúa	Công ty CP DV NN & PTNT Vĩnh Phúc
Sanedan 95 WP	sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH Anh Dẫu Tiền Giang
Shaling Shuang 180 SL, 500WP, 950WP	180SL: sâu đục thân/ lúa 500WP: sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa 950WP: sâu đục thân, sâu keo, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
Sha Chong Jing 50WP, 90WP, 95WP	sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH - TM Bình Phương
Sha Chong Shuang 18 SL, 50SP, 90WP, 95WP	18SL, 90WP: sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa 50SP: sâu đục thân lúa 95WP: sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa; sâu tơ, sâu xanh	Guizhou CVC INC. (Tổng Công ty Thương mại Zhongyue Quý Châu Trung Quốc)
Taginon 18 SL, 95 WP	18SL: sâu đục thân, bọ trĩ, sâu cuốn lá/ lúa 95WP: rầy nâu, sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH – TM Tân Thành
Tiginon 5GR, 18SL, 90WP, 95WP	5GR: sâu đục thân/ mía, lúa 90WP, 18SL: sâu đục thân/ lúa, rệp sáp/ cà phê 95WP: sâu xanh/ đậu xanh, sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
Tungsong	18SL: sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP SX - TM - DV

			18SL, 25SL, 95WP	25SL: sâu cuốn lá lúa, bọ trĩ/ điều 95WP: sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ/ lúa	Ngọc Tùng
			Vietdan 3.6GR, 29SL, 50WP, 95WP	3.6GR: sâu đục thân/ lúa 29SL: bọ trĩ/ lúa 50WP: sâu cuốn lá/ lúa 95WP: sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
			Vinetox 5GR, 18SL, 95SP	5GR, 18SL: sâu đục thân/ lúa 95SP: rệp sáp/ cà phê; sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
			Vi Tha Dan 18 SL, 95WP	18SL: bọ trĩ, sâu đục thân lúa 95WP: sâu đục thân, bọ trĩ, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
775	3808	Trichlorfon (Chlorophos) (min 97%)	Biminy 40EC, 90SP	40EC: sâu keo, bọ trĩ, sâu cuốn lá/ lúa; sâu đục quả/ đậu tương 90SP: sâu đục quả/ đậu tương	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
			Địch Bách Trùng 90SP	bọ xít, bọ trĩ/ lúa; sâu khoang/ đậu tương	Công ty TNHH Việt Thắng
			Dilexson 90 WP	bọ xít/ lúa	Công ty TNHH Sơn Thành
			Dip 80 SP	sâu keo/ lúa, dòi đục lá/ đậu tương	Công ty CP BVTV I TW
			Diptecide 90 WP	bọ xít/ lúa	Công ty TNHH - TM Bình Phương
			Terex 50EC, 90SP	50EC: dòi đục lá, sâu khoang/ đậu tương 90SP: sâu keo/ lúa, sâu đục quả/ đậu tương	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
2. Thuốc trừ bệnh:					
1	3808	Ascorbic acid 2.5%+ Citric acid 3.0% + Lactic acid 4.0%	Agrilife 100 SL	Bạc lá, lem lép hạt/lúa; thán thư/xoài; thối nhũn vi khuẩn/bắp cải; thán thư/ớt; thán thư/thanh long; lúa von/lúa (xử lý hạt giống)	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
2	3808	Acibenzolar-S-methyl (min 97%) 40g/l + Difenoconazole 60g/l + Propiconazole 60g/l	Armure forte 160EC	lem lép hạt, thối hạt vi khuẩn, bạc lá, khô vằn, vàng lá chín sớm /lúa	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
3	3808	Acrylic acid 4 % + Carvacrol 1 %	Som 5 SL	đạo ôn, khô vằn, bạc lá/ lúa; giả sương mai, mốc xám/ dưa chuột, rau, cà; thán thư/ ớt	Công ty CP Môi trường Quốc tế Rainbow
4	3808	Acrilic acid 40g/l +	Stargolg	Khô vằn, bạc lá, lem lép hạt, vàng lá chín sớm,	Công ty CP Hóa Nông

		Carvacrol 10g/l	5SL	đạo ôn/ lúa; thán thư/ớt	Mỹ Việt Đức
5	3808	Acibenzolar - S - methyl (min 96%)	Bion 50 WG	bạc lá/ lúa	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
6	3808	Albendazole (min 98.8%)	Abenix 10FL	đạo ôn, lem lép hạt, vàng lá/ lúa; thán thư/dừa hấu	Công ty CP Nicotex
7	3808	Amisulbrom (min 96.5%)	Gekko 20SC	Sương mai/cà chua, giả sương mai/dừa chuột	Công ty TNHH Nissei Corporation Việt Nam
8	3808	Azoxystrobin (min 93%)	Amistar 250 SC	đốm vòng/ cà chua, mốc sương, lở cổ rễ/khoai tây, thối quả/ca cao	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
			Azo-elong 350SC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH King Elong
			Azony 25SC	Khô vằn, đạo ôn/ lúa; sẹo (ghẻ nhám)/ cam, thán thư/ xoài	Công ty TNHH TM SX Ngọc Yến
			Envio 250SC	Lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
			Majestic 250SC	thán thư hoa/ xoài	Công ty TNHH MTV BVTV Thanh Hưng
			Overamis 250SC, 300SC	250SC: Lem lép hạt, khô vằn/lúa 300SC: thán thư/ xoài; lem lép hạt, khô vằn/lúa	Công ty TNHH Nam Bắc
			STAR.DX 250SC	Khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt, vàng lá chín sớm/lúa; thán thư/ớt, xoài, dừa hấu	Công ty CP Đồng Xanh
			Trobin 250SC	đạo ôn, khô vằn, vàng lá do nấm/ lúa; thán thư/ xoài; ghẻ nhám/ cam	Công ty TNHH Phú Nông
9	3808	Azoxystrobin 125g/l + Carbendazim 500g/l	Azostargold 625SC	nấm hồng/ cao su	Công ty TNHH Hóa chất & TM Trần Vũ
10	3808	Azoxystrobin 10g/l (10g/kg), (300g/l), (50g/l), (200g/kg) + Carbendazim 10g/l (170g/kg), (10g/l), (300g/l), (1g/kg) + Hexaconazole 60g/l (30g/kg), (10g/l), (20g/l), (565g/kg)	Amiusatop 80SC, 210WP, 320SC, 370SC, 766WG	80SC: khô vằn/lúa 210WP, 320SC, 370SC, 766WG: lem lép hạt/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
11	3808	Azoxystrobin 20g/l + Carbendazim 375g/l +	Luscar 425SC	Vàng lá chín sớm, lem lép hạt/ lúa; phấn trắng/ hoa hồng; thán thư/ vải; rỉ sắt/ cà phê; vàng rụng	Công ty CP NN HP

		Hexaconazole 30g/l		lá/ cao su; sương mai/ hành	
12	3808	Azoxystrobin 60g/l + Chlorothalonil 500g/l	Mighty 560SC	giả sương mai/dừa chuột	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
13	3808	Azoxystrobin 60g/l (100g/l) + Chlorothalonil 500g/l (500g/l)	Ortiva 560SC, 600SC	560SC: giả sương mai/ dừa chuột, sương mai, đốm vòng, đốm lá và quả/cà chua; sương mai/dừa hâu; thán thư/ xoài, khô nứt vỏ/ cao su; 600SC: thán thư/ xoài; thán thư, đốm vòng/ ớt; giả sương mai/ dừa chuột; nấm hồng/ cà phê; thán thư, sương mai/ dừa hâu; thán thư, rỉ sắt/ cà phê; thán thư, đốm vòng, sương mai/ cà chua	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
14	3808	Azoxystrobin 90g/l + Chlorothalonil 700g/l	Kempo 790SC	Sương mai/ dừa hâu	Công ty TNHH Trường Thịnh
15	3808	Azoxystrobin 200g/kg + Cyproconazole 75g/kg + Trifloxystrobin 250g/kg	Cyat 525WG	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Nông Tín AG
16	3808	Azoxystrobin 200g/l + Difenconazole 125g/l	Amistar top 325SC	khô vằn, vàng lá do nấm, lem lép hạt, đạo ôn/ lúa; mốc sương, đốm vòng/ cà chua, hành; chết cây con/ lạc, phấn trắng/ hoa hồng, phấn trắng, vàng lá/cao su; khô nứt vỏ/cao su; đốm lá lớn, gỉ sắt/ngô; thán thư/cà phê	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
			Amylatop 325SC	Vàng lá chín sớm, đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt/lúa; chết cây con/lạc, phấn trắng/cao su	Công ty TNHH SX & KD Tam Nông
			Asmaitop 325SC	lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
			Azofenco 325SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Kital
			Citeengold 325SC	Vàng lá chín sớm, đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt/lúa	Công ty CP Lan Anh
			Keviar 325SC	đạo ôn, lem lép hạt, vàng lá chín sớm/ lúa	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
			Lk Top 325SC	vàng lá chín sớm/ lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Á Châu
			Mastertop 325SC	vàng lá chín sớm/lúa	Công ty CP Giải pháp NN Tiên Tiến
			Moneys 325SC	lem lép hạt, đạo ôn, vàng lá chín sớm/ lúa; phấn trắng/hoa hồng; sẹo/cam; thán thư/xoài; sương	Công ty CP Nông nghiệp HP

				mai/ cà chua	
			Supreme 325 SC	Khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt/lúa; thán thư/xoài	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
			Topmystar 325SC	lem lép hạt, vàng lá chín sớm/lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Á Châu
			TT-Over 325SC	Lem lép hạt, khô vằn, vàng lá chín sớm/lúa; thán thư/ xoài, gỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH - TM Tân Thành
			Trobin top 325SC	đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt, vàng lá/ lúa; đốm nâu, lở cổ rễ/ lạc; đốm lá/ đậu tương; rỉ sắt, thán thư/ cà phê; thối gốc/ lạc; đốm vòng, sương mai/cà chua; thán thư/dừa hấu, xoài; đốm vòng/khoai tây, phấn trắng/nho	Công ty TNHH Phú Nông
17	3808	Azoxystrobin 250g/l (200g/l), (200g/l), (200g/kg), (250g/l), (250g/l), (250g/kg) + Difenconazole 10g/l (133g/l), (200g/l), (200g/kg), (200g/l), (250g/l), (250g/kg)	Amity top 260SC, 333SC, 400SC, 400SG, 450SC, 500SC, 500SG	260SC: Lem lép hạt, khô vằn/lúa; rỉ sắt/cà phê; vàng rụng lá/cao su 333SC: Vàng lá vi khuẩn, lem lép hạt, khô vằn, đạo ôn/lúa; vàng rụng lá/cao su; rỉ sắt/cà phê; phấn trắng/cao su 400SC: Rỉ sắt/cà phê, phấn trắng/cao su; lem lép hạt/lúa, đốm lá/xoài 400SG: Lem lép hạt, đạo ôn, khô vằn/lúa; rỉ sắt/cà phê, phấn trắng/cao su 450SC: Khô vằn, lem lép hạt/lúa; rỉ sắt/cà phê; phấn trắng/cao su 500SC: Khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt, bạc lá/lúa 500SG: Đạo ôn, khô vằn/lúa; rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH Việt Đức
18	3808	Azoxystrobin 200 g/l (250g/l) + Difenconazole 133 g/l (150g/l)	Bi-a 333SC, 400SC	333SC: Lem lép hạt, khô vằn/lúa, vàng rụng lá/cao su 400SC: Lem lép hạt, đạo ôn, khô vằn/ lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
19	3808	Azoxystrobin 200g/l (400g/kg) + Difenconazole 125g/l (250g/kg)	Myfatop 325SC, 650WP	325SC: Thán thư/ xoài, vãi; đạo ôn, vàng lá, lem lép hạt/ lúa; phấn trắng/ nho 650WP: Lem lép hạt, vàng lá/ lúa; nấm hồng/cà phê, thán thư/xoài	Công ty TNHH An Nông
20	3808	Azoxystrobin 0.5g/kg (0.5g/l), (10g/kg), (50g/kg), (200g/l) + Difenconazole 54.5g/kg (59.5g/l),	Audione 55WP, 60SC, 210WP, 250WG, 325SC	55WP, 60SC: Vàng lá/ lúa 210WP, 250WG: Lem lép hạt/ lúa 325SC: Đạo ôn, vàng lá chín sớm, lem lép hạt/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung

		(200g/kg), (200g/kg), (125g/l)			
21	3808	Azoxystrobin 190g/l (200g/l) + 143g/l (150g/l) Difenconazole	Maxtatoptol 333SC, 350SC	333SC: lem lép hạt/lúa 350SC: phần trắng/cao su	Công ty CP Vật tư nông nghiệp Hoàng Nông
22	3808	Azoxystrobin 200 g/l + Difenconazole 150g/l	Amass TSC 350SC	lem lép hạt/lúa	Công ty CP Vật tư KT NN Cần Thơ
			Ara – super 350SC	Lem lép hạt, vàng lá chín sớm, đạo ôn, khô vằn/lúa; thán thư/xoài, gỉ sắt/cà phê, đốm lá/đậu tương, chết nhanh/hồ tiêu, sương mai/khoai tây, chết dây do nấm/dưa hấu, phần trắng/nho	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
			Aviso 350SC	Lem lép hạt/ lúa, phần trắng/ cao su, thán thư/ vải, cà phê	Công ty CP Nông dược HAI
			Mi stop 350SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
23	3808	Azoxystrobin 200g/l (200g/l), (200g/l), (200g/l) + 150g/l (200g/l), (220g/l), (250g/l) Difenconazole	Majetictop 350SC, 400SC, 420SC, 450SC	350SC: Đạo ôn/lúa 400SC, 420SC, 450SC: lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thanh Hưng
24	3808	Azoxystrobin 200g/l (250g/l) + Difenconazole 125g/l (150g/l)	Ohho 325SC, 400SC	Lem lép hạt, vàng lá chín sớm/lúa	Công ty TNHH Nam Bộ
25	3808	Azoxystrobin 235g/l (275g/l), (325g/l), (375g/l) + Difenconazole 125 g/l (125g/l), (125g/l), (125g/l)	Neoamistagold 360SC, 400SC, 450SC, 500SC	360SC, 450SC: Lem lép hạt, vàng lá chín sớm/ lúa 400SC, 500SC: vàng lá chín sớm/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
26	3808	Azoxystrobin 250g/l + Difenconazole 150g/l	Anmisdotop 400SC	Lem lép hạt, đạo ôn, khô vằn/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
			Asmiltatop Super 400SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM DV Nông Trang
			Azotop 400SC	Thán thư/xoài; đạo ôn, lem lép hạt /lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV MeKong
			Dovatop 400SC	Thán thư/ xoài, sầu riêng, điều; ghẻ nám/cam; nứt dây/dưa hấu; khô vằn, vàng lá, đạo ôn, lem lép	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng

				hạt/lúa; khô quả/cà phê; nấm hồng, vàng rụng lá/cao su; chết nhanh/hồ tiêu; phần trắng/nho	
			Help 400SC	lem lép hạt, vàng lá do nấm, khô vằn, đạo ôn/ lúa; thán thư/ dừa hấu, ớt, xoài, nho, hồ tiêu, hoa hồng, cà phê	Công ty TNHH ADC
			Paramax 400SC	Thán thư/xoài; đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
			Upper 400SC	Lem lép hạt/lúa, vàng rụng lá/ cao su	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
			Upple 400SC	thán thư/vải	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
27	3808	Azoxystrobin 250g/l + Difenconazole 175g/l	Vk.Lasstop 425SC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH MTV BVT Omega
28	3808	Azoxystrobin 250g/l + Difenconazole 200g/l	Toplusa 450SC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Vipes Việt Nam
29	3808	Azoxystrobin 300g/l + Difenconazole 150g/l	Jiadepero 450SC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Jianon Biotech (VN)
			Miligo 450SC	Lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Nông Nghiệp Xanh
30	3808	Azoxystrobin 270g/l + Difenconazole 180g/l	Tilgent 450SC	đạo ôn/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
31	3808	Azoxystrobin 200g/l + Difenconazole 200g/l	Enextatop 400SC	vàng lá chín sớm/lúa	Công ty CP Vật tư Liên Việt
32	3808	Azoxystrobin 60g/kg + Difenconazole 200g/kg + 100g/kg Dimethomorph	Novistar 360WP	Sương mai/cà chua, thán thư/xoài; đạo ôn, vàng lá chín sớm, lem lép hạt/lúa	Công ty CP Nông Việt
33	3808	Azoxystrobin 210 g/l + Difenconazole 130 g/l + Hexaconazole 50g/l	Mitop one 390SC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
34	3808	Azoxystrobin 200g/l + Difenconazole 125g/l + Hexaconazole 50g/l	Curegold 375SC	Vàng lá, đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt/lúa; thán thư/xoài; khô cành khô quả/ cà phê	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
35	3808	Azoxystrobin 150g/l + Difenconazole 85g/l + Hexaconazole 115g/l	Centeratop 350SC	vàng lá chín sớm/lúa	Công ty TNHH SX & XK Bày Tay Việt

36	3808	Azoxystrobin 200g/l + Difenconazole 125g/l + Hexaconazole 100g/l	Starvil 425SC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
37	3808	Azoxystrobin 200g/l + Difenconazole 150g/l + Propiconazole 150g/l	Topmypro 500SE	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
38	3808	Azoxystrobin 200g/l + Difenconazole 80 g/l + Tricyclazole 200g/l	Athuoctop 480SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
39	3808	Azoxystrobin 200g/l + Difenconazole 125g/l + Tricyclazole 200g/l	Mixperfect 525SC	Vàng lá chín sớm, đạo ôn, lem lép hạt, khô vằn/lúa; nấm hồng, vàng rụng lá/cao su; rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
40	3808	Azoxystrobin 50g/l + Difenconazole 250g/l + Tricyclazole 255g/l	Tilgermany super 555SC	Lem lép hạt, đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
41	3808	Azoxystrobin 20.1g/l (205g/l), (350g/l), (50g/l), (50g/kg) + Difenconazole 12.6g/l (128g/l), (10g/l), (100g/l), (150g/kg) + Sulfur 249.3g/l (10g/l), (10g/l), (250g/l), (560g/kg)	Titanicone 327SC, 343SC, 370SC, 400SC, 760WP	400SC: Vàng lá chín sớm/lúa 327SC, 760WP: Vàng lá chín sớm/, lem lép hạt/ lúa 343SC, 370SC: Lem lép hạt	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
42	3808	Azoxystrobin 60g/kg + Dimethomorph 250g/kg + Fosetyl-aluminium 30g/kg	Map hero 340WP	thán thư/cà chua, giả sương mai/ dưa gang	Map Pacific Pte Ltd
43	3808	Azoxystrobin 250 g/l (250g/kg) + Fenoxanil 200g/l (500g/kg)	Lk-Vill @ 450SC, 750WG	450SC: lem lép hạt/ lúa 750WG: đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Á Châu
44	3808	Azoxystrobin 200g/kg (250g/l) + Fenoxanil 125g/kg (150g/l)	Omega 325WP, 400SC	325WP: vàng lá chín sớm, đạo ôn/lúa 400SC: đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV MeKong
45	3808	Azoxystrobin 30g/l +	Surijapane 260SC	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM SX

		Fenoxanil 200g/l + Kasugamycin 30g/l			Thôn Trang
46	3808	Azoxystrobin 200g/l + Fenoxanil 210g/l + Ningnanmycin 40g/l	Lazerusa 450SC	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
47	3808	Azoxystrobin 150g/l + Flusilazole 150g/l	Willsuper 300EC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
48	3808	Azoxystrobin 50g/l + Hexaconazole 100g/l	Camilo 150SC	Khô vằn, vàng lá chín sớm/lúa; nấm hồng, vàng rụng lá/ cao su; rỉ sắt, nấm hồng/cà phê; thán thư/xoài, phấn trắng/cao su	Công ty TNHH ADC
49	3808	Azoxystrobin 270 g/l + Hexaconazole 90 g/l	Fujivil 360SC	vàng lá chín sớm/ lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
50	3808	Azoxystrobin 1g/l (50g/l) + Hexaconazole 49g/l (100g/l)	Hextop 5SC, 150SC	5SC: khô vằn/lúa 150SC: lem lép hạt, khô vằn /lúa; vàng rụng lá/cao su	Công ty TNHH TM DV Việt Nông
51	3808	Azoxystrobin 50g/l + Hexaconazole 101g/l	Super cup 151SC	nấm hồng/cà phê	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
52	3808	Azoxystrobin 10g/l (300g/l), (400g/l), (200g/kg) + Hexaconazole 60g/l (10g/l), (10g/l), (565g/kg)	Anforli 70SC, 310SC, 410SC, 765WG	70SC: Khô vằn/lúa 310SC, 410SC, 765WG: Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
53	3808	Azoxystrobin 200g/l + Hexaconazole 40g/l + Tricyclazole 220g/l	King-cide Japan 460SC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
54	3808	Azoxystrobin 200g/l (250g/kg) + Hexaconazole 100g/l (100g/kg) + Tebuconazole 20g/l (400g/kg)	Acidino 350SC, 750WG	350SC: Lem lép hạt, đạo ôn/lúa 750WG: Vàng lá chín sớm/ lúa	Công ty TNHH Hoá Sinh Á Châu
55	3808	Azoxystrobin 180g/l (360g/kg) + Hexaconazole 80g/l (160g/kg) +	Autovin 380SC, 760WP	380SC: Vàng lá chín sớm/ lúa 760WP: Thán thư/ vải, rỉ sắt/cà phê; khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt/lúa; mốc sương/cà chua	Công ty TNHH An Nông

		Thiophanate methyl 120g/l (240g/kg)			
56	3808	Azoxystrobin 150g/l + Metalaxyl 300g/l	Crystalusa 450SC	vàng lá chín sớm/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
57	3808	Azoxystrobin 20% + Propiconazole 15%	Bn-azopro 35SC	lem lép hạt, vàng lá chín sớm, đạo ôn, khô vằn/lúa; rỉ sắt/cà phê, phấn trắng/cao su	Công ty CP Bảo Nông Việt
58	3808	Azoxystrobin 75g/l + Propiconazole 125g/l	Quilt 200SE	đốm lá lớn/ ngô	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
59	3808	Azoxystrobin 1g/l (130g/l), (260g/l), (100g/kg), (1g/kg), (200g/kg) + Propineb 10g/l (10g/l), (10g/l) (300g/kg), 705g/kg (10g/kg) + Tebuconazole 260g/l (60g/l), (200g/l), (100g/kg), (10g/kg), (550g/kg)	Amisupertop 271EW, 330SC, 340SC, 500WP, 716WP, 760WP	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
60	3808	Azoxystrobin 1g/l (260g/l), (33.3g/l), (360g/l), (50g/kg) + Sulfur 20g/l (10g/l), (250g/l), (10g/l), (460g/kg) + Tebuconazole 260g/l (60g/l), (50g/l), (10g/l), (250g/kg)	Topnati 281EW, 330SC, 333.3SC, 380SC, 760WP	333.3SC: Vàng lá chín sớm/lúa 281EW, 330SC, 380SC, 760WP: Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
61	3808	Azoxystrobin 200g/l + Tebuconazole 200g/l	Lotususa 400SC	Lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
62	3808	Azoxystrobin 400g/kg +Tebuconazole100g/kg	Maxxa 500WG	đạo ôn; lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
63	3808	Azoxystrobin 250g/kg (277g/kg), (300g/kg), (360g/kg) + Tebuconazole 500g/kg	Natiduc 750WG, 777WG, 800WG, 860WG	750WG: rỉ sắt/cà phê; vàng lá chín sớm, đạo ôn, lem lép hạt /lúa 777WG: Đạo ôn, lem lép hạt, vàng lá chín sớm, khô vằn /lúa; rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH Việt Đức

		(500g/kg), (500g/kg), (500g/kg)		800WG: Đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt/lúa; gỉ sắt/cà phê 860WG: đạo ôn, lem lép hạt, vàng lá chín sớm/lúa	
64	3808	Azoxystrobin 120g/l + Tebuconazole 200g/l	Custodia 320SC	thán thư/ vẩy	Công ty TNHH Adama Việt Nam
65	3808	Azoxystrobin 260g/l (100g/kg), (200g/kg) + Tebuconazole 60g/l (350g/kg), (560g/kg)	Natigold 320SC, 450WG, 760WG	320SC: lem lép hạt, đạo ôn /lúa; thán thư/ xoài 450WG: Lem lép hạt, đạo ôn, vàng lá/lúa 760WG: vàng lá chín sớm/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
66	3808	Azoxystrobin 0.2g/kg (100g/l), (0.5g/l), (60g/l), (1g/kg), (10g/kg) + Tricyclazole 79.8g/kg (225g/l), (401.5g/l), (400g/l), (559g/kg), (750g/kg)	Verygold 80WP, 325SC, 402SC, 460SC, 560WP, 760WG	80WP, 402SC, 560WP, 760WG: Đạo ôn/ lúa 325SC: Lem lép hạt/lúa 460SC: Lem lép hạt, đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
67	3808	Azoxystrobin 10g/kg + Tricyclazole 800g/kg	Be-amusa 810WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM DV Nông Trang
68	3808	Azoxystrobin 60g/l (100g/l) + Tricyclazole 500g/l (500g/l)	Altista-top 560SC, 600SC	560SC: lem lép hạt, đạo ôn/ lúa 600SC: đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Nam Bắc
69	3808	Azoxystrobin 20g/l + Tricyclazole 400g/l	Top-care 420SC	đạo ôn/lúa	Công ty CP Khử trùng Nam Việt
70	3808	Azoxystrobin 60g/l + Tricyclazole 400g/l	Roshow 460SC	đạo ôn/lúa	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
71	3808	Bac Nano 1g/l + Chitosan 25g/l	Nano Kito 2.6SL	Nấm hồng/ cao su	Công ty TNHH Ngân Anh
72	3808	<i>Bacillus subtilis</i>	Biobac 50WP	héo xanh/ cà chua; phấn trắng/ dâu tây; thối rễ/ súp lơ, súp lơ/ bắp cải	Bion Tech Inc.,
			Bionite WP	đốm phấn vàng, phấn trắng/ dưa chuột, bí xanh; sương mai/ nho; mốc sương/ cà chua; biến màu quả/ vẩy; héo vàng, chết cây con/ lạc; đen thân/ thuốc lá; đạo ôn, lem lép hạt/ lúa; bệnh còng, chết cây con/ hành tây	Công ty TNHH Nông Sinh
73	3808	Benalaxyl	Dobexyl	giả sương mai/ dưa hấu, đốm lá/ đậu tương, vàng	Công ty CP

		(min 94%)	50WP	lá/ lúa	Đồng Xanh
74	3808	Benomyl (min 95 %)	Bemyl 50 WP	bệnh khô hoa, trái non/ điều; bệnh ghẻ/ cây có múi; vàng lá/ lúa	Công ty CP Nông dược HAI
			Bendazol 50 WP	vàng lá chín sớm, đạo ôn/ lúa; thán thư/ điều	Công ty CP BVTV Sài Gòn
			Benex 50 WP	khô vằn/ lúa	Imaspro Resources Sdn Bhd
			Benofun 50 WP	vàng lá/ lúa, đốm lá/ đậu phộng	Zagro Singapore Pte Ltd
			Benotigi 50 WP	vàng lá/ lúa, phấn trắng/ cà phê	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
			Bezomyl 50WP	vàng lá/ lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
			Binhnomyl 50 WP	đạo ôn, vàng lá, lem lép hạt/ lúa; đốm lá/ đậu tương; sương mai/ khoai tây; rỉ sắt/ cà phê	Bailing Agrochemical Co., Ltd
			Fundazol 50 WP	vàng lá/ lúa	Công ty CP Giải pháp Nông nghiệp Tiên Tiên
			Funomyl 50 WP	vàng lá/ lúa	Forward International Ltd
			Tinomyl 50 WP	vàng lá/ lúa	Công ty TNHH - TM Thái Phong
			Viben 50WP	Vàng lá/ lúa, rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
75	3808	Benomyl 10% + Bordeaux 45% + Zineb 20%	Copper - B 75 WP	vàng lá/ lúa	Công ty CP Vật tư KTNN Cần Thơ
76	3808	Benomyl 25% + Copper Oxychloride 25%	Viben - C 50 WP	vàng lá/ lúa, rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
77	3808	Benomyl 100 g/kg, (5g/kg) + Iprodione 100 g/kg, (245g/kg)	Ankisten 200 WP, 250WP	200WP: lem lép hạt/ lúa 250WP: lem lép hạt, vàng lá chín sớm/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
78	3808	Benomyl 25 % + Mancozeb 25 %	Bell 50 WP	vàng lá/ lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
79	3808	Benomyl 17% + Zineb 53%	Benzeb 70 WP	vàng lá, lem lép hạt/ lúa; đốm lá/ lạc; sương mai/ khoai tây	Công ty CP BVTV Sài Gòn
80	3808	Bismethiazol (Sai ku zuo)	Agpicol 20WP	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát

		(min 90 %)	Anti-xo 200WP	bạc lá, thối gốc vi khuẩn/lúa, loét vi khuẩn/ cam; thối đen vi khuẩn/bắp cải; đốm lá vi khuẩn/cà chua, đậu tương; héo xanh vi khuẩn/ớt	Công ty TNHH Phú Nông
			Asusu 20 WP, 25WP	bạc lá/ lúa	Công ty TNHH - TM Thái Nông
			Diebiala 20SC	Bạc lá/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng
			Kadatil 300WP	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
			Sasa 20 WP, 25 WP	bạc lá/ lúa	Guizhou CVC INC. (Tổng Công ty Thương mại Zhongyue Quý Châu Trung Quốc)
			Sansai 200 WP	bạc lá/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
			TT-atanil 250WP	bạc lá/lúa	Công ty CP Delta Cropcare
			TT Basu 250WP	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
			VK. Sakucin 25WP	bạc lá/ lúa	Công ty TNHH SX & TM Viễn Khang
			Xanthomix 20 WP	bạc lá/ lúa	Công ty CP Nicotex
			Xiexie 200WP	bạc lá/ lúa	Công ty TNHH TM Bình Phương
			Zeppelin 200WP	bạc lá/lúa	Công ty TNHH Đầu tư và PT Ngọc Lâm
81	3808	Bismerthiazol 15% + Copper hydroxide 60%	TT-tafin 75WP	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
82	3808	Bismerthiazol 150g/kg + Gentamycin sulfate 15g/kg + Streptomycin sulfate 50g/kg	ARC-clench 215WP	Bạc lá/ lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
			Riazor 215WP	bạc lá/ lúa	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
83	3808	Bismerthiazol 150g/l + Hexaconazole 450g/l	TT-bemdex 600SC	khô vằn/lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
84	3808	Bismerthiazol 190 g/kg	Probiocol 200WP	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH TM

		+ Kasugamycin 10g/kg			Nông Phát
85	3808	Bismerthiazol 290g/kg + Kasugamycin 10g/kg	Nanowall 300WP	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH thuốc BVTV Nam Nông
86	3808	Bismerthiazol 200g/kg + Oxytetracycline hydrochloride 20g/kg	Tokyo-Nhật 220WP	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH Anh Dầu Tiền Giang
87	3808	Bismerthiazol 200g/kg + Oxolinic acid 200g/kg	Captivan 400WP	bạc lá/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thanh Hưng
			Longantivo 400WP	bạc lá/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
88	3808	Bismerthiazol 200 g/kg + Streptomycin sulphate 50g/kg	Probencarb 250WP	bạc lá/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
89	3808	Bismerthiazol 150g/kg + Tecloftalam 100g/kg	Kasagen 250WP	bạc lá/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
			Sieu sieu 250WP	Bạc lá/ lúa; đốm sọc vi khuẩn/ lúa, ngô	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
90	3808	Bismerthiazol 400g/kg + Tricyclazole 100g/kg	Bitric 500WP	bạc lá/lúa	Công ty TNHH TM DV Việt Nông
91	3808	Bismerthiazol 400g/kg, (300g/kg) + Tricyclazole 375g/kg (500g/kg)	Antigold 755WP, 800WP	Đạo ôn, bạc lá/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
92	3808	Bismerthiazol 250g/kg + Tricyclazole 550g/kg	Bitric 800WP	Đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM DV Việt Nông
93	3808	Bismerthiazol 300g/kg + Tricyclazole 500g/kg	Tigondiamond 800WP	bạc lá/lúa	Công ty CP NN HP
94	3808	Bismerthiazol 200g/kg + Tricyclazole 400g/kg + Sulfur 200g/kg	Antimer-so 800WP	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH TM DV Nông Trang
95	3808	Bromuconazole (min 96%)	Vectra 200EC	đạo ôn, khô vằn, đốm nâu/ lúa; rỉ sắt/ cà phê; mốc sương/ khoai tây; đốm lá/ lạc	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
96	3808	Bronopol (min 99%)	Totan 200WP	vàng lá chín sớm, bạc lá/lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
			Xantocin	Bạc lá, thối gốc do vi khuẩn/lúa	Công ty CP Khử trùng

			40WP		Việt Nam
			TT-biomycin 40.5WP	bạc lá/lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
97	3808	Bronopol 450g/kg + Salicylic acid 250g/kg	Sieukhuan 700WP	Vàng lá chín sớm/lúa	Công ty TNHH An Nông
98	3808	Calcium Polysulfide	Lime Sulfur	phần trắng/ nho, nhện đỏ/ cây có múi	Công ty TNHH ADC
99	3808	Carbendazim (min 98%)	Acovil 50 SC	khô vằn, lem lép hạt, vàng lá, đạo ôn/ lúa; đốm lá/ lạc, hồ tiêu	Công ty TNHH – TM Thái Nông
			Adavin 500 FL	khô vằn, lem lép hạt/ lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
			Agrodazim 50 SL, 500SC	50SL: mốc sương/ khoai tây; đạo ôn/ lúa; thán thư/ điều 500SC: khô vằn/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
			Appencarb super 50FL, 75WG	50FL: khô vằn/ lúa, bệnh thối/ xoài, thán thư/điều, thối khô quả/cà phê 75WG: khô vằn/ lúa, thán thư/ đậu tương	Công ty TNHH Kiên Nam
			Arin 25SC, 50SC, 50WP	25SC: vàng lá, lem lép hạt/ lúa; rỉ sắt/ cà phê; nấm hồng/ cà phê 50SC: đạo ôn, vàng lá/ lúa; xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/ lúa; đốm lá/ đậu tương; thán thư/ xoài, điều; rỉ sắt/ cà phê 50WP: khô vằn/ lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
			Baberm 500 FL	Đốm lá/ đậu tương; vàng rụng lá, nấm hồng/cao su; khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt/lúa; đốm lá/lạc, rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH Việt Thắng
			Bavisan 50 WP	đạo ôn/ lúa, bệnh đốm lá/ đậu tương	Chia Tai Seeds Co., Ltd
			Benvil 50 SC	khô vằn/ lúa	Công ty TNHH An Nông
			Benzimidine 50 SC	lem lép hạt lúa, thán thư/ điều	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
			Binhnavil 50 SC	khô vằn, lem lép hạt, vàng lá, đạo ôn/ lúa; thán thư/ cà phê; đốm lá/ lạc; phần trắng/ cao su; đốm lá/ bông vải	Bailing Agrochemical Co., Ltd
			Biodazim 500SC	Lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
			Cadazim 500 FL	khô vằn/ lúa, rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH - TM Nông Phát
			Carban 50 SC	vàng lá chín sớm/ lúa; chết cây con/ đậu; thán thư/ cà phê, điều, vải; héo đen đầu lá, vàng rụng	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời

	lá, khô nứt vỏ/cao su	
Carben 50 WP, 50 SC	50WP: khô vằn/ lúa, mốc xám/ rau 50SC: khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt/ lúa; mốc xám/ cà chua	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
Carbenda supper 50 SC, 60WP	50SC: lem lép hạt, đốm nâu, khô vằn, vàng lá/ lúa; đốm lá/ lạc; thán thư/ xoài, vải, điều, thanh long; thối cổ rễ/ dưa hấu; thối quả/cà phê; vàng rụng lá/cao su; phấn trắng/cao su 60WP: đốm nâu/ lúa, thán thư/ xoài	Công ty CP Nông dược HAI
Carbenvil 50 SC	đạo ôn/ lúa, thán thư/ rau	Sino Ocean Enterprises Ltd
Carbenzim 50 WP, 500 FL	50WP: khô vằn/ lúa 500FL: khô vằn, vàng lá/ lúa; đốm lá/ lạc; thán thư/ điều; thối quả/ cà phê; Phấn trắng, đốm đen/hoa hồng; thán thư, vàng rụng lá, phấn trắng/cao su; đốm vòng/xà lách; thán thư/dưa hấu	Công ty CP BVTV Sài Gòn
Care 50 SC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH ADC
Carbe-TB 500SC	Thán thư/xoài, khô vằn/lúa	Công ty TNHH SX-TM Tô Ba
Car.td 500SC	Lem lép hạt, khô vằn/lúa; đốm lá/ lạc; thán thư/ xoài	Công ty CP Thanh Điền
Cavil 50SC, 50WP, 60WP	50WP, 60WP: khô vằn/ lúa, rỉ sắt/ cà phê 50SC: Thối hạch/lạc, khô vằn/ lúa, rỉ sắt/ cà phê, vàng rụng lá/cao su	Công ty CP BVTV I TW
Carzenthai 50 SC	Thán thư/ vải	Công ty CP Sinh học NN Hai Lúa Vàng
Crop - Care 500 SC	khô vằn/ lúa, thán thư/cà phê	Imaspro Resources Sdn Bhd
Daphavil 50 SC	lem lép hạt, khô vằn/ lúa; rỉ sắt/ cà phê; thán thư/ điều	Công ty TNHH Kinh doanh hóa chất Việt Bình Phát
Dibavil 50FL, 50WP	50FL: khô vằn/ lúa, đốm lá/ bắp cải 50WP: rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
Forsol 50SC, 50WP, 60WP	50SC: đạo ôn/ lúa 50WP: khô vằn/ lúa 60WP: khô vằn/ lúa, thán thư/ xoài	Forward International Ltd
Glory	thán thư/ điều; khô vằn, vàng lá chín sớm/lúa; rỉ	Công ty TNHH Adama

			50SC	sắt, thán thư/cà phê,	Việt Nam
			Kacpenvil 50WP, 500SC	50WP: lem lép hạt/ lúa, thối nhũn/ rau 500SC: lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH US.Chemical
			Megacarben 500SC	lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
			Monet 50SC	khô vằn/ lúa	Sinon Corporation, Taiwan
			Nicaben 50SC, 500WP	50SC: thối quả/ cà phê; thán thư/ xoài; lem lép hạt, khô vằn/ lúa; nấm hồng/ cao su 500WP: Phấn trắng/ cao su	Công ty CP Nicotex
			S-Cabedazim 500SC	rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
			Scarbenindia super 500SC	thán thư/ xoài	Công ty TNHH TM DV Thôn Trang
			Ticarben 50WP, 50SC	50WP: đạo ôn/ lúa, nấm hồng/ cao su 50SC: vàng lá, lem lép hạt, khô vằn/ lúa	Công ty CP Công nghệ cao thuốc BVTV USA
			Tilvil 500SC, 500WP	500SC: bệnh khô vằn, bạc lá, lem lép hạt/ lúa; rỉ sắt/ cà phê 500WP: đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
			Vicarben 50WP, 50SC	50WP: đốm lá/ ngô, thán thư/ hồ tiêu 50SC: thán thư/ xoài, khô vằn/ lúa; thán thư/điều, cà phê; vàng rụng lá/ cao su	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
			Zoom 50WP, 50SC	50WP: khô vằn/ lúa 50SC: đạo ôn/ lúa, rỉ sắt/ cà phê, phấn trắng/ bầu bí, thán thư/ điều	Công ty TNHH UPL Việt Nam
100	3808	Carbendazim 230 g/l + Cymoxanil 250g/l	TT-Tanos 480SC	vàng lá chín sớm/ lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
101	3808	Carbendazim 50% + Cymoxanil 8% + Metalaxyl 8%	Love rice 66WP	chết cây con/ dưa hấu, vàng lá do nấm/ lúa, xì mủ/ sầu riêng; thán thư/ ớt; vàng rụng lá/ cao su; đốm lá/lạc, rỉ sắt/cà phê; phấn trắng/nho; thán thư/xoài	Công ty CP Thanh Điền
102	3808	Carbendazim 5g/l (50g/l) (500g/l) (100g/kg) (10g/kg) + Difenoconazole 250g/l (30g/l) (10g/l) (50g/kg), (10g/kg) +	Titanicgold 260EW, 430SC, 520SC, 550WP, 780WP	260EW : lem lép hạt/ lúa 430SC: đạo ôn, lem lép hạt /lúa, gỉ sắt/cà phê 520SC: khô vằn/ lúa 550WP, 780WP: Đạo ôn/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung

		Tricyclazole 5g/l (350g/l), (10g/l) (400g/kg) (760g/kg)			
103	3808	Carbendazim 125 g/l + Epoxiconazole 125g/l	Swing 25SC	khô vằn, lem lép hạt, vàng lá/ lúa	BASF Vietnam Co., Ltd.
104	3808	Carbendazim 230 g/l + Flusilazole 250 g/l	TT Take 48SC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
105	3808	Carbendazim 1g/l (325g/l) + 49g/l (25g/l) Hexaconazole	Andovin 5SC, 350SC	5SC: lem lép hạt/ lúa 350SC: lem lép hạt, khô vằn/ lúa; vàng rụng lá/cao su	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
106	3808	Carbendazim 5g/l + Hexaconazole 50g/l	Calivil 55SC	đạo ôn, khô vằn / lúa; gỉ sắt/cà phê, thán thư/ điều; vàng rụng lá/ cao su	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức
107	3808	Carbendazim 0.7% + Hexaconazole 4.8%	Vilusa 5.5SC	lem lép hạt, khô vằn/ lúa; rỉ sắt/ đậu tương, cà phê, lạc; phấn trắng/ hoa cúc; nấm hồng/ cà phê	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
108	3808	Carbendazim 7g/l (5g/l), (95g/kg), (5g/l), (170g/kg), (230g/l), (300g/l)+ Hexaconazole 48g/l, (80g/l), (2g/kg), (105g/l), (30g/kg), (20g/l), (50g/l)	Arivit 55SC, 85SC, 97WP, 110SC, 200WP, 250SC, 350SC	55SC, 85SC, 110SC, 350SC: khô vằn/ lúa 97WP, 200WP: lem lép hạt/ lúa 250SC: Khô vằn/ lúa, ngô; thối quả/cà phê	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
109	3808	Carbendazim 150g/l (200g/l) + 30g/l (50g/l) Hexaconazole	Do.One 180SC, 250SC	180SC: khô vằn/ lúa 250SC: rỉ sắt/ cà phê; thán thư/ điều, ớt; khô vằn, đạo ôn, vàng lá chín sớm, lem lép hạt/lúa; nấm hồng, vàng rụng lá/cao su, thối quả/cam	Công ty CP Đồng Xanh
110	3808	Carbendazim 150g/l (150g/l), (250g/l) + Hexaconazole 30g/l (30g/l), (25g/l)	Hexca 180EC, 180SC, 275EC	180EC: Vàng rụng lá/cao su, rỉ sắt/cà phê 180SC: vàng rụng lá/cao su; gỉ sắt/cà phê; lem lép hạt, vàng lá chín sớm /lúa 275EC: Thán thư/cao su, rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH SX-TM Tô Ba
111	3808	Carbendazim 220g/l (450g/l) + 30g/l (50g/l) Hexaconazole	Casuvin 250SC, 500SC	Gỉ sắt/cà phê; lem lép hạt/lúa; vàng rụng lá/ cao su	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Ngọc Lâm
112	3808	Carbendazim 500g/l +	Bencony 550SC	Vàng lá chín sớm/lúa	Công ty TNHH TM và SX

		Hexaconazole 50g/l			Ngọc Yến
113	3808	Carbendazim 220 g/l + 30g/l Hexaconazole	Shakira 250SC	lem lép hạt/ lúa, vàng rụng lá/ cao su	Công ty TNHH - TM Nông Phát
114	3808	Carbendazim 200g/l + Hexaconazole 50g/l	Bivil 250SC	đạo ôn/lúa	Công ty CP Cây trồng Bình Chánh
115	3808	Carbendazim 250g/l (500g/l) + Hexaconazole 25g/l (25g/l)	Lansuper 275SC, 525SC	275SC: lem lép hạt/ lúa; đốm vòng/ khoai lang; ghè sẹ/ cam; thán thư/ dừa hấu 525SC: rỉ sắt/ cà phê, thán thư/ xoài, lem lép hạt/lúa	Công ty CP Nông dược Agriking
116	3808	Carbendazim 250g/l + Hexaconazole 25g/l	Vixazol 275 SC	lem lép hạt, thối bẹ/ lúa; rỉ sắt/ cà phê; thán thư/xoài, điều, cà phê; vàng rụng lá/cao su	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
117	3808	Carbendazim 450g/l + Hexaconazole 50g/l	Hc-vil 500SC	lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
118	3808	Carbendazim 250g/l (150g/l), (400g/kg) + Hexaconazole 25g/l (200g/l), (200g/kg)	Siuvin 275SC, 350SC, 600WP	275SC: vàng lá do nấm/ lúa 350SC: khô vằn, lem lép hạt/ lúa; rỉ sắt/ cà phê 600WP: vàng rụng lá/ cao su	Công ty TNHH An Nông
119	3808	Carbendazim 125g/l (250g/l) + Hexaconazole 30g/l (50g/l)	Hexado 155SC, 300SC	155SC: phần trắng/ nho; vàng lá, lem lép hạt, khô vằn/ lúa; nấm hồng, rỉ sắt/ cà phê; vàng rụng lá, nấm hồng/cao su; khô cành khô quả/ cà phê; đốm lá/ sắn 300SC: vàng lá do nấm/ lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
120	3808	Carbendazim 250g/l + Hexaconazole 50g/l	Ao'ya 300SC	Vàng rụng lá / cao su	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
			Daric 300SC	Vàng rụng lá/ cao su, khô vằn/lúa, rỉ sắt/ cà phê; thán thư/ xoài	Công ty CP Hóc Môn
121	3808	Carbendazim 300 g/l + Hexaconazole 30g/l	Daihexe 330 SC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Futai
122	3808	Carbendazim 15g/l (490g/l) + Hexaconazole 40g/l (10 g/l)	V-T Vil 55SL, 500 SC	55SL: rỉ sắt/ cà phê 500SC: khô vằn, lem lép hạt, vàng lá chín sớm, đạo ôn/lúa; đốm lá/lạc; vàng rụng lá, nấm hồng/cao su; sẹ/ cam; đốm lá/ bắp cải	Công ty TNHH Việt Thắng
123	3808	Carbendazim 500 g/l + Hexaconazole 5 g/l	Biozol 505SC	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
124	3808	Carbendazim 170g/l + Hexaconazole 30g/l	Opamar 200SC	vàng rụng lá/cao su	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng

125	3808	Carbendazim 300g/l + Hexaconazole 50g/l	Saipora 350SC	vàng rụng lá/cao su	Công ty CP BVTV Sài Gòn
126	3808	Carbendazim 51% + Hexaconazole 2% + Kasugamycin 2%	Carny super 55SC	lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM SX Ngọc Yến
127	3808	Carbendazim 7g/l (170g/kg), (510g/l) + Hexaconazole 50g/l (30g/kg), (10g/l) + Sulfur 38g/l (100g/kg), (20g/l)	Mullingold 95SC, 300WP, 540SC	95SC: Vàng lá chín sớm, khô vằn/ lúa 300WP: lem lép hạt/ lúa 540SC: rỉ sắt/ cà phê, khô vằn/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
128	3808	Carbendazim 200g/kg, (100g/l) + Hexaconazole 10g/kg, (30g/l) + Tricyclazole 440g/kg, (250g/l)	Andobeam 650WP, 380SC	380SC: khô vằn, đạo ôn/lúa 650WP: Đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
129	3808	Carbendazim 400g/kg + Hexaconazole 50g/kg + Tricyclazole 400g/kg	Mothantilt 850WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Nam Bắc
130	3808	Carbendazim 200g/l (400g/l), (400g/kg), (500g/kg) + Iprodione 50g/l (100g/l), (100g/kg), (250g/kg)	Andoral 250 SC, 500SC, 500WP, 750WP	250SC, 500SC, 750WP: lem lép hạt/ lúa 500WP: khô vằn, lem lép hạt/ lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
131	3808	Carbendazim 250g/kg + Iprodione 250g/kg	Tilral super 500WP	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
132	3808	Carbendazim 350g/l + Iprodione 150g/l	Rony 500SC	lem lép hạt / lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
133	3808	Carbendazim 100 g/kg + Iprodione 400 g/kg	Daroral 500WP	lem lép hạt, khô vằn, vàng lá chín sớm/ lúa; rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP Nông dược Agriking
			Vkgoral 500WP	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
134	3808	Carbendazim 250g/l + Iprodione 255 g/l	Gold cat 505SC	Đạo ôn/lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
135	3808	Carbendazim 87.5g/l + Iprodione 175 g/l	Calidan 262.5 SC	khô vằn, vàng lá, lem lép hạt, đạo ôn/ lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)

136	3808	Carbendazim 200g/kg + Isoprothiolane 200g/kg + Tricyclazole 350g/kg	Cittiz 750WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Nam MêKong
137	3808	Carbendazim 100g/kg (200g/kg) + Isoprothiolane 200g/kg (200g/kg) + Tricyclazole 350g/kg (350g/kg)	Citigold-TSC 650WP, 750WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Vật tư KTNN Cần Thơ
138	3808	Carbendazim 277g/kg +Isoprothiolane 250g/kg + Tricyclazole 250g/kg	Fujibem 777WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Quốc tế Hoà Bình
139	3808	Carbendazim 50 g/l (10g/kg) + Isoprothiolane 130 g/l (200g/kg) + 300g/l (400g/kg) Tricyclazole	Ricesilk 480SE, 700WP	Đạo ôn, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
140	3808	Carbendazim 400g/kg + Kasugamycin 25g/kg + Tricyclazole 352g/kg	Sieubem 777WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Quốc tế Hoà Bình
141	3808	Carbendazim 120g/kg + Mancozeb 630g/kg	Cama-PL 750WP	Vàng lá chín sớm/lúa	Công ty TNHH Phan Lê
142	3808	Carbendazim 62 g/kg + Mancozeb 738 g/kg	Carmanthai 80WP	thối quả/ xoài	Công ty CP Bình Điền MeKong
143	3808	Carbendazim 12% + Mancozeb 63%	Saaf 75 WP	đạo ôn/ lúa, đốm nâu/ lạc, thán thư/ điều, mốc sương/ dừa hấu	Công ty TNHH UPL Việt Nam
144	3808	Carbendazim 300g/l (120g/kg) (60g/kg), (150g/kg) + Mancozeb 300g/l (630g/kg), (740g/kg), (700 g/kg)	Megazebusa 600SC, 750WP, 800WP, 850WP	600SC: đốm lá/hoa hồng 750WP: Vàng lá chín sớm/lúa 800WP: loét sọc mặt cạo/cao su 850WP: Mốc sương/ cà chua	Công ty TNHH Hoá chất và TM Trần Vũ
145	3808	Carbendazim 500g/l + Metalaxyl 100g/l	Co-mexyl 600SC	Thán thư/cà phê	Công ty TNHH Baconco

146	3808	Carbendazim 450g/kg + Ningnanmycin 18g/kg + Tricyclazole 309g/kg	Blubem 777WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Quốc tế Hoà Bình
147	3808	Carbendazim 100g/kg + Prochloraz 400g/kg	Prozim 500WP	Khô vằn, đạo ôn/lúa; thối khô/ cao su; thối quả/ cà phê; thán thư/ ớt	Sundat (S) PTe Ltd
148	3808	Carbendazim 150g/l + Propiconazole 150g/l	Dosuper 300 EW	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Đồng Xanh
149	3808	Carbendazim 200g/l + Propiconazole 100g/l	Nofatil super 300EW	khô vằn, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
150	3808	Carbendazim 5g/l + Propiconazole 120g/l + Tricyclazole 400g/l	Siulia 525SE	Đạo ôn, khô vằn, vàng lá chín sớm/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
151	3808	Carbendazim 500g/kg + Sulfur 100g/kg	Cacpenjin 600WP	khô vằn/lúa	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam
152	3808	Carbendazim 150 g/l + Tetraconazole (min 94%) 125g/l	Eminent Pro 125/150SE	đạo ôn, lem lép hạt, vàng lá, khô vằn/ lúa	Isagro S.p.A Centro Uffici S. Siro, Italy
153	3808	Carbendazim 250g/l + Triadimefon 100g/l	Kalabas 350SC	rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH Trường Thịnh
154	3808	Carbendazim 450 g/kg (30g/kg) + Tricyclazole 50g/kg (720g/kg)	Milvil super 500WP, 750WP	500WP: lem lép hạt, vàng lá chín sớm/ lúa; vàng lá/lúa 750WP: đạo ôn/ lúa	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức
155	3808	Carbendazim 300g/kg + Tricyclazole 450g/kg	Javibean 750WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
156	3808	Carbendazim 400g/kg + Tricyclazole 100g/kg	Kita-hope 500WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Kital
157	3808	Carbendazim 42% + Tricyclazole 8%	Benzo 50 WP	đạo ôn, vàng lá/ lúa	Công ty TNHH Trường Thịnh
158	3808	Carbendazim 9.2% + Tricyclazole 5.8% + Validamycin 5%	Carzole 20 WP	khô vằn, đạo ôn/ lúa; thối quả, nấm hồng, rỉ sắt/ cà phê; thán thư/ điều	Công ty CP Nông nghiệp HP
159	3808	Carbendazim 50g/kg + Tricyclazole 100g/kg + Validamycin 100g/kg	Dacarben 250WP	Đạo ôn/lúa	Rotam Asia Pacific Limited
160	3808	Carbendazim 50% +	Vicarben - S	phân trắng/ vải, rỉ sắt/đậu tương, lạc	Công ty CP Thuốc sát trùng

		Sulfur 20%	70WP		Việt Nam
161	3808	Carbendazim 235 g/l + Thiram 265 g/l	Viram Plus 500 SC	phần trắng/ xoài	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
162	3808	Carbendazim 5% + ∞ -NAA + P_2O_3 + K_2O + N_2 + vi lượng	Solan 5 WP	khô vằn/ lúa	Công ty TNHH - TM Thái Nông
163	3808	Carpropamid (min 95%)	Newcado 300SC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH An Nông
164	3808	Chaetomium cupreum	Ketomium 1.5×10^6 cfu/g bột	thối rễ, thối thân/ cà phê, hồ tiêu; đạo ôn/ lúa; héo rũ/ cà chua; đốm lá, phần trắng/ cây hồng	Viện Di truyền nông nghiệp
165	3808	Chaetomium sp 1.5×10^6 cfu/ml + Tricoderma sp 1.2×10^4 cfu/ml	Mocabi SL	sung rế, héo vàng/ bắp cải; héo vàng/ cà chua; thối gốc, thối lá/ hành tây; vàng lá, lem lép hạt/ lúa; thối gốc/ hồ tiêu; nấm hồng/ cao su	Công ty TNHH Nông Sinh
166	3808	Chitosan	Biogreen 4.5 SL	sương mai/ bắp cải, khoai tây; đốm lá, thối đọt/ địa lan; thối bẹ/ thanh long	Công ty TNHH CN - KT - Sinh Hóa Thái Nam Việt
			Fusai 50 SL	đạo ôn, bạc lá/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
			Jolle 1SL, 40SL, 50WP	đạo ôn, lem lép hạt/ lúa; tuyến trùng/ bí xanh, cà phê, hồ tiêu; thối quả/ vải, xoài	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
			Kaido 50SL, 50WP	đạo ôn, lem lép hạt/ lúa; tuyến trùng/ bí xanh, cà phê, hồ tiêu; thối quả/ xoài, vải	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
			Lợi nông 50SL	Thán thư/ thanh long	Công ty CP NN Sinh thái SIAM
			Stop 5 SL, 10SL, 15WP	5SL: tuyến trùng/ cà rốt, cà chua, thanh long, hoa huệ, xà lách; héo dây, cháy lá, thối rễ, thối gốc/ dưa hấu; đạo ôn, khô vằn/ lúa 10SL: đạo ôn, khô vằn/ lúa 15WP: tuyến trùng/ cà rốt; sương mai/ dưa chuột; đốm nâu, đốm xám, thối búp do nấm bệnh, thối rễ do nấm bệnh và tuyến trùng/ chè	Công ty TNHH Ngân Anh
			Thumb 0.5SL	bạc lá, khô vằn, đạo ôn/ lúa; phần trắng/ bí xanh; giả sương mai/ dưa chuột; sương mai/ cà chua; thán thư/ ớt	Công ty CP Môi trường Quốc tế Rainbow
			Tramy 2 SL	tuyến trùng/ cải xanh, xà lách, bầu bí, cà phê, hồ tiêu, chè, hoa cúc; tuyến trùng, bệnh héo rũ, lở cổ	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA

				rễ/ cà chua; tuyến trùng, mốc sương/ dưa hấu; héo rũ/ lạc; đạo ôn, tuyến trùng/ lúa; đốm lá/ngô; thối quả/ vải, xoài; mốc xám/ xà lách	
			Vacxilplant 8 SL	đạo ôn, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH TM – SX Phước Hưng
			Yukio 50SL, 150SL	đạo ôn, khô vằn, bạc lá, lem lép hạt/ lúa; thối đen/ bắp cải; thối nhũn/ hành	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
167	3808	Oligo-Chitosan	Risaza 3SL	đạo ôn, lem lép hạt, kích thích sinh trưởng/ lúa; thối ngọn, kích thích sinh trưởng/ mía; kích thích sinh trưởng/ chè; mốc xám/ quả, kích thích sinh trưởng/ dâu tây; phấn trắng, rỉ sắt, kích thích sinh trưởng/ đậu Hà lan; mốc sương, kích thích sinh trưởng/ cà chua	Công ty TNHH Ngân Anh
168	3808	Chitosan 5g/l + Kasugamycin 20g/l	Premi 25SL	Lem lép hạt, đạo ôn, vàng lá chín sớm/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
169	3808	Chitosan tan 0.5% + nano Ag 0.1%	Mifum 0.6SL	đạo ôn, lem lép hạt/ lúa	Viện Khoa học vật liệu ứng dụng
170	3808	Chitosan 10g/l (10g/kg), (10g/l) + Ningnanmycin 10g/l (17g/kg), (38g/l)	Hope 20SL, 27WP, 48SL	thán thư/ vải	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
171	3808	Chitosan 20g/kg + Nucleotide 5g/kg	Daone 25WP	Thán thư quả/vải; lem lép hạt, đạo ôn/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
172	3808	Chitosan 2% + Oligo-Alginate 10%	2S Sea & See 12WP, 12SL	12WP: đốm vòng/ cà rốt; thối đen vi khuẩn/ súp lơ xanh; rỉ sắt/ hoa cúc; kích thích sinh trưởng/ cải xanh, chè; đốm nâu, đốm xám/ chè 12SL: đốm vòng/ cà rốt; thối đen vi khuẩn/ bắp cải; rỉ sắt/ hoa cúc; kích thích sinh trưởng/cải xanh	Công ty TNHH Ngân Anh
173	3808	Chitosan 19g/kg (49g/kg) + Polyoxin 1g/kg (1g/kg)	Starone 20WP, 50WP	20WP: đạo ôn, lem lép hạt, vàng lá, khô vằn/ lúa; phấn trắng/ xoài; lở cổ rễ/ bắp cải, thối búp/chè 50WP: đạo ôn, lem lép hạt, vàng lá, khô vằn/ lúa; phấn trắng/ xoài; lở cổ rễ/ bắp cải	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
174	3808	Chitosan 1g/l, (1g/kg), (25g/kg) + Polyoxin B 20g/l (21g/kg),	Stonegold 21SL, 22WP, 35WP	21SL: Đạo ôn, lem lép hạt, vàng lá chín sớm/lúa 22WP: thán thư/ vải 35WP: lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ

		(10g/kg)			
175	3808	Chitosan 6g/kg + Streptomycin sulfate 100g/kg	Babylongold 106WP	Vàng lá chín sớm/lúa	Cộng ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
176	3808	Chlorobromo isocyanuric acid (min 85%)	Hoả tiễn 50 SP	bạc lá/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
177	3808	Chlorothalonil (min 98%)	Agronil 75WP	khô vằn/ lúa, sương mai/ dưa hấu	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
			Anhet 75WP	Giả sương mai/dưa hấu	Công ty CP Futai
			Arygreen 75 WP, 500SC	75WP: đốm vòng/ cà chua; sương mai/ dưa hấu, vải thiều; đốm lá/ hành; thán thư/ xoài, điều 500SC: thán thư/ điều, xoài; đốm lá/ hành, lạc; giả sương mai/ dưa hấu; sương mai/ cà chua, vải; chết rạp cây con/ ớt	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
			Binhconil 75 WP	đốm lá/ lạc; đốm nâu/ thuốc lá; khô vằn/ lúa; thán thư/ cao su	Bailing Agrochemical Co., Ltd
			Chionil 750WP	Thán thư/xoài; đốm lá/ hành; đốm vòng/ cà chua; giả sương mai/ dưa chuột; chết cây con/ ớt	Công ty CP Nông nghiệp HP
			Cornil 75WP, 500SC	sương mai/ khoai tây	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
			Daconil 75WP, 500SC	75WP: phấn trắng/ cà chua, hoa hồng, dưa chuột; đốm lá/ hành, chè; bệnh đổ ngã cây con/ bắp cải, thuốc lá; đạo ôn, khô vằn/ lúa; thán thư/ vải, ớt, xoài; sọc, Melanos/ cam; mốc sương/ khoai tây; thán thư/chanh leo; giả sương mai/dưa hấu; mốc sương/ cà chua, sương mai/khoai tây 500SC: đốm lá/ lạc; thán thư/ xoài, dưa hấu, nhãn; sương mai/ cà chua; giả sương mai/ dưa chuột; đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt/ lúa; phấn trắng/ nho, vải; sọc, Melanos/ cam; mốc sương/ khoai tây; thán thư/chanh leo	Công ty TNHH Việt Thắng
			Duruda 75WP	sương mai/ dưa hấu	Dongbu Farm Hannong Co., Ltd.

			Forwanil 50SC, 75WP	50SC: khô vằn/ lúa, rỉ sắt/ cà phê 75WP: đốm vòng/ cà chua, đốm nâu/ lạc, sương mai/ bắp cải	Forward International Ltd
			Rothanil 75 WP	rỉ sắt/ lạc	Guizhou CVC INC. (Tổng Công ty Thương mại Zhongyue Quý Châu Trung Quốc)
			Thalonil 75 WP	sương mai/ dưa hấu, đốm vòng/ cà chua	Long Fat Co., (Taiwan)
178	3808	Chlorothalonil 500g/l + Carbendazim 100g/l	Dacomicl 600SC	Rỉ sắt/ hoa hồng	Công ty CP NN HP
179	3808	Chlorothalonil 60% + Cymoxanil 15%	Cythala 75 WP	gỉ sương mai/ dưa hấu; phấn trắng/ nho; vàng lá do nấm, khô vằn/ lúa; rỉ sắt/ đậu tương, cà phê; thán thư/ xoài	Công ty CP Đồng Xanh
180	3808	Chlorothalonil 600g/kg + Cymoxanil 150g/kg	Dipcy 750WP	Sương mai/ cà chua	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
181	3808	Chlorothalonil 302g/l (400g/l) + Cymoxanil 1g/l (40g/l) + Metalaxyl 30g/l (40g/l)	Efigo 333SC, 480SC	333SC: vàng lá chín sớm/lúa 480SC: Sương mai/ cà chua	Công ty CP ENASA Việt Nam
182	3808	Chlorothalonil 500g/l + Hexaconazole 50g/l	Tisabe 550 SC	Rỉ sắt/ cà phê, vàng lá chín sớm, khô vằn/lúa; thán thư/dưa hấu, điều, xoài; đốm vòng/hành; vàng rụng lá/ cao su; ghẻ nám/cam	Công ty CP Nông nghiệp HP
183	3808	Chlorothalonil 200g/kg + Propineb 600g/kg	Dr.Green 800WP	Thán thư/ xoài	Công ty TNHH Nông Nghiệp Xanh
184	3808	Chlorothalonil 400g/l + Mandipropamid (min 93%) 40g/l	Revus opti 440SC	sương mai/ cà chua, mốc sương/ dưa chuột, nứt dây/ dưa hấu, thán thư/ xoài, đốm vòng, mốc sương/khoai tây, thán thư, thối rễ/hồ tiêu	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
185	3808	Chlorothalonil 600g/kg + Metalaxyl 50g/kg	Dobins 650WP	sương mai/cà chua	Công ty CP Nông dược Việt Thành
186	3808	Chlorothalonil 250g/l + Thiophanate methyl 250g/l	Taratek 500SC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Việt Hóa Nông
187	3808	Chlorothalonil 35% + Tricyclazole 45%	Vanglany 80WP	khô vằn, lem lép hạt, vàng lá, thối bẹ/ lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yên
188	3808	Chlorothalonil 250g/kg	Kimone 750WP	rỉ sắt/ cà phê, lem lép hạt, đạo ôn/lúa, thán	Công ty CP Nông dược

		+ Tricyclazole 500g/kg		thư/cao su	Agriking
189	3808	Cinmethylin 2% + Tricyclazole 20%	Koma 22WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Trường Thịnh
190	3808	Citrus oil	MAP Green 3SL, 6SL, 8SL, 10SL	3SL: sâu xanh da láng/ nhỏ; thối búp, bọ xít muỗi/ chè; thán thư/ ớt, xoài; bọ phấn/ cà chua; bọ nhậy/ rau cải; sâu cuốn lá/ chè; nhện đỏ/ dưa chuột; phấn trắng/ bầu bí; sâu tơ/ bắp cải; bọ trĩ, mọt sương/ nhỏ 6SL: thối búp/ chè; thán thư/ ớt; bọ trĩ, sâu xanh da láng/ nhỏ; phấn trắng/ bầu bí; bọ phấn/ cà chua; bọ nhậy/ cải; sâu tơ/ bắp cải; bọ xít muỗi, sâu cuốn lá/ chè; nhện đỏ/ dưa chuột; mọt sương/ nhỏ; thán thư/ xoài; vàng lá chín sớm/ lúa; nhện lông nhung/nhân; Hỗ trợ tăng hiệu quả của thuốc trừ rệp sáp/cà phê, bọ xít muỗi/điều, chết ẻo cây con/lạc, xì mù/cam, thán thư/điều; vàng rụng lá/ cao su; thán thư/ cà phê 8SL: nhện đỏ/ cam 10SL: mọt sương, bọ trĩ, sâu xanh da láng/ nhỏ; thán thư/ xoài, ớt; thối búp, sâu cuốn lá, bọ xít muỗi/ chè; phấn trắng/ bầu bí; bọ phấn/ cà chua; sâu tơ/ bắp cải; bọ nhậy/ rau cải; nhện đỏ/ dưa chuột	Map Pacific PTE Ltd
191	3808	Copper citrate (min 99.5%)	Ái vân 6.4SL	bạc lá, lem lép hạt/ lúa; đốm lá/ lạc; thán thư/ điều	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
			Heroga 6.4SL	sung rế/ bắp cải; lở cổ rễ/ bắp cải, đậu tương, lạc, dưa hấu; tuyến trùng/ cà rốt, hồ tiêu; bạc lá, đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
192	3808	Copper Hydroxide	Ajily 77WP	sương mai/ cà chua, rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH Việt Thắng
			Champion 37.5 SC, 57.6 DP, 77WP	37.5SC: thán thư/ xoài, bệnh sẹo/ cây có múi 57.6DP: mọt sương/ cà chua, phấn trắng/ nhỏ, rụng quả, táo đỏ/cà phê 77WP: thán thư/ xoài, nấm hồng/ cà phê	Nufarm Asia Sdn Bhn
			Chapaon 770 WP	sẹo/ cam	Công ty TNHH TM Bình Phương
			Copperion 77WP	mọt sương/ khoai tây	Công ty CP VT NN Việt Nông
			DuPont™ Kocide®	46.1WG: thán thư/ điều; sương mai/ cà chua;	DuPont Vietnam Ltd

			46.1 WG, 53.8 WG	cháy lá vi khuẩn, thối nhũn/ bắp cải; bạc lá/ lúa; sương mai/ vải; sương mai/khoai tây, thán thư/xoài, bệnh loét/cam, chết nhanh, thán thư/ hồ tiêu; nứt thân chảy nhựa/dừa hấu, phấn trắng/ nho, thán thư, thối rễ/cà phê 53.8WG: khô vằn, vàng lá, lem lép hạt/ lúa; chảy nhựa thân/ dừa hấu; thán thư/ xoài; phấn trắng/ nho; sương mai/ khoai tây; bệnh canker, sọc, bệnh muội đen/ cây có múi; bệnh do Fusarium, thán thư/ cà phê; bệnh chết nhanh, thán thư/ hồ tiêu	
			Funguran - OH 50WP	mốc sương/ khoai tây, vàng lá/ hồ tiêu, khô vằn/ lúa, rỉ sắt/ cà phê; thối nhũn/bắp cải, bạc lá/lúa	Spiess Urania Agrochem GmbH
			Hidrocop 77 WP	sương mai/ cà chua, mốc sương/ nho	Công ty TNHH Adama Việt Nam
			Map-Jaho 77 WP	gỉ sắt/ cà phê; ghẽ/ cam; thán thư/ xoài, dừa hấu	Map Pacific PTE Ltd
			Zisento 77WP	sọc/ cam	Công ty CP Nicotex
193	3808	Copper hydroxide 22.9% + Copper oxychloride 24.6%	Oticin 47.5WP	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
194	3808	Copper Oxychloride	Bacba 86 WP	héo rũ cây con/ dừa hấu	Công ty TNHH SX - TM Tô Ba
			COC 85 WP	sương mai/ cà chua, bệnh sọc/ cây có múi, thối quả/ nhãn	Công ty TNHH Adama Việt Nam
			Curenox oc 85WP	thán thư/ xoài	Công ty TNHH Ngân Anh
			Đồng cloruloxi 30WP	sương mai/ cà chua	Công ty TNHH Việt Thắng
			Epolists 85WP	thán thư/ cam, ớt, xoài; bạc lá/lúa, héo rũ cây con/dừa hấu, phấn trắng/nho, rỉ sắt/cà phê	Công ty CP Thanh Điền
			Isacop 65.2WG	bệnh sọc/ cam	Isagro S.p.A Centro Uffici S. Siro, Italy
			PN – Coppercide 50WP	loét sọc/ cam quýt; sương mai, đốm vòng/ cà chua; đốm lá, thối thân/ lạc; rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH Phương Nam, Việt Nam
			Romio 300WP	sương mai/ khoai tây	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung

			Sinpower 85WP	Bệnh loét/cam	Sinon Corporation, Taiwan
			Supercook 85 WP	đốm lá/ cà chua	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
			Vidoc 30 WP, 50 SC, 80 WP	30WP: mốc sương/ khoai tây 50SC: mốc sương/ cà chua 80WP: giả sương mai/ dừa chuột, sương mai/ nho, bệnh loét/ cây có múi	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
195	3808	Copper Oxychloride 29% + Cymoxanil 4% + Zineb 12%	Dosay 45 WP	sương mai/ khoai tây; vàng rụng lá/cao su; vàng lá chín sớm/lúa, thán thư/vải, giả sương mai/dừa hấu	Agria S.A, Bulgaria
196	3808	Copper Oxychloride 16% + Kasugamycin 0.6%	New Kasuran 16.6WP	héo rũ/ rau, rỉ sắt/ đậu, bạc lá/lúa, nấm hồng/cà phê, thán thư/điều; thối nhũn/ bắp cải; héo xanh/ dừa hấu; phấn trắng/ cao su; rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
197	3808	Copper Oxychloride 45% (45%) + Kasugamycin 2% (5%)	BL. Kanamin 47WP, 50WP	47WP: thối nhũn/ hành, thán thư/ nho 50WP: phấn trắng/ khoai tây, thán thư/ hoa hồng	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
			Kasuran 47WP, 50WP	47WP: thán thư/ rau, phấn trắng/ cây có múi 50WP: thối vi khuẩn/ đậu, <i>Pseudomonas</i> spp/ cà phê	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
198	3808	Copper Oxychloride 755g/kg + Kasugamycin 20g/kg	Reward 775WP	bạc lá/ lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
199	3808	Copper Oxychloride 39% + Mancozeb 30%	CocMan 69 WP	thán thư/ ớt, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam
200	3808	Copper Oxychloride 43% + Mancozeb 37%	Cupenix 80 WP	mốc sương/ khoai tây	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
201	3808	Copper Oxychloride 50% + Metalaxyl 8%	Viroxyl 58 WP	sương mai/ khoai tây, thối nhũn/ rau, phấn trắng/ dừa chuột; chết vàng cây con/ lạc	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
202	3808	Copper Oxychloride 60% + Oxolinic acid 10%	Sasumi 70WP	bạc lá/ lúa	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
203	3808	Copper Oxychloride 6.6% + <i>Streptomycin</i> 5.4%	Batocide 12 WP	bạc lá/ lúa, giác ban/ bông vải, bệnh loét/ cây có múi	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
204	3808	Copper Oxychloride 45% + <i>Streptomycin Sulfate</i> 5%	K.Susai 50WP	bạc lá/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình

205	3808	Copper Oxychloride 10% (17%) + <i>Streptomycin sulfate</i> 2% (5%) + 10% (10%) Zinc sulfate	PN - balacide 22WP, 32WP	22WP: bạc lá, đốm sọc vi khuẩn/ lúa 32WP: bạc lá, đốm sọc vi khuẩn, đen lép hạt/ lúa; bệnh thối lá/ cây hoa huệ; bệnh thối hoa/ cây hoa hồng; thối nhũn/ hành, bắp cải; đốm góc lá/ dưa chuột; héo xanh/ cà chua, khoai tây	Công ty TNHH Phương Nam, Việt Nam
206	3808	Copper Oxychloride 300g/kg + Zineb 200g/kg	Zincopper 50WP	bệnh loét/ cây ăn quả, mốc sương/ cà chua, rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP TST Cần Thơ
			Vizincop 50WP	đốm lá/ rau, mờ hóng (nấm đen)/ xoài, rỉ sắt, nấm hồng/cà phê, phấn trắng/cao su; thán thư/ điều; thối nhũn/ bắp cải	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
207	3808	Copper Oxychloride 17% + Zineb 34 %	Copforce Blue 51WP	rỉ sắt/ cà phê, sương mai/ nho; vàng lá chín sớm/lúa, mốc sương/khoai tây, giả sương mai/dưa chuột	Agria SA, Bulgaria
208	3808	Copper Oxychloride 175g/kg + <i>Streptomycin sulfate</i> 50g/kg + Zinc sulfate 100g/kg	Parosa 325WP	Bạc lá/lúa	Công ty CP ND Quốc tế Nhật Bản
209	3808	Copper Sulfate (Tribasic) (min 98%)	Cuproxat 345SC	rỉ sắt/ cà phê, bạc lá/ lúa	Nufarm Asia Sdn Bhd
			Đồng Hocmon 24.5SG	đốm mắt cua/ thuốc lá	Công ty CP Hóc Môn
210	3808	Copper Sulfate (Tribasic) 78.520% + Oxytetracycline 0.235% + 2.194% <i>Streptomycine</i>	Cuprimicin 500 81 WP	bạc lá/ lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam
211	3808	Cucuminoid 5% + Gingerol 0.5%	Stifano 5.5SL	thối nhũn, sương mai/ rau họ thập tự; bạc lá, đốm sọc vi khuẩn/ lúa; thối góc, chết cây con/ lạc, đậu đũa; héo xanh, mốc sương, héo vàng, xoắn lá/ cà chua, khoai tây; héo xanh, giả sương mai/ dưa chuột, bầu bí; đốm lá, thối góc, bệnh còng/ hành; chảy gôm, thối nâu quả/ cam, quýt; khô hoa rụng quả/ vải; phồng lá, chám xám/ chè; đốm đen, sương mai/ hoa hồng	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
212	3808	Cuprous Oxide	Norshield	58WP: vàng lá thối rữa/ cà phê	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí

		(min 97%)	58WP, 86.2WG	86.2WG: thán thư/ điều, bạc lá/ lúa, gỉ sắt/ cà phê, xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/ lúa	
			Onrush 86.2WG	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
213	3808	Cuprous oxide 60% + Dimethomorph 12%	Eddy 72WP	Chết nhanh/hồ tiêu, thối quả/ ca cao; mốc sương/khoai tây	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
214	3808	Cyazofamid (min 93.5)	Ranman 10 SC	sương mai/ cà chua, nho; giả sương mai/ dưa chuột.	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
215	3808	Cymoxanil 30 % + Famoxadone 22.5%	DuPont™ Equation® 52.5WG	sương mai/ cà chua, dưa chuột, nho; vàng lá chín sớm, khô vằn, bạc lá, đạo ôn, lem lép hạt/lúa	DuPont Vietnam Ltd
216	3808	Cymoxanil 60g/kg + Propineb 640g/kg	Antramix 700WP	khô vằn/ lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
217	3808	Cymoxanil 8% + 64% Fosetyl-Aluminium	Foscy 72 WP	nứt thân xì mủ/ sâu riềng, phấn trắng/ nho, chết cây con/ thuốc lá, chết nhanh/ hồ tiêu, sương mai/cà chua	Công ty CP Đồng Xanh
218	3808	Cymoxanil 8% + Mancozeb 64%	Cajet - M10 72WP	sương mai/ cà chua, dưa hấu, nho; chết dây/ hồ tiêu; vàng lá/lúa	Công ty CP TST Cần Thơ
			Carozate 72WP	sương mai/ vải, cà chua; thán thư/ dưa hấu	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
			Cymozebe 72WP	mốc sương/ cà chua	Công ty TNHH Hóa chất Đại Nam Á
			DuPont™ Curzate® - M8 72 WP	chết héo dây/ hồ tiêu; sương mai / nho, dưa hấu, vải, cà chua; vàng lá/ lúa	DuPont Vietnam Ltd
			Jack M9 72 WP	sương mai/ cà chua; lem lép hạt, vàng lá/ lúa; nứt thân/ dưa hấu; thán thư/ nho	Công ty TNHH ADC
			Iprocyman 72WP	Sương mai/ vải	Công ty CP Futai
			Kozate-TSC M20 72WP	Sương mai/cà chua	Công ty CP Vật tư KTNN Cần Thơ
			Karozete 72WP	Vàng lá chín sớm/ lúa	Công ty CP NN Thanh Xuân
			Niko 72WP	sương mai/ dưa hấu, vàng lá chín sớm/lúa	Công ty TNHH BMC
			Simolex 720WP	Giả sương mai/dưa hấu	Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn

			Victozat 72 WP	sương mai/ nho, cà chua; vàng lá do nấm/ lúa	Công ty CP Long Hiệp
			Xanized 72 WP	sương mai/ cà chua, vải; mốc sương/ nho, loét sọc mặt cao/ cao su; chết cây con/dừa hấu, xì mủ/cam; thán thư/dừa hấu	Công ty CP Nông nghiệp HP
219	3808	Cymoxanil 80g/kg + Mancozeb 640g/kg	Kanras 72WP	Sương mai/vải; sương mai, thán thư /cà chua; sương mai/dừa chuột, hoa hồng, loét sọc mặt cao/cao su	Công ty TNHH Việt Thắng
			Dolphin 720WP	Đạo ôn/ lúa ; sọc/ cam; thán thư/ xoài ; chạy dây/ dừa hấu; mốc sương, đốm vòng/cà chua	Công ty TNHH Phú Nông
			Jiamamo 720WP	sương mai/dừa hấu	Công ty CP Jianon Biotech (VN)
			Jzomil 720 WP	Sương mai/ cà chua, vàng lá/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
			Limit 72WP	vàng lá chín sớm/lúa	Hextar Chemicals Sdn, Bhd.
			Razocide 720WP	sương mai/ cà chua	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
220	3808	Cymoxanil 8% + Mancozeb 67%	Cyzate 75WP	vàng lá chín sớm/ lúa; sương mai/cà chua, dừa hấu	Công ty TNHH Thuốc BVTV Bông Sen Vàng
221	3808	Cymoxanil 4% (8%), (8%) + Macozeb 40% (60%), (64%)	Kin-kin Bul 44WG, 68WG, 72WP	44WG: vàng rụng lá/cao su; vàng lá chín sớm/lúa, mốc sương/cà chua, thán thư/ xoài 68WP: Chết cây con/thuốc lá; sương mai/khoai tây, dừa hấu; loét sọc mặt cao/cao su 72WP: giả sương mai/ dừa hấu, vàng lá chín sớm/lúa, sương mai/cà chua, vải; vàng rụng lá/cao su, thán thư/xoài	Agria SA
222	3808	Cymoxanil 30g/kg (40g/kg) + Mancozeb 680g/kg (720g/kg) + Metalaxyl 40g/kg (40g/kg)	Ridoxanil 750WP, 800WP	750WP: Sương mai/dừa hấu 800WP: loét sọc mặt cao/cao su	Công ty CP TM và Đầu tư Bắc Mỹ
223	3808	Cymoxanil 60 g/kg + Propineb 700g/kg	Tracomix 760WP	thán thư/ xoài; lem lép hạt, vàng lá/ lúa; phấn trắng/vải thiều	Công ty TNHH Hoá nông Lúa Vàng
224	3808	Cymoxanil 8% + Propineb 70%	Rudy 78WP	Sương mai/dừa hấu	Công ty CP Cửu Long

225	3808	Cyproconazole (min 94%)	Bonanza 100 SL	khô vằn/ lúa, rỉ sắt/ cà phê, đốm lá/ lạc	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
226	3808	Cyproconazole 50g/l + Hexaconazole 50g/l + Tricyclazole 250g/l	Thecyp 350SE	Đạo ôn/ lúa	Công ty CP Nông tín AG
227	3808	Cyproconazole 80g/l + Propiconazole 250g/l	Forlita Gold 330EC	Khô vằn/ lúa	Công ty TNHH Phú Nông
			Neutrino 330EC	Khô vằn, lem lép hạt, vàng lá chín sớm/lúa; rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP Vật tư KTNV Cần Thơ
			Nevo 330EC	khô vằn, lem lép hạt, vàng lá, thối thân/lúa	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
			Newyo 330EW, 330EC	330EW: lem lép hạt/ lúa 330EC: lem lép hạt, vàng lá/ lúa	Công ty TNHH An Nông
			Sopha 330EC	lem lép hạt/ lúa, thán thư/ cà phê	Công ty CP NN HP
			Tigh super 330EC	lem lép hạt, vàng lá/ lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
228	3808	Cyproconazole 0.5g/kg (0.5g/l), (20g/l), (10g/kg), (80g/l) + Propiconazole 49.5g/kg (64.5g/l), (130g/l), (250 g/kg), (250g/l)	Newsuper 50WP, 65SC, 150EC, 260WG, 330EC	50WP, 65SC: Vàng lá/ lúa 150EC, 260WG: Lem lép hạt/lúa 330EC: khô vằn/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
229	3808	Cyproconazole 80g/l + Propiconazole 260g/l	Protocol 340 EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
230	3808	Cyprodinil (min 97%) 500g/kg + Myclobutanil 50g/kg	Mydinil 550WP	vàng lá chín sớm/lúa	Công ty TNHH An Nông
231	3808	Cytokinin (Zeatin)	Etobon 0.56SL	tuyến trùng/ lạc, cà rốt; lở cổ rễ/ bắp cải, cải củ; tuyến trùng, thối rễ/ chè; thối rễ/ hoa hồng	Công ty TNHH Được Mùa
			Geno 2005 2 SL	tuyến trùng/ dưa hấu, bầu bí, cà phê, hồ tiêu, chè, hoa cúc; tuyến trùng, khô vằn/ lúa; tuyến trùng, mốc xám/ xà lách, cải xanh; héo rũ, tuyến trùng, mốc sương/ cà chua; héo rũ/ lạc; đốm lá/ ngô; thối quả/ vải, nho, nhãn, xoài	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
			Sincocin 0.56 SL	tuyến trùng, nấm/ trong đất trồng bắp cải, lạc, lúa	Cali – Parimex. Inc.

232	3808	Cytosinpeptidemycin	Sat 4 SL, 8SL	4SL: bạc lá/ lúa; khảm, héo xanh/ thuốc lá; sương mai, héo xanh, xoắn lá/ cà chua; héo xanh/ bí đao, hồ tiêu; thối nõn/ dưa; đốm lá/ hành; loét, cháy gân/ cam; thán thư, thối cuống/ nho; thối vi khuẩn/ gừng; thán thư/ xoài, ớt; nứt thân chảy gân/ dưa hấu; sương mai, phấn trắng, giả sương mai/ dưa chuột 8SL: Bạc lá/lúa	Công ty TNHH Nam Bắc
233	3808	Dazomet (min 98%)	Basamid Granular 97MG	Xử lý đất trừ bệnh héo rũ do nấm <i>Fusarium</i> sp/Hoa cúc	Behn Meyer Agricare (S) Pte Ltd.
234	3808	Dầu bắp 30% + dầu hạt bông 30% + dầu tỏi 23%	GC - 3 83SL	phân trắng/ hoa hồng, đậu que, dưa chuột	Công ty TNHH Ngân Anh
235	3808	Dẫn xuất Salicylic Acid (Ginkgoic acid 425g/l + Corilagin 25g/l + m-pentadecadienyl resorcinol 50g/l)	Sông Lam 333 50EC	khô vằn, đạo ôn/ lúa; chảy mủ do Phytophthora/ cây có múi, lở cổ rễ/hồ tiêu, lở cổ rễ, thán do nấm/ cà phê	Công ty TNHH NN Phát triển Kim Long
236	3808	Difenoconazole (min 96%)	Divino 250EC	đạo ôn/lúa, đốm vòng/bắp cải	Công ty TNHH Adama Việt Nam
			Domain 25EC	thán thư/ xoài	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
			Goldnil 250EC	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
			Kacie 250EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
			Manduri 25SC	chấm xám/ xoài	Dongbu Farm Hannong Co., Ltd.
			Scogold 300EC, 479EC	lem lép hạt/lúa	Công ty CP Vật tư NN Hoàng Nông
			Score 250EC	phân trắng, chấm xám, sương mai/ nho, táo, xoài; phân trắng, đốm đen, thán thư, rỉ sắt, giác ban/ rau; mốc sương/ khoai tây; phân trắng/ cây cảnh, thuốc lá; thán thư/ xoài, điều; đốm vòng/ cà chua, hành; nứt dây/ dưa hấu; muội đen, đốm nâu vòng/ thuốc lá; đốm cành/ thanh long	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam

237	3808	Difenoconazole 12% + Fenoxanil 20%	Feronil 32EC	Đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH QT Nông nghiệp vàng
238	3808	Difenoconazole 170g/l + Fenoxanil 200g/l	Lotuscide 370EC	Đạo ôn, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Bông Sen Vàng
239	3808	Difenoconazole 150g/l + Flusilazole 150g/l	Tecnoto 300EC	vàng lá/ lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng.
240	3808	Difenoconazole 130g/l + Hexaconazole 170g/l	Big super 300EC	Vàng lá chín sớm/lúa	Công ty TNHH An Nông
241	3808	Difenoconazole 50g/l + Hexaconazole 100g/l	Longanvingold 150SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
242	3808	Difenoconazole 150g/l + Hexaconazole 33 g/l + Propiconazole 150g/l	Center super 333EC	Thán thư/vải; vàng lá chín sớm, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH SX & XK Bàn Tay Việt
243	3808	Difenoconazole 5g/l (37g/l) + Hexaconazole 10g/l (63g/l) + 350g/l (300g/l) Tricyclazole	Ensino 365SC, 400SC	365SC: đạo ôn/lúa 400SC: Đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt/ lúa; rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP Enasa Việt Nam
244	3808	Difenoconazole 100g/kg + Hexaconazole 100g/kg + Tricyclazole 450g/kg	Super tank 650WP	Đạo ôn, lem lép hạt, khô vằn/lúa, thán thư/cà phê, nấm hồng/cao su	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
245	3808	Difenoconazole 150g/kg + Isoprothiolane 400g/kg + Propiconazole 150g/kg	Alfavin 700WP	đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH – TM Tân Thành
246	3808	Difenoconazole 7.5% (15%) + Isoprothiolane 12.5% (25%) + 20% (40%) Tricyclazole	Babalu 40WP, 80WP	đạo ôn, lem lép hạt /lúa	Công ty TNHH Nam Bộ
247	3808	Difenoconazole 100g/kg + Isoprothiolane 150g/kg + Tricyclazole 350g/kg	Bankan 600WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
248	3808	Difenoconazole 75g/l (75g/kg), (15%) +	Bump gold 40SE, 40WP, 80WP	40SE: Đạo ôn, lem lép hạt, vàng lá/ lúa 40WP, 80WP: Đạo ôn, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH ADC

		Isoprothiolane 125g/l (125g/kg), (25%) + Tricyclazole 200g/l (200g/kg), (40%)			
249	3808	Difenoconazole 15% + Isoprothiolane 25% + Tricyclazole 40%	Edivil 80WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
			Sapful 80WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Điền Thạnh
250	3808	Difenoconazole 5g/kg (5g/kg) (8g/kg) + Isoprothiolane 295g/kg (295g/kg) (300g/kg) + Tricyclazole 500g/kg (550g/kg) (580g/kg)	Bimstar 800WP, 850WP, 888WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Vật tư NN Hoàng Nông
251	3808	Difenoconazole 50g/l (50.5g/l), (150g/l), (150g/l), (250g/l) + Propiconazole 250.5g/l (250g/l), (150g/l), (150g/l) (0.5g/l)	Tinitaly surper 300.5EC, 300.5SE 300EC, 300SE, 250.5EC	250.5EC: phấn trắng/ hoa hồng 300EC: khô vằn, lem lép hạt/ lúa 300.5EC: lem lép hạt/ lúa, rỉ sắt/ cà phê, đốm lá/ lác 300SE, 300.5SE: lem lép hạt, vàng lá do nấm/ lúa, rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH An Nông
252	3808	Difenoconazole 150g/l + Propiconazole 150g/l	Acsupertil 300EC	lem lép hạt/ lúa, rỉ sắt/ cà phê, phấn trắng/ điều	Công ty TNHH MTV Lucky
			Arytop 300 EC	lem lép hạt/ lúa	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
			Autozole 300EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH SX & XK Bàn Tay Việt
			Cure supe 300 EC	lem lép hạt, khô vằn, vàng lá/ lúa; rỉ sắt, đốm mắt cua/ cà phê	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
			Daiwanper 300EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Futai
			Famertil 300EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
			Hotisco 300EC	lem lép hạt/ lúa, đốm lá/ đậu tương, rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP Đồng Xanh
			Iso tin 300EC	khô vằn /lúa	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát

Jasmine 300SE	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thanh Hưng
Jettilesuper 300EC	Lem lép hạt, khô vằn, vàng lá chín sớm/lúa	Công ty CP Lan Anh
Jiasupper 300EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
Kanavil 300EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Kiên Nam
Kimsuper 300EC	vàng lá/ lúa	Công ty CP Nông dược Agriking
Map super 300 EC	lem lép hạt/ lúa; rỉ sắt/ cà phê, đậu tương; đốm lá/ lạc; thán thư/ điều, cà phê; phấn trắng/hoa hồng; vàng rệp lá/cao su	Map Pacific Pte Ltd
Ni-tin 300EC	rỉ sắt/ cà phê, lem lép hạt/lúa	Công ty CP Nicotex
Prodifad 300EC	lem lép hạt/ lúa, rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP Bình Điền MeKong
Sagograin 300EC	lem lép hạt, khô vằn/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
Scooter 300EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
Still liver 300ME	lem lép hạt/lúa	Công ty CP Công nghệ NN Chiến Thắng
Super-kostin 300 EC	lem lép hạt/ lúa, gỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH OCI Việt Nam
Supertim 300EC	lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
Superten 300EC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Vật tư KTNN Cần Thơ
Sunzole 30EC	Lem lép hạt/ lúa	Sundat (S) PTe Ltd
Tien super 300EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Công nghiệp Khoa học Mùa màng Anh-Rê
Tilbest super 300EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Hóa nông Mỹ Việt Đức
Tilcalisuper 300EC	lem lép hạt/ lúa	Cali - Parimex Inc.
Tileuro super 300EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
Tilfugi 300 EC	lem lép hạt, vàng lá, khô vằn/ lúa; đốm lá/ đậu tương; rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH – TM Tân Thành
Tilt Super 300EC	khô vằn, lem lép hạt, vàng lá/ lúa; đốm lá/ lạc; rỉ sắt/ cà phê, đậu tương; nấm hồng, vàng lá/cao su;	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam

				khô vằn/ngô; thán thư/cà phê	
			Tinmynew Super 300EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH US.Chemical
			Tittus super 300EC	lem lép hạt/lúa	Công ty CP nông dược Việt Nam
			Tstil super 300EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
			Uni-dipro 300EC	khô vằn/lúa	Công ty TNHH World Vision (VN)
253	3808	Difenoconazole 150g/l (230g/l), (260g/l), (300g/l) + 150g/l (170g/l), (190g/l), (200g/l) Propiconazole	Tilindia super 300EC, 400EC, 450EC, 500EC	300EC, 450EC: Lem lép hạt/ lúa 400EC: Rỉ sắt/cà phê 500EC: Khô vằn/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
254	3808	Difenoconazole 150g/l (150g/kg) + Propiconazole 150g/l (150g/kg)	Superone 300EC, 300WP	300EC: khô vằn, lem lép hạt/ lúa; rỉ sắt/ cà phê 300WP: khô vằn, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH ADC
255	3808	Difenoconazole 150g/l (200g/l), (222g/l) + Propiconazole 150g/l (200g/l), (222g/l)	Bretil Super 300EC, 400EC, 444EC	300EC: khô vằn, lem lép hạt/ lúa 400EC: lem lép hạt, vàng lá/ lúa 444EC: lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH – TM Nông Phát
256	3808	Difenoconazole 15% + Propiconazole 15%	Boom 30EC	khô vằn/ lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
			Happyend 30EC	khô vằn/ lúa	Dongbu Farm Hannong Co., Ltd.
257	3808	Difenoconazole 150g/l + Propiconazole 160g/l	Nôngiabảo 310EC	Rỉ sắt/ cà phê, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH – TM Thái Phong
258	3808	Difenoconazole 150g/l + Propiconazole 170g/l	Canazole super 320EC	lem lép hạt, vàng lá/ lúa; rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP TST Cần Thơ
259	3808	Difenoconazole 40g/kg (45g/l), (155g/l), (160g/kg), (150g/l), (250g/kg) + Propiconazole 30g/kg (45g/l) (150g/l), (160g/kg), (200g/l), (500g/kg)	Tiljapanesuper 70WP, 90SC, 305SC, 320WP, 350EC, 750WP	70WP, 90SC, 350EC: Vàng lá/ lúa 305SC, 320WP, 350EC, 750WP: Lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ

260	3808	Difenoconazole 200g/l + Propiconazole 200g/l	Atintin 400EC	Lem lép hạt, vàng lá chín sớm, khô vằn/lúa; rỉ sắt/ cà phê; đốm lá/lạc	Công ty TNHH – TM Thái Nông
261	3808	Difenoconazole 150g/l + Propiconazole 150g/l + Hexaconazole 100g/l	Prohed 400EC	Khô vằn/ lúa	Công ty CP Nông Tín AG
262	3808	Difenoconazole 20 g/l, (150g/l), (20g/l), (20g/l), (50.5g/kg) + Propiconazole 150 g/l, 200.5g/l (95g/l), (10g/l), (0.5g/kg) + Prochloraz 150 g/l, 0.5g/l (300g/l), (400g/l), (504g/kg)	Tilobama 320EC, 351EC, 415EC, 430EC, 555WP	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
263	3808	Difenoconazole 150g/l + Propiconazole 150g/l + Tebuconazole 50g/l	T-supernew 350EC	lem lép hạt, khô vằn, vàng lá do nấm/ lúa; đốm lá/ lạc; rỉ sắt/ cà phê, lạc	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
			Kobesuper 350EC	lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
264	3808	Difenoconazole 155g/l + Propiconazole 155g/l + Tebuconazole 50g/l	Amicol 360EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
265	3808	Difenoconazole 100g/l + Propiconazole 150g/l + Tebuconazole 50g/l	Goltis super 300EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hoà Bình
			Tilplus super 300EC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
266	3808	Difenoconazole 150g/l + Propiconazole 100g/l + Tebuconazole 50 g/l	Tilbluesuper 300EC	Lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
267	3808	Difenoconazole 150g/l + Propiconazole 50g/l + Tebuconazole 150g/l	Gone super 350EC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Sơn Thành
268	3808	Difenoconazole 140g/l (140g/l) (150g/l) + Propiconazole 120g/l (120g/l), (130g/l) + Tebuconazole 140g/l	Tilasiasuper 400EC, 450EC, 500EC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Vật tư NN Hoàng Nông

		(190g/l), (220g/l)			
269	3808	Difenoconazole 5g/l (6g/l) + Propiconazole 165g/l (160g/l) + Tricyclazole 430g/l (500g/l)	Fiate 600SE, 666SE	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Vật tư NN Hoàng Nông
270	3808	Difenoconazole 200g/kg + Propineb 500g/kg	Supermax TSC 700WP	Vàng lá chín sớm/lúa	Công ty CP Vật tư KT NN Cần Thơ
271	3808	Difenoconazole 15% + Tebuconazole 15%	Dasuwang 30EC	đốm lá/ lạc	Dongbu Farm Hannong Co., Ltd.
272	3808	Difenoconazole 150g/l + Tebuconazole 150g/l	Tilvilusa 300EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Hóa nông Mỹ Việt Đức
273	3808	Difenoconazole 50g/kg (30g/kg) + Tebuconazole 250g/kg (250g/kg) + Tricyclazole 50g/kg (250g/kg)	Latimo super 500WP, 780WG	500WP : lúa von/ lúa (xử lý hạt giống), khô vằn/ lúa 780WG : lem lép hạt, vàng lá/lúa	Công ty TNHH An Nông
274	3808	Difenoconazole 150g/l + Tricyclazole 350g/l	Gold-chicken 500SC	Lem lép hạt, đạo ôn/lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
275	3808	Difenoconazole 265.5g/l (30g/kg), (25g/l), (50g/kg) + Tricyclazole 0.5g/l (270g/kg), (400g/l), (600g/kg)	Supergold 266ME, 300WP, 425SC, 650WP	266ME : Lem lép hạt, vàng lá chín sớm/lúa 300WP : lem lép hạt/ lúa 425SC, 650WP : Đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
276	3808	Difenoconazole 150g/kg (g/l)+ 450g/kg (g/l) Tricyclazole	Cowboy 600WP, 600SE	600SE : đạo ôn/ lúa 600WP : đạo ôn, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH ADC
277	3808	Difenoconazole 150g/kg (150g/kg), (150g/kg) + Tricyclazole 450g/kg (600g/kg), (650g/kg)	Dovabeam 600WP, 750 WP, 800WP	Đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng
278	3808	Difenoconazole	Imperial 610WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH - TM

		150g/kg + Tricyclazole 460g/kg			Nông Phát
279	3808	Difenoconazole 150g/kg + Tricyclazole 450 g/kg + Cytokinin 2g/kg	Salame 602WP	đạo ôn, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH ADC
280	3808	Dimethomorph	Insuran 50WG	mốc sương/ cà chua, giả sương mai/dưa chuột; sọc lá/ngô (xử lý hạt giống); sọc lá/ngô (phun); phân trắng/ nho; chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
			Phytocide 50WP	giả sương mai/ dưa hấu, loét sọc mặt cao/ cao su, chết nhanh/ hồ tiêu; sương mai/ vải, cà chua; bạch tạng/ngô	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
281	3808	Dimethomorph (min 99.1%) 90g/kg + Mancozeb 600 g/kg	Acrobat MZ 90/600 WP	sương mai/ dưa hấu, cà chua; chảy gôm/ cây có múi; chết nhanh/ hồ tiêu; thối thân xì mủ/ sầu riêng; loét sọc mặt cao/ cao su	BASF Vietnam Co., Ltd.
282	3808	Dimethomorph 10% + Mancozeb 60%	Diman bul 70WP	vàng lá chín sớm/lúa	Agria SA.
283	3808	Dimethomorph 100g/kg + Mancozeb 600g/kg	Andibat 700WP	Loét sọc mặt cao/cao su	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
284	3808	Diniconazole (min 94%)	Dana - Win 12.5 WP	rỉ sắt/ cà phê, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
			Danico 12.5WP	Rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP Nicotex
			Nicozol 25 SC	25SC: lem lép hạt/ lúa, rỉ sắt/ cà phê, phân trắng/ xoài 12.5WP: lem lép hạt/lúa, rỉ sắt/cà phê, đốm đen/hoa hồng, đốm lá/lạc, phân trắng/xoài	Công ty CP Thanh Điền
			Sumi - Eight 12.5 WP	rỉ sắt/ cà phê; lem lép hạt, đạo ôn/ lúa; phân trắng/ xoài, nho, cao su	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
285	3808	Edifenphos 200g/l + Isoprothiolane 200g/l	Difusan 40 EC	đạo ôn/ lúa	Công ty CP BVTV I TW
286	3808	Epoxiconazole (min 92%)	Cazyper 125 SC	khô vằn, lem lép hạt/ lúa; rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH Adama Việt Nam
			Opus 75 EC	lem lép hạt, khô vằn, vàng lá/ lúa, đốm lá/ lạc, rỉ sắt/ cà phê, khô vằn/ ngô; đốm đồng tiền/ khoai lang	BASF Vietnam Co., Ltd.

287	3808	Erythromycin 200g/kg + Oxytetracycline 250g/kg	Hope Life 450WP	bạc lá/ lúa	Công ty TNHH An Nông
288	3808	Erythromycin (min 98%) 5g/kg (10g/kg), (15g/kg) + 15g/kg (20g/kg), (25g/kg) Streptomycin sulfate	Apolits 20WP, 30WP, 40WP	20WP: vàng lá, bạc lá, đốm sọc/ lúa 30WP: Bạc lá/lúa, thán thư/lạc, thối nhũn/bắp cải, nấm hồng/cam 40WP: bạc lá, vàng lá chín sớm/lúa	Công ty CP Trường Sơn
289	3808	Ethaboxam (min 99.6%)	Danjiri 10 SC	mốc sương/ nho; sương mai/cà chua, dưa chuột, hoa hồng, dưa hấu	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
290	3808	Eugenol	Genol 0.3SL, 1.2SL	giả sương mai/ dưa chuột, dưa hấu, cà chua, nhãn, hoa hồng; đạo ôn, khô vằn, vàng lá, lem lép hạt/ lúa; khô vằn/ ngô; đốm lá/ thuốc lá, thuốc lào; thối búp/ chè; sọc/ cam; thán thư/ nho, vải, điều, hồ tiêu; nấm hồng/ cao su, cà phê	Guizhou CVC INC. (Tổng Công ty Thương mại Zhongyue Quý Châu Trung Quốc)
			Lilacter 0.3 SL	khô vằn, bạc lá, tiêm lửa, vàng lá, đạo ôn, thối hạt vi khuẩn/ lúa; héo xanh, mốc xám, giả sương mai/ dưa chuột; mốc xám/ cà pháo, đậu tương, hoa lyly; thán thư/ ớt; thán thư, sương mai/ vải; đốm lá/ na; phấn trắng, thán thư/ xoài, hoa hồng; sọc/ cam; thối quả/ hồng; thối nõn/ dứa; thối búp/ chè	Công ty TNHH VT NN Phương Đông
			Piano 18EW	đạo ôn, khô vằn, bạc lá, lem lép hạt, vàng lá/ lúa; thán thư/ xoài; phấn trắng/ nho; thối đen/ bắp cải; thối nhũn/ hành	Công ty TNHH An Nông
			PN - Linhicide 1.2 EW	khô vằn/ lúa; mốc sương/ cà chua; phấn trắng/ dưa chuột; đốm nâu, đốm xám/ chè; phấn trắng/ hoa hồng	Công ty TNHH Phương Nam, Việt Nam
291	3808	Eugenol 2% + Carvacrol 0.1%	Senly 2.1SL	bạc lá, khô vằn/ lúa; phấn trắng/ bí xanh; giả sương mai/ dưa chuột; sương mai/ cà chua; thán thư/ ớt	Công ty TNHH Trường Thịnh
292	3808	Famodaxone 450g/kg + Hexaconazole 250g/kg	Famozol 700WP	vàng lá chín sớm/lúa	Công ty TNHH An Nông
293	3808	Fenbuconazole (min 98.7%)	Indar 240F	khô vằn, lem lép hạt, vàng lá/ lúa; thán thư/ xoài	Dow AgroSciences B.V
294	3808	Fenbuconazole 400g/kg + Hexaconazole 200g/kg	Fenxatyl 750WP	vàng lá chín sớm/lúa	Công ty TNHH An Nông

		+ Thiophanate methyl 150g/kg			
295	3808	Fenoxanil (min 95%)	Fendy 25WP	Đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH QT Nông nghiệp vàng
			Katana 20SC	đạo ôn/ lúa	Nihon Nohyaku Co., Ltd.
			Kasoto 200SC	đạo ôn/lúa	Công ty CP Công nghệ NN Chiến Thắng
			Sako 25WP	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Agricare Việt Nam
			Taiyou 20SC	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
296	3808	Fenoxanil 200g/l, (250g/l), (300g/l) + Hexaconazole 50g/l, (50g/l), (50g/l)	Hutajapane 250SC, 300SC, 350SC	250SC: Đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt/lúa 300SC, 350SC: đạo ôn, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
297	3808	Fenoxanil 300g/l + Hexaconazole 200g/l	Xanilzol 500SC	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
298	3808	Fenoxanil 50g/l + Isoprothiolane 300g/l	Ninja 35EC	đạo ôn/ lúa	Nihon Nohyaku Co., Ltd.
299	3808	Fenoxanil 100g/l + Isoprothiolane 400g/l	Isoxanil 50EC	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
300	3808	Fenoxanil 60g/l + Isoprothiolane 300g/l	Feliso 360EC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Mùa Vàng
301	3808	Fenoxanil 50g/l + Isoprothiolane 400g/l	Credit 450EC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
302	3808	Fenoxanil 250g/kg + Kasugamycin 18g/kg	Feno super 268WP	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Agricare Việt Nam
303	3808	Fenoxanil 220g/l + Ningnanmycin 30g/l	Victoryusa 250SC	Đạo ôn, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH TM Thôn Trang
304	3808	Fenoxanil 200g/kg + Sulfur 350g/kg + Tricyclazole 200g/kg	Kitini super 750WP	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH An Nông
305	3808	Fenoxanil 100g/l (200g/kg) + 250g/l (500g/kg)Tricyclazole	Map Famy 35SC, 700WP	đạo ôn/ lúa	Map Pacific Pte Ltd
306	3808	Florfenicol 5g/kg (min 99%) + 15g/kg	Usaflotil 20WP	đạo ôn, lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Trường Sơn

		Kanamycin sulfate			
307	3808	Fluazinam (min 95%)	Lk-Chacha 300SC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Á Châu
			TT-amit 500SC	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
308	3808	Fluazinam 500g/kg + Metalaxyl-M 180g/kg	Furama 680WP	vàng lá chín sớm/lúa	Công ty TNHH An Nông
309	3808	Fluopicolide (min 97%) 44.4 g/kg + Fosetyl alumilium 666.7 g/kg	Profiler 711.1WG	Sương mai/nho	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
310	3808	Fluopicolide (min 97%) 62.5 g/l + Propamocarb 625g/l	Infinito 687.5SC	Mốc sương/ cà chua	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
311	3808	Fluquinconazole (min 97%) 400g/kg + Myclobutanil 100g/kg + Thiophanate methyl 200g/kg	Mycotyl 700WP	vàng lá chín sớm/lúa	Công ty TNHH An Nông
312	3808	Flusilazole (min 92.5 %)	anRUTA 400EC, 400EW	400EC: lem lép hạt, khô vằn, vàng lá do nấm/ lúa, rỉ sắt/ cà phê 400EW: lem lép hạt, vàng lá do nấm/ lúa, rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH An Nông
			Avastar 40EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
			DuPont™ Nustar® 40EC	mốc xám/ nho; rỉ sắt/ lạc; đạo ôn, khô vằn, vàng lá, lem lép hạt/ lúa; vàng lá thối rữa/ cam	DuPont Vietnam Ltd
			Hatsang 40 EC	lem lép hạt, vàng lá/ lúa; thán thư/ dưa hấu	Công ty CP Đồng Xanh
			Isonuta 40EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Vật tư KTNN Cần Thơ
			Nônggiaphúc 400EC	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM Thái Phong
			Nuzole 40EC	lem lép hạt, đạo ôn, khô vằn, vàng lá do nấm/ lúa; phấn trắng, cháy dây/ dưa hấu; thán thư/ xoài, dưa hấu; rỉ sắt/ cà phê; đốm lá/ đậu tương; thán thư, đốm trắng lá/ ớt; vết dầu loang/cam	Công ty TNHH Phú Nông
313	3808	Flusilazole 100g/l +	Novotsc 400EC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Vật tư KTNN

		Propiconazole 300g/l			Cần Thơ
314	3808	Flusilazole 50g/kg (25g/l) (30g/kg) + Tebuconazole 250g/kg (100g/l), (500g/kg) + Tricyclazole 200g/kg (400g/l), (250g/kg)	Newthivo 500WP, 525SE, 780WG	500WP, 525SE: đạo ôn/lúa 780WG: lem lép hạt, khô vằn/lúa; xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/lúa	Công ty TNHH An Nông
315	3808	Flusulfamide	Nebijin 0.3DP	Bệnh ghẻ/ khoai tây (Xử lý đất)	Mitsui Chemicals Agro, Inc.
316	3808	Flutriafol	Blockan 25SC	nứt thân chảy nhựa/dừa hấu; đạo ôn, lem lép hạt /lúa; đốm vòng/cà chua, thán thư/ ớt	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
			Impact 12.5 SC	rỉ sắt/ cà phê; đạo ôn, vàng lá/ lúa	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
317	3808	Flutriafol 500g/kg + Hexaconazole 150g/kg + Thiophanate methyl 100g/kg	Fluxanat 750WP	vàng lá chín sớm/lúa	Công ty TNHH An Nông
318	3808	Flutriafol 30% + Tricyclazole 40%	Victodo 70WP	đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty CP Long Hiệp
319	3808	Flutriafol 300 g/kg + Tricyclazole 400 g/kg	Fiwin 700WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Minh Long
320	3808	Folpet (min 90 %)	Folcal 50 WP	xì mủ/ cao su	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
			Folpan 50 WP, 50 SC	50WP: khô vằn, đạo ôn/ lúa, giả sương mai/dừa hấu 50SC: khô vằn, đạo ôn/ lúa; thán thư/ xoài; mốc sương/ nho; đốm lá/ hành	Công ty TNHH Adama Việt Nam
321	3808	Fosetyl-aluminium (min 95 %)	Acaete 80WP	chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty TNHH – TM Thái Nông
			Agofast 80 WP	chết nhanh/ hồ tiêu, đốm lá/ thuốc lá	Công ty CP Đồng Xanh
			Aliette 80 WP, 800 WG	80WP: <i>Bremia sp/</i> hồ tiêu 800WG: lở cổ rễ/ hồ tiêu; sương mai/ dừa hấu, khoai tây; thối quả, xì mủ/ sầu riêng, ca cao; bạc lá/lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
			Alle 800WG	chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng

			Alimet 80WP, 80WG, 90SP	80WP: sương mai/ điều, khoai tây, xoài; chết nhanh/ hồ tiêu; xì mù/ sầu riêng; mốc sương/ nho; thối nõn/ dừa; chết cây con/ thuốc lá 80WG: mốc sương/ nho 90SP: mốc sương/ nho, dừa hấu; chết nhanh/ hồ tiêu; xì mù/ sầu riêng; đóm lá/ thuốc lá	Công ty CP Kiên Nam
			Alonil 80WP, 800WG	80WP: chết nhanh/ hồ tiêu 800WG: Bạc lá/lúa	Công ty CP Nicotex
			Alpine 80 WP, 80WG	80WP: sương mai/ hoa cây cảnh, dừa hấu; chết nhanh/ hồ tiêu, xì mù/ cam 80WG: thối rễ/ dừa hấu, chết nhanh/ hồ tiêu, xì mù/ cam, bạc lá/ lúa, mốc sương/ nho; thối thân xì mù/ cao su; thối đen/phong lan	Công ty CP BVTV Sài Gòn
			Aluminy 800WG	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
			ANLIEN - annong 400SC, 800WP, 800WG, 900SP	400SC, 800WG, 900SP: chết nhanh/ hồ tiêu 800WP: thối thân/ hồ tiêu	Công ty TNHH An Nông
			Dafostyl 80WP	chết nhanh/ hồ tiêu; sương mai / nho, dừa hấu; xì mù/ cam	Công ty TNHH Kinh doanh hóa chất Việt Bình Phát
			Dibajet 80WP	chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
			Forliet 80WP	sương mai/ dừa hấu, chết nhanh/ hồ tiêu, xì mù/ cam, thối quả/ nhãn, cháy lá do vi khuẩn/lúa, nứt thân chảy nhựa/dừa hấu; sọc lá/ngô; loét sọc mặt cao/ cao su; thối nhũn/gừng	Công ty TNHH - TM Tân Thành
			Juliet 80 WP	giả sương mai/ dừa chuột	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
			Vialphos 80 SP	chết nhanh, thối thân/ hồ tiêu; chảy gôm/ cam	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
322	3808	Fosetyl-aluminium 25% (8%) + Mancozeb 45% (72%)	Binyvil 70WP, 80 WP	70WP: Vàng lá chín sớm/ lúa 80WP: giả sương mai/ dừa chuột; vàng lá, lem lép hạt/ lúa; thán thư/ xoài	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến.
323	3808	Fosetyl-aluminium 400g/kg + Mancozeb 200g/kg	Anlia 600WG	Chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ

324	3808	Fthalide 15% (20%) + Kasugamycin 1.2% (1.2%)	Kasai 16.2 SC, 21.2WP	16.2SC : đạo ôn/ lúa 21.2WP : đạo ôn, lem lép hạt, vàng lá/ lúa; thối đen/ bắp cải; thối nhũn/ hành	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
325	3808	Fthalide 200 g/kg + Kasugamycin 20 g/kg	Saicado 220WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Pháp Thủy Sĩ
326	3808	Fugous Proteoglycans	Elcarin 0.5SL	héo xanh/ cà chua, ớt, thuốc lá; thối nhũn/ bắp cải; bạc lá/ lúa	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam
327	3808	Garlic oil 2% + Ningnanmycin 3%	Lusatex 5SL	bạc lá, lem lép hạt, vàng lá/ lúa; héo rũ, sương mai/ cà chua; xoắn lá/ ớt; phấn trắng/ nho; chết nhanh/ hồ tiêu; hoa lá/ thuốc lá; chết khô/ dưa chuột	Công ty TNHH VT NN Phương Đông
328	3808	Gentamycin sulfate 15g/kg + 45 g/kg Ningnanmycin+50g/kg Streptomycin sulfate	Riazor gold 110WP	Bạc lá do vi khuẩn/lúa	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
329	3808	Gentamicin sulfate 2% + Oxytetracycline Hydrochloride 6 %	Avalon 8WP	bạc lá/ lúa, đốm cành/ thanh long, đốm đen xì mủ/ xoài, héo xanh vi khuẩn/ cà chua, loét/ cam; thối quả/thanh long, đốm sọc vi khuẩn/lúa	Công ty TNHH - TM ACP
			Lobo 8WP	Bạc lá, lem lép hạt/ lúa; héo xanh/cà chua; héo xanh vi khuẩn/ dưa hấu; thối đen gân lá, thối nhũn/bắp cải	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
330	3808	Gentamycin sulfate 20g/kg + Oxytetracycline hydrochloride 60g/kg	Antisuper 80WP	bạc lá/ lúa	Công ty CP Điền Thanh
331	3808	Gentamycin Sulfate 20g/kg + Streptomycin sulfate 46.6g/kg	Panta 66.6WP	Bạc lá/ lúa	Công ty TNHH TM SX Ngọc Yến
332	3808	Hexaconazole (min 85 %)	Acanvinsuper 55SC, 111SC, 200SC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH MTV Lucky
			Aicavil 100SC	Đạo ôn, khô vằn, vàng lá chín sớm/lúa	Công ty CP Hoá chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
			Angoldvin 50SC	lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
			Anhvinh	50SC, 100SC : lem lép hạt, vàng lá do nấm/ lúa	Công ty TNHH

50 SC, 100SC, 150SC, 200SC	150SC, 200SC: lem lép hạt, vàng lá/ lúa; rỉ sắt/ cà phê	US.Chemical
Annongvin 45 SC, 50 SC, 100SC, 150SC, 200SC, 250SC, 300SC, 400SC, 800WG	45SC: lem lép hạt/ lúa 50SC, 100SC, 800WG: khô vằn, lem lép hạt, vàng lá/ lúa; rỉ sắt/ cà phê 150SC, 300SC: lem lép hạt, vàng lá/ lúa; thán thư/ xoài; rỉ sắt/ cà phê 200SC, 400SC: lem lép hạt, vàng lá/ lúa; thán thư/ xoài; nấm hồng/ cà phê 250SC: lem lép hạt, vàng lá/ lúa; thán thư/ xoài; nấm hồng/ cà phê	Công ty TNHH An Nông
Amwilusa 50SC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
Anvil 5SC	khô vằn, lem lép hạt/ lúa; rỉ sắt, nấm hồng, đốm vòng/ cà phê; đốm lá/ lạc; khô vằn/ ngô; phấn trắng, đốm đen, rỉ sắt/ hoa hồng; lở cổ rễ/ thuốc lá; phấn trắng, vàng lá, nấm hồng/cao su	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
Anwinnong 50SC, 100SC	50SC: thán thư/ xoài; lem lép hạt, vàng lá, khô vằn/ lúa, rỉ sắt/ cà phê 100SC: rỉ sắt/ cà phê; thán thư/ xoài, vại; lem lép hạt, vàng lá/ lúa	Công ty TNHH MTV Us Agro
Atulvil 5SC, 5.55SC, 10EC	5SC: rỉ sắt/ cà phê; nấm hồng/ cao su; đốm lá/ lạc; khô vằn, lem lép hạt/ lúa 10EC: lem lép hạt/ lúa 5.55SC: khô vằn/ lúa	Công ty CP Thanh Điền
A-V-T Vil 5SC, 10SC, 30SC, 50SC	10SC, 30SC, 50SC: Khô vằn/ lúa 5SC: Lem lép hạt, khô vằn, vàng lá chín sớm, đạo ôn/ lúa; đốm lá/lạc; nấm hồng, vàng rụng lá/cao su	Công ty TNHH Việt Thắng
Awin 100SC	Khô vằn/ lúa, vàng rụng lá/cao su, rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH TM Thái Phong
Best-Harvest 5SC, 15SC	5SC: khô vằn/ lúa 15SC: Rỉ sắt/ cà phê, khô vằn/lúa	Sundat (S) Pte Ltd
Bioride 50SC	lem lép hạt/ lúa	Cong ty CP Nông dược Việt Nam
Callihex	khô vằn, vàng lá/ lúa; đốm lá/ lạc; thán thư/ điều;	Arysta LifeScience Vietnam

5 SC	rỉ sắt/ đậu tương, cà phê	Co., Ltd
Centervin 50SC, 100SC, 200SC	50SC: khô vằn, lem lép hạt/ lúa; nấm hồng/ cao su; đốm lá/ lạc 100SC, 200SC: lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
Chevin 5SC, 10SC, 40WG	5SC: Vàng rụng lá/ cao su; khô vằn, lem lép hạt/ lúa; rỉ sắt/ cà phê 10SC, 40WG: Khô vằn/lúa	Công ty CP Nicotex
Convil 10EC, 10SC	10EC: Thán thư/ điều, khô vằn/ lúa 10SC: Rỉ sắt/ cà phê, lem lép hạt/ lúa, thán thư/ xoài	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
Dibazole 5SC, 10SL	5SC: khô vằn, lem lép hạt, đạo ôn/ lúa; rỉ sắt/ cà phê, khô vằn/ ngô; đốm lá/ lạc, lở cổ rễ/ bầu bí, vàng rụng lá/cao su 10SL: lem lép hạt, đạo ôn/ lúa; rỉ sắt, đốm vòng/ cà phê; rỉ sắt/ hoa hồng; lở cổ rễ/ bầu bí; đốm lá/ lạc, đốm mắt cua/ cà phê, vàng rụng lá/cao su	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
Doctor 5ME, 5SC	5ME: khô vằn/ lúa 5SC: Lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
Dovil 5SC, 10SC	5SC: khô vằn, lem lép hạt/ lúa 10SC: khô vằn/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thanh Hưng
Evitin 50SC	Lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
Forwavil 5SC	khô vằn/ lúa	Forward International Ltd
Fulvin 5SC, 10SC	5SC: khô vằn, lem lép hạt/ lúa; thán thư/ điều; phấn trắng/ cao su; rỉ sắt/ hoa hồng, gỉ sắt, khô cành/cà phê 10SC: lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
Goldvil 50SC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
Hakivil 5SC	Khô vằn/lúa	Công ty CP Đầu tư VTNN Sài Gòn
Hanovil 5SC, 10SC	5SC: khô vằn, lem lép hạt/lúa; rỉ sắt/cà phê, vàng rụng lá/ cao su 10SC: thán thư/ điều; nấm hồng/ cao su; lem lép hạt, vàng lá/ lúa; khô vằn/ ngô; rỉ sắt/ đậu tương	Công ty CP Nông nghiệp HP

Hecwin 5SC, 550WP	5SC: khô vằn, lem lép hạt/ lúa; nấm hồng, phấn trắng, vàng rụng lá/cao su; rỉ sắt, nấm hồng/cà phê 550WP: khô vằn, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH ADC
Hexathai 50SC, 100SC	50SC: Lem lép hạt, khô vằn/lúa 100SC: Gỉ sắt/cà phê, lem lép hạt/lúa, vàng rụng lá/ cao su	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Ngọc Lâm
Hexin 5SC	vàng lá, lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Khử trùng Nam Việt
Hexavil 5SC, 6SC, 8SC	5SC: khô vằn, lem lép hạt/ lúa; thán thư/cà phê 6SC: khô vằn/ lúa 8SC: lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
Hosavil 5SC	khô vằn, lem lép hạt/ lúa, đốm lá/ lạc, thán thư/ điều, rỉ sắt/ cà phê, vàng rụng lá/ cao su	Công ty CP Hóc Môn
Huivil 5SC	Khô vằn, lem lép hạt, vàng lá chín sớm/lúa; nấm hồng/cao su, gỉ sắt/cà phê	Huikwang Corporation
Indiavil 5SC	lem lép hạt, khô vằn/ lúa; thán thư/ điều, xoài; rỉ sắt/ cà phê, nấm hồng/ cao su, đốm lá/ lạc; vàng rụng lá/ cao su	Công ty CP Đồng Xanh
Japa vil 50SC, 110SC	50SC: đạo ôn/lúa 110SC: lem lép hạt	Công ty TNHH Hoá sinh Phong Phú
JAVI Vil 50SC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
Jiavin 5 SC	khô vằn/ lúa, rỉ sắt/ cà phê, thán thư/ điều, nấm hồng/ cao su	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
Joara 5SC	khô vằn/ lúa	Dongbu Farm Hannong Co., Ltd.
Lervil 50 SC, 75SC, 100SC, 250SC	50SC: khô vằn/ lúa; phấn trắng/ xoài; sương mai, phấn trắng/ nho 75SC, 100SC, 250SC: Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
Longanvin 5SC	Khô vằn / lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
Mainex 50SC	Khô vằn/lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam
Mekongvil 5SC	Khô vằn/ lúa	Công ty TNHH P - H

			Newvil 5SC	lem lép hạt/ lúa	Cali – Parimex Inc.
			Saizole 5SC	phần trắng/ nho; nấm hồng/ cao su, cà phê; đốm lá/ lạc; lem lép hạt, khô vằn/ lúa; chết cây con/cà rốt; vàng rụng lá/cao su	Công ty CP BVTV Sài Gòn
			TB-hexa 5SC	Phần trắng/cao su; lem lép hạt, đạo ôn, khô vằn/lúa	Công ty TNHH SX-TM Tô Ba
			Tecvil 50SC, 100SC	50SC: Lem lép hạt/lúa, gỉ sắt/cà phê 100SC: Lem lép hạt/lúa, vàng rụng lá/cao su, phần trắng/hoa hồng	Công ty TNHH Kiên Nam
			Thonvil 5SC, 100SC, 200SC, 250SC, 300SC, 400SC	5SC: thán thư, gỉ sắt/cà phê; lem lép hạt/ lúa 200SC, 250SC, 300SC, 400SC: lem lép hạt/ lúa 100SC: khô vằn/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
			Topvil 50SC, 111SC	50SC: rỉ sắt/ cà phê, vàng rụng lá/ cao su 111SC: lem lép hạt/ lúa, nấm hồng/cao su, thán thư/cà phê	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
			Tungvil 5SC	5SC: lem lép hạt, đạo ôn, vàng lá, khô vằn/ lúa; đốm lá/ đậu tương; rỉ sắt, nấm hồng, thán thư/ cà phê; lở cổ rễ/ thuốc lá; nấm hồng/ cao su; đốm đen/ hoa hồng; thán thư/ điều 10SC: lem lép hạt/ lúa, rỉ sắt/ cà phê, nấm hồng/ cao su, thán thư/ điều	Công ty CP SX -TM & DV Ngọc Tùng
			Tvil TSC 50SC	lem lép hạt/lúa	Công ty CP Vật tư KT NN Cần Thơ
			Uni-hexma 5SC	Khô vằn/lúa	Công ty TNHH World Vision (VN)
			Vivil 5SC, 100SC	5SC: Vàng lá chín sớm, lem lép hạt, khô vằn/ lúa; vàng rụng lá/ cao su; rỉ sắt, thối quả/ cà phê; thán thư/ điều; rỉ sắt/nho; đốm lá/lạc, phần trắng/ xoài 100SC: Vàng lá chín sớm, lem lép hạt, khô vằn/ lúa, vàng rụng lá/ cao su	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
333	3808	Hexaconazole 50g/l + Carbosulfan 200g/l	Hiddencard 250EC	khô vằn, lem lép hạt/ lúa	Dongbu Farm Hannong Co., Ltd.
334	3808	Hexaconazole 85g/l, (95g/l), (105g/l), 50g/l	Thontrangvil 200SC, 250SC, 300SC,	100SC: khô vằn/lúa 200SC, 250SC, 300SC, 150SC: Lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang

		(75g/l) + 115g/l (155g/l), (195g/l), 50g/l (75g/l) Isoprothiolane	100SC, 150SC		
335	3808	Hexaconazole 5% + Isoprothiolane 40%	Starmonas 45WP	Đạo ôn, lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Công nghệ NN Chiến Thắng
336	3808	Hexaconazole 30g/l (30g/l), (30g/l), (20g/kg), (30g/kg) + Isoprothiolane 250g/l (270g/l), (300g/l), (320g/kg), (420g/kg) + Tricyclazole 220g/l (250g/l), (270g/l), (460g/kg), (400g/kg)	Bibiusamy 500SC, 550SC, 600SC, 800WP, 850WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
337	3808	Hexaconazole 32 g/kg + Isoprothiolane 350g/kg + Tricyclazole 440g/kg	Nofada 822WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
338	3808	Hexaconazole 30g/kg + Isoprothiolane 420g/kg + Tricyclazole 410g/kg	Camel 860WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Việt Đức
339	3808	Hexaconazole 5% + Isoprothiolane 35% + Tricyclazole 40%	Beansuperusa 80WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
340	3808	Hexaconazole 3% + Isoprothiolane 43% + Tricyclazole 40%	Citymyusa 86WP	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH MTV DV TM Đăng Vũ
341	3808	Hexaconazole 5% (50g/l) + Kasugamycin 3% (30g/l) + Tricyclazole 72% (360g/l)	Lany super 80WP, 440SC	80WP: đạo ôn, lem lép hạt, bạc lá, vàng lá/ lúa 440SC: vàng lá chín sớm, lem lép hạt, thối thân lúa, đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
342	3808	Hexaconazole 40g/l + Metconazole 60g/l	Workplay 100SL	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH An Nông
343	3808	Hexaconazole 320g/kg	Centerbig 700WP	Thán thư/ vải, đạo ôn, lem lép hạt, vàng lá chín	Công ty TNHH SX & XK

		+ Myclobutanil 380g/kg		sớm/lúa	Bà Rịa Việt
344	3808	Hexaconazole 120g/l (240g/kg) + Myclobutanil 135g/l (290g/kg) + Thiophanate methyl 135g/l (247g/kg)	Usagold 390SC, 777WP	390SC: vàng lá chín sớm/ lúa 777WP: thán thư/ vải, khô vằn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH An Nông
345	3808	Hexaconazole 30g/kg + Paclobutrazol 140g/kg + Tricyclazole 690g/kg	Trativousa 860WP	Đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
346	3808	Hexaconazole 62 g/kg + Propineb 615 g/kg	Shut 677WP	vàng lá, lem lép hạt, khô vằn/ lúa; rỉ sắt, nấm hồng/cà phê; phấn trắng, nấm hồng, vàng rụng lá/cao su	Công ty TNHH ADC
			Hd-Casu 677WP	vàng rụng lá/cao su	Công ty TNHH TM DV Hàng Duy
347	3808	Hexaconazole 75g/kg + Propineb 630g/kg	Passcan 705WP	vàng rụng lá/ cao su	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
348	3808	Hexaconazole 50g/kg + Propiconazole 150g/kg + Tricyclazole 355g/kg	Sieubem super 555WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
349	3808	Hexaconazole 35g/l (50g/l), (550g/kg) + Sulfur 20g/l (49.9g/l), (100g/kg)	Galirex 55SC, 99.9SC, 650WP	55SC: Khô vằn/ lúa 99.9SC: Gỉ sắt/cà phê 650WP: Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Thành
350	3808	Hexaconazole 50g/l (100g/l), (5g/l), (10g/kg), (20g/kg) + Sulfur 20g/l (30g/l), (20g/l), (450g/kg), (100g/kg) + Tricyclazole 10g/l (10g/l), (395g/l), (50g/kg), (680 g/kg)	Grandgold 80SC, 140SC, 420SC, 510WP, 800WP	80SC, 140SC: Khô vằn/ lúa 420SC: Lem lép hạt, đạo ôn/lúa; rỉ sắt/cà phê 510WP, 800WP: Đạo ôn/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
351	3808	Hexaconazole 50g/kg (25g/l), (30g/kg) + Tebuconazole 250g/kg	Vatino super 500WP, 525SE, 780WG	500WP: Khô vằn/lúa 525SE: Lem lép hạt, đạo ôn, vàng lá/ lúa; xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/ lúa	Công ty TNHH An Nông

		(100g/l), (500g/kg) + Tricyclazole 200g/kg (400g/l), (250g/kg)		780WG: Vàng lá, lem lép hạt/ lúa; xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/ lúa	
352	3808	Hexaconazole 50g/kg + Tebuconazole 500g/kg + Tricyclazole 250g/kg	Centernova 800WG	vàng lá/ lúa	Công ty TNHH SX & XK Bàn Tay Việt
353	3808	Hexaconazole 100g/kg + Tebuconazole 400g/kg + 250g/kg Trifloxystrobin	Natoyo 750WG	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH An Nông
354	3808	Hexaconazole 250g/l (500g/kg) + Thiophanate methyl 200g/l (280g/kg)	Anhteen super 450SC, 780WP	450SC: vàng lá/ lúa 780WP: Lem lép hạt/lúa, đốm lá/đậu xanh, khô vằn/lúa; vàng rụng lá/cao su	Công ty TNHH An Nông
355	3808	Hexaconazole 30g/l + Tricyclazole 220g/l	Bimvin 250SC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
			Dohazol 250SC	khô vằn/lúa	Công ty CP KT Dohaledusa
			Forvilnew 250 SC	đạo ôn, đốm vằn/ lúa; rỉ sắt/ đậu tương, cà phê; đốm lá/ lạc, đậu tương; thán thư/ cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
			Hextric 250SC	đạo ôn, lem lép hạt, khô vằn/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
			Sun-hex-tric 25SC	đạo ôn/ lúa, rỉ sắt/ lạc, thán thư/ điều	Sundat (S) Pte Ltd
			Westminster 250SC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM-SX GNC
356	3808	Hexaconazole 50 g/l + Tricyclazole 200g/l	Beamvil-super 250SC	Đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH BVTV Khanh Vy
			Lashsuper 250SC	đạo ôn, khô vằn/ lúa; héo đen đầu lá/ cao su; rỉ sắt, thán thư /cà phê, thán thư /điều; vàng rụng lá/cao su	Công ty TNHH - TM Tân Thành
357	3808	Hexaconazole 30g/l (40g/l), (35g/kg) + Tricyclazole 220g/l (239g/l), (770g/kg)	King-cide 250SC, 279SC, 805WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
358	3808	Hexaconazole 30g/l (100g/l), (57g/kg) + Tricyclazole 220g/l (425g/l), (700g/kg)	Siukalin 250SC, 525SE, 757WP	250SC: khô vằn, lem lép hạt, đạo ôn/ lúa 525SE, 757WP: đạo ôn, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH An Nông
359	3808	Hexaconazole 30g/l +	Co-trihex 280SC	Đạo ôn/lúa, thán thư/ cà phê	Công ty TNHH Baconco

		Tricyclazole 250g/l			
			Donomyl 280SC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thanh Hưng
360	3808	Hexaconazole 50g/l + Tricyclazole 250g/l	Amilan 300SC	Đạo ôn, lem lép hạt/ lúa; nấm hồng, rỉ sắt/ cà phê; thán thư/ điều; đốm lá/lạc	Công ty TNHH – TM Thái Nông
			HD-pingo 300SC	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM DV Hằng Duy
			Hexalazole 300SC	Khô vằn, đạo ôn/lúa; rỉ sắt, thán thư/ cà phê	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
			Newtec 300SC	Khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt /lúa	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
			Trivin 300SC	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM DV Việt Nông
361	3808	Hexaconazole 47g/l (100g/l), (50g/l), (80g/l), + Tricyclazole 3g/l (300g/l), (200g/l), (220g/l)	Avinduc 50SC, 400SC, 250SC, 300SC	50SC: vàng lá chín sớm, lem lép hạt/lúa 250SC: lem lép hạt, khô vằn/lúa; vàng rụng lá/cao su 300SC: khô vằn/lúa 400SC: Đạo ôn, khô vằn/lúa	Công ty TNHH Việt Đức
362	3808	Hexaconazole 125 g/l + Tricyclazole 400g/l	Marx 525SC	Đạo ôn/ lúa	Công ty CP Tập đoàn Điện bàn
363	3808	Hexaconazole 100g/l + Tricyclazole 425g/l	Natofull 525SE	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Hoá nông Mê Kông
364	3808	Hexaconazole 30g/l (30g/kg), (30g/l) + Tricyclazole 270g/l (770 g/kg), (470g/l)	Perevil 300SC, 800WP, 500SC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
365	3808	Hexaconazole 50g/l + Tricyclazole 450g/l	Gold duck 500SC	Vàng lá do nấm/lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
366	3808	Hexaconazole 30g/kg + Tricyclazole 670g/kg	Trihexad 700WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Bình Điền Mê Kông
367	3808	Hexaconazole 20g/l + Tricyclazole 800g/l	Newgold 820SC	vàng lá chín sớm/ lúa	Công ty CP XNK Thọ Khang
368	3808	Hexaconazole 50 g/kg, 50g/l + Tricyclazole 700g/kg, 299.8g/l + Gibberellic acid 1g/kg,	Acseedplus 751WP, 350SC	đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Á Châu

		0.2g/l			
369	3808	Imibenconazole (min 98.3 %)	Manage 5 WP, 15WP	5WP: phòng lá/ chè; rỉ sắt/ đậu tương; thán thư/ vải, xoài; đốm đen/ hoa hồng; phấn trắng/ dưa chuột, dưa hấu, hoa hồng, nho; vàng lá/ lúa 15WP: rỉ sắt, đốm lá/ lạc; rỉ sắt/ đậu xanh	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
370	3808	Iminoctadine (min 93%)	Bellkute 40 WP	phấn trắng/ hoa hồng; vàng lá/ lúa	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
371	3808	Iprobenfos (min 94%)	Kisaigon 10 GR, 50 EC	10GR: đạo ôn, thối thân/ lúa 50EC: khô vằn, đạo ôn/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
			Kitatigi 5GR, 10GR, 50EC	5GR, 10GR: đạo ôn/ lúa 50EC: đạo ôn, thối thân/ lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
			Tipozin 50 EC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM Thái Phong
			Vikita 10 GR, 50 EC	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
372	3808	Iprobenfos 20 % + Isoprothiolane 20%	Vifuki 40 EC	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
373	3808	Iprobenfos 30% (10g/l), (10g/kg)+ Isoprothiolane 15% (390g/l), (390g/kg)	Afumin 45 EC, 400EC, 400WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
374	3808	Iprobenfos 100g/kg + Monosultap 50g/kg	Fulsult 15GR	Đạo ôn, rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông dược HAI
375	3808	Iprobenfos 10% (400g/kg) + Tricyclazole 10% (400g/kg)	Dacbi 20 WP, 800WP	20WP: khô vằn/ lúa 800WP: đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Hạt giống HANA
376	3808	Iprobenfos 14% + Tricyclazole 6%	Lúa vàng 20WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
377	3808	Iprobenfos 25g/kg (100g/kg), (88g/kg) + Tricyclazole 500g/kg (750g/kg), (800g/kg)	Superbem 750WP, 850WP, 888WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP VT NN Hoàng Nông
378	3808	Iprodione (min 96 %)	Citione 350SC, 500WP, 700WG	350SC, 500WP: lem lép hạt/ lúa 700WG: khô vằn/ lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
			Doroval	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV

			50 WP		Long An
			Givral 500WP	lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
			Hạt chắc 50WP	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
			Hạt vàng 50 WP, 250SC	50WP: lem lép hạt/ lúa 250SC: lem lép hạt/ lúa, đốm quả/ nhần	Công ty CP BVTV Sài Gòn
			Matador 750WG	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH CN KH Mùa màng Anh Rê
			Niforan 50WP	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Nicotex
			Prota 50 WP, 750 WG	50WP: lem lép hạt, vàng lá, khô vằn/ lúa; héo vàng/ đậu tương 750WG: lem lép hạt, khô vằn/ lúa	Công ty TNHH Phú Nông
			Prozalthai 500SC	khô vằn/ lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam
			Rora 750WP	lem lép hạt, khô vằn/ lúa; đốm lá/ đậu tương; thán thư/ điều, hồ tiêu	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
			Rorang 50WP	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH - TM ACP
			Rovannong 50 WP, 250SC, 500SC, 750 WG	50WP: khô vằn/ lúa 250SC, 500SC, 750WG: lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH An Nông
			Royal 350 SC, 350 WP	lem lép hạt, khô vằn/ lúa.	Công ty TNHH TM – DV Thanh Sơn Hóa Nông
			Rovral 50 WP, 750WG	50WP: lem lép hạt/ lúa; đốm lá/ cà chua, dưa hấu, bắp cải, lạc; thán thư/ cà phê 750WG: đốm lá/ lạc, cà phê; lem lép hạt, khô vằn/ lúa	FMC Agricultural Products Interational AG
			Tilral 500 WP	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
			Viroval 50 WP	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
			Zoralmy 50WP, 250SC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Á Châu
379	3808	Iprodione 200g/l,	Rollone	500SC, 550WP, 502WP, 750WP: lem lép hạt/	Công ty CP Thuốc BVTV

		(50g/kg), (251g/kg), (400g/kg), (10g/kg) + Sulfur 300g/l, (500g/kg), (251g/kg) (350g/kg), (800g/kg)	500SC, 550WP, 502WP, 750WP, 810WP	lúa 810WP: vàng lá/ lúa	Việt Trung
380	3808	Iprodione 50g/kg + Tricyclazole 700g/kg	Bemgold 750WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
381	3808	Iprodione 350g/kg + Zineb 250g/kg	Bigrorpran 600WP	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
382	3808	Isoprothiolane (min 96 %)	Aco one 400EC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH - TM Thái Nông
			Anfuan 40EC, 40WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH An Nông
			Dojione 40 EC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
			Fuan 40 EC	đạo ôn lá, đạo ôn cổ bông/ lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
			Fuannong 400EC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH US.Chemical
			Fu-army 30 WP, 40 EC	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Nicotex
			Fujiduc 450EC, 400EC	Đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Việt Đức
			Fuji - One 40 EC, 40WP	đạo ôn/ lúa	Nihon Nohyaku Co., Ltd.
			Fujy New 40 EC, 400 WP, 450EC, 470EC, 500EC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH – TM Nông Phát
			Fuel - One 40EC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
			Funhat 40EC, 40WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
			Futrangone 40EC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
			Fuzin 400 EC, 400 WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
			Iso one 40EC	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam
			Jia-Jione	đạo ôn/ lúa	Công ty CP

			40EC, 400WP		Jia Non Biotech (VN)
			Kara-one 400EC, 400WP	đạo ôn/ lúa	Eastchem Co., Ltd.
			Lumix 40EC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH – TM Tân Thành
			One - Over 40 EC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH XNK QT SARA
			Vifusi 40 EC	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
383	3808	Isoprothiolane 40% + Kasugamycin 2%	Fukasu 42WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Công nghệ NN Chiến Thắng
384	3808	Isoprothiolane 230g/kg + Kasugamycin 20g/kg + Tricyclazole 550g/kg	Topzole 800WG	vàng lá chín sớm/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
385	3808	Isoprothiolane 50g/l + Propiconazole 250g/l	Tung super 300EC	lem lép hạt/ lúa; đốm lá, rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
386	3808	Isoprothiolane 200g/l + Propiconazole 150g/l	Tilred Super 350EC	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Hóa nông Mỹ Việt Đức
387	3808	Isoprothiolane 150g/l + Propiconazole 100g/l + Tricyclazole 350g/l	Tinanosuper 600SE	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông
388	3808	Isoprothiolane 10.5g/l (421g/l) (100g/kg), (10g/kg) (1g/kg), (1g/kg) + Propineb 4.5g/l (5g/l) (150g/kg), (55g/kg), (710g/kg), (50g/kg) + Tricyclazole 400g/l (5g/l) (400g/kg), (150g/kg), (10g/kg), (760g/kg)	Eifelgold 415SC, 431EC, 650WP, 215WP, 721WP, 811WP	415SC, 431EC, 650WP, 215WP, 811WP: Đạo ôn/lúa 721WP: mốc sương/ khoai tây	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
389	3808	Isoprothiolane 40% + Sulfur 3%	Tung One 430 EC	đạo ôn/ lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
390	3808	Isoprothiolane 250g/kg + Sulfur 400 g/kg	Puvertin 650WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Nông dược Việt Thành
391	3808	Isoprothiolane 250g/kg	Bimmy 800.8WP	Đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH An Nông

		+ Sulfur 350g/kg + 200.8g/kg Tricyclazole			
392	3808	Isoprothiolane 405g/l (0.5g/), (10g/kg), (300g/kg), (10g/kg) + Sulfur 19.5g/l (20g/l), (400g/kg), (200g/kg), (55g/kg) + Tricyclazole 0.5g/l (400.5g/l), (55g/kg), (300g/kg), (755g/kg)	Ricegold 425SC, 421SC, 465WP, 800WP, 820WP	425SC: Đạo ôn, lem lép hạt, vàng lá chín sớm/lúa 421SC, 465WP, 800WP, 820WP: Đạo ôn/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
393	3808	Isoprothiolane 400g/l + Tebuconazole 150g/l	Gold-buffalo 550EC	Khô vằn, đạo ôn/lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
394	3808	Isoprothionale 400g/kg + Thiophanate Methyl 100g/kg + Tricyclazole 200g/kg	Kachiusa 700WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH An Nông
395	3808	Isoprothiolane 250g/kg (10g/kg) + Tricyclazole 400g/kg (800g/kg)	Citiusa 650WP, 810WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Lan Anh
396	3808	Isoprothiolane 400g/kg (250g/kg) + 250 g/kg (618g/kg)Tricyclazole	Trizim 650WP, 868WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH vật tư BVTV Phương Mai
397	3808	Isoprothiolane 250g/kg + Tricyclazole 400g/kg	Downy 650WP	Đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH BMC
398	3808	Tricyclazole 450g/kg + Isoprothiolane 250g/kg	Bulny 700WP	Đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM SX Ngọc Yến
399	3808	Isoprothiolane 18g/kg (266g/kg), (460g/kg)+ Tricyclazole 30g/kg (400g/kg), (400g/kg)	NP G6 4.8GR, 666WP, 860WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
400	3808	Isoprothiolane 30% + Tricyclazole 40%	Triosuper 70WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
401	3808	Isoprothiolane 400g/kg (250g/kg), (400g/kg) + Tricyclazole 200g/kg (400g/kg), (400g/kg)	Bump 600WP, 650WP, 800WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH ADC

402	3808	Isoprothionale 400g/kg (200g/l) + Tricyclazole 250g/kg (325g/l)	Bom-annong 525SE, 650WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH An Nông
403	3808	Isoprothiolane 400g/kg + Tricyclazole 400g/kg	Acfubim 800WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Á Châu
			Bim 800WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
			Fireman 800WP	Cháy lá/ lúa	Công ty CP TST Cần Thơ
			Trifuaic 800WP	Đạo ôn/Lúa	Công ty CP Hoá chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
404	3808	Isoprothiolane 375g/kg + Tricyclazole 375g/kg	Bimson 750WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM Tùng Dương
405	3808	Isoprothiolane 320g/kg + Tricyclazole 530g/kg	Bulny 850WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yên
406	3808	Isoprothiolane 250g/kg (400g/kg) + Tricyclazole 400 g/kg (400g/kg)	Ka-bum 650WP, 800WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
407	3808	Isoprothiolane 350g/kg + Tricyclazole 400g/kg	Bim-fu 750WG	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Việt Đức
408	3808	Iprovalicarb 55 g/kg + Propineb 612.5g/kg	Melody duo 66.75WP	mốc sương/ nho, dưa hấu, cà chua; sương mai/ hành, hoa hồng; thán thư/ ớt; sương mai, thán thư/ vải; sương mai/dâu tây	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
409	3808	Kanamycin sulfate (min 98%)	Marolyn 10WP	khô vằn/lúa, rỉ sắt, thán thư/lạc, thối nhũn/bắp cải	Công ty CP Trường Sơn
410	3808	Kasugamycin (min 70 %)	Asana 2SL	đạo ôn, khô vằn, bạc lá/ lúa; thối nhũn/ bắp cải, cải xanh; héo xanh/ cà chua; sẹo/ cam; thối quả/ nhãn, xoài, sầu riêng, vải	Công ty TNHH SX TM Tô Ba
			Bactecide 20SL, 60WP	bạc lá, đạo ôn/ lúa; thán thư/ ớt; phấn trắng/ bầu bí	Công ty CP Vật tư NN Hoàng Nông
			Bisomin 2SL, 6WP	2SL: đạo ôn, bạc lá/ lúa; thán thư, sẹo/ cam, quýt; thán thư, thối quả/ vải, nhãn, xoài; héo rũ, lở cổ rễ/ cà chua, bắp cải; thối quả, phấn trắng/ nho 6WP: đạo ôn, bạc lá/ lúa; phấn trắng/ nho	Bailing Agrochemical Co., Ltd
			Calistar	20SC: đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV

20SC, 25WP	25WP: lem lép hạt/ lúa	LD Nhật Mỹ
Chay bia la 2SL	bạc lá/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
Citimycin 20SL	đạo ôn, bạc lá/ lúa	Eastchem Co., Ltd.
Fujimin 20SL, 50WP	đạo ôn, vàng lá, đốm sọc, bạc lá/ lúa; chết ẻo cây con/ cà chua, đậu trạch, bí xanh, dưa chuột.	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
Fukmin 20 SL	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
Golcol 20SL, 50WP	đạo ôn, vàng lá, đốm sọc, bạc lá/ lúa; chết ẻo cây con/ cà chua, đậu trạch, bí xanh, dưa chuột.	Công ty Cổ phần Nông dược Việt Nam
Goldkamin 20SL, 30 SL	đạo ôn, bạc lá/ lúa; thối đen/ bắp cải; thối nhũn/ hành; thán thư /xoài	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
Grahitech 2SL, 4SL, 4WP	đạo ôn, bạc lá, vàng lá, lem lép hạt/ lúa; thối nhũn/ bắp cải, hành; lở cổ rễ/ thuốc lá, dưa chuột, dưa hấu, cà chua; bệnh sọc/ cam; thán thư/ vải, xoài	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
JAVI Min 20SL, 60WP	20SL: lem lép hạt/ lúa 60WP: đạo ôn/ lúa	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
Kamycinjapane 60WP, 80WP	60WP: bạc lá/ lúa 80WP: đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Hóa chất & TM Trần Vũ
Kamsu 2SL, 4SL, 8WP	đạo ôn, vàng lá, bạc lá, lem lép hạt/ lúa; thối nhũn do vi khuẩn/ hành, bắp cải; lở cổ rễ/ cà chua, dưa chuột, dưa hấu, thuốc lá, thuốc lào; sọc/ cam; thán thư/ vải, nhãn, xoài, nho, điều, hồ tiêu.	Công ty TNHH Việt Thắng
Karide 2SL, 3SL, 6WP	2SL: đạo ôn, bạc lá/ lúa; thối đen/ bắp cải; thối nhũn/ hành 3SL, 6WP: đạo ôn, bạc lá /lúa; thối đen/ bắp cải; thối nhũn/ hành; thán thư /xoài; phấn trắng/ nho	Công ty TNHH An Nông
Kasuduc 3SL, 18SL, 20SL, 22SL, 60WP, 100WP	3SL: Bạc lá/lúa 18SL, 22SL, 60WP: đạo ôn/ lúa 20SL, 100WP: đạo ôn, bạc lá/ lúa	Công ty TNHH Việt Đức
Kasugacin 2 SL, 3 SL	2SL: lở cổ rễ/ bắp cải 3SL: khô vằn, đạo ôn/ lúa; sương mai/ dưa chuột	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam
Kasumin 2 SL	đạo ôn, đốm sọc, bạc lá, đen lép hạt do vi khuẩn/ lúa; thối vi khuẩn/ rau, bắp cải; ung thư/ cam;	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.

				đốm lá/ lạc	
			Kasustar 15SC, 62WP	15SC : vàng lá/ lúa 62WP : lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Pháp Thụy Sĩ
			Kata 2 SL	đạo ôn, bạc lá, lem lép hạt/ lúa; thối nhũn/ bắp cải; đốm lá/ lạc; bệnh loét/ cam	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
			Katamin 3SL	Đạo ôn, bạc lá/lúa	Công ty TNHH – TM Tân Thành
			Kminstar 20SL, 60WP	đạo ôn, lem lép hạt/ lúa; sẹo/ cam; thối vi khuẩn/ bắp cải; thối quả/ vải, xoài	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
			Fortamin 2 SL, 3SL, 6WP	2SL : đạo ôn, đốm nâu, bạc lá/ lúa; đốm lá/ dưa chuột; thán thư/ dưa hấu, xoài; thối nhũn/ bắp cải; sẹo/ cam 3SL, 6WP : đạo ôn, đốm nâu, bạc lá/ lúa; phấn trắng/ dưa chuột; thối nhũn/ bắp cải; thán thư/ xoài; sẹo/ cam	Công ty TNHH Phú Nông
			Newkaride 2 SL, 3SL, 6WP	2SL : đạo ôn, bạc lá/ lúa; thối đen/ bắp cải; thối nhũn/ hành 3SL, 6WP : đạo ôn, bạc lá/ lúa; thối đen/ bắp cải; thối nhũn/ hành; thán thư/ xoài; phấn trắng/ nho	Công ty TNHH US.Chemical
			Tabla 20 SL	bạc lá, đạo ôn/ lúa; thối nhũn/ bắp cải	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
			Trasuminjapane 2SL, 3SL, 8WP	đạo ôn, bạc lá, khô vằn, đốm nâu/ lúa; thối nhũn/ bắp cải; đốm lá/ dưa chuột; thán thư/ dưa hấu, xoài; loét sẹo vi khuẩn/ cam	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
			Saipan 2 SL	đạo ôn, bạc lá/lúa, thối nhũn/bắp cải, loét/cam	Công ty CP BVTV Sài Gòn
			Usakacin 6WP, 30SL	6WP : Đạo ôn/ lúa 30SL : Bạc lá/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
411	3808	Kasugamycin 20 g/kg + Isoprothiolane 180g/kg + Tricyclazole 650 g/kg	Tranbemusa 850WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
412	3808	Kasugamycin 2g/l + Ningnanmycin 80g/l	Nikasu 82SL	Vàng lá chín sớm/lúa	Công ty TNHH CEC Việt Nam
413	3808	Kasugamycin 20 g/kg	No-vaba 68WP, 68SL	68WP : Bạc lá/lúa	Công ty TNHH Agricare

		(20g/l) + Ningnanmycin 48g/kg (48g/l)		68SL: Vàng lá chín sớm/lúa	Việt Nam
414	3808	Kasugamycin 2g/l (2g/kg) (2g/l) + Ningnanmycin 38g/l (48g/kg), (78g/l)	Linacin 40SL, 50WP, 80SL	40SL, 80SL: Vàng lá, bạc lá/lúa 50WP: Bạc lá/ lúa	Công ty CP nông dược Việt Nam
415	3808	Kasugamycin 25g/l (30g/l) + 25g/l (40g/l) Ningnanmycin	Chobits 50SL, 70SL	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
416	3808	Kasugamycin 20 g/l (40g/l) + 20 g/l (40g/l) Ningnanmycin	Parisa 40SL, 80SL	40SL: Thối nhũn/ bắp cải 80SL: Bạc lá/lúa	Công ty CP CN Hoá chất Nhật Bản Kasuta
417	3808	Kasugamycin 10g/l (15g/l) + 65g/l (85g/l) Ningnanmycin	Kamycinusa 75SL, 100SL	75SL: khô vằn/lúa; nấm hồng/cao su 100SL: thán thư/cà phê	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
418	3808	Kasugamycin 5g/kg (5g/l), (20g/kg) + Ningnanmycin 40.9g/kg (41.9g/l), (50.9g/kg) + Polyoxin B 0.1g/kg (0.1g/l), (0.1g/kg)	Gallegold 46WP, 47SL, 71WP	thán thư/ vải	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
419	3808	Kasugamycin 10g/kg (10g/l) + Ningnanmycin 40g/kg (40g/l) + Streptomycin sulfate 50g/kg (100g/l)	Famycinusa 100WP, 150SL	bạc lá/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
420	3808	Kasugamycin 9g/l (19g/l), (1g/kg), (1g/l), (59 g/kg) + Polyoxin 1g/l (1g/l), (19g/kg), (20g/l), (1g/kg)	Starsuper 10SC, 20SL, 20WP, 21SL, 60WP	10SC, 20SL, 20WP, 21SL, 60WP: đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt, vàng lá, bạc lá/ lúa; sọc/ cam; thối quả/ vải, xoài; sương mai/ cà chua 20WP: phòng lá/chè, héo xanh/dưa chuột	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
421	3808	Kasugamycin 15g/l (20g/kg) + Polyoxin 2g/l (2g/kg)	Kaminone 17SL, 22WP	Thán thư quả/vải	Công ty TNHH Pháp Thụy Sĩ

422	3808	Kasugamycin 1g/l (1g/kg) + Polyoxin B 21g/l (22g/kg)	Yomisuper 22SC, 23WP	22SC: Lem lép hạt, vàng lá chín sớm, đạo ôn/lúa 23WP: thán thư/ vải	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
423	3808	Kasugamycin 18g/kg (2g/kg) + 2g/kg (38g/kg) Streptomycin	Sunner 20WP, 40WP	20WP: đạo ôn/ lúa 40WP: bạc lá/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
424	3808	Kasugamycin 20g/kg + Streptomycin sulfate 50g/kg	Teptop 70WG	Vàng lá chín sớm/lúa	Công ty TNHH Vipes Việt Nam
425	3808	Kasugamycin 5g/kg + Streptomycin sulfate 50g/kg	Novinano 55WP	Bạc lá/lúa, héo xanh/cà chua	Công ty CP Nông Việt
426	3808	Kasugamycin 1g/kg + Streptomycin sulfate 100g/kg	Teamgold 101WP	Vàng lá chín sớm, bạc lá/ lúa; lở cổ rễ/bấp cải; héo xanh vi khuẩn/cà chua, thán thư/ớt, thối nhũn/hành	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
427	3808	Kasugamycin 15g/kg (15g/kg) + Streptomycin sulfate 60g/kg (170g/kg)	Gamycinusa 75WP, 185WP	75WP: Vàng lá chín sớm/lúa 185WP: Bạc lá/ lúa	Công ty TNHH Hoá chất và TM Trần Vũ
428	3808	Kasugamycin 20g/kg + Tricyclazole 300 g/kg	Bingle 320WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
429	3808	Kasugamycin 77g/kg + Tricyclazole 700g/kg	Javizole 777WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
430	3808	Kasugamycin 12g/kg + Tricyclazole 250g/kg	Bemsai 262 WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
431	3808	Kasugamycin 1.2% (1.2%) + Tricyclazole 20% (48.8%)	Kansui 21.2WP, 50WP	21.2WP: khô vằn /lúa 21.2WP, 50WP: Lem lép hạt, đạo ôn, vàng lá chín sớm/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
432	3808	Kasugamycin 2% + Tricyclazole 28%	Kabim 30WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP BVTV I TW
433	3808	Kasugamycin 19 g/l, 10g/kg + Tricyclazole 11g/l, 240g/kg	Ankamycin 30SL, 250WP	30SL: Bạc lá/ lúa 250WP: đạo ôn, vàng lá chín sớm/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
434	3808	Kasugamycin 2% + Tricyclazole 29%	Hibim 31WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
435	3808	Kasugamycin 2% +	Unitil	32WP: đạo ôn, bạc lá/ lúa	Công ty TNHH - TM

		Tricyclazole 30%	32WP, 32WG	32WG: đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Tân Thành
436	3808	Kasugamycin 2% + Tricyclazole 48%	Daiwantocin 50WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Futai
437	3808	Kasugamycin 10 g/kg + Tricyclazole 790g/kg	Bibojapane 800WP	Đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
438	3808	Kasugamycin 18g/l (20g/l), (10g/kg), (20g/l), (20g/kg), (20g/kg), (30g/kg) +Tricyclazole 382g/l, (420g/l), (440g/kg), (480g/l), (730g/kg), (760g/kg), (770g/kg),	Beammy-kasu 400SC, 440SC, 450WG, 500SC, 750WG, 780WG, 800WG	400SC: lem lép hạt/ lúa 440SC: đạo ôn, lem lép hạt /lúa 450WG: đạo ôn, bạc lá /lúa 500SC, 780WG, 800WG: Đạo ôn, bạc lá, lem lép hạt/lúa 750WG: bạc lá/ lúa	Công ty TNHH Việt Đức
439	3808	Kasugamycin 5% + Tricyclazole 75%	Binbinmy 80WP	Đạo ôn, bạc lá, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM Thiên Nông
440	3808	Kasugamycin 15g/kg (150g/kg) + Tricyclazole 700g/kg (700 g/kg)	Stardoba 715WP, 850WP	715WP: Vàng lá chín sớm/lúa 850WP: Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Agro Việt
441	3808	Kasugamycin 12g/l + Tricyclazole 80g/l	Kasai-S 92SC	Đạo ôn/lúa	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
442	3808	Kasugamycin 20g/kg + Tricyclazole 800g/kg	Fujitil 820WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức
443	3808	Kasugamycin 0.5% + Tricyclazole 74.5%	Haragold 75WP	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH BVTV Hoàng Anh
444	3808	Kasugamycin 35g/kg + Tricyclazole 692g/kg + Validamycin 50g/kg	Tilmec 777WP	Đạo ôn/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
445	3808	Kresoxim-methyl (min 95%)	Inari 300SC	Thán thư/ thanh long	Công ty CP NN HP
			MAP Rota 50WP	thán thư/ xoài, phấn trắng/nho, giả sương mai/dưa hấu, đốm vòng/cà chua, thán thư/ớt	Map Pacific PTE Ltd
			Sosim 300SC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
446	3808	Mancozeb (min 85%)	Aikosen 80WP	Thán thư/xoài	Công ty TNHH World Vision (VN)
			An-K-Zeb	thối quả/ vải	Công ty TNHH BVTV

80WP		An Hưng Phát
Annon Manco 80WP, 300SC, 430SC	80WP: sương mai/ khoai tây, thán thư/hoa hồng 300SC: lem lép hạt, vàng lá/ lúa; rỉ sắt/ cà phê 430SC: rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH An Nông
Byphan 800WP	thán thư/ vải	Công ty TNHH TM Bình Phương
Cadillac 75WG, 80 WP	75WG: Vàng lá chín sớm/lúa, đốm đen/hoa hồng, rỉ sắt/cà phê, thán thư/vải, mốc sương/ khoai tây 80WP: Mốc sương/khoai tây, rỉ sắt/cà phê, giả sương mai/dừa hấu; lem lép hạt/ lúa, đốm lá/ hoa cây cảnh	Agria S.A, Bulgaria
Đaiman 800WP	Lem lép hạt/lúa; mốc sương/ cà chua	Công ty TNHH Trường Thịnh
Dipomate 80 WP, 430SC	80WP: sương mai/ cà chua, rỉ sắt/ cây cảnh, lem lép hạt/ lúa 430SC: lem lép hạt/ lúa	Công ty CP BVT Sài Gòn
Dithane F - 448 43SC; M - 45 80WP, 600OS	43SC: rỉ sắt/ cà phê, lem lép hạt/ lúa 80WP: mốc sương/ cà chua, khoai tây; lem lép hạt, vàng lá, đạo ôn/lúa; mốc sương/nho, vải; thán thư/cà phê, xoài, điều; rỉ sắt cà phê. 600OS: Nấm hồng, thán thư/cao su; thán thư/điều, xoài, cà phê; rỉ sắt/ cà phê; lem lép hạt, vàng lá chín sớm/lúa	Dow AgroSciences B.V
Dizeb - M 45 80 WP	đốm lá/ lạc, ngô; đạo ôn, khô vằn/ lúa; rỉ sắt/ cà phê, đậu tương; đốm nâu/ thuốc lá; sương mai/ khoai tây	Bailing Agrochemical Co., Ltd
Dofazeb 800WP	sương mai/ khoai tây	Công ty TNHH BVT Đồng Phát
Dove 80WP	thán thư/ xoài	Công ty TNHH ADC
Forthane 43 SC, 80WP, 330FL	80WP: thán thư/ bắp cải, đạo ôn/ lúa. 43SC, 330FL: đạo ôn/ lúa	Longfat Global Co., Ltd.
Fovathane 80WP	sương mai/ khoai tây, đốm lá/ lạc; vàng rụng lá, nấm hồng/ cao su; đạo ôn/ lúa; rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH Việt Thắng
Man 80 WP	thối/ rau, rỉ sắt/ cà phê, vàng lá/ lúa	DNTN TM - DV và Vật tư Nông nghiệp Tiến Nông
Manozeb	phấn trắng/ rau, đốm lá/ đậu, chết nhanh/ hồ tiêu,	Công ty CP Nông dược

			80 WP	thán thư/ cà phê	HAI
			Manthane M 46 37 SC, 80 WP	37SC: thán thư/ xoài 80WP: sương mai/ cà chua, vàng rụng lá/cao su	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
			Penncozeb 75WG, 80 WP	75WG: thán thư/ cây ăn quả, đốm lá/ rau 80WP: thán thư/ cây ăn quả, ớt; đốm lá/ rau; rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH Baconco
			Sancozeb 80 WP	thối quả/ cam, phần trắng/ dưa chuột	Forward International Ltd
			Tenem 80 WP	mốc sương/ dưa chuột, đốm lá/ cây có múi	Công ty TNHH TM Trang Nông
			Timan 80 WP	thối nhũn/ bắp cải, ghẽ/ cam	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
			Tipozeb 80 WP	đạo ôn/ lúa, thán thư/ xoài, rỉ sắt/ cà phê, sẹo/quýt	Công ty TNHH – TM Thái Phong
			Tungmanzeb 800WP	lem lép hạt/ lúa; đốm lá/ lạc, ngô; rỉ sắt/ lạc, cà phê, ngô; thán thư/ điều, xoài	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
			Unizebando 800WP	Sương mai/cà chua	Công ty TNHH Sam
			Unizeb M - 45 75WG, 80 WP	75WG: đốm vòng/ cà chua 80WP: thán thư/ dưa hấu; rỉ sắt/ lạc; vàng lá/ lúa; sương mai/ cà chua	Công ty TNHH UPL Việt Nam
			Vimancoz 80 WP	đốm lá/ rau, thối gốc, chảy mủ/ sầu riêng; sương mai/ khoai tây; chết vàng cây con/ lạc	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
			Vosong 800WP	Sương mai/ dưa hấu	Công ty TNHH Nông Nghiệp Xanh
447	3808	Mancozeb 48% (64%) + Metalaxyl 10% (8%)	Fortazez 58WP, 72 WP	58WP: mốc sương/ cà chua 72WP: loét sọc mặt cạo/ cao su, mốc sương/ cà chua	Forward International Ltd
448	3808	Mancozeb 600 g/kg (640g/kg) + Metalaxyl 80g/kg (80g/kg)	Rorigold 680WG, 720WP	680WG: Sương mai/vải; thán thư/ cam; lem lép hạt, vàng lá chín sớm/ lúa; đốm vòng, sương mai/ cà chua 720WP: Lem lép hạt, vàng lá chín sớm/ lúa; đốm vòng/ bắp cải	Công ty TNHH Việt Thắng
449	3808	Mancozeb 0.24% (64%) + Metalaxyl 0.01% (8 %)	Biorosamil 0.25PA, 72WP	Loét sọc mặt cạo/cao su	Công ty TNHH SX - TM Tô Ba
450	3808	Mancozeb 64 % +	Agrimyl 72WP	Lem lép hạt/Lúa	Công ty CP Sinh học NN

		Metalaxyl 8 %			Hai Lúa Vàng
			Mancolaxyl 72WP	loét miệng cao/ cao su; chảy gôm/ cây có múi; lem lép hạt/ lúa; sương mai/ dừa hấu; thối rễ/ hồ tiêu; phấn trắng/ nho	Công ty TNHH UPL Việt Nam
			Mexyl MZ 72WP	sương mai/ vải thiều, cà chua; thối nân/ dừa; xì mủ/ sầu riêng; chết nhanh/ hồ tiêu; loét sọc mặt cao/ cao su; vàng lá/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
			Phesolmanco-M 72WP	Sương mai/cà chua	Công ty TNHH World Vision (VN)
			Ricide 72 WP	sương mai/ vải, phấn trắng/ nho, loét sọc mặt cao/ cao su	Công ty CP BVTV I TW
			Ridozeb 72 WP	sương mai/ cà chua	Công ty CP Nông dược HAI
			Rithonmin 72WP, 72WG	72WP: đạo ôn/ lúa, rỉ sắt/ cà phê 72WG: Vàng lá chín sớm/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
			Romil 72 WP	mốc sương/ cà chua, sương mai/ dừa hấu	Rotam Ltd
			T-Promy MZ 72WP	Loét sọc mặt cao/cao su	Công ty TNHH TM Thái Phong
			Tungsin-M 72WP	loét miệng cao/ cao su; thán thư/ điều; lem lép hạt, vàng lá/ lúa; chảy gôm/ cam; chết héo/ hồ tiêu; phấn trắng/ chôm chôm, nho; bệnh sẹo/ cây có múi; sương mai/ cà chua, bắp cải	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
			Vimonyl 72 WP	sương mai/ rau, loét sọc mặt cao/ cao su, xì mủ/sầu riêng, vàng lá chín sớm/lúa; thán thư/ớt, mốc sương/nho, thối khô cành/thanh long, chết nhanh/ hồ tiêu, sương mai/khoai tây, chết ẻo/lạc, thán thư/ điều, nứt thân/ dừa hấu	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
451	3808	Mancozeb 640g/kg (64%) + Metalaxyl 40g/kg (8%)	Rinhmyn 680WP, 720WP	680WP: vàng lá/ lúa, sương mai/ khoai tây, thán thư/ dừa hấu 720WP: loét miệng cao/ cao su, vàng lá do nấm/ lúa	Công ty TNHH An Nông
452	3808	Mancozeb 640 g/kg (640g/kg) + Metalaxyl-M 40g/kg (40g/kg)	Mekomil gold 680WG, 680WP	680WG: vàng lá chín sớm/lúa, rỉ sắt/ cà phê 680WP: đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV MeKong

453	3808	Mancozeb 640g/kg + Metalaxyl 80g/kg	Ridoman 720WP	vàng lá chín sớm/lúa	Công ty TNHH Trường Thịnh
			Zimvil 720WP	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
454	3808	Mancozeb 64% + Metalaxyl-M 4%	Suncolex 68WP	loét sọc mặt cao/ cao su, chết nhanh/ hồ tiêu, vàng lá/lúa	Sundat (S) PTe Ltd
			Rildzomigol Super 68WG	Vàng lá chín sớm/ lúa	Công ty TNHH TM – DV Nông Trang
455	3808	Mancozeb 640 g/kg + Metalaxyl-M 40 g/kg	Copezin 680WP	vàng lá/ lúa, rỉ sắt/cà phê, loét sọc mặt cao/ cao su	Công ty TNHH – TM Tân Thành
			Lanomyl 680 WP	vàng lá/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
			Ridomil Gold ® 68WG	vàng lá/ lúa; thán thư/ điều; sương mai/ ca cao; loét sọc mặt cao/ cao su; chết cây con/ thuốc lá, lạc; chết nhanh/ hồ tiêu; đốm lá/ngô	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
456	3808	Mancozeb 660g/kg + Metalaxyl-M 60g/kg	Rubbercare 720WP	Loét sọc mặt cao/cao su	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
457	3808	Mancozeb 680g/kg + Metalaxyl-M 40g/kg	Shikoku 720WG	Vàng lá chín sớm/lúa	Công ty TNHH TM-SX GNC
458	3808	Mancozeb 60% (64%) + Metalaxyl 8% (8%)	Metman bul 68WG, 72WP	68WG: vàng lá chín sớm/lúa 72WP: sương mai/vải	Agria S.A.
459	3808	Mancozeb 301.6g/l + Propamocarb.HCl 248g/l	Propman bul 550SC	sương mai/cà chua	Agria SA
460	3808	Metalaxyl (min 95 %)	Acodyl 25EC, 35WP	25EC: thối quả/ nho 35WP: nứt thân xì mủ/ sầu riêng; héo rũ, chạy dây, sương mai/ dưa hấu; thối rễ/ hồ tiêu	Công ty TNHH - TM Thái Nông
			Alfamil 25WP, 35WP	25WP: thối nhũn, héo/ rau 35WP: chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
			Binhtaxyl 25 EC	mốc sương/ khoai tây; đốm lá/ lạc	Bailing Agrochemical Co., Ltd
			Foraxyl 25 WP, 35WP	25WP: mốc sương/ khoai tây 35WP: sương mai/ dưa hấu, rỉ sắt/ đậu tương	Forward International Ltd
			Gala-super 350WP	héo rũ/ dưa hấu	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng

			Goldsai 350WP	sương mai/ cà chua	Công ty CP Quốc tế Hoà Bình
			Karoke 350WP	Xì mủ/ cam	Công ty TNHH Nông Nghiệp Xanh
			Lâmbac 35WP	Xì mủ/ sầu riêng	Công ty TNHH TM Thái phong
			Mataxyl 25WP, 500WG, 500WP	25WP: chết ẻo/ lạc, phần trắng/ nho, chết nhanh/ hồ tiêu 500WG: xì mủ/ cam, phần trắng/ bầu bí, chết nhanh/ hồ tiêu, loét sọc mặt cạo/ cao su 500WP: chết nhanh/ hồ tiêu; héo rũ, sương mai/ dưa hấu; sương mai/ khoai tây; chết ẻo/ lạc; phần trắng/ nho; loét sọc mặt cạo/ cao su, xì mủ/ sầu riêng; vàng lá chín sớm/ lúa, vàng rụng lá/cao su; thối quả, thối thân/ca cao; sương mai/cà chua; thối quả, sọc/cam; vàng lá/sắn; mốc sương/nho; thối đầu cành /thanh long; phần trắng/ đậu tương	Map Pacific PTE Ltd
			No mildew 25WP	thối/ hồ tiêu	Công ty TNHH TM Trang Nông
			Rampart 35SD	đổ ngã cây con thuốc lá	Công ty TNHH UPL Việt Nam
			Tân Qui - Metaxyl 25WP	sương mai/ vải, thối quả/ chôm chôm	Công ty TNHH Ngân Anh
			Vilaxyl 35 WP	mốc sương/ khoai tây, chết nhanh/ hồ tiêu, xì mủ/ sầu riêng, héo rũ trắng gốc/lạc; sương mai/ cà chua	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
461	3808	Metconazole (min 94%)	Anti-fusa 90SL	khô vằn/ lúa	Công ty TNHH Phú Nông
			Ozzova 90SL	thán thư/ vải, lem lép hạt, lúa von/lúa (xử lý hạt giống)	Công ty TNHH MTV Lucky
			Workup 9 SL	lem lép hạt/ lúa; thán thư/ xoài	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
462	3808	Metominostrobin (min 97%)	Ringo – L 20 SC	thán thư/ xoài, ớt, thanh long, dưa hấu	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
463	3808	Metiram Complex (min 85 %)	Polyram 80WG	chạy dây/ dưa chuột; đốm vòng/ cà chua; sương mai/ vải thiều, dưa hấu; thán thư/ hồ tiêu; thối quả/ nhãn; lúa von/ lúa	BASF Vietnam Co., Ltd.

464	3808	Metiram Complex 550g/kg + 50g/kg Pyraclostrobin (min 95%)	Cabrio Top 600WG	sương mai/ cà chua, đạo ôn/ lúa, sương mai/ dưa hầu, thán thư/ xoài, bệnh sẹo/ cam; giả sương mai/ dưa chuột, sương mai/khoai tây, rỉ sắt/đậu tương; thán thư/ớt	BASF Vietnam Co., Ltd.
465	3808	Myclobutanil (min 98%)	Kanaka 50SC, 100SC, 405WP	50SC: lem lép hạt, vàng lá chín sớm/ lúa 100SC: Vàng lá, lem lép hạt/lúa 405WP: thán thư/ vải, ớt, xoài; lem lép hạt, vàng lá/lúa; nứt quả/dưa hấu, rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH An Nông
			Myclo 400WP	Đạo ôn/lúa; chết nhanh/ hồ tiêu, nứt thân xì mũ/ dưa hấu, thán thư/ xoài; thối cành/ thanh long	Công ty CP Hóc Môn
466	3808	Myclobutanil 50g/kg (30g/kg) + Tebuconazole 250g/kg (500g/kg) + 200g/kg (250g/kg) Tricyclazole	Sieutino 500WP, 780WG	500WP: lúa von/ lúa (xử lý hạt giống) 780WG: khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH An Nông
467	3808	Myclobutanil 100g/kg + Tebuconazole 400g/kg + 250g/kg Trifloxystrobin	Rusem super 750WP	Vàng lá chín sớm/lúa	Công ty TNHH An Nông
468	3808	Myclobutanil 200g/kg + Thiodiazole Zinc 500g/kg	Usagvil 700WP	vàng lá chín sớm/lúa	Công ty TNHH An Nông
469	3808	Ningnanmycin	Annongmycin 20SL, 60SL, 80SL, 100SP	20SL: Thối đen/bắp cải 60SL: Đạo ôn/lúa 80SL: bạc lá, lem lép hạt/ lúa; thán thư/ xoài; phân trắng/ nho 100SP: thối nhũn/hành	Công ty TNHH An Nông
			Bonny 4SL	chết cây con/ lạc, bạc lá/ lúa, thối nhũn/ bắp cải, héo rũ/ cà chua, chết nhanh/hồ tiêu, sương mai/dưa chuột; chạy dây/dưa hấu; chết chậm/hồ tiêu	Công ty CP Nông dược HAI
			Cosmos 2SL	bạc lá, khô vằn, vàng lá/ lúa; hoa lá, xoắn lá, thán thư/ ớt; phân trắng, thối rễ, khô dây/ bí xanh; phân trắng, giả sương mai/ dưa chuột; hoa lá/ thuốc lá; sương mai, xoắn lá/ cà chua	Công ty CP Môi trường Quốc tế Rainbow
			Diboxilin	2SL: đạo ôn, khô vằn, bạc lá, lem lép hạt, thối	Công ty TNHH XNK Quốc tế

2 SL, 4SL, 8SL	mạ, hoa cúc, lúa von/ lúa; mốc xám, đốm lá/ bắp cải, cải xanh; héo rũ, lở cổ rễ/ cà chua; sương mai/ dưa hấu, bầu bí; héo rũ/ đậu tương, lạc, cà phê; thán thư/ cam, chanh; thối quả/ xoài, vải, nhãn, nho; vàng lá/ hoa cúc; thán thư, phấn trắng, thối nhũn/ nho; thán thư, phấn trắng/ xoài; thối nhũn/ tỏi, hành; khô bông, thán thư/ điều; rụng quả, rỉ sắt/ cà phê; chết chậm, chết nhanh/ hồ tiêu 4SL, 8SL: đốm lá, sương mai, héo rũ/ bắp cải, cải xanh, cà chua, bí đao; lở cổ rễ, khô thân/ dưa hấu; thán thư/ ớt; héo rũ / lạc; thán thư, sọc/ cam, chanh; thối quả/ nho, xoài; phòng lá/ chè; thối mạ, hoa cúc, lúa von/ lúa; thán thư, phấn trắng/ nho, xoài; thối nhũn/ hành, tỏi; khô bông, thán thư/ điều; rụng quả, rỉ sắt/ cà phê; chết chậm, chết nhanh/ hồ tiêu	SARA
Ditacin 8 SL, 10 WP	8SL: héo rũ, bệnh khảm, bệnh sáng gân/ thuốc lá; sương mai/ cà chua; bạc lá, vàng lá/ lúa; thối nõn/ dưa; héo xanh/ lạc, cà chua, dưa chuột, bí xanh 10WP: vàng lá/ lúa; khảm/ thuốc lá; héo rũ/ lạc	Công ty TNHH Nông Sinh
Evanton 40SL, 80SL	40SL: Thối nhũn/bắp cải, bạc lá/lúa 80SL: Héo rũ/dưa hấu, bạc lá/lúa	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam
Fukuda 3SL	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH TM-SX GNC
Jonde 3SL	Cháy bìa lá/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
Kozuma 3SL, 5WP, 8SL	3SL, 5WP, 8SL: khô vằn, đạo ôn, bạc lá, vàng lá, lem lép hạt lúa / lúa; vàng lá/ hoa cúc; xoắn lá/ ớt; sương mai/ dưa hấu; loét/ cam; héo khô/ bí xanh; khảm, héo rũ/ thuốc lá; héo rũ/ cà phê, đậu tương, lạc; thối quả/ xoài, nho, nhãn, vải; lở cổ rễ, héo rũ/ cà chua 8SL: thối nhũn/ hành, tỏi; chết nhanh, chết chậm/ hồ tiêu	Công ty CP Nông nghiệp HP
Kufic 80SL	héo xanh/ cà chua, bạc lá/lúa	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
Lincolnusa 15WP, 81SL	15WP: Bạc lá/ lúa 81SL: Bạc lá/ lúa, thối nhũn/ hành	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ

Molbeng 2SL, 4SL, 8SL	2SL: bạc lá/ lúa, héo rũ/ cà chua; sương mai/ dưa hấu; thối quả/ xoài, vải 4SL: bạc lá/ đạo ôn, lem lép hạt/ lúa; mốc xám/ bấp cải; sương mai, lở cổ rễ/ cà chua; sương mai/ dưa hấu, bí xanh; thối quả / vải, xoài 8SL: bạc lá, đạo ôn, khô vằn/ lúa; héo rũ, lở cổ rễ/ cà chua; sương mai/ bí xanh, dưa hấu; thán thư, thối quả/ xoài; mốc xám/ nho	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
Naga 80SL	Bạc lá/lúa; thối nhũn/cải bắp, chết chậm/hồ tiêu, héo xanh/cà chua	Công ty CP Hốc Môn
Niclosat 2SL, 4SL, 8SL	khô vằn, bạc lá/ lúa; lở cổ rễ/ lạc, đậu đỗ, cải bắp; khô cành/ cà phê; lở cổ rễ, sương mai/ cà chua; khô vằn/ ngô; thối gốc/ khoai tây, bí xanh; xoắn lá/ ớt; hoa lá/ thuốc lá; nấm hồng/ cao su	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
Ningnastar 30SL, 40SL, 50WP, 80SL, 100SL, 50SL, 60SL, 150SL	30SL, 50WP, 80SL: vàng lá, đạo ôn, khô vằn/ lúa; phần trắng/ dưa chuột 40SL: Vàng lá/lúa 100SL: lem lép hạt/lúa 50SL: phần trắng/dưa chuột 60SL, 150SL: vàng lá chín sớm/lúa	Công ty CP Vật tư NN Hoàng Nông
Pyramos 20SL, 40SL, 80SL, 70SL	20SL: Sương mai/cà chua 40SL: Bạc lá/ lúa 70SL : lem lép hạt, bạc lá/lúa 80SL: Phần trắng/dưa hấu	Công ty TNHH Hoá chất và TM Trần Vũ
Romexusa 2SL, 20WP, 82SL	2SL: phần trắng/ đậu tương 20WP, 82SL: bạc lá/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
Somec 2 SL	bệnh hoa lá/ thuốc lá; bệnh hoa lá, xoắn lá/ ớt; bạc lá, vàng lá/ lúa; thối rễ, khô dây/ bí xanh; phần trắng/ dưa chuột; sương mai/ cà chua	Công ty TNHH Trường Thịnh
Spagold 40SL	Vàng lá chín sớm/lúa	Công ty CP Hatashi Việt Nam
Sucker 2SL, 4SL, 8SL, 50SL, 70SL	2SL, 4SL, 8SL: đạo ôn, khô vằn, bạc lá, lem lép hạt, thối mạ, lúa von/ lúa; thán thư /cam; mốc xám, đốm lá/ bắp cải; héo rũ, lở cổ rễ/ cà chua; thối quả, phần trắng/ xoài; rỉ sắt/ cà phê; thối nhũn/ hành, tỏi; khô bông/ điều 50SL, 70SL: lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang

			Supercin 20SL, 40SL, 50WP, 80SL	khô vằn, đạo ôn, vàng lá, lem lép hạt, bạc lá/ lúa; giả sương mai/ cà chua, dưa chuột, bầu bí; thối nhũn/ bắp cải.	Công ty CP nông dược Việt Nam
			Supermil 20SL, 40SL, 50WP, 80SL	đạo ôn, vàng lá, đốm sọc, bạc lá/ lúa; chết éo cây con/ cà chua, dưa chuột, đậu trạch, bí xanh; thối nhũn/ bắp cải.	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
			Thaiponbao 40SL, 80SL	40SL: phần trắng/ nho, bạc lá/lúa 80SL: bạc lá/ lúa	Công ty TNHH - TM Thải Phong
470	3808	Ningnanmycin 10g/kg (17g/l), (10g/kg) + Polyoxin B 11g/kg (10g/l), (22g/kg)	Polysuper 21WP, 27SL, 32WP	thán thư/ vẩy	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
471	3808	Ningnanmycin 5g/kg (41g/kg), (61g/kg) + Polyoxin B 11g/kg (10g/kg), (10g/kg) + Streptomycin sulfate 5g/kg (52g/kg), (167g/kg)	Sunshi 21WP, 103WP, 238WP	thán thư/ vẩy	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
472	3808	Ningnanmycin 5g/kg (43g/kg), (61g/kg) + Polyoxin B 11g/kg (10g/kg), (10g/kg) + Streptomycin sulfate 5g/kg (50g/kg), (167g/kg)	Rorai 21WP, 103WP, 238WP	thán thư/ vẩy	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
473	3808	Ningnanmycin 10 g/l (10g/kg) (50g/kg), (60g/kg), (20g/l) + Streptomycin sulfate 50g/l (68g/kg), (50g/kg), (176g/kg), (60g/l)	Mycinusa 60SL, 78WP, 100WP, 236WP, 80SL	60SL: khô vằn/ lúa 78WP, 80SL, 236WP: Bạc lá/ lúa 100WP: Vàng lá chín sớm, bạc lá/lúa	Công ty TNHH Hoá chất & TM Trần Vũ
474	3808	Ningnanmycin 60g/kg +Streptomycin 490g/kg	Liveshow 550WP	thán thư/xoài; vàng lá chín sớm, đạo ôn, lem lép hạt, đốm sọc vi khuẩn, bạc lá /lúa; phần trắng/cam	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
475	3808	Ningnanmycin 25g/l (30g/l), (40g/l)	Vitaminusa 450SC, 500SC, 550SC,	450SC, 500SC: vàng lá chín sớm, đạo ôn /lúa 550SC: vàng lá chín sớm/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang

		(10g/kg) + Tricyclazole 425g/l (470g/l), (510g/l), (790g/kg)	800WP	800WP: đạo ôn/ lúa	
476	3808	Ningnanmycin 27g/kg + Tricyclazole 700g/kg + Validamycin 50g/kg	Goldbem 777WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Quốc tế Hoà Bình
477	3808	Oligo-alginate	M.A Maral 10SL, 10WP	10SL: đốm vòng/ cà rốt; kích thích sinh trưởng/ chè; 10WP: kích thích sinh trưởng/ bắp cải, cà rốt, cây hoa cúc	Công ty TNHH Ngân Anh
478	3808	Oligo-sacarit	Olicide 9SL	rỉ sắt/ chè, sương mai/ bắp cải, chết nhanh (héo rũ)/ hồ tiêu, đạo ôn/ lúa	Viện Nghiên cứu Hạt nhân
479	3808	Oligosaccharins	Tutola 2.0SL	sương mai/ cà chua; chấm xám/ chè; rỉ sắt/ hoa cúc; đạo ôn/ lúa	Công ty CP BVTV I TW
480	3808	Oxathiapiprolin (min 95%)	Dupont TM Zorvec TM Enicade TM 10 OD	Sương mai/ cà chua	Dupont Vietnam Ltd
481	3808	Oxine Copper (min 99%)	Cadatil 33.5SC	cháy bìa lá/ lúa	Công ty TNHH TM Anh Thơ
			Funsave 33.5SC	bạc lá/ lúa	Zhejiang Hisun Chemical Co., Ltd
482	3808	Oxolinic acid (min 93 %)	G-start 200WP	bạc lá/lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Á Châu
			Oka 20WP	bạc lá/ lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
			Oxo 200WP	bạc lá/lúa, thối nhũn/ bắp cải, loét vi khuẩn/ cam	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Ngọc Lâm
			Sieu tar 20WP	bạc lá/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
			Starner 20WP	lem lép hạt, bạc lá/ lúa; thối nhũn/ bắp cải	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
			Staneusamy 20WP	Vàng lá chín sớm/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
			Starwiner 20WP	Bạc lá, lem lép hạt/lúa	Công ty CP Công nghệ NN Chiến Thắng
483	3808	Oxolinic acid 200g/kg +Salicylic acid 50g/kg	Dorter 250WP	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH An Nông

484	3808	Oxolinic acid 130g/kg (500g/kg) + Salicylic acid 30g/kg (100g/kg) + Thiophanate Methyl 40g/kg (180g/kg)	Shaner super 200WP, 780WP	200WP: Thối nhũn/bấp cải 780WP: Lem lép hạt, bạc lá, vàng lá chín sớm/lúa; thán thư/ vải	Công ty TNHH An Nông
485	3808	Oxolinic acid 100g/kg + Streptomycin sulfate 25g/kg	Map lotus 125WP	Bạc lá/lúa	Map Pacific Pte Ltd
486	3808	Oxolinic acid 100g/kg + Streptomycin sulfate 100g/kg	Lino oxto 200WP	bạc lá/lúa	Công ty CP Liên Nông Việt Nam
487	3808	Oxonilic acid 200g/kg + Tricyclazole 550g/kg	Tryxo 750WP	bạc lá/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
488	3808	Oxytetracycline	Usastano 500WP	vàng lá, bạc lá/ lúa, đốm vòng/ bắp cải	Công ty TNHH An Nông
489	3808	Oxytetracycline Hydrochloride 60g/kg + Gentamicin sulfate 20g/kg	Oxysunfate 80WP	Bạc lá/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
490	3808	Oxytetracycline 50g/kg + Streptomycin 50 g/kg	Miksabe 100WP	bạc lá, đốm sọc vi khuẩn, lem lép hạt, vàng lá/ lúa; héo xanh/ cà chua; loét, sẹo/ cam; héo rũ cây con/ thuốc lá; đốm lá/ dưa chuột; héo cây con/ dưa hấu; héo rũ cây con, phân trắng/ cà phê; thối hoa/ hoa hồng; thối gốc/ hoa ly; héo rũ/ hoa cúc; thối nhũn, thối đen gân lá/ bắp cải; thối quả/ cà chua	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
			Oxycin 100WP	Thối nhũn /bắp cải	Công ty TNHH Hóa chất Đại Nam Á
491	3808	Oxytetracycline 400g/kg + Streptomycin 100g/kg	Centertaner 500WP	Vàng lá chín sớm/lúa	Công ty TNHH An Nông
492	3808	Oxytetracycline hydrochloride 55% + Streptomycin Sulfate 35%	Marthian 90SP	héo xanh/ cà chua	Công ty TNHH Hạt giống HANA
493	3808	Oxytetracycline hydrochloride 550g/kg + Streptomycin sulfate	Ychatot 900SP	Héo xanh/cà chua, bạc lá/lúa	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI

		350g/kg			
494	3808	Oxytetracycline 50g/kg + Streptomycin 50g/kg + Gentamicin 10g/kg	Banking 110WP	Bạc lá/lúa, thán thư/thanh long; chết nhanh/hồ tiêu	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
495	3808	Oxytetracycline hydrochloride 2g/kg (5g/kg), (50 g/kg) + Streptomycin sulfate 100g/kg (100g/kg), (100g/kg)	Avikhuan 102 SP, 105SP, 150SP	Bạc lá/lúa	Công ty CP XNK nông dược Hoàng Ân
496	3808	Oxytetracycline 100g/kg + Tecloftalam 600g/kg	Oxtalam 700WP	vàng lá chín sớm/lúa	Công ty TNHH An Nông
497	3808	Oxytetracycline 300g/kg + Tetramycin 200g/kg	Goldfull 500WP	thối nhũn/hành; cháy bìa lá, thối củ /gừng; thán thư/ớt; vàng lá chín sớm, bạc lá/lúa	Công ty TNHH An Nông
498	3808	<i>Paecilomyces lilacinus</i>	Palila 500WP (5 x 10 ⁹ cfu/g)	bệnh do tuyến trùng gây ra trên cà rốt, cà chua, hồ tiêu, lạc, thuốc lá, cà phê	Công ty TNHH Nông Sinh
499	3808	Penconazole (min 95%)	Penazon 100EC	Đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Việt Hoá Nông
500	3808	Pencycuron (min 99 %)	Alfaron 25 WP	khô vằn/ lúa, chết rạp cây con/ đậu tương	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
			Forwaceren 25 WP	khô vằn/ lúa, đổ ngã cây con/ khoai tây	Forward International Ltd
			Luster 250 SC	khô vằn/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
			Monceren 250 SC	khô vằn/ lúa, bệnh do Rhizoctonia solani/ bông vải, chết ẻo/ lạc	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
			Moren 25 WP	khô vằn/ lúa, chết ẻo cây con/ rau	Công ty CP BVTV I TW
			Vicuron 25 WP, 250 SC	25WP: khô vằn/ lúa, lở cổ rễ/ cà chua 250SC: khô vằn/ lúa, lở cổ rễ/ bông vải	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
501	3808	Pencycuron 150g/kg + Tebuconazole 120g/kg	Arakawa 270WP	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM-SX GNC
			Teb 270WP	Lem lép hạt/lúa, lở cổ rễ/ hoa cúc	Sundat (S) PTe Ltd
502	3808	Physcion	Dofine 0.5SL	Phân trắng/ bí đao	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
503	3808	Picoxystrobin	DuPont TM Aproach [®]	Vàng lá chín sớm, khô vằn, lem lép hạt, đạo	Dupont Vietnam Ltd

		(min 98.5%)	250SC	ôn/lúa	
504	3808	Phosphorous acid	Agri - Fos 400SL	bệnh do nấm Phythophthora/ sâu riềng; chết nhanh, vàng lá thối rữa/ hồ tiêu, vàng rụng lá/cao su; đạo ôn, lem lép hạt, bạc lá, khô vằn/ lúa; đốm nâu/ thanh long; xử lý hạt giống trừ bệnh đạo ôn/ lúa	Công ty CP Phát triển CN sinh học (DONA- Techno)
			Herofos 400 SL	mốc sương/ nho, tuyến trùng/ hồ tiêu, cỏ sân golf, bắp cải	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
505	3808	Polyoxin complex (min 31 %)	Polyoxin AL 10WP	đốm lá/ hành	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
506	3808	Polyoxin B	5 Lua 3SL, 20WP	3SL: Phần trắng/ bí; sương mai/ cà chua; đạo ôn, bạc lá/ lúa 20WP: Phần trắng/ bí; sương mai/ cà chua; đạo ôn, bạc lá, khô vằn/ lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
			Caligold 20WP	Bạc lá/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
			Ellestar 1SL, 1WP, 3SL, 10WP, 20WP, 40WP	1SL: khô vằn/ lúa; đốm lá/ lạc 1WP: sương mai/ cà chua; đạo ôn/ lúa 3SL: phần trắng/ bầu bí 10WP: phần trắng/ bầu bí; bạc lá, khô vằn/ lúa; đốm lá/ lạc; sương mai/ cà chua 20WP, 40WP: đạo ôn, lem lép hạt, vàng lá, khô vằn/ lúa; phần trắng/ xoài; lở cổ rễ/ bắp cải; sương mai/ cà chua	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
507	3808	Polyoxin B 2g/kg + Streptomycin sulfate 100g/kg	Anlisa 102WP	Vàng lá chín sớm/lúa	Công ty TNHH thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
508	3808	Polyphenol chiết xuất từ cây núc nác (<i>Oroxylum indicum</i>) và lá, vỏ cây liễu (<i>Salix babylonica</i>)	Chubeca 1.8SL	thán thư, héo rũ/ ớt; thối nhũn/ cải xanh; lở cổ rễ/ bắp cải; khô vằn, lem lép hạt, bạc lá, đạo ôn/lúa; nhện lông nhung/nhãn; thán thư/ xoài, thanh long	Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ hóa sinh
509	3808	Prochloraz (min 97%)	Agrivil 250EC	khô vằn/ lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
			Atilora 48EC	lem lép hạt/ lúa	Asiagro Pacific Ltd
			Dailora	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Futai

			25EC		
			Mirage 50 WP, 450EC	50WP: đốm vòng/ cà chua, thán thư/ hồ tiêu 450EC: lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam
			Nizonix 25EC	đốm khô lá/ hành	Công ty CP Nicotex
			Talent 50WP	thán thư/ xoài, cà phê, vải	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
510	3808	Prochloraz-Manganese complex	Trinong 50WP	khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt, thối thân/ lúa; đốm vòng, thối hạch/ bắp cải; thán thư/ xoài; đốm vòng/ củ hành tím	Công ty TNHH Phú Nông
511	3808	Prochloraz 400 g/l + Propiconazole 90 g/l	Picoraz 490 EC	lem lép hạt, đạo ôn/ lúa; đốm lá/ lạc	Công ty TNHH Adama Việt Nam
512	3808	Prochloraz 250g/kg + Propineb 500g/kg	Forlione 750WG	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
513	3808	Prochloraz 50g/kg + Tricyclazole 500g/kg	Anizol 550WP	Vàng lá chín sớm/lúa	Công ty TNHH Pháp Thụy Sĩ
514	3808	Prochloraz 10g/l (400g/l), (10g/kg), (100g/kg), (1g/kg) + Sulfur 35g/l (20g/l), (450g/kg), (300g/kg), (70g/kg) + Tricyclazole 380g/l (10g/l), (55g/kg), (300g/kg), (760g/kg)	Rexcide 425SC, 430SC, 515WP, 700WP, 831WP	425SC, 515WP, 831WP: đạo ôn/lúa 430SC: lem lép hạt/ lúa 700WP: Vàng lá chín sớm/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
515	3808	Propamocarb. HCl (min 97 %)	Probull 722SL	Tuyến trùng/ hồ tiêu	Công ty TNHH Trường Thịnh
			Proplant 722 SL	nấm trong đất/ hồ tiêu	Công ty TNHH Kiên Nam
			Treppach Bul 607SL	chết nhanh/ hồ tiêu, sương mai/dưa chuột, xì mủ/sầu riềng; loét sọc mặt cao/cao su; mốc sương/ cà chua	Agria S.A, Bulgaria
			Zamil 722 SL	Mốc sương/ nho	Công ty CP Nicotex
516	3808	Propamocarb 530 g/l + Fosetyl Aluminium 310g/l	Previcur Energy 840 SL	Chết rạp/ cà chua (sử dụng trong vườn ươm)	Bayer Vietnam Ltd.
517	3808	Propamocarb	Vaba super 525SL	chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty TNHH Agricare

		hydrochloride 500g/l + Kasugamycin 25g/l			Việt Nam
518	3808	Propiconazole (min 90 %)	Acvizol 250 EC	lem lép hạt/ lúa, rỉ sắt/ cà phê, đậu tương	Công ty TNHH Hoá sinh Á Châu
			Agrozo 250 EC	thối thân, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
			Bumper 250 EC	khô vằn/ lúa, rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH Adama Việt Nam
			Canazole 250 EC	lem lép hạt/ lúa, rỉ sắt/ đậu tương	Công ty CP TST Cần Thơ
			Catcat 250EC	khô vằn, lem lép hạt, vàng lá/ lúa	Công ty CP Nông dược HAI
			Fordo 250 EC	khô vằn/ lúa	Forward International Ltd
			Fungimaster 250EC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Việt Hoá Nông
			Lunasa 25 EC	lem lép hạt/ lúa, rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP BVTV Sài Gòn
			Starsai 300EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
			Tien sa 250 EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
			Tilusa super 250EC; 300EC	250EC: lem lép hạt/ lúa 300EC: lem lép hạt, đạo ôn/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
			Tilt 250 EC	lem lép hạt/ lúa, rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
			Tinmynew 250 EC, 250EW, 500WG	250EC, 500WG: khô vằn/ lúa 250EW: lem lép hạt, vàng lá do nấm/ lúa; rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH US.Chemical
			Tinix 250 EC	lem lép hạt/ lúa, rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH Sản phẩm Công Nghệ Cao
			Tiptop 250 EC	lem lép hạt/ lúa, rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP BVTV I TW
			Vitin New 250EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
519	3808	Propiconazole 100g/l (125g/l) + 25g/l (100g/l) Tebuconazole	Farader 125EW, 225EW	125EW: khô vằn, lem lép hạt/ lúa 225EW: khô vằn/ lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát

520	3808	Propiconazole 150g/l + Tebuconazole 150g/l	Folitasuper 300EC	lem lép hạt, đốm nâu, khô vằn/ lúa; đốm lá/ đậu tương, lạc; rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
			TEPRO - Super 300EC	lem lép hạt, vàng lá chín sớm, khô vằn/ lúa; thán thư/ điều	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
			Tilgol super 300EC	lem lép hạt, vàng lá/ lúa; đốm lá/ lạc, rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
521	3808	Propiconazole 200g/l + Tebuconazole 200g/l	Gtop 400EC	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Anh Dấu Tiền Giang
522	3808	Propiconazole 30g/kg + Tebuconazole 500g/kg + 250g/kg Trifloxystrobin	Bismer 780WP	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
523	3808	Propiconazole 34.5 g/l (125g/l) + Tricyclazole 500.5 g/l (400g/l)	Filyannong super 525SE, 535SE	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH An Nông
			Newlia Super 525 SE, 535SE	525 SE: đạo ôn/ lúa 535SE: đạo ôn, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH US.Chemical
524	3808	Propiconazole 125g/l + Tricyclazole 400g/l	Fao-gold 525 SE	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
			Filia 525 SE	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
			Tillage - super 525SE	lem lép hạt, đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
525	3808	Propiconazole 55g/l + Tricyclazole 500g/l	Nano Gold 555SC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông
526	3808	Propiconazole 125g/l (30g/kg) + Tricyclazole 400g/l (720 g/kg)	Novazole 525SE, 750WG	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH SX & XK Bàn Tay Việt
527	3808	Propiconazole 55 g/l, (100g/kg) + Tricyclazole 500g/l, (550g/kg)	Bumrosai 555SE, 650WP	đạo ôn/lúa	Công ty CP ND Quốc tế Nhật Bản
528	3808	Propiconazole 400g/kg (125g/l) + Tricyclazole 25g/kg (400g/l)	Rocksai super 425WP, 525SE	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng

529	3808	Propiconazole 125g/l + Tricyclazole 450 g/l	Finali 575 SE	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
530	3808	Propiconazole 125g/l (130g/l) + Tricyclazole 400g/l (450g/l)	Dotalia 525 SC, 580SC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thanh Hưng
531	3808	Propiconazole 150g/l + Tricyclazole 400g/l	Bimtil 550 SE	đạo ôn, lem lép hạt, vàng lá/ lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
			TilBem Super 550SE	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hoà Bình
			Tilbis super 550SE	đạo ôn/lúa	Công ty CP nông dược Việt Nam
			Tilmil super 550SE	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức
532	3808	Propineb (min 80%)	A-chacô 70WP	Thán thư/xoài, vàng lá chín sớm/lúa	Công ty TNHH TM Thái Phong
			Aconeb 70 WP	thán thư/ xoài; mốc sương/ nho; lem lép hạt, vàng lá do nấm/ lúa; sương mai/ dưa chuột	Công ty CP Đồng Xanh
			Afico 70WP	thán thư/ xoài, vàng lá chín sớm/lúa	Công ty CP Nicotex
			Alphacol 700 WP	thán thư/ xoài, phấn trắng/ nho	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
			Antracol 70 WP, 70WG	70WP: đốm lá/ bắp cải, đậu tương, lạc, hồ tiêu; mốc xám/ thuốc lá; lở cổ rễ/ hành; thán thư/ xoài, cà phê, điều, chè, thanh long, chôm chôm; sương mai/ nho, dưa chuột; cháy sớm/ cà chua; đốm vòng khoai tây; khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt, vàng lá/ lúa; đốm quả/ cam; đốm lá, rỉ sắt, khô vằn/ ngô; sương mai/ vải 70WG: thán thư/ xoài, sương mai/ nho, vàng lá do nấm/ lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
			Donacol super 700WP	Thán thư/xoài	Công ty TNHH TM-DV Quỳnh Giao
			Doremon 70WP	sương mai/ khoai tây; vàng lá, lem lép hạt/ lúa; thán thư/ xoài	Công ty TNHH An Nông
			Dovatracol 72WP	thán thư/sầu rieng, vàng lá chín sớm, lem lép hạt /lúa; sương mai/dưa hấu; thán thư/xoài	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng
			Newtracon 70 WP	thán thư/ xoài, cà phê; đạo ôn/ lúa; sương mai/ dưa hấu; đốm lá/ bắp cải, xoài; mốc sương/ nho;	Công ty TNHH – TM Tân Thành

				vàng lá do nấm/ lúa; thán thư/ điều; thán thư, thối rễ chết nhanh / hồ tiêu; đốm lá/ lạc, sương mai/ cà chua	
			Nofacol 70WP	lem lép hạt/ lúa, thán thư/ xoài	Công ty TNHH - TM Nông Phát
			Nova 70WP	vàng lá/ lúa; thán thư/đậu cô ve, cà chua, cà phê, xoài	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
			Obapro 700WP	Vàng lá chín sớm/lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
			Pylacol 700WP	đốm lá/ cần tây; đạo ôn, đốm nâu/lúa	Rotam Asia Pacific Limited
			Sienna 70WP	vàng lá/ lúa	Công ty TNHH Nam Bộ
			Startracon 70WP	vàng lá do nấm/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
			Strancolusa 70WP	thán thư/ cà phê; vàng lá/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
			Tadashi 700WP	vàng lá chín sớm/lúa; sương mai/ hành, dưa hấu; thán thư/ xoài, cà phê	Công ty CP NN HP
			Tobacol 70WP	vàng lá/ lúa, mốc sương/ nho, thán thư/ xoài, vàng rụng lá/cao su	Công ty TNHH SX - TM Tô Ba
			Zintracol 70WP	thán thư/ xoài, cà phê; vàng lá do nấm, đạo ôn, lem lép hạt/ lúa; sương mai/ dưa chuột; đốm lá/ bắp cải; rnh trắng/ nho	Công ty TNHH Phú Nông
			Yoshino 70WP	Vàng lá chín sớm/ lúa	Công ty TNHH TM SX GNC
533	3808	Propineb 10g/l (10g/l), (10g/kg), (500g/kg), 500g/kg) + Tebuconazole 260g/l (445g/l), (705g/kg), (250g/kg), (260g/kg)	Natisuper 270EW, 455SC, 715WP, 750WG, 760WP	270EW, 455SC, 715WP, 760WP: lem lép hạt/lúa 750WG: lem lép hạt, vàng lá chín sớm/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
534	3808	Propineb 10g/l (10g/l), (705g/kg), (300g/kg), (30g/kg) + Tebuconazole 260g/l (10g/l), (10g/kg), (100g/kg), (10g/kg) + Tricyclazole 10g/l	Natitop 280EW, 420SC, 725WP, 750WP, 800WP	280EW, 725WP, 800WP: lem lép hạt/lúa 420SC: đạo ôn/lúa 750WP: vàng lá chín sớm/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung

		(400g/l), (10g/kg), (350g/kg), (760g/kg)			
535	3808	Propineb 70% + Triadimefon 5%	ARC-carder 75WP	lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
536	3808	Propineb 613g/kg + Trifloxystrobin 35g/kg	Activo super 648WP	thán thư/ xoài, vàng lá chín sớm/ lúa, thán thư/ cà phê, sương mai/ hành	Công ty CP NN HP
			Flintpro 648WG	Đạo ôn/lúa; thán thư/ớt, xoài, dưa chuột, dưa hấu; đốm lá/ bắp cải, cà chua	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
537	3808	Protein amylose	Vikny 0.5 SL	thối nhũn/ bắp cải; thán thư/ ớt, dưa hấu; bạc lá/ lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
538	3808	<i>Pseudomonas fluorescens</i>	Antiforhis 10 ⁹ CFU/g PA	Lở cổ rễ/dưa chuột	Viện Công nghệ sinh học- Viện KH và CN Việt Nam
			B Cure 1.75WP	đốm nâu, đốm gạch, lúa von, khô đầu lá, thối bẹ, đạo ôn, khô vằn/ lúa; đốm lá, giả sương mai, lở cổ rễ/ đậu tương; lở cổ rễ/ cà chua, ớt; mốc xám/ nhò	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
539	3808	Pyraclostrobin 50g/kg + Metiram complex 550g/kg	Haohao 600WG	thán thư/vải	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
540	3808	Pyrimethanil (min 95%)	Tilsom 400SC	Thối nhũn/hành	Công ty TNHH Trường Thịnh
541	3808	Quaternary Ammonium Salts	Physan 20L	thối thân, thối hạt vi khuẩn, bạc lá, đạo ôn/ lúa; lúa von/ lúa; nấm hồng, vàng rụng lá/cao su, thối nhũn/phong lan	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
542	3808	Saisentong (min 95%)	Visen 20SC	bạc lá, vàng lá, lem lép hạt/lúa; héo xanh/dưa hấu, cà chua; thối nhũn/bắp cải	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
543	3808	Salicylic Acid	Exin 4.5 SC, 2.0SC	4.5SC: (Exin R) đạo ôn, bạc lá/ lúa 4.5SC: (Phytoxin VS): héo tươi/ cà chua 2.0SC: Rầy nâu, rầy lưng trắng/lúa; rầy xanh/chè	Công ty TNHH ứng dụng công nghệ Sinh học
			Bacla 50SC	bạc lá, khô vằn/lúa	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
544	3808	Salicylic acid 33g/kg + Streptomycin sulfate 40g/kg + Gibberellic acid 2g/kg	Acatonio 75WG	Vàng lá, lem lép hạt, bạc lá, khô vằn/lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Á Châu

545	3808	<i>Streptomyces lydicus</i> WYEC 108	Actinovate 1 SP	vàng lá, thối thân, lem lép hạt/ lúa; thán thư, mốc xám, thối nứt trái do vi khuẩn, thối thân, thối rễ/ nhỏ, dâu tây; sương mai, phấn trắng, thán thư, nứt dây chảy nhựa/ dưa hấu, dưa chuột, bầu bí; thối nhũn do vi khuẩn, thối thân, thối rễ, phấn trắng, mốc xám, đốm vòng/ hoa cây cảnh; héo rũ do vi khuẩn, thán thư, thối trái/ khoai tây, cà chua, ớt, bắp cải; thán thư, phấn trắng, ghẻ loét, thối trái, xì mù thân, vàng lá, thối rễ/ cây có múi, sầu riêng, xoài, nhãn, vải	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
546	3808	<i>Streptomyces lydicus</i> WYEC 108 1.3% + Fe 21.9% + Humic acid 47%	Actino-Iron 1.3 SP	vàng lá, thối thân, lem lép hạt/ lúa; thán thư, mốc xám, thối nứt trái do vi khuẩn, thối thân, thối rễ/ nhỏ, dâu tây; sương mai, phấn trắng, thán thư, nứt dây chảy nhựa/ dưa hấu, dưa chuột, bầu bí; thối nhũn do vi khuẩn, thối thân, thối rễ, phấn trắng, mốc xám, đốm vòng/ hoa cây cảnh; héo rũ do vi khuẩn, thán thư, thối trái/ khoai tây, cà chua, ớt, bắp cải; thán thư, phấn trắng, ghẻ loét, thối trái, xì mù thân, vàng lá, thối rễ/ cây có múi, sầu riêng, xoài, nhãn, vải	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
547	3808	<i>Streptomycin sulfate</i>	Acstreptocinsuper 40TB	vàng lá/ lúa, thối nhũn/ bắp cải	Công ty TNHH Hoá sinh Á Châu
			Goldnova 200WP	Vàng lá, bạc lá/lúa; thối nhũn/xà lách	Công ty TNHH An Nông
			Kaisin 50WP, 100WP	50WP: Bạc lá, lem lép hạt/ lúa; loét/ cam, giả sương mai/dưa chuột 100WP: Thối nhũn/ bắp cải, bạc lá, lem lép hạt/ lúa, sẹo/cam, giả sương mai/dưa chuột	Công ty TNHH Việt Thắng
			Liberty 50WP, 100WP	50WP: Bạc lá/lúa 100WP: Thối nhũn/ bắp cải, bạc lá/lúa	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Ngọc Lâm
			Minotajapane 50WP	Vàng lá/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
			Poner 40TB, 40SP	thối nhũn/ bắp cải	Công ty TNHH SX TM DV Tô Đăng Khoa
			Stepguard 40TB, 50SP, 100SP, 150TB, 180SP 200TB,	40TB, 50SP, 100SP: thối nhũn/ bắp cải; bạc lá/ lúa 150TB, 200TB, 250TB, 444SP: bạc lá/ lúa	Công ty CP Vật tư NN Hoàng Nông

			250TB, 352SP, 444SP, 555SP	180SP, 352SP, 555SP: thối nhũn/ bắp cải	
			Strepgold 50WP, 70WP, 100WP	50WP, 100WP: Bạc lá/Lúa 70WP: Héo xanh vì khuẩn/cà chua, bạc lá/lúa	Công ty TNHH Hoá chất và TM Trần Vũ
			Strepa 100WP, 150WP	vàng lá chín sớm/ lúa	Công ty TNHH Hỗ trợ Phát triển kỹ thuật và chuyển giao công nghệ
			Supervery 50WP	đạo ôn, lem lép hạt, vàng lá, bạc lá/ lúa; sẹo/ cam; thối quả/ vải, xoài; sương mai/ cà chua	Công ty CP Thuộc BVTV Việt Trung
			Yomistar 52WP, 105WP	52WP: bạc lá/ lúa 105WP: lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
548	3808	Streptomycin sulfate 100g/kg + Tricyclazole 550g/kg	Benza 650WP	vàng lá chín sớm/lúa	Công ty CP KT Dohaledusa
549	3808	Sulfur	Kumulus 80WG	sẹo/ cây có mùi, phần trắng/ xoài, nhện gié/ lúa, nhện đỏ/ cà phê, phần trắng/ cao su	BASF Vietnam Co., Ltd.
			Fulac 80WG, 80WP, 500SC	80WG: Nhện gié/lúa 80WP: nhện đỏ/cam 500SC: phần trắng/cao su	Công ty TNHH Hoá chất và TM Trần Vũ
			Lipman 80WG	Phần trắng/xoài	Công ty CP Nông dược HAI
			Microthiol Special 80WP, 80WG	80WP: phần trắng/ rau, đốm lá/ ngô 80WG: phần trắng/ nho, chôm chôm; nhện/ cam	Công ty TNHH UPL Việt Nam
			OK - Sulfolac 80WG, 80WP, 85SC	80WG: phần trắng/ xoài, chôm chôm 80WP: phần trắng/ nho 85SC: sẹo/ cam, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNNH Ngân Anh
			Sulfurluxthai 80WG	thán thu/vải	Công ty CP Sunseaco Việt Nam
			Sulox 80 WP	phần trắng/ xoài, cao su; đốm lá/ lạc; nhện gié/ lúa; nhện lông nhung/ vải, nhãn	Công ty CP BVTV Sài Gòn
550	3808	Sulfur 100g/kg + Tebuconazole 250g/kg + Tricyclazole 500g/kg	Novitop 850WP	Đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty CP Nông Việt
551	3808	Sulfur 2% (2%), (40%), (10%), (55%), (25), (79.5%), (7%),	Vieteam 22SC, 42SC, 45WP, 60WG, 75WP, 77WG,	22SC, 42SC, 60WG, 77WG, 98WP, 700SC: đạo ôn/ lúa 45WP: đạo ôn, vàng lá do nấm/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung

		(28%), (200g/l)+ Tricyclazole 20%, (40%), (5%), (50%), (20%), (75%), (0.5%), (75%), (70%), (500g/l)	80WP, 82WP, 98WP, 700SC	75WP: đạo ôn, lem lép hạt/ lúa 80WP: phần trắng/ hoa hồng; nhện gié, vàng lá/ lúa; phần trắng/ cao su 82WP: Vàng lá chín sớm, đạo ôn/lúa	
552	3808	Sulfur 45% (50g/kg), (50g/kg) + Tricyclazole 5% (250g/kg), (700g/kg)	Bibim 50WP, 300WP, 750WP	50WP: đạo ôn/ lúa, đốm lá/ lạc 300WP, 750WP: đạo ôn/ lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
553	3808	Sulfur 350g/kg (250g/kg) + Tricyclazole 150g/kg (500 g/kg)	StarBem Super 500WP, 750WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
554	3808	Sulfur 450g/l (655g/kg), (800g/kg) + Tricyclazole 200g/l (200g/kg), (0.8g/kg)	Bimsuper 650SC, 800.8WP, 855WP	800.8WP: vàng lá/ lúa 650SC, 855WP: đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH An Nông
555	3808	Sulfur 35% + Tricyclazole 50%	Labem 85WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
556	3808	Sulfur 350g/kg + Tricyclazole 225g/kg	Lionsul 575WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
557	3808	Sulfur 40 % + Zineb 40%	Vizines 80 WP	mốc sương/ khoai tây	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
558	3808	Tebuconazole (min 95 %)	Folicur 250 EW, 250WG, 430SC	250EW: đốm lá/ lạc; khô vằn, lem lép hạt, vàng lá do nấm, đạo ôn/ lúa; thán thư/ điều; chết chậm/ hồ tiêu 250WG: khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt, vàng lá do nấm/ lúa 430SC: khô vằn, lem lép hạt, vàng lá do nấm/ lúa; xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/ lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
			Forlita 250 EW, 430SC	250EW: khô vằn, lem lép hạt/ lúa; chết cây con, đốm lá/ lạc; đốm vòng/ cà chua; đậu tương; loét, sẹo/ cam 430SC: khô vằn, lem lép hạt/ lúa; loét/ cam; xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/ lúa, đốm lá/ đậu tương	Công ty TNHH Phú Nông

			Fortil 25 SC	khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH – TM Thái Nông
			Fozeni 250EW	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Nicotex
			Huibomb 25EW	Khô vằn/lúa	Huikwang Corporation
			Jiacure 25EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
			Milazole 250 EW	khô vằn/ lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam
			Poly annong 250EW, 250SC, 250EC, 450SC	250EW, 250EC: lem lép hạt/ lúa 250SC: Xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/ lúa, lem lép hạt/ lúa 450SC: Xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/ lúa; khô vằn, vàng lá, đạo ôn, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH An Nông
			Poticua 250EW	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH TM Thái Phong
			Provil 30EW, 450SC	30EW: lem lép hạt, đạo ôn/ lúa 450SC: lem lép hạt/ lúa; chết chậm/ hồ tiêu	Công ty TNHH – TM Tân Thành
			Sieu tin 250 EC, 300EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thanh Hưng
			T.B.Zol 250EW	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Thanh Điền
			Tebuzol 250 SC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Đồng Xanh
			Thianzole 12.5EW, 250SC	12.5EW: lem lép hạt/ lúa 250SC: thán thư/xoài	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
			Tien 250 EW	khô vằn, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
			T-zole super 250EW, 250SC, 450SC	250EW: vàng lá do nấm/ lúa 250SC: lem lép hạt/lúa 450SC: Xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/lúa	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
			Vitebu 250SC	lem lép hạt/ lúa, thán thư/ xoài	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
559	3808	Tebuconazole 125g/l (130g/l) + Tricyclazole 400g/l (450 g/l)	Dolalya 525SC, 580EC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An

560	3808	Tebuconazole 250g/l + Tricyclazole 275g/l	Gold dog 525SC	Vàng lá do nấm/lúa	Công ty CP SX TM DV Ngọc Tùng
561	3808	Tebuconazole 250g/kg + Tricyclazole 500g/kg	Map Unique 750WP	Đạo ôn, lem lép hạt, khô vằn/lúa; đốm lá/lạc, thán thư, rỉ sắt/cà phê, xử lý hạt giống trừ lúa von/lúa	Map Pacific PTE Ltd
562	3808	Tebuconazole 250g/kg + Tricyclazole 550g/kg	Novigold 800WP	đạo ôn, lem lép hạt, khô vằn/lúa	Công ty CP Nông Việt
563	3808	Tebuconazole 500g/kg + Tricyclazole 200g/kg	Tivaho 700WP	lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM Thái Phong
564	3808	Tebuconazole 250g/kg (500g/kg) + 200 g/kg (250 g/kg) Tricyclazole + Thiophanate Methyl 50g/kg (30g/kg)	Vatinew 500WP, 780WG	500WP: lúa von/ lúa (xử lý hạt giống), đạo ôn/ lúa 780WG: Lem lép hạt, vàng lá/ lúa	Công ty TNHH An Nông
565	3808	Tebuconazole 400g/kg + Thiophanate methyl 100g/kg + 250g/kg Trifloxystrobin	Niyoko 750WG	Vàng lá chín sớm/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
566	3808	Tebuconazole 500g/kg + Trifloxystrobin 250g/kg	Nativo 750WG	lem lép hạt, khô vằn, đạo ôn, vàng lá do nấm/ lúa; rỉ sắt/ cà phê, lạc, đậu tương; thán thư/ cà chua, hoa hồng, chè, ớt, nho, xoài, điều, thanh long; đốm lá/ bắp cải, hoa cúc, hồ tiêu, dưa hấu; phấn trắng/ hoa hồng; loét/ cam; thán thư, phấn trắng/dâu tây; thán thư/ca cao; đốm đen quả/ vải; bệnh sọc đen/ ca cao; đốm vòng/ khoai tây, đốm đen quả/nhãn; thán thư, đốm khô lá/ hành	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
567	3808	Tecloftalam (min 96%)	Shirahagen 10WP	bạc lá/ lúa	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
			Vikhuan 15WP	bạc lá/lúa	Công ty TNHH TMSX GNC
568	3808	Tetraconazole	Domark 40 ME	rỉ sắt/ cà phê	Isagro S.p.A Centro Uffici S. Siro, Italy
569	3808	Tetramycin	Mikcide 1.5SL	bạc lá, đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt/ lúa; thối nhũn, thối đen gân lá/ bắp cải; chết xanh/ dưa hấu; héo rũ/ thuốc lá, cà phê, cà chua; loét/ cam; thối thân/ nho; phấn trắng/ hoa hồng; vàng rụng	Công ty TNHH Dược Mùa

				lá/cao su	
570	3808	Thifluzamide (min 96 %)	Pulsor 23 DC	khô vằn/ lúa	Công ty TNHH Nissei Corporation Việt Nam
571	3808	Thiodiazole copper (min 95%)	Longbay 20SC	sẹo/ cam, bạc lá/ lúa, thối nhũn/ bắp cải, xì mủ/sâu riêng; xì mủ, nấm hồng, vàng rụng lá/cao su	Công ty TNHH Trường Thịnh
572	3808	Thiodiazole zinc (min 95%)	Lk-one 50SC	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Á Châu
573	3808	Thiophanate-Methyl (min 93 %)	Agrotop 70 WP, 400SC	70WP: mốc xám/ cà chua, thối gốc/ khoai tây, khô vằn/ lúa 400SC: vàng lá/ lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
			Binhsin 70 WP	khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt/ lúa; đốm lá/ dưa hầu, lạc; sương mai/ cà chua, khoai tây; thán thư/ nhỏ	Bailing Agrochemical Co., Ltd
			Cantop - M 72WP	phân trắng/ dưa, thối quả/ cà chua	Công ty CP TST Cần Thơ
			Coping M 70 WP	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH TM – DV Thanh Sơn Hóa Nông
			Danatan 70WP	héo rũ/ dưa hầu	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
			Emxinh M 700WP	khô vằn/ lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
			Fusin - M 70 WP	đạo ôn/ lúa	Forward International Ltd
			Jiatop 70WP	vàng lá do nấm/ lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
			Kuang Hwa Opsin 70 WP	đốm trắng/ thuốc lá	Bion Tech Inc.
			T.sin 70 WP	mốc sương/ cà chua, sương mai/ dưa hầu	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
			TS - M annong 70 WP, 430SC	70WP: vàng lá, lem lép hạt/ lúa; phân trắng/ nhỏ; thán thư/ dưa hầu 430SC: vàng lá, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH An Nông
			Thio - M 70 WP, 500 SC	70WP: khô vằn/ lúa, héo rũ/ dưa 500FL: lem lép hạt/ lúa; thán thư/ vải, xoài, hồ tiêu, ớt, cam; xì mủ/ dưa hầu	Công ty CP BVTV Sài Gòn
			Thiomax 70WP	khô vằn/ lúa	Công ty TNHH Việt Hóa Nông
			Tipo - M 70 WP	thán thư/ điều, đốm lá/ dưa hầu	Công ty TNHH - TM Thái Phong

			Tomet 70 WP	thán thư/ lạc	Công ty CP Đồng Xanh
			Top 70 WP	mốc xám/ rau, cà chua	Công ty CP Nông dược HAI
			Topan 70 WP	đốm lá/ dưa hấu, lạc, dưa chuột; thối quả/ nhãn; vàng lá/ lúa; phần trắng/ nho	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
			Toplaz 70 WP	phần trắng/ rau, đạo ôn/ lúa	Behn Meyer Agcare LLP
			Top - Plus M 70 WP	đạo ôn/ lúa	Imaspro Resources Sdn Bhd
			Topnix 70 WP	seo/ cam, bệnh lụi/ lạc	Công ty CP Nicotex
			Topsimyl 70 WP	đạo ôn/ lúa, đốm lá/ dưa hấu	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
			Topsin M 50SC, 70 WP	50SC: Khô vằn/lúa 70WP: vàng lá, đạo ôn, khô vằn/ lúa; bệnh héo, đổ ngã cây con, sùi gôm/ dưa hấu; bệnh ghẻ/ cam; đen thân/ thuốc lá; rỉ sắt đậu tương; đổ ngã cây con, mốc xám, đốm lá/ lạc; phần trắng/ nho	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
			Topulas 70WP	phần trắng/ dưa chuột	Công ty TNHH Nam Bắc
			Vithi - M 70 WP	phần trắng/ rau, thán thư/ dưa hấu	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
574	3808	Thiophanate Methyl 36% + Tricyclazole 14%	Pysaigon 50 WP	đạo ôn, vàng lá chín sớm, lem lép hạt, khô vằn/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
575	3808	Thiophanate Methyl 25% + Tricyclazole 50%	Winmy 75WP	Vàng lá, đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH – TM Thái Phong
576	3808	Thiophanate Methyl 37.5 % + Tricyclazole 37.5%	Travil 75WP	Đạo ôn, vàng lá/lúa	Công ty TNHH – TM Tân Thành
577	3808	Thiophanate - Methyl 35% + Tricyclazole 37.5%	Gomi 72.5WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
			Trust 72.5WP	Đạo ôn, vàng lá/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
			Vista 72.5 WP	đạo ôn, vàng lá do nấm/ lúa	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
578	3808	Thiophanate methyl 350g/kg + Tricyclazole	Disco 750WP	Đạo ôn/ lúa, phần trắng/hoa hồng	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông

		400g/kg			
579	3808	Thiophanate Methyl 30g/kg + Tricyclazole 720g/kg	Bemeuro super 750WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
580	3808	Thiophanate methyl 350g/kg + Tricyclazole 450g/kg	Jia-trimethyl 800WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
581	3808	Thiophanate methyl 300g/kg + Tricyclazole 500g/kg	Bulky 800WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP CN Hóa chất Nhật Bản Kasuta
582	3808	Thiophanate Methyl 400g/kg + Tricyclazole 400g/kg	Tritop 800WP	Đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Nông nghiệp Xanh
583	3808	Thiophanate methyl 50g/l (200g/kg), (350g/kg) + Tricyclazole 350g/l (200g/kg), (450g/kg)	Sungold 400SC, 400WP, 800WP	400SC: Lem lép hạt, đạo ôn/lúa 400WP, 800WP: Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Pháp Thụy Sĩ
584	3808	Thiram (TMTD)	Pro - Thiram 80 WP, 80 WG	80WP: đốm lá/ phong lan 80WG: thán thư/ xoài, khô vằn/lúa, nứt thân chảy nhựa/dưa hấu, mốc sương/cà chua	Agspec Asia Pte Ltd
585	3808	Triadimefon	Bayleton 250 EC	phấn trắng/ rau họ thập tự, rỉ sắt/ cà phê	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
			Encoleton 25 WP	mốc xám/ cà chua, thối gốc/ khoai tây, rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
			Jialeton 25WP	thối cuống quả/ nho	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
586	3808	Triadimenol	Bayfidan 250 EC	rỉ sắt/ cà phê; sọc/ cam	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
			Samet 25EC	phấn trắng/ cao su, rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP BVTV Sài Gòn
587	3808	<i>Trichoderma spp</i>	Promot Plus WP (<i>Trichoderma spp</i> 5.10 ⁷ bào tử/g); Promot Plus SL (<i>Trichoderma koningii</i> 3.10 ⁷ bào tử/g + <i>Trichoderma harzianum</i> 2.10 ⁷ bào tử/g)	WP: thối gốc, thối hạch/ bắp cải; chết cây con/ cải thảo SL: đốm nâu, đốm xám/ chè; thối hạch, thối gốc/ bắp cải	Công ty TNHH Ngân Anh

			TRICÔ-ĐHCT 10 ⁸ bào tử/g	vàng lá thối rữa do <i>Fusarium solani</i> /cây có mùi; chết cây con/dưa hấu, bí đỏ, lạc, điều; thối rữa/cà phê	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
			Vi - ĐK 10 ⁹ bào tử/g	thối rữa/ sâu riềng; lở cổ rễ/ cà chua; chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
588	3808	<i>Trichoderma harzianum</i> 4% + 1% <i>Trichoderma konigii</i>	Tiên tiến 5 WP	Đạo ôn/ lúa	Công ty Hợp danh SH NN Sinh Thành
589	3808	<i>Trichoderma harzianum</i>	Zianum 1.00WP	Chết rạp cây con/cải cúc, lở cổ rễ/cà chua, thối rữa/hồ tiêu, thán thư/ hành, thanh long	Công ty CP Hóc Môn
590	3808	<i>Trichoderma asperellum</i> 80% (8 x 10 ⁷ bào tử/g) + <i>Trichoderma atroviride</i> Karsten 20% (2 x 10 ⁷ bào tử/g)	TricôĐHCT-Lúa von 10 ⁸ bào tử/g WP	Xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/lúa; khô vằn/lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
591	3808	<i>Trichoderma virens</i> J.Miller, Giddens & Foster 80% (8 x 10 ⁷ bào tử/g) + <i>Trichoderma hamatum</i> (Bon.) Bainer 20% (2 x 10 ⁷ bào tử/g)	TricôĐHCT-Phytoph 10 ⁸ bào tử/ g WP	Loét sọc miệng cao/ cao su; xì mủ/ bưởi, sầu riềng	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
592	3808	<i>Trichoderma viride</i> Pers. 75% (7.5 x 10 ⁷ bào tử/g + <i>Trichoderma harzianum</i> Rifai BGB 25% ((2.5 x 10 ⁷ bào tử/g)	Tricô ĐHCT-Nấm hồng 10 ⁸ bào tử/g WP	Nấm hồng/ cao su	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
593	3808	<i>Trichoderma sperellum</i> 80% (8 x 10 ⁷ bào tử/g + <i>Trichoderma harzianum</i> Rifai 20% (2 x 10 ⁷ bào tử/g)	Tricô ĐHCT-Khóm 10 ⁸ bào tử/g WP	Thối nõn/ dưa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
594	3808	<i>Trichoderma virens</i> (T.41).10 ⁹ cfu/g	NLU-Tri	chết rạp cây con/ cải ngọt, dưa chuột; héo rũ trắng gốc/ cà chua	Trường ĐH Nông lâm TP Hồ Chí Minh

595	3808	<i>Trichoderma viride</i>	Biobus 1.00 WP	thối gốc, thối hạch, lở cổ rễ/ bắp cải; héo vàng, lở cổ rễ, mốc sương/ cà chua, khoai tây; thối nhũn, đốm lá/ hành; thán thư/ xoài; xì mũ/ sầu riêng; rỉ sắt, nấm hồng, thối gốc rễ, lở cổ rễ/ cà phê; chám xám, thối búp/ chè; chết nhanh, thối gốc rễ/ hồ tiêu	Công ty TNHH Nam Bắc
596	3808	Tridemorph (min 86%)	Calixin 75 EC	phân hồng/ cao su	BASF Vietnam Co., Ltd.
597	3808	Tricyclazole (min 95 %)	Acdowbimusa 75WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH MTV Lucky
			Andozol 75WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
			Angate 75WP, 350SC	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
			Avako 800WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM Thái Nông
			Bamy 75WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Nicotex
			Beam 75 WP	đạo ôn/ lúa	Dow AgroSciences B.V
			Belazole 75 WP	đạo ôn/ lúa	Guizhou CVC INC. (Tổng Công ty Thương mại Zhongyue Quý Châu Trung Quốc)
			Bemgreen 750WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
			Bemsuper 200WP, 500SC, 750WG, 750WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
			Bidizole 750WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP SAM
			Bim-annong 20WP, 45SC, 75WP, 75WG, 80WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH An Nông
			Bimdownmy 375SC, 750WG, 750WP, 800WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
			Bimusa 800WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
			Binlazonethai 75WP, 75WG	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
			Binhtryzol 75 WP	đạo ôn/ lúa	Bailing Agrochemical Co., Ltd
			Blastogan 75WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam
			Bn-salatop 80WP, 80WG	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Bảo Nông Việt

Bpbym 200WP, 750WP, 800WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM Bình Phương
Bsimu 75 WG	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH hỗ trợ phát triển kỹ thuật và chuyển giao công nghệ
Cittizen 75WP, 333SC	đạo ôn/ lúa	Eastchem Co., Ltd
Colraf 20WP, 75 WP, 75WG	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
Danabin 75WP, 80WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Công nghiệp Khoa học Mùa màng Anh-Rê
Dicstargold 800WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Cánh Đồng Việt.VN
Dolazole 75 WP, 80WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thanh Hưng
Forbine 75WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Thanh Điền
Flash 75 WP, 800WG	đạo ôn/ lúa	Map Pacific PTE Ltd
Frog 750WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH ADC
Fullcide 25WP, 50SC, 75WP, 760WG, 800WP, 820WP, 860WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH – TM Nông Phát
Goldone 75WP, 420SC, 760WG, 810WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
Gremusamy 80WP, 80WG	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
Hagro.Blast 75WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
Hobine 75WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Hóc Môn
Jiabea 75 WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
Kennedy 75WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM-SX GNC
Koszon-New	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH

75WP		OCI Việt Nam
Lany 75 WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
Lazole TSC 750WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Vật tư KT NN Cần Thơ
Lim 20 WP, 750WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
Newbem 750WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH SX TM & DV Nông Tiến
Newzobim 45SC, 75WG, 75WP, 80WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH US.Chemical
Pim.pim 75WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH P - H
Pin ấn độ 75WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Phong Phú
Sieubymssa 75WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH - TM Thái Phong
Superzole 75WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Long Hiệp
Tanbim 800WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
Tri 75WG	đạo ôn, khô vằn/ lúa	Công ty TNHH – TM Tân Thành
Tricom 75WG, 75WP	75WG: đạo ôn/ lúa, xử lý hạt giống trừ bệnh lúa vằn/ lúa 75WP: đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Phú Nông
Tridozole 45 SC, 75WP, 75WG	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Đồng Xanh
Trione 750WG	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH MTV Lucky
Trizole 20 WP, 75WP, 75WG, 400SC	20 WP, 75WP, 75WG: đạo ôn lá, cỏ bông/ lúa 400SC: đạo ôn/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
Uni-trico 75WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH World Vision (VN)
Usabim 75WP	đạo ôn/lúa	Công ty CP Vật tư Liên Việt
Vace 75WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Nông Việt
Vdbimduc	800WG: đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH

			800WG, 820WG	820WG: lem lép hạt, đạo ôn/ lúa	Việt Đức
			Vibimzol 75WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
			Window 75WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Nam Bộ
			Zoletigi 80WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
598	3808	Tricyclazole 700 g/kg + Paclobutrazol 150g/kg	Bullusa 850WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
599	3808	Tricyclazole 720g/kg + Paclobutrazol 160g/kg	Input 880WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH-TM Nông Phát
600	3808	Tricyclazole 200 g/kg + Sulfur 650 g/kg	Centerdorter 850WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Liên minh Nông nghiệp bền vững
601	3808	Tricyclazole 720 g/kg + Sulfur 140g/kg	Grinusa 860WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
602	3808	Triforine (min 97%)	Saprol 190DC	phân trắng/ hoa hồng, đạo ôn/lúa	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
603	3808	Tổ hợp dầu thực vật (dầu màng tang, dầu sả, dầu hồng, dầu hương nhu, dầu chanh)	TP - Zep 18EC	đạo ôn, bạc lá, lem lép hạt, đốm sọc vi khuẩn, khô vằn/ lúa; mốc sương/ cà chua; đốm nâu, đốm xám, thối búp/ chè; phân trắng, đốm đen/ hoa hồng; nấm muội đen (Capnodium sp)/ nhãn	Công ty TNHH Thành Phương
604	3808	Validamycin (Validamycin A) (min 40 %)	Anlicin 3SL, 5WP, 5SL	3SL, 5WP: khô vằn/ lúa 5SL: khô vằn/ lúa; nấm hồng/ cà phê, cao su	Công ty TNHH An Nông
			Asiamycin super 100SL	khô vằn/ lúa, nấm hồng/ cao su	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd
			Avalin 3 SL, 5SL	khô vằn/ lúa	Công ty TNHH - TM Thái Nông
			Biovacare 5SL	Nấm hồng/cao su	Công ty TNHH SX - TM Tô Ba
			Damycine 3 SL, 5 WP, 5SL	3SL: khô vằn/ lúa; lở cổ rễ/ rau cải; thối rễ/ cà chua, khoai tây, bông vải, ngô; héo rũ/ cà chua, khoai tây, dưa chuột, lạc, ngô; nấm hồng/ cao su 5SL, 5WP: khô vằn/ lúa, lở cổ rễ/ rau cải; thối rễ/ cà chua, khoai tây, bông vải, ngô; héo rũ/ cà chua, khoai tây, lạc, dưa chuột; nấm hồng/ cao su	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA

Duo Xiao Meisu 3SL, 5SL, 5WP	khô vằn/ lúa	Công ty TNHH TM Bình Phương
Fubarin 20WP	khô vằn/ lúa; lở cổ rễ/ đậu tương, lạc; nấm hồng/ cao su	Công ty TNHH Nông Sinh
Haifangmeisu 3SL, 5SL, 5WP, 10WG	3SL: khô vằn/lúa, chết cây con/dưa hấu 5SL: nấm hồng/cao su, khô vằn/lúa, chết cây con/dưa hấu 5WP: khô vằn/ lúa 10WG: khô vằn/ lúa, chết cây con/dưa hấu	Công ty TNHH SX TM DV Thu Loan
Javidacin 5SL, 5WP	5SL: khô vằn/ lúa; nấm hồng/ cao su 5WP: khô vằn/ lúa; lở cổ rễ/ cà chua	Công ty TNHH Việt Đức
Jinggang meisu 3SL, 5WP, 5SL, 10WP	3SL, 5WP: khô vằn/ lúa 5SL, 10WP: khô vằn/ lúa, nấm hồng/ cao su	Công ty CP Nicotex
Limycin 5SL	Khô vằn/lúa	Công ty TNHH TM Thiên Nông
Natistar 51WG, 100SC, 230WG	khô vằn/ lúa	Công ty TNHH Pháp Thụy Sĩ
Navalilusa 3SL, 5SL, 5WP, 10WP	khô vằn/ lúa; chết ẻo cây con/ ớt, bắp cải, thuốc lá, dưa hấu.	Công ty CP Vật tư NN Hoàng Nông
Pinkvali 3SL, 5SL, 50WP	3SL, 50WP: lở cổ rễ/cà chua, khô vằn/lúa 5SL: nấm hồng/ cao su, đốm vằn/ lúa	Công ty CP Hóc Môn
Qian Jiang Meisu 3SL, 5SL, 5WP, 80SL, 240SL	3SL: Nấm hồng/cao su, khô vằn/ lúa 5WP, 240SL: khô vằn/ lúa 5SL: lở cổ rễ/đậu tương; nấm hồng/cà phê, cao su; vàng lá chín sớm, khô vằn/lúa 80SL: lở cổ rễ/dưa hấu; vàng lá chín sớm, khô vằn /lúa	Công ty TNHH Trường Thịnh
Romycin 5SL	nấm hồng/ cao su	Công ty CP TST Cần Thơ
Tidacin 3SC, 5SL	khô vằn/ lúa, nấm hồng/ cao su	Công ty TNHH - TM Thái Phong
Top - vali 3 SL, 5SL	3SL: khô vằn/ lúa 5SL: mốc hồng/ cà phê, cao su; khô vằn/ lúa	Công ty TNHH SX ND vi sinh Viguato
Tung vali 3SL, 5SL, 5WP, 10WP	3SL, 5SL: khô vằn/ lúa, nấm hồng/ cao su, lở cổ rễ/ rau cải, cà chua, ớt, bí xanh, dưa hấu, dưa chuột, đậu tương, thuốc lá; bệnh khô cành/ cà phê 5WP, 10WP: khô vằn/ lúa, lở cổ rễ/ rau cải, cà	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng

	chua, ớt, bí xanh, dưa hấu, dưa chuột, đậu tương, thuốc lá; bệnh khô cành/ cà phê	
Vacin 1.5SL, 5SL	1.5SL: khô vằn/ lúa 5SL: Khô vằn/lúa, nấm hồng/cao su	Công ty TNHH ADC
Vacinmeisu 30SL, 30WP, 50WP, 50SL	khô vằn/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
Vacony 5SL	khô vằn/ lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
Vacocin 3SL	khô vằn/ lúa	Công ty CP BVTV I TW
Vali 3 SL, 5 SL	3SL: khô vằn/ lúa, lở cổ rễ/ đậu 5SL: khô vằn/ lúa, lở cổ rễ/ đậu, nấm hồng/ cà phê, cao su	Công ty CP Nông dược HAI
Valicare 5WP, 8SL	Khô vằn/lúa	Công ty TNHH Agricare Việt Nam
Validad 100SL	Nấm hồng/cao su	Công ty CP Bình Điền Mê Kông
Vali TSC 5SL	Nấm hồng/cao su	Công ty CP VTKTNN Cần Thơ
Vali-navi 5SL, 8SL, 24SL	24SL: Khô vằn/lúa 5SL, 8SL: Nấm hồng/cao su, khô vằn/ lúa	Công ty CP Khử Trùng Nam Việt
Validacin 3SL, 5SL, 5SP	3SL: khô vằn/ lúa; mốc hồng/ cao su, cà phê 5SL: khô vằn/ lúa, đổ ngã cây con/ rau, mốc hồng/ cao su 5SP: khô vằn/ lúa	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
Validan 3SL, 5SL, 5WP	3SL: khô vằn/ lúa, ngô 5SL: nấm hồng/ cao su; khô vằn/ lúa, ngô; chết cây con/ dưa hấu, bầu bí, lạc, rau cải, đậu cove 5WP: khô vằn/ lúa, ngô; chết cây con/ dưa hấu, bầu bí, lạc, rau cải, đậu cove	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
Valijapane 3SL, 5SL, 5SP	nấm hồng/ cao su; khô vằn/ lúa; lở cổ rễ/ lạc, đậu tương, cà phê, bông vải	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
Valitigi 3SL, 5SL	3SL: khô vằn/ lúa 5SL: bệnh do Rhizoctonia solani gây ra/ lúa, nấm hồng/ cao su	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
Valigreen 30 SL, 50SL, 50WP,	khô vằn/ lúa, ngô; nấm hồng/ cao su; khô cành/ cà phê; thối gốc/ khoai tây; lở cổ rễ/ bắp cải, bí	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ Cao

100WP	xanh, đậu đũa, lạc, cà chua	
Valivithaco 3 SC, 3SL, 5SL, 5SC, 5WP	3SC: khô vằn/ lúa; nấm hồng/ cà phê, cao su; lở cổ rễ/ cà chua, bắp cải, rau cải; khô vằn/ ngô 3SL, 5SL: khô vằn/ lúa, ngô; nấm hồng/ cao su, cà phê; thán thư/ nhãn, vải; lở cổ rễ/ thuốc lá, thuốc Lào, dưa hấu, dưa chuột, rau cải 5WP: khô vằn/ ngô, lúa; thán thư/ nhãn, vải; lở cổ rễ/ thuốc lá, thuốc Lào, dưa hấu, dưa chuột, rau cải 5SC: khô vằn/ lúa, bệnh chết ẻo/ rau cải; nấm hồng/ cà phê, cao su; lở cổ rễ/ cà chua, bắp cải, rau cải; khô vằn/ ngô	Công ty TNHH Việt Thắng
Valinhut 3SL, 5SL	khô vằn/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
Vallistar 3SL, 5SL, 5WP, 10WP	khô vằn/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
Valygold 5SL	Khô vằn/lúa	Công ty CP Nông Việt
Vamylicin 3 SL, 5 SL, 5 WP, 6SL	3SL, 5SL, 5WP: khô vằn/ lúa; lở cổ rễ/ bắp cải 6SL: khô vằn/ lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam
Villa-fuji 50SL	Nấm hồng/cao su, khô vằn/ lúa	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
Vanicide 3SL, 5SL, 5WP, 150WP	3SL: lở cổ rễ/cà chua 5SL: khô vằn/ lúa, thối gốc/ khoai tây, nấm hồng/ cao su, lở cổ rễ/ cà chua 5WP: khô vằn/ lúa, ngô; lở cổ rễ/ cà chua 150WP: thối cổ rễ/cà chua	Công ty CP BVTV Sài Gòn
Varison 5 WP	khô vằn/ lúa	Công ty TNHH Sơn Thành
Vida ^(R) 3 SC, 5WP	3SC: khô vằn/ lúa, thối (gốc, rễ)/ rau 5WP: khô vằn/ lúa	Công ty CP BVTV I TW
V-cin 5 SL	khô vằn/ lúa, nấm hồng/ cao su	Sundat (S) PTe Ltd
Vivadamy 3SL, 5SL, 5SP	3SL: khô vằn/ lúa 5SP: khô vằn/ lúa, mốc hồng/ cao su 5SL: khô vằn/ lúa, mốc hồng/ cao su, nấm hồng/cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
Voalyđacyn-nhật 5SL	Khô vằn/lúa	Công ty TNHH Anh Dầu Tiền Giang

			Yomivil 108SC, 115WG	Khô vằn/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
			Zenygold 800WP	Vàng lá chín sớm/lúa	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
605	3808	Validamycin 2 % + NOA 0.05 % + NAA 0.05% + Zn, Cu, Mg 11%	Vimix 13.1SL	khô vằn/ lúa; lở cổ rễ/ bông vải, lạc	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
606	3808	Validamycin 50g/l (75g/kg) + Polyoxin B 10g/l (20g/kg)	Ukino 60SC, 95WP	60SC: khô vằn/ lúa 95WP: khô vằn/ lúa; chết cây con/ dưa hấu; lở cổ rễ/ rau cải	Công ty TNHH An Tâm
607	3808	Zineb	Bp-nhepbun 800WP	thán thư/ dưa hấu	Công ty TNHH TM Bình Phương
			Guinness 72 WP	phấn trắng/ nho, cà chua	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
			Tigineb 80 WP	mốc sương/ cà chua, thối quả/ cây có múi	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
			Zinebusa 800WP	Đốm vòng/cà chua	Cộng ty TNHH BVTV An Hưng Phát
			Zin 80 WP	mốc sương/ khoai tây, mốc xanh/ thuốc lá, lem lếp hạt/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
			Zineb Bul 80WP	mốc sương/ khoai tây, đốm vòng/ cà chua, lem lếp hạt/ lúa, sẹ/ cam, phấn trắng/ nho	Agria SA, Bulgaria
			Zinacol 80WP	rụng lá/ cao su	Imaspro Resources Sdn Bhd
			Zinforce 80WP	lem lép hạt/ lúa, thán thư/ dưa hấu	Forward International Ltd
			Zithane Z 80WP	thối quả/ nho, sương mai/ cà chua	Công ty CP BVTV I TW
			Zodiac 80WP	đốm nâu/ lúa, mốc sương/ cà chua	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.
608	3808	Ziram	Ziflo 76WG	đốm vòng/ cà chua; thán thư/ xoài, dưa hấu; vàng lá/ lúa	Agspec Asia Pte Ltd
3. Thuốc trừ cỏ :					
1	3808	Acetochlor (min 93.3%)	Acepro 50EC	Cỏ/ngô	Công ty CP Futai

Acetad 900EC	cỏ/ ngô	Công ty CP Bình Điền Mê Kông
Acvipas 50EC	cỏ/ ngô, mía	Công ty DV NN & PTNT Vĩnh Phúc
Alibom 500EC	Cỏ/lạc, sắn	Công ty TNHH Trường Thịnh
Antaco 500EC	cỏ/ lạc, sắn, ngô, mía, hành	Công ty TNHH Việt Thắng
Antacogold 500EC	cỏ/ ngô, sắn, lạc	Công ty TNHH TM – DV Ánh Dương
Atabar 800EC	Cỏ/ ngô	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
Atas 500EC	Cỏ/ngô	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
Capeco 500EC	Cỏ/sắn	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
Cochet 200WP	cỏ/ lúa cấy	Công ty TNHH Bằng Long
Dibstar 50EC	cỏ/ đậu tương, ngô, bông vải, lạc, sắn	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
Gorop 500EC	Cỏ/ngô	Công ty CP Nông dược HAI
Herbest 50EC	Cỏ/lạc	Công ty TNHH TM - SX Ngọc Yến
Iaco 500EC	Cỏ/đậu tương	Công ty CP Kỹ thuật Dohaledusa
Jia-anco 50EC	cỏ/ đậu tương	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
Kamaras 50EC	cỏ/ đậu tương	Công ty CP VTNN Việt Nông
Nistar 500EC	Cỏ/đậu tương	Công ty Cổ phần Nicotex
Missusa 500EC	Cỏ/đậu tương	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
Peso 480EC	cỏ/ lạc, mía, sắn, ngô	Công ty CP Hóc Môn
Safe-co 50EC	cỏ/ ngô	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
Saicoba	500EC: Cỏ/sắn	Công ty CP BVTV

			500EC, 800EC	800EC: cỏ/ ngô, sắn, lạc	Sài Gòn
			Starco 500EC	cỏ/ lạc	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
			Valux 500 EC	cỏ/ sắn	Công ty CP Nông nghiệp HP
2	3808	Acetochlor 12% + 2% Bensulfuron Methyl	Beto 14WP	cỏ/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
3	3808	Acetochlor 145g/kg + Bensulfuron Methyl 25g/kg	Afadax 170WP	cỏ/ lúa gieo thẳng, lúa cấy	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
4	3808	Acetochlor 14.6 % + Bensulfuron Methyl 2.4 %	Acenidax 17WP	cỏ/lúa cấy	Công ty CP Nicotex
			Arorax 17WP	cỏ/ lúa cấy	Công ty TNHH Việt Thắng
5	3808	Acetochlor 210g/kg + Bensulfuron Methyl 40g/kg	Aloha 25 WP	cỏ/ lúa cấy, lúa gieo thẳng	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
6	3808	Acetochlor 14.0 % + Bensulfuron Methyl 0.8% + Metsulfuron Methyl 0.2%	Natos 15WP	cỏ/ lúa cấy	Công ty CP Nicotex
7	3808	Acetochlor 200 g/kg + Bensulfuron Methyl 45g/kg + Metsulfuron methyl 5g/kg	Alphadax 250WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
8	3808	Acetochlor 16 % (500g/l) + Bensulfuron Methyl 1.6% (0.3g/l) + Metsulfuron Methyl 0.4% (0.2g/l)	Sarudo 18 WP, 500.5EC	18WP: cỏ/ lúa cấy 500.5EC: cỏ/ sắn	Công ty TNHH An Nông
9	3808	Acetochlor 160g/kg + Bensulfuron Methyl 16g/kg + Metsulfuron Methyl 4g/kg	Sun- like 18WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
10	3808	Acetochlor 470g/l + Butachlor 30g/l	Rontatap 500EC	cỏ/ đậu tương	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
11	3808	Acetochlor 180g/kg (450g/l), (505g/l)	Duaone 195WP, 455EC, 515EC,	195WP: cỏ/ lúa cấy 455EC, 515EC, 735EC: Cỏ/lạc	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ

		(10g/l) + Metolachlor 15g/kg (5g/l), (10g/l), (725g/l)	735EC		
12	3808	Acetochlor 415 g/l (410g/l) + Oxyfluorfen 15g/l (40g/l)	Catholis 43 EC, 450EC	cỏ/ lạc	Công ty CP BVTV I TW
13	3808	Acetochlor 15 g/l + Pretilachlor 285 g/l + chất an toàn Fenclozim 100g/l	Nomefit 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông dược Việt Nam
		Acetochlor 490 g/l + Pretilachlor 10 g/l	Nomefit 500EC	Cỏ/lạc	Công ty CP Nông dược Việt Nam
14	3808	Acetochlor 160g/kg + Pyrazosulfuron Ethyl 40g/kg	Blurius 200WP	cỏ/ lúa cấy	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
15	3808	Ametryn (min 96 %)	Amesip 80 WP	cỏ/ mía, ngô	Forward International Ltd
			Ametrex 80 WP, 80WG	80WP: cỏ/ mía, dứa 80WG: cỏ/mía	Công ty TNHH Adama Việt Nam
			Amet annong 500 FW, 800WP	500FW: cỏ/ mía, cà phê 800WP: cỏ/ mía	Công ty TNHH An Nông
			Ametsuper 80 WP	cỏ/ mía, ngô	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
			Atryl 80WP	Cỏ/ ngô, mía	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
			Gesapax 500 FW	cỏ/ mía, dứa	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
			Slimgold 510SC, 810WP	Cỏ/mía	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
16	3808	Ametryn 40% + Atrazine 40%	Atramet Combi 80 WP	cỏ/ mía, dứa	Công ty TNHH Adama Việt Nam
			Metrimex 80 WP	cỏ/ mía, dứa	Forward International Ltd
17	3808	Ametryn 400g/kg + Atrazine 400g/kg	Animex 800WP	cỏ/ ngô	Công ty CP Nicotex
			Aviator combi 800WP	cỏ/mía	Công ty CP Công nghệ NN Chiến Thắng

			Wamrincombi 800WP	cỏ/mía	Công ty TNHH Việt Thắng
18	3808	Ametryn 40% + MCPA -Sodium 8%	Solid 48WP	cỏ/ mía	Công ty CP Nicotex
19	3808	Anilofos (min 93 %)	Ricozin 30 EC	cỏ/ lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
20	3808	Atrazine (min 96 %)	Agmaxzime 800WP	Cỏ/ngô	Công ty CP Giải pháp NN Tiên Tiến
			Atamex 800WP	Cỏ/ngô	Công ty CP Công nghệ NN Chiến Thắng
			Atra 500 SC	cỏ/ mía, ngô	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
			Atra annong 500 FW, 800WP	500FW: cỏ/ mía, ngô 800WP: cỏ/ ngô	Công ty TNHH An Nông
			Atraco 500SC	Cỏ/ ngô	Công ty TNHH Trường Thịnh
			Atranex 80 WP	cỏ/ mía, dứa, ngô	Công ty TNHH Adama Việt Nam
			A-zet 80WP	cỏ/ ngô	Công ty TNHH SX - TM Tô Ba
			Destruc 800WP	Cỏ/ ngô	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
			Many 800WP	Cỏ/ ngô	Công ty TNHH BMC
			Maizine 80 WP	cỏ/ ngô, mía	Forward International Ltd
			Mizin 50 WP, 80 WP, 500SC	50WP: cỏ/ dứa, ngô 80WP: cỏ/ mía, ngô 500SC: cỏ ngô	Công ty CP BVTV Sài Gòn
			Nitrazin 800WP	cỏ/ngô	Công ty CP Nicotex
			Sanazine 500 SC	cỏ/ mía, ngô	Longfat Global Co., Ltd.
			Wamrin 800WP	Cỏ/ngô	Công ty TNHH Việt Thắng
21	3808	Atrazine 120g/l + Mesotrione 32g/l + S-metolachlor 320g/l	Lumax 472SE	cỏ/ngô	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
22	3808	Atrazine 500g/kg +	Map hope 510WP	cỏ/ngô	Map Pacific PTe Ltd

		Nicosulfuron 10g/kg			
23	3808	Atrazine 300g/l + Sulcotrione 125g/l	Topical 425SC	cỏ/ ngô	Công ty CP Công nghệ NN Chiến Thắng
24	3808	Azimsulfuron (min 99%)	DuPont™ Katrocet® 50WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	DuPont Vietnam Ltd.
25	3808	Bensulfuron Methyl (min 96 %)	Beron 10 WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV Sài Gòn
			Bensurus 10WP	cỏ/ lúa cấy	Công ty CP Nông dược Việt Nam
			DuPont™ Londax® 10 WP	cỏ/ lúa cấy	DuPont Vietnam Ltd
			Furore 10WP, 10WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH - TM Nông Phát
			Loadstar 10WP, 60WG, 60WP	10WP: cỏ/ lúa gieo thẳng 60WG, 60WP: cỏ/ lúa cấy	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
			Mullai 100WP, 100WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM Bình Phương
			Rorax 10 WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Việt Thắng
			Sharon 100 WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
			Sulzai 10WP	cỏ/ lúa cấy, lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Vật tư BVTV Phương Mai
26	3808	Bensulfuron Methyl 12% + Bispyribac-sodium 18%	Honixon 30WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Nicotex
27	3808	Bensulfuron Methyl 0.16g/kg + Butachlor 3.04g/kg	Apoger 3.2GR	cỏ/ lúa cấy	Công ty CP Chuyển giao tiến bộ KTNN Nicotex
			Apogy 3.2GR	cỏ/ lúa cấy	Công ty CP Nicotex
			One-tri 3.2GR	cỏ/ lúa cấy	Công ty TNHH BMC
28	3808	Bensulfuron Methyl 1.5% + Butachlor 28.5% + Chất an toàn Fenclorim 10%	Bé bụ 30WP, 30SE	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV Sài Gòn
29	3808	Bensulfuron Methyl	Haly super 450WP	Cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP ND Quốc tế

		100g/kg + Cyhalofop butyl 50g/kg + Quinclorac 300g/kg			Nhật Bản
30	3808	Bensulfuron Methyl 108g/kg (1g/l), (63g/kg), (105g/kg) (55g/kg), 55g/l + Cyhalofop Butyl 1g/kg (1g/l), (1g/kg), (50g/kg), (200g/kg), 105g/l + Quinclorac 10g/kg (255g/l), (343g/kg), (305g/kg), (305g/kg), 200g/l	Topsuper 119WP, 257SC, 407WP, 460WP, 560WP, 360SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
31	3808	Bensulfuron Methyl 2% + Mefenacet 66%	Danox 68 WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
32	3808	Bensulfuron Methyl 30g/kg + Mefenacet 500g/kg	Acocet 53 WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH - TM Thái Nông
33	3808	Bensulfuron Methyl 9% (4%), (3%) + Mefenacet 1% (46%), (50%)	Wenson 10WP, 50WP, 53WP	10WP: cỏ/ lúa cây 50WP: cỏ/ lúa cây, lúa gieo thẳng 53WP: cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Trường Thịnh
34	3808	Bensulfuron Methyl 4% + Pretilachlor 36%	Queen soft 40WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Công nghiệp Khoa học Mùa màng Anh-Rê
35	3808	Bensulfuron Methyl 0.7% + Pyrazosulfuron Ethyl 9.3%	Cetrius 10WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
36	3808	Bensulfuron Methyl 5g/kg + Pyrazosulfuron Ethyl 95g/kg	Sirafb 100WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
37	3808	Bensulfuron methyl 0.25g/kg + Pretilachlor 1.75g/kg	Droper 2GR	cỏ/lúa gieo	Công ty TNHH BMC
38	3808	Bensulfuron Methyl 3.5% + Propisochlor	Fenrim 18.5WP	cỏ/ lúa cây, lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV I TW

		(min 95%) 15%			
			Fitri 18.5 WP	cỏ/ lúa cây, lúa gieo thẳng, lạc	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
			Pisorim 18.5WP	cỏ/ lúa cây	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
			Vitarai 18.5WP	Cỏ/lúa cây	Công ty TNHH Việt Thắng
39	3808	Bensulfuron Methyl 40g/kg + Propisochlor 160g/kg	Gradf 200WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
40	3808	Bensulfuron Methyl 3% (30g/kg) + Quinclorac 33% (330g/kg)	Cow 36 WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
			Sifata 36WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Guizhou CVC INC. (Tổng Công ty Thương mại Zhongyue Quý Châu Trung Quốc)
			Tempest 36 WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
41	3808	Bensulfuron Methyl 4% + Quinclorac 28%	Quinix 32 WP	cỏ/ lúa	Công ty CP Nicotex
42	3808	Bensulfuron Methyl 6% + Quinclorac 34%	Ankill A 40WP, 40SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
43	3808	Bensulfuron Methyl 50g/kg + Quinclorac 350g/kg	Flaset 400WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn
44	3808	Bensulfuron Methyl 90g/l + Quinclorac 450g/l	Newnee 540SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông dược Việt Nam
45	3808	Bensulfuron methyl 7% + Quinclorac 33%	Laphasi 40WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
46	3808	Bensulfuron methyl 30g/kg (5%) + Quinclorac 330g/kg, (40%)	Subrai 36WP, 45WP	Cỏ/lúa gieo thẳng, lúa cây	Công ty TNHH Việt Thắng
47	3808	Bensulfuron methyl	Rocet	100WP: cỏ/ lúa cây	Công ty CP Công nghệ cao

		95g/kg (7g/kg) + Quinclorac 5g/kg (243g/kg)	100WP, 250SC	250SC: cỏ/ lúa gieo thẳng	Thuốc BVTV USA
48	3808	Bensulfuron methyl 40g/kg + Quinclorac 560g/kg	Mizujapane 600WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
49	3808	Bentazone 10 % + Quinclorac 20 %	Zoset 30 SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV I TW
50	3808	Bentazone 200g/l + Cyhalofop butyl 50g/l + Quinclorac 200g/l	Startup 450SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông Việt
51	3808	Benazolin-ethyl (min 95%) 300g/l + Quizalofop-P-ethyl 50g/l	Shootbis 350EC	cỏ/lạc	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
52	3808	Bispyribac-sodium (min 93 %)	Camini 10SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP TST Cần Thơ
			Danphos 10 SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
			Herstop 10 SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Đồng Xanh
			Domino 20 WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV Sài Gòn
			Faxai 10 SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông nghiệp Asean Gold
			Horse 10SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH ADC
			Janee 10SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
			Lanina 100SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
			Maxima 10 SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH - TM ACP
			Newmilce 100 SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
			Nixon 20 WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Nicotex
			Nofami	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH - TM

			10SC		Nông Phát
			Nomeler 100 SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
			Nominee 10SC, 100OF	10SC: cỏ/ lúa cấy, lúa gieo thẳng 100OF: cỏ/ lúa gieo thẳng	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
			Nonee-cali 10WP, 100SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Cali - Parimex Inc
			Nonider 10SC, 30WP, 130WP	10SC, 130WP: cỏ/ lúa gieo thẳng 30WP: cỏ/ lúa cấy	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
			Sipyri 10 SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Adama Việt Nam
			Somini 10 SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
			Sunbishi 10SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Sundat (S) Pte Ltd
			Superminee 10 SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM Tân Thành
53	3808	Bispyribac-sodium 100g/l + Cyhalofop butyl 200 g/l	TTBye 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM Tân Thành
54	3808	Bispyribac-sodium 100g/l + Fenoxaprop- P-Ethyl 50g/l	Morclean 150SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
55	3808	Bispyribac-sodium 40g/l + Metamifop 100g/l	Shishi 140SE	Cỏ/ lúa gieo thẳng	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
56	3808	Bispyribac-sodium 50g/l + Pyrazosulfuron Ethyl 100g/l	Nomesuper 150SC	Cỏ/ lúa gieo thẳng	Cali – Parimex Inc.
57	3808	Bispyriba-sodium 130g/kg + 70g/kg Pyrazosulfuron Ethyl	Nomirius super 200WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Hóa nông Mỹ Việt Đức
58	3808	Bispyribac-sodium 70g/l + Quinclorac 180g/l	Supecet 250SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
59	3808	Bispyribac-sodium 20g/l + Quinclorac	Newday 270SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Công nghệ hoá chất Nhật Bản Kasuta

		250g/l			
60	3808	Bispyribac-sodium 70g/kg + Quinclorac 430 g/kg	Supernee 500WP	Cỏ/ lúa gieo thẳng	Cali – Parimex Inc.
61	3808	Bispyribac-sodium 15g/l + Thiobencarb 900 g/l	Bisben 915 OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
62	3808	Bispyribac-sodium 20g/l + Thiobencarb 600g/l	Bêlêr 620 OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
63	3808	Bromacil	DuPont™ Hyvar® - X 80 WP	cỏ/ cây có múi, dừa, vùng đất hoang	DuPont Vietnam Ltd
64	3808	Butachlor 27% + Chất an toàn Fenclorim 0.2%	B.L.Tachlor 27 WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
65	3808	Butachlor (min 93%)	B.L.Tachlor 27 WP, 60 EC	27WP: cỏ/ lạc, lúa cấy 60EC: cỏ/ lúa cấy, lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
			Butan 60 EC	cỏ/ lúa cấy, lúa gieo thẳng	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
			Butanix 60 EC	cỏ/ lúa cấy, lúa gieo thẳng; cỏ/ lạc	Công ty CP Nicotex
			Butavi 60 EC	cỏ/ lúa gieo thẳng, lúa cấy, mạ	Công ty DV NN & PTNT Vĩnh Phúc
			Butoxim 5GR, 60EC	cỏ/ lúa, cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV Sài Gòn
			Dibuta 60 EC	cỏ/ lúa	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
			Dietcomam 65EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
			Echo 60 EC, 60EW	60EC: cỏ/ lúa 60EW: cỏ/ lúa gieo thẳng, lúa cấy	Công ty TNHH TM Phát An
			Forwabuta 5GR, 32EC, 60EC	cỏ/ lúa	Forward International Ltd
			Heco 600 EC	cỏ/ lúa, lạc, mía, đậu tương	Công ty CP BVTV I TW
			Kocin 60 EC	cỏ/ lúa gieo thẳng, lạc	Bailing Agrochemical Co., Ltd
			Lambast	cỏ/ lúa	Công ty CP Giải pháp NN

			5GR, 60EC		Tiên Tiến
			Machete 5GR, 60EC	cỏ/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
			Meco 60 EC	cỏ/ lúa gieo thẳng, lúa cấy	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
			Michelle 5GR, 32EC, 62EC	cỏ/ lúa	Sinon Corporation, Taiwan
			Saco 600 EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
			Super – Bu 5BR, 60EC	5BR: cỏ/ lúa cấy 60EC: cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
			Taco 600 EC	cỏ/ lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
			Tico 60 EC	cỏ/ lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
			Vibuta 5 GR, 32 EC, 62EC	cỏ/ lúa cấy, lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
66	3808	Butachlor 600g/l + chất an toàn Fenclorim 100g/l	Burn-co 60EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM DV Việt Nông
			Sabuta 600EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
			Sieunee 600EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Cali – Parimex. Inc.
			Trabuta 60EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
67	3808	Butachlor 320g/l + chất an toàn Fenclorim 50g/l	Butafit 320EC	Cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Trường Thịnh
68	3808	Butachlor 30g/l + Pretilachlor 300g/l + chất an toàn Fenclorim 100g/l	Newfit 330EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức
69	3808	Butachlor 50 g/l + Pretilachlor 300 g/l + chất an toàn Fenclorim 100 g/l	Newrofit 350EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
			Omegafit 350EC	Cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu

			Topfit one 350EC	Cỏ/ lúa sạ	Công ty TNHH Thuốc BVTV Bông Sen Vàng
			Xofisasia 350EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP TM & ĐT Bắc Mỹ
70	3808	Butachlor 20g/l + Pretilachlor 300g/l + Chất an toàn Fenclorim 100g/l	Sofigold 320EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
71	3808	Butachlor 270g/kg (365g/l) + Pretilachlor 1g/kg (10g/l)	Sofigold 271WP, 375EC	cỏ/lúa gieo thẳng, lúa cấy	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
72	3808	Butachlor 90g/l + Pretilachlor 280g/l + Chất an toàn Fenclorim 100g/l	NewYorkFit-Usa 370EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Anh Dầu Tiền Giang
73	3808	Butachlor 270g/l (50g/l), (1g/l), (400g/l) + Pretilachlor 1g/l (300g/l),(1g/l), (10g/l) + Propanil 1g/l (5g/l), (506g/l), (200g/l)	Tecogold 272 WP, 355EC, 508SC, 610EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
74	3808	Butachlor 275g/l + Propanil 275g/l	Butanil 55 EC	cỏ/ lúa	Sinochem International (Oversea) Pte Ltd.
			Cantanil 550 EC	cỏ/ lúa	Công ty TNHH TM – DV Thanh Sơn Hóa Nông
			Danator 55EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
			Mototsc 550 EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP VT KT NN Cần Thơ
			Pataxim 55 EC	cỏ/ lúa cấy, lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV Sài Gòn
			Platin 55 EC	cỏ/ lúa cấy, lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc sát trùng Cần Thơ
			Probuta 550EC	Cỏ/ lúa sạ	Công ty TNHH Trường Thịnh
75	3808	Butachlor 350g/l + Propanil 350g/l	Soon 70EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
76	3808	Butachlor 600g/l +	Mototsc 650EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Vật tư KTNN

		Propanil 50g/l			Cần Thơ
77	3808	Butachlor 40 % + Propanil 20 %	Vitanil 60EC	cỏ/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
78	3808	Butachlor 600 g/l + Pyrazosulfuron Ethyl 35g/l	Trisacousamy 635EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
79	3808	Chlorimuron Ethyl 10% + Metsulfuron Methyl 10%	DuPont™ Almix® 20 WP	cỏ/ lúa	DuPont Vietnam Ltd
80	3808	Cinosulfuron (min 92%)	Cinorice 25WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Đồng Xanh
81	3808	Clethodim (min 91.2%)	Cledimsuper 250EC	cỏ/sắn	Công ty TNHH An Nông
			Select 12EC, 240EC	12EC: cỏ/ lạc, đậu tương 240EC: cỏ/ lạc, đậu tương, sắn, vừng	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
			Xeletsupe 24 EC	cỏ/ lạc	Công ty TNHH - TM ACP
			Wisdom 12EC	cỏ/ dừa hấu, lạc, đậu tương, cỏ/sắn	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
82	3808	Clomazone (min 88 %)	Command 36 ME, 48EC	36ME: cỏ/ lúa 48EC: cỏ/ lúa gieo thẳng	FMC Agricultural Products Interational AG
			Akina 48EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Asiagro Pacific Ltd
83	3808	Clopyralid (min 95%)	TĐK_clopy 350SL	Cỏ/ngô	Công ty TNHH MTV Lucky
84	3808	Cyclosulfamuron (min 98 %)	Invest 10WP	cỏ/ lúa	BASF Vietnam Co., Ltd.
85	3808	Cyhalofop-butyl (min 97 %)	Anlicher 10EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
			Anstrong 10 EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
			Bangbang 10EC	Cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Nam Bộ
			Bonzer 10EC, 200EC, 300EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Thuốc BVTV MeKong
			Clincher 10 EC, 200 EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Dow AgroSciences B.V
			Cybu 300EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Việt Hoá Nông

			Cyhany 250EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM-SX Ngọc Yến
			Elano 20EC	Cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
			Farra 100EW	Cỏ/ lúa gieo thẳng	Eastchem Co., Ltd
			Figo 100EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông nghiệp HP
			Incher 100EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM Nông Phát
			Koler 10EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH ADC
			Liana 100EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Minh Long
			Linchor 100EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Phú Nông
			Linhtrơ 100EC, 200EW	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
			Nixcher 100ME, 200EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Nicotex
			Slincesusamy 100EC, 200EC	Cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
			Tacher 250EC	Cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
			Topcyha 110EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
			Topco 200EC, 300EC	Cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH – TM Tân Thành
86	3808	Cyhalofop butyl 10g/l + Ethoxysulfuron 15g/l	Motin.tsc 25EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Vật tư KTNN Cần Thơ
87	3808	Cyhalofop butyl 315g/kg + Ethoxysulfuron 30g/kg	Super soil 345WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
88	3808	Cyhalofop Butyl 50g/l + Ethoxysulfuron 20g/l	Supershot 70 OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
89	3808	Cyhalofop butyl 80g/l + Ethoxysulfuron 20g/l	Newtopshopusa 100OD	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang

90	3808	Cyhalofop butyl 100g/l + Penoxsulam 10g/l	Topvip 110 OD	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Vipes Việt Nam
91	3808	Cyhalofop-butyl 100g/l + Ethoxysulfuron 15g/l	Linchor's 115EC	Cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Phú Nông
92	3808	Cyhalofop-butyl 100g/l (300g/l) + 15g/l (30g/l)Ethoxysulfuron	Coach 115EC, 330EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH ADC
93	3808	Cyhalofop-butyl 100g/l, (330g/l), (330g/kg) + 15g/l (3g/l), (3g/kg) Ethoxysulfuron	Mortif 115EC, 333OD, 333WG	Cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hoá sinh Á Châu
94	3808	Cyhalofop-butyl 300g/l + Ethoxysulfuron 30g/l	Laroot 330WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH MTV BTV Long An
			Push 330EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH – TM Tân Thành
95	3808	Cyhalofop Butyl 100g/l (170g/kg) + Ethoxysulfuron 10g/l (30g/kg) + Pyrazosulfuron Ethyl 50g/l (100g/kg) + Quinclorac 190g/l (500g/kg)	Sieuco 350SC, 800WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
96	3808	Cyhalofop butyl 90g/l + Ethoxysulfuron 20g/l + Quinclorac 190 g/l	SupertopJapane 300OD	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
97	3808	Cyhalofop-butyl 100g/l (50g/l) + 5g/l (5g/l) Ethoxysulfuron + 50g/l (120g/l) Quinclorac	Topone 155SE, 175SE	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM SX Khánh Phong
98	3808	Cyhalofop butyl 100g/l + Ethoxysulfuron 5 g/l + Quinclorac 55 g/l	Fasta 160SE	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
99	3808	Cyhalofop-butyl 50g/l + Penoxsulam 10g/l	Andoshop 60 OD	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân

			Anstrong plus 60 OD	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
			Calita 60 OD	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH - TM Tân Thành
			Cleanshot 6 OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
			Clinton 60 OD	Cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông tín AG
			Comprise 60 OD	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Hóc Môn
			Compass 60 OD	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
			Cypen 60 OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH SX & KD Tam Nông
			Linchor top 60 OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Phú Nông
			Mundo – Super 60OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Điện Thạnh
			Pymeny 60EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM - SX Ngọc Yến
			Stopusamy 60EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
			Topgold 60 OD	Cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Vật tư KTNN Cần Thơ
			Topmost 60 OD	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Công nghệ NN Chiến Thắng
			Topmy 60 OD	Cỏ/lúa gieo thẳng	Rotam Asia Pacific Limited
			Topnhat 60 OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Việt Thắng
			Topshot 60 OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Dow AgroSciences B.V
100	3808	Cyhalofop-butyl 150g/l + Oxaziclomefone (min 96.5%) 150 g/l + Pyrazosulfuron Ethyl 100g/l	Nosotco 400SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
101	3808	Cyhalofop butyl 55g/l (65g/l) + Penoxsulam 10g/l (10g/l)	Het-shots 65OD, 75OD	Cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP TM và Đầu tư Bắc Mỹ

102	3808	Cyhalofop-butyl 60g/l + Penoxsulam 10 g/l + Pyrazosulfuron Ethyl 20g/l	Topfull 90SE	Cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
103	3808	Cyhalofop-butyl 120g/kg + 50g/kg Pyrazosulfuron Ethyl	Econogold 170WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
104	3808	Cyhalofop-butyl 60g/l (230g/l), (600g/kg) + Pyrazosulfuron Ethyl 30g/l (70g/l), (150g/kg)	Tossup 90SC, 300SC, 750WP	Cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
105	3808	Cyhalofop-butyl 50g/l + Pyrazosulfuron Ethyl 10g/l	Đại tướng quân 60EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
			Tossup 60SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
106	3808	Cyhalofop butyl 75g/l + Pyrazosulfuron Ethyl 50g/l	Shotplus 125SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
107	3808	Cyhalofop butyl 20% + Pyrazosulfuron Ethyl 5% + Quinclorac 30%	Map fanta 550WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Map Pacific PTE Ltd
108	3808	Cyhalofop-butyl 200g/kg + Pyrazosulfuron Ethyl 50g/kg + Quinclorac 350g/kg	Dietcosuper 600WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
109	3808	Cyhalofop butyl 6.0% + Pyribenzoxim 2.5%	Pyanchor gold 8.5EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV Sài Gòn
110	3808	Cyhalofop butyl 200g/l + Pyribenzoxim 50g/l	Super rim 250EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM DV Tân Hưng
111	3808	Cyhalofop-butyl 150g/kg + Quinclorac 500g/kg	CO- 2X 650WP	Cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa nông Mê Kông
112	3808	Cyhalofop butyl 150g/kg + Quinclorac 400g/kg	Pitagor 550WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Công nghệ NN Chiến Thắng
113	3808	2.4 D (min 96 %)	AD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH - TM

500SL, 600SL		Thái Nông
A.K 480SL, 720SL	720SL: cỏ/ lúa, ngô 480SL: cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH - TM Thái Phong
Aldo 500SL, 800WP, 860SL	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Hóc Môn
Amine 720 SL	cỏ/ lúa, ngô	Zagro Group, Zagro Singapore Pvt Ltd.
Aminol super 720SL	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Adama Việt Nam
Anco 500SL, 600 SL, 720SL, 860SL	500SL: Cỏ/lúa gieo thẳng, điều 600SL: cỏ/ lúa cấy, lúa gieo thẳng, cỏ/ cà phê 720SL, 860SL: cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
Anhdau2,4D 80WP	cỏ/lúa gieo	Công ty TNHH Anh Dầu Tiền Giang
B.T.C 2.4D 80 WP	cỏ/ lúa cấy, lúa gieo thẳng	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
Baton 60EC, 70EC, 720EC, 960 WSP	60EC, 70EC: cỏ/ lúa 720EC: cỏ/ lúa, mía 960WSP: cỏ/ lúa, cao su	Nufarm Asia Sdn Bhd
Cantosin 600SL, 720SL	cỏ/ lúa	Công ty CP TST Cần Thơ
CO 2.4 D 80 WP, 500SL, 600SL, 720SL, 860SL	500SL: cỏ/ lúa 600SL, 80WP: cỏ/ lúa, ngô 720SL: cỏ/ lúa 860SL: cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
Co Broad 80 WP	cỏ/ mía, vùng đất chưa trồng trọt	Công ty TNHH Agrimatco Việt Nam
Colaro 600SL	Cỏ/ ca cao	Công ty CP Kỹ thuật Dohaleusa
Damin 80WP, 500SL, 700SL	80WP, 500SL: cỏ/ lúa gieo thẳng 700SL: cỏ/ lúa	Công ty TNHH An Nông
DMA – 6 72 AC, 683 AC	cỏ/ lúa cấy	Dow AgroSciences B.V
Ecoupusa 725 SL	cỏ/ lúa gieo	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
Fullback 720SL	cỏ/ lúa gieo	Công ty CP VT KT NN Cần Thơ

			Hai bon - D 80 WP, 480SL	80WP : cỏ/ lúa, ngô 480SL : cỏ/ lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
			HD-co 2,4 500SL	cỏ/lúa gieo	Công ty TNHH TM DV Hằng Duy
			Lagere 500SL	Cỏ/cao su	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
			Lycamba 500SL	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Giải pháp NN Tiên Tiến
			Madive 725 SL	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ
			Ni-2,4D 600SL	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Nicotex
			Oui 600SL	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
			O.K 683SL, 720SL	683SL : cỏ/ lúa 720SL : cỏ/ ngô, mía	Công ty CP Nông dược HAI
			Pro - amine 48 SL, 60SL	48SL : cỏ/ lúa 60SL : cỏ/ lúa, cao su	Imaspro Resources Sdn Bhd
			Putra-amine 865SL	Cỏ/lúa gieo thẳng	Hextar Chemicals Sdn, Bhd.
			Rada 80WP, 600SL, 720SL	cỏ/ lúa, ngô	Công ty CP BVTV I TW
			Sanaphen 600 SL, 720 SL	cỏ/ lúa, mía	Forward International Ltd
			Tancovila 480SL	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH SX-TM Tô Ba
			Vì 2.4D 80WP, 600SL, 720SL	80WP : cỏ/ lúa 600SL, 720SL : cỏ/ lúa, ngô	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
			Zaap 720 SL	cỏ/ lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
			Zico 45WP, 48SL, 80WP, 96WP, 520 SL, 720SL, 850SL	48SL, 720SL, 850SL : cỏ/ lúa, ngô 80WP, 96WP : cỏ/ lúa, mía 520SL, 45WP : cỏ/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
114	3808	Dalapon	Dipoxim 80 SP	cỏ/ mía, xoài, vùng đất chưa canh tác	Công ty CP BVTV Sài Gòn
			Vilapon 80 WP	cỏ/ mía, cây có múi	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam

115	3808	Dicamba (min 97%) 3% + Glyphosate 17%	Eputin 20SL	cỏ/ cà phê, cao su, chè	Công ty CP Giải pháp Nông nghiệp Tiên Tiến
116	3808	Diflufenican 16.7 g/l + Propanil 333.3 g/l	Rafale 350 EC	cỏ/ lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
117	3808	Diuron (min 97 %)	Ansaron 80 WP, 500SC	80WP: cỏ/ mía, cà phê, sắn 500SC: Cỏ/mía	Công ty CP BVTV Sài Gòn
			BM Diuron 80 WP	cỏ/ mía, vùng đất chưa trồng trọt	Behn Meyer Agcare LLP
			D - ron 80 WP	cỏ/ mía, vùng đất không trồng trọt	Imaspro Resources Sdn Bhd
			Karmex® 80 WP	cỏ/ mía, chè	Công ty TNHH Adama Việt Nam
			Go 80 WP	cỏ/ mía	Nufarm Asia Sdn Bhd, Malaysia
			Misaron 80 WP	cỏ/ mía, dứa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
			Sanuron 800WP, 800SC	800WP: cỏ/ mía, cà phê 800SC: cỏ/ bông vải, chè	Forward International Ltd
			Suron 80 WP	cỏ/ mía, bông vải	Công ty CP Nông dược HAI
			Vidui 80 WP	cỏ/ mía, chè	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
118	3808	Ethoxysulfuron (min 94 %)	Map salvo 200WP	Cỏ/ lúa gieo thẳng	Map Pacific PTE Ltd
			Moonrice 15 WG	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Kiên Nam
			Run life 15WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
			Sun – raise nongphat 15WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH – TM Nông Phát
			Sunrice 15 WG	cỏ/ lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
119	3808	Ethoxysulfuron 20g/l + Fenoxaprop-P-Ethyl 69g/l	Turbo 89 OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
120	3808	Ethoxysulfuron 12.5% + Iodosulfuron-methyl- sodium (min 91%) 1.25%	Sunrice super 13.75WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Bayer Vietnam Ltd. (BVL)
121	3808	Ethoxysulfuron 35 g/l	Kiss	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH

		(35g/kg) + MCPA 100g/l (100g/kg) + Pyrazosulfuron Ethyl 15g/l (15g/kg)	150EC, 150WP		ADC
122	3808	Ethoxysulfuron 23g/kg + Quinclorac 230 g/kg	Map Top-up 253 WP	Cỏ/ lúa gieo thẳng	Map Pacific PTE Ltd
123	3808	Fenoxaprop-P-Ethyl (min 88 %)	anRUMA 6.9 EC, 75SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
			Cawip 7.5 SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP TST Cần Thơ
			Challenger 6.9EC	Cỏ/ lúa gieo thẳng	Sundat (S) PTe Ltd
			Golvips 7.5 EW	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
			Puma 6.9 EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
			Quip-s 7.5 EW	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH MTV BVT Thanh Hưng
			Web Super 7.5 SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
			Wipnix 7.5 EW	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Nicotex
			Whip'S 6.9 EC, 7.5EW	6.9EC: cỏ/ lúa 7.5EW: cỏ/ lúa, lạc	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
124	3808	Fenoxaprop -P-Ethyl 45g/l + 2.4 D 70g/l + MCPA 210 g/l	Tiller S EC	cỏ/ lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
125	3808	Fenoxaprop-P-Ethyl 75g/l(100g/kg) + Pyrazosulfuron Ethyl 50g/l (150g/kg) + Quinclorac 250g/l (225g/kg) + chất an toàn Fenclorim 50g/l (25g/kg)	Runtop 375SC, 775WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
126	3808	Fenopxaprop-P-Ethyl 130g/kg + Pyrazosulfuron Ethyl 70g/kg + Quinclorac 500g/kg	Topgun 700WG, 700WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Map Pacific PTE Ltd.
127	3808	Fenoxaprop-P-Ethyl	Pyan - Plus	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP BVT

		8g/l + Pyribenzoxim 50g/l	5.8EC		Sài Gòn
128	3808	Fentrazamide (min 98%) 6.75 % + Propanil 37.5 %	Lecspro 44.25 WP	cỏ/ lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
129	3808	Fluazifop-P-Butyl	Fuquy 150EC	Cỏ/ sắn	Công ty CP BVTV I TW
			Onecide 15 EC	cỏ/ lạc, đậu tương, sắn, bông vải, dừa hấu	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
			Oneness 15EC	Cỏ/ lạc	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
			Sai-one 15EC	cỏ/ lạc	Công ty CP BVTV Sài Gòn
130	3808	Flucetosulfuron (min 98%)	Luxo 10WG	cỏ/ lúa gieo thẳng, lúa cây	LG Life Sciences Ltd.
131	3808	Fluometuron (min 94 %)	Cottonex 50 SC	cỏ/ bông vải	Công ty TNHH Adama Việt Nam
132	3808	Flufenacet (min 95 %)	Tiara 60 WP	cỏ/ lúa cây	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
133	3808	Glufosinate Ammonium (min 95 %)	Amfas 200SL	cỏ/ cam	Công ty TNHH Việt Hóa Nông
			Basta 6 SL, 15 SL	6SL: cỏ/ cây có mùi, nhãn 15SL: cỏ/ dừa, cây có mùi, chè, nho, bắp cải, xoài, ca cao	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
			Jiafosina 150SL	cỏ/cà phê	Công ty CP Jianon Biotech (VN)
			Fasfix 150SL	cỏ/ cà phê	Công ty CP BVTV Sài Gòn
			Glu-elong 15SL	Cỏ/cà phê	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
			Proof 15 SL	cỏ/ chuối	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
			Sinate 150SL	cỏ/đất không trồng trọt	Công ty CP Hóc Môn
134	3808	Glyphosate (min 95%)	Accinosat 480SL	cỏ/ vải	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
			Agfarme S 480 SL	cỏ/ đất không trồng trọt	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
			Agri - Up 380SL, 480 SL	cỏ/ đất không trồng trọt	Công ty TNHH - TM Thái Nông

Amiphosate 480SL	cỏ/ cao su	Công ty TNHH Việt Hóa Nông
Anraidup 480SL	cỏ/ cà phê	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
Aphosate 41 SL	Cỏ/ cao su	Asiagro Pacific Ltd
Approsat 480SC	cỏ/ đất không trồng trọt	Công ty TNHH XNK A.M.C
Banzote 76 WG, 480SL	cỏ trên đất không trồng trọt	Công ty CP Nông nghiệp HP
B - Glyphosate 41 SL	cỏ/ cà phê, cao su	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
Bipiphosate 480SL	cỏ/ đất không trồng trọt	Công ty TNHH TM Bình Phương
Bizet 41 SL	cỏ/ đất không trồng trọt	Sinon Corporation, Taiwan
BM - Glyphosate 41 SL	cỏ/ cà phê, vùng đất chưa trồng trọt, đất hoang	Behn Meyer Agcare LLP
Bn-kocan 480SL	Cỏ/đất không trồng trọt	Công ty CP Bảo Nông Việt
Bravo 480 SL	cỏ/ vải thiều, cao su, cà phê	Công ty CP BVTV I TW
Calione 482SL	Cỏ/vải	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
Conform 480SL	Cỏ/ đất không trồng trọt	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
Cantosate 480SC	Cỏ/ đất không trồng trọt	Công ty CP Vật tư KTNN Cần Thơ
Canup 480SL, 600SL, 360SL, 757SG	480SL: Cỏ/ cà phê, đất không trồng trọt 360SL, 757SG, 600SL: Cỏ/đất không trồng trọt	Công ty TNHH TM DV Ánh Dương
Carphosate 16 SL, 41SL, 480SL	16SL: cỏ/ sầu riêng, cà phê, vùng đất không trồng trọt 41SL: cỏ/ chôm chôm, cao su, vùng đất không trồng trọt 480SL: cỏ/ cao su, cà phê	Công ty TNHH TM – DV Thanh Sơn Hóa Nông
Clowdup 480 SC	cỏ/ cà phê	Cali - Parimex Inc
Clean - Up 480 SL	cỏ/ điều, cao su	Map Pacific Pte Ltd

Clear Off 480 SL	cỏ/ đất chưa trồng trọt	Công ty TNHH - TM Nông Phát
Clymo-sate 410SL, 480SL	410SL: cỏ/cao su, đất không trồng trọt 480SL: cỏ/ đất không trồng trọt	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
Clyphosam 480SL	Cỏ/vải	Công ty TNHH Sam
Confore 480SL	cỏ/ cao su	Công ty TNHH ADC
Cosmic 41SL	cỏ/ chè, cây có múi	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
Daiwansa 41SL, 480SL, 75.7WG	41SL: cỏ/đất không trồng trọt 480SL: cỏ / cà phê 75.7WG: cỏ/vải	Công ty CP Futai
Dibphosate 480 SL	cỏ/ cây có múi, vùng đất không trồng trọt	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
Dophosate 480SL	cỏ/ đất không trồng trọt	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
Dosate 75.7WG, 480SC	75.7WG: cỏ/ vải 480SC: cỏ/ cao su	Công ty CP Đồng Xanh
Dream 360 SC, 480SC	360SC: cỏ/ cây có múi, cao su 480SC: cỏ/ cây có múi, cà phê	Công ty CP Nông dược HAI
Ecomax 41 SL	cỏ/ cây có múi, cao su, chè, cà phê	Crop protection (M) Sdn Bhd
Encofosat 48 SL	cỏ/ cà phê, cao su	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
Farm 480 SL	cỏ/ cao su	Công ty TNHH Adama Việt Nam
Galop 410SL	cỏ/ cao su	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
Glisatigi 480SL	cỏ/ đất không trồng trọt	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
Gly - Up 480 SL	cỏ/ cao su, chè, cà phê, cây có múi, xoài, vùng đất chưa gieo cấy lúa	Bailing Agrochemical Co., Ltd
Glycel 41SL	cỏ/ cao su, điều	Excel Crop Care Limited
Glyphadex 360 SL, 750SG	360SL: cỏ/ cây có múi, vùng đất chưa gieo cấy lúa 750SG: Cỏ/đất không trồng trọt	Công ty TNHH Baconco
Glyphosan	480SL: cỏ/ cây ăn quả, cà phê	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời

480 SL, 757SG	757SG: Cỏ/cao su	
Glyxim 41 SL	cỏ/ cây có múi, chè	Forward International Ltd
Gly-zet 480 SL	cỏ/ đất chưa trồng trọt	Công ty TNHH SX - TM Tô Ba
Go Up 480 SC	cỏ/ cao su, cây có múi	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
Goodsat 480SL	cỏ/ đất không trồng trọt	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
Grassad 480SL	Cỏ/ đất không trồng trọt	Công ty CP Bình Điền MeKong
Grosate 480SC	cỏ/ đất không trồng trọt	Công ty TNHH VT NN Tuấn Lâm
Haihadup 480SL	Cỏ/cao su	Công ty TNHH Thần Nông Việt
Hdphosan 480SL	Cỏ/vải	Công ty TNHH QT Nông nghiệp vàng
Hillary 480SL	Cỏ/đất không trồng trọt	Công ty TNHH TM-SX GNC
Hosate 480 SL	cỏ/ đất không trồng trọt	Công ty CP Hóc Môn
Helosate 48 SL	cỏ/ cây có múi, cao su	Công ty CP Giải pháp NN Tiên Tiến
Higlyphosan 480SL	cỏ/ vải	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
Huiup 48SL	Cỏ/cà phê	Huikwang Corporation
Jiaphosat 41SL	cỏ/ cà phê	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
Kanup 480SL	cỏ/ đất không trồng trọt	Công ty TNHH Việt Thắng
Ken - Up 160 SC, 480SC	160SC: cỏ/ cà phê, đất hoang 480SC: cỏ/ cây có múi, cao su	Sino Ocean Enterprises Ltd.
Killer 490SL	Cỏ/đất không trồng trọt	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
Kopski 480SL	Cỏ/đất không trồng trọt	Công ty CP VTNN Việt Nông

Landup 360SL, 480SL	360SL : cỏ/ cà phê 480SL : Cỏ/đất không trồng trọt	Công ty CP Nông dược Agriking
Liptoxim 480SL	Cỏ/đất không trồng trọt	Công ty TNHH Hoá chất và TM Trần Vũ
Lyphoxim 16 SL, 41SL, 396 SL, 75.7WG	16SL : cỏ/ nhãn, vùng đất không trồng trọt 41SL : cỏ/ cao su, chè, vùng đất chưa canh tác 396SL : cỏ/ bờ ruộng lúa 75.7WG : cỏ/cao su	Công ty CP BVTV Sài Gòn
Lyrin 410SL, 480SL, 530SL	480SL : cỏ/ cây có múi 410SL : cỏ/ cao su 530SL : cỏ/ đất không trồng trọt	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
Mamba 480SL	cỏ/ cao su, cây có múi, vùng đất hoang	Dow AgroSciences B.V
Markan 480SL	cỏ/ cà phê	Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn
Mobai 48SL	cỏ/ cà phê, cao su	Công ty TNHH TM SX Khánh Phong
Newsate 480SC	cỏ tranh, cỏ hỗn hợp/ cam, cà phê, đất không trồng trọt	Công ty CP TST Cần Thơ
Niphosate 160 SL, 480SL, 757SG	160SL : cỏ/ cao su, đất không trồng trọt, đất hoang 480SL : cỏ/ cao su, đất không trồng trọt 757SG : cỏ/đất không trồng trọt	Công ty CP Nicotex
Nonopul 41 SL	cỏ/ cao su	Dongbu Farm Hannong Co., Ltd.
Nufarm Glyphosate 16SL, 41 SL, 160 SL, 480 SL, 600 SL	16 SL : cỏ/ cao su, cây có múi 41 SL : cỏ/ cà phê, cao su 160 SL : cỏ/ cao su, cọ dầu 480SL : cỏ/ cây có múi, trang trại, điều, cà phê, cao su 600 SL : cỏ/ cao su	Nufarm Asia Sdn Bhd
Nuxim 480 SL	cỏ/ cam, đất không trồng trọt	Công ty TNHH Phú Nông
Partup 480 SL	cỏ/ đất chưa trồng trọt	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
Pengan 480SL	Cỏ/đất không trồng trọt	Công ty TNHH Trường Thịnh
Perfect 480 SL	cỏ/ cao su, dừa, chè, đất không trồng trọt	Công ty TNHH OCI Việt Nam

Piupannong 41 SL, 360SL, 480SL, 620SL	41SL, 360SL, 620SL: cỏ/ đất chưa trồng trọt 480SL: cỏ/ đất chưa gieo cấy lúa	Công ty TNHH An Nông
Primaup 480SL	Cỏ/đất không trồng trọt	PT Centa Brasindo Abadi
Raoupsuper 480 SL	cỏ/ cao su	Công ty TNHH - TM ACP
Ridweed RP 480 SL	cỏ/ cao su	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.
Roundup 480 SC	cỏ/ cây ăn quả, cao su, cọ dầu, vùng đất chưa trồng trọt	Công ty TNHH Dekalb Việt Nam
Rubbersate 480SL, 757SG	cỏ/đất không trồng trọt	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
Shoot 16SL, 41SL, 300SL, 660SL	16SL, 41SL: cỏ/ cao su, cà phê 300SL, 660SL: cỏ/ cao su	Imaspro Resources Sdn Bhd
Sunerin 480SL	cỏ/ cà phê	Công ty CP Đầu tư VTNN Sài Gòn
Sunup 48SL	cỏ/ đất chưa trồng trọt	Sundat (S) Pte Ltd
Supremo 41SL	Cỏ/ đất không trồng trọt	Hextar Chemicals Sdn, Bhd
Tansate 480SL	cỏ/ cao su	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
Thanaxim 41SL	cỏ/ cao su	Công ty CP Nông dược Việt Nam
Thadosate 480SL	Cỏ/cao su	Công ty CP Thanh Điền
Tiposat 480 SC	cỏ/ cà phê, xoài	Công ty TNHH - TM Thái Phong
Trangsate 480SC	cỏ/ đất không trồng trọt	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
Tryphosate 480SL	cỏ/đất không trồng trọt	Công ty CP Cây trồng Bình Chánh
Uni-glystar 41SL	Cỏ/cà phê	Công ty TNHH World Vision (VN)
Upland 480SL	cỏ trên đất không trồng trọt	Công ty CP Khử trùng Nam Việt
Weedout 480SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH Agritech

			VDC-phosat 480SL	Cỏ/vải	Công ty TNHH Việt Đức
			Vifosat 240SL, 480SL	240SL: cỏ/ cao su, đất không trồng trọt, cà phê 480SL: cỏ/ cao su, cây có mùi	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
			Yenphosate 48SL	cỏ/ bưởi	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
135	3808	Glyphosate ammonium	Biogly 88.8 SP	cỏ/ cà phê, cao su; trừ cây trinh nữ thân gỗ	Công ty TNHH Nông Sinh
136	3808	Glyphosate trimesium	Hd-Glyphotop 480SL	cỏ/ đất không trồng trọt	Công ty TNHH TM DV Hằng Duy
137	3808	Glyphosate IPA Salt 13.8% + 2.4 D 13.8%	Gardon 27.6 SL	cỏ/ vùng đất không trồng trọt	Công ty CP BVTV Sài Gòn
138	3808	Glyphosate IPA Salt 24% + 2.4 D 12 %	Bimastar 360 SL	cỏ/ cao su	Nufarm Asia Sdn Bhd, Malaysia
139	3808	Glyphosate IPA salt 360g/l + Metsulfuron methyl 15g/l	Weedall 375 SL	cỏ/ cam	Behn Meyer Agcare LLP
140	3808	Glyphosate IPA 240g/l + Metsulfuron methyl 5g/l	Primax plus 245SL	Cỏ/đất không trồng trọt	PT Centa Brasindo Abadi
141	3808	Glyphosate IPA salt 480g/l + Metsulfuron methyl 5g/l	Clear-up super 485SL	Cỏ/cà phê	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
142	3808	Glyphosate 37.8% + Oxyfluorfen 2.2%	Phorxy 40 WP	cỏ trên đất không trồng trọt	Công ty TNHH Trường Thịnh
143	3808	Glyphosate IPA Salt 5g/l + Paraquat 195g/l	Gaxaxone 200SL	cỏ/ cà phê	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
144	3808	Glyphosate Dimethylamine	Rescue 27 SL	cỏ/ cao su	Imaspro Resources Sdn Bhd
145	3808	Glyphosate potassium salt (min 95%)	Genosate 480SL	Cỏ/cam, cà phê	Công ty CP Tập đoàn Điện Bàn
			Glypo-x 480SL	Cỏ/ đất không trồng trọt	Công ty CP BVTV Kiên Giang
			Maxer 660 SC	cỏ/ cà phê, thanh long, bưởi, cam, quýt, cao su, đất không trồng trọt, ngô chuyển gen chống chịu thuốc trừ cỏ chứa hoạt chất Glyphosate	Công ty TNHH Dekalb Việt Nam

146	3808	Halosulfuron methyl (min 95%)	Halosuper 250WP	cỏ/lúa gieo	Công ty TNHH An Nông
147	3808	Haloxyfop-R-Methyl Ester (min 94 %)	Gallant Super 10 EC	cỏ/ lạc, sắn	Dow AgroSciences B.V
148	3808	Imazapic (min 96.9 %)	Cadre 240 SL	cỏ/ mía, lạc, lúa gieo thẳng	BASF Vietnam Co., Ltd.
149	3808	Imazethapyr (min 97%)	Dzo Super 10SL	cỏ/ lạc, đậu tương, đậu xanh	Map Pacific PTE Ltd
			Rutilan 10SL	cỏ/lạc	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
150	3808	Imazosulfuron (min 97 %)	Quissa 10 SC	cỏ/ lúa	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
151	3808	Indanofan (min 97%)	Infansuper 150EC	cỏ/lúa gieo	Công ty TNHH An Nông
152	3808	Indaziflam (min 93%)	Becano 500SC	cỏ/cao su, cỏ/cam, cỏ/cà phê	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
153	3808	Isoxaflutole (min 98%)	Merlin 750 WG	cỏ/ ngô	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
154	3808	Lactofen (min 97 %)	Combrase 24EC	cỏ/ lạc, sắn	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
155	3808	Linuron (min 94 %)	Afalon 50 WP	cỏ/ ngô, đậu tương	Công ty TNHH Adama Việt Nam
156	3808	MCPA (min 85 %)	Tot 80WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
157	3808	Mefenacet (min 95 %)	Mafa - annong 50WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
			Mecet 50 WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Phú Nông
			Mengnong 50WP	cỏ/ lúa cấy	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
158	3808	Mefenacet 39% + Pyrazosulfuron Ethyl 1%	Fezocet 40WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Trường Thịnh
159	3808	Mefenacet 5g/kg (470g/kg) + Pyrazosulfuron Ethyl 95g/kg (30g/kg)	Pylet 100WP, 500WP	100WP: cỏ/ lúa cấy, lúa gieo thẳng 500WP: cỏ/ lúa gieo thẳng	Cali – Parimex. Inc.

160	3808	Metamifop (min 96%)	Coannong 200EC	cỏ/lúa gieo	Công ty TNHH An Nông
			Obatop 100EC	cỏ/lúa gieo	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
161	3808	Metazosulfuron (min 88%)	Ginga 33WG	Cỏ/ lúa sạ	Công ty TNHH Nissei Corporation Việt Nam
162	3808	Metolachlor (min 87%)	Aqual 960EC	Cỏ/lạc	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
			Dana - Hope 720EC	cỏ/ lạc, ngô, bông vải	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
			Hasaron 720 EC	cỏ/ đậu tương	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức
163	3808	Metolachlor 620g/l + Trifluralin 130g/l	Hypeclean 750EC	Cỏ/sắn	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
164	3808	S -Metolachlor (min 98.3%)	Dual Gold ® 960 EC	cỏ/ lạc, ngô, đậu tương, bông vải	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
165	3808	Metribuzin (min 95 %)	Sencor 70 WP	cỏ/ mía, khoai tây	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
166	3808	Metsulfuron Methyl (min 93 %)	Alliance 20 WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH - TM ACP
			Alyando 200WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH BVTV Hoàng Anh
			Alyalyaic 200WG	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Hoá chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
			Alygold 200WG	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
			Alyrice 200WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
			Alyrate 200WG	Cỏ/lúa cấy	Công ty CP Hatashi Việt Nam
			Alyrius 200WG	cỏ/ lúa cấy, đất không trồng trọt	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
			Dany 20 WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
			DuPont™ Ally® 20 WG	cỏ/ lúa, cao su	DuPont Vietnam Ltd
			Metaprima 20WG	Cỏ/lúa gieo thẳng	PT Centa Brasindo Abadi

			Metsy 20WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH UPL Việt Nam
			Nolaron 20 WG	cỏ/ lúa cây	Công ty CP Long Hiệp
			Soly 20WG	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Long Hưng
			Super - Al 20 WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
167	3808	Metsulfuron methyl 25g/kg (7g/kg) + Pyrazosulfuron Ethyl 125g/kg (148g/kg)	Newrius 150WP, 155WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Vật tư NN Hoàng Nông
168	3808	Mesotrione (min 97%)	Tik grass 15SC	Cỏ/ ngô, mía	Công ty CP XNK Thọ Khang
169	3808	Molinate 327g/l + Propanil 327g/l	Prolinate 65.4 EC	cỏ/ lúa	Forward International Ltd
170	3808	Nicosulfuron (min 94%)	Duce 75WG	cỏ/ngô	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
			Luxdan 75WG	cỏ/ngô	Công ty CP Tập đoàn Điện Bàn
			WelkinGold 800WP	cỏ/ngô	Công ty TNHH An Nông
171	3808	Orthosulfamuron (min 98%)	Kelion 50WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Isagro S.p.A. Centro Uffici S. Siro, Italy
172	3808	Oxadiargyl (min 96%)	A Safe-super 80WP	cỏ/ lúa cây	Công ty TNHH BVTV Đại Dương
			Raft® 800WP, 800WG	cỏ/ lúa, đậu tương, lạc, hành tây	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
173	3808	Oxadiazon min 94%)	Antaxa 250 EC	cỏ/ lạc	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
			Ari 25 EC	cỏ/ ngô, lúa gieo thẳng, lạc	Công ty TNHH – TM Thái Nông
			Binhoxa 25 EC	cỏ/ lúa, lạc, đậu tương	Bailing Agrochemical Co., Ltd
			Canstar 25 EC	cỏ/ lạc, lúa sạ khô, hành	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
			Ronata 25EC	cỏ/ đậu xanh	Công ty CP Nicotex
			RonGold	cỏ/ lúa gieo thẳng, lạc, đậu tương	Công ty CP Quốc tế

			250 EC		Hòa Bình
			Ronstar 12 SL, 25 EC	12SL: cỏ/ lúa 25EC: cỏ/ lúa, lạc	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
174	3808	Oxadiazon 100g/l + Propanil 304g/l	Calnil 404EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
175	3808	Oxadiazon 100 g/l + Propanil 300 g/l	Fortene 400 EC	cỏ/ lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
176	3808	Oxaziclomefone (min 96.5%)	Full house 30SC	Cỏ/Lúa gieo	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
177	3808	Paraquat (min 95%)	Agamaxone 276 SL	cỏ/ ngô	Công ty TNHH TM An Hưng Phát
			Alfaxone 20 SL	cỏ/ đất không trồng trọt	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
			Axaxone 200SL	cỏ/ đất không trồng trọt	Cali - Parimex Inc.
			Best top 20SL	cỏ/ đất chưa trồng trọt	Sinon Corporation, Taiwan
			BM - Agropac 25SL	cỏ/ đất không trồng trọt	Behn Meyer Agcare LLP
			Catoxon TSC 200SL	Cỏ/đất không trồng trọt	Công ty CP Vật tư KTNN Cần Thơ
			Cỏ cháy 20 SL, 420SL	cỏ/ đất chưa trồng trọt	Công ty TNHH An Nông
			Domaxon 276SL	Cỏ/đất không trồng trọt	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
			Dracofir 42SL	cỏ/ đất không trồng trọt, cà phê	Công ty CP Giải pháp NN Tiên Tiến
			Exuma 210SL	cỏ/đất không trồng	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
			Fagon 20SL	cỏ/ cà phê, ngô, đất không trồng trọt	Công ty CP Nông dược HAI
			Fansipan 200SL	cỏ/đất không trồng trọt	Công ty CP Công nghệ NN Chiến Thắng
			Forxone 20SL	cỏ/ đất không trồng trọt	Forward International Ltd
			Gfaxone	cỏ/ đất chưa trồng trọt	Công ty TNHH

20 SL, 40SL		Việt Thắng
Gfaxon gold 20SL	cỏ/đất không trồng trọt	Công ty TNHH Ô tô Việt Thắng
Gramoxone 20 SL	cỏ trong ruộng, cỏ bờ ruộng/ lúa, ngô, sắn, mía, cao su, cà phê, đậu tương, điều, khoai lang, đất không trồng trọt; cỏ/ thuốc lá, bông vải	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
Gronmanxone 276SL	cỏ/đất không trồng trọt	Công ty TNHH Us.Chemical
Hagaxone 20SL	cỏ/ cà phê	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
HD-Gpaxone 276SL	Cỏ/ đất không trồng trọt	Công ty TNHH TM DV Hằng Duy
Heroquat 278 SL	cỏ/ đất không trồng trọt	Công ty TNHH Việt Hóa Nông
Jiaquat 20SL	cỏ/ đất chưa trồng trọt	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
K.waka 200SL	Cỏ/ đất không trồng trọt	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
Lagoote 210SL	Cỏ/ đất không trồng trọt	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ
Lanmoxone 20SL	cỏ/đất không trồng trọt	Công ty TNHH SX-TM & DV Thu Loan
Megastart 276SL	Cỏ/đất không trồng trọt	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
Nimaxon 20 SL, 30SL	cỏ/ đất không trồng trọt	Công ty CP Nicotex
Owen 20SL	cỏ/ đất không trồng trọt	Công ty CP Nông nghiệp HP
Para.dx 20SL	cỏ/ đất không trồng trọt	Công ty CP Đồng Xanh
Paranex 20SL	Cỏ/đất không trồng trọt	Công ty TNHH Adama Việt Nam
Paraxon 20 SL	cỏ/ ngô	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
Parato 276SL	Cỏ/ đất không trồng trọt	Công ty TNHH BMC
Paride 276SL	Cỏ/ đất không trồng trọt	Công ty CP BVTV Kiên Giang
Pesle 276 SL	cỏ/ cao su	Công ty CP BVTV Sài Gòn
Power up 275SL	Cỏ/ đất không trồng trọt	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam

			Quack-adi 200SL	Cỏ/ đất không trồng trọt	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
			Quash 276SL	cỏ/đất không trồng trọt	Hextar Chemicals Sdn, Bhd.
			Quasong 20SL	cỏ/đất không trồng trọt	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
			Ramaxone gold 276SL	Cỏ/đất không trồng trọt	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
			Rapid 276SL	Cỏ/đất không trồng trọt	Công ty CP Hóc Môn
			Rubvin 276SL	Cỏ/ ca cao, đất không trồng trọt	Công ty TNHH Hoá chất Đại Nam Á
			Thaiponxon 200SL	cỏ/đất không trồng trọt	Công ty TNHH TM Thái Phong
			Tungmaxone 20 SL	cỏ/ ngô, đất không trồng trọt	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
			Uniquat 20SL	cỏ/ cà phê	Công ty TNHH UPL Việt Nam
			Volcan 276 SL	cỏ/ đất không trồng trọt	Asia Care Solutions Ltd.
			Zizu 20SL	cỏ/ ngô	Công ty TNHH ADC
178	3808	Pendimethalin (min 90 %)	Accotab 330 EC	cỏ/ lạc, lúa gieo thẳng; diệt chồi/ thuốc lá	BASF Vietnam Co., Ltd.
			Pendi 330 EC	cỏ/ lạc, diệt chồi nách/thuốc lá	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
			Vigor 33 EC	cỏ/ lúa gieo thẳng, đậu tương, hành, ngô, lạc	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.
179	3808	Pentoxazone (min 97%) 600g/kg + Pyrazosulfuron Ethyl 100g/kg	Kimpton 700WP	cỏ/lúa gieo	Công ty TNHH An Nông
180	3808	Penoxsulam (min 98.5%)	Clipper 25 OD, 240 SC	25 OD: cỏ/ lúa gieo thẳng 240 SC: cỏ/ lúa gieo thẳng, cỏ/lúa cấy	Dow AgroSciences B.V
181	3808	Penoxsulam 0.01% + Phân NPK 99.8%	Quantum 0.01GR	cỏ/ lúa gieo thẳng	Dow AgroSciences B.V
182	3808	Pretilachlor	Agrofit super 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Cali - Parimex Inc.
			Difit 300EC	cỏ/ lúa sạ	Công ty TNHH TM Nông Phát
			Sonic 300 EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA

183	3808	Pretilachlor 300g/l + chất an toàn Fenclorim 100g/l	Acofit 300 EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
			Ansiphit 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
			Bigson-fit 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
			Ceo 300EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Phú Nông
			Denofit 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Vật tư KTNN Cần Thơ
			Dodofit 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH MTV BVTV Thanh Hưng
			Fenpre 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Đồng Xanh
			Jiafit 30EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
			Ladofit 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
			Legacy 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Nam Bộ
			Map - Famix 30EC, 30EW	30EC: lúa cỏ/ lúa gieo thẳng 30EW: cỏ/lúa gieo thẳng	Map Pacific PTE Ltd
			Nôngia-an 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH - TM Thái Phong
			Nichiral 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
			Sotrafix 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
			Starfit 300EC	cỏ/ lúa sạ	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
			Super-kosphit 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH OCI Việt Nam
			Supperfit 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
			Tophiz 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Eastchem Co., Ltd
			Tung rice 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
			Sofit 300 EC	cỏ, lúa cỏ/ lúa cấy, lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Syngenta

					Việt Nam
			Venus 300 EC	cỏ/ lúa cây, lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV Sài Gòn
			Vithafit 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Việt Thắng
			Vifiso 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
			Xophicusa 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
			Xophicloinong 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH US.Chemical
			Xophicannong 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
			Weeder 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM-SX Ngọc Yến
184	3808	Pretilachlor 300g/l (360g/l) + chất an toàn Fenclorim 100g/l (120g/l)	Chani 300EC, 360EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Nicotex
185	3808	Pretilachlor 300g/l (342g/kg) + chất an toàn Fenclorim 100g/l (114g/kg)	Prefit 300EC, 342WP	300EC: cỏ/ lúa 342WP: cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV I TW
186	3808	Pretilachlor 350g/l + chất an toàn Fenclorim 120g/l	Sonata 350EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Trường Thịnh
187	3808	Pretilachlor 400g/l + Chất an toàn Fenclorim 120g/l	Accord 400EC	Cỏ/ lúa sạ	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Ngọc Lâm
188	3808	Pretilachlor 360 g/l + chất an toàn Fenclorim	Dietmam 360EC	cỏ (bao gồm cả lúa cỏ)/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH ADC
189	3808	Pretilachlor 360 g/l + chất an toàn Fenclorim 150 g/l	Tanfit 360EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
			Tomtit 360EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn
190	3808	Pretilachlor 400g/l + Chất an toàn Fenclorim 100g/l	Nanoxofit Super 400EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông

191	3808	Pretilachlor 500g/l + Chất an toàn Fenclorim 150g/l	Cleanco 500EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Delta Cropcare
192	3808	Pretilachlor 360g/l (500g/l) + chất an toàn Fenclorim 150g/l	Wind-up 360EC, 500EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH – TM Tân Thành
193	3808	Pretilachlor 330g/kg + Bensulfuron methyl 40g/kg + chất an toàn Fenclorim 110g/kg	Premium 370WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
194	3808	Pretilachlor 40 % + Pyrazosulfuron Ethyl 1.4%	Trident 41.4 EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH UPL Việt Nam
195	3808	Pretilachlor 300 g/l + Pyrazosulfuron Ethyl 15g/l	Novi mars 315EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông Việt
196	3808	Pretilachlor 310.5g/l (364.5g/l) + 0.5g/l, (0.5g/l) Pyribenzoxim + Chất an toàn Fenclorim 100g/l (155g/l)	Hiltonusa 311EC, 365EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
197	3808	Pretilachlor 1g/l (300g/l), (1g/l) + Pyribenzoxim 51 (20g/l), (31g/l)	Hiltonusa 52EC, 320EC, 32EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
198	3808	Pretilachlor 300g/l + Pyribenzoxim 20g/l	Eonino 320EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hoá nông Lúa Vàng
			Solito 320 EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
199	3808	Propanil (DCPA) (min 95 %)	Map - Prop 50 SC	cỏ/ lúa	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
			Propatox 360 EC	cỏ/ lúa	Forward International Ltd
			Bm Weedclean 80WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Behn Meyer Agcare LLP
200	3808	Propanil 200g/l + Thiobencarb 400g/l	Satunil 60 EC	cỏ/ lúa	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.

201	3808	Profoxydim (min 99.6%)	Tetris 75 EC	cỏ / lúa	BASF Vietnam Co., Ltd.
202	3808	Propaquizafop (min 92%)	Agil 100EC	cỏ/ vải	Công ty TNHH Adama Việt Nam
203	3808	Propyrisulfuron (min 94%)	Zeta one 10SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
204	3808	Pyrazosulfuron Ethyl (min 97%)	Aicerus 100WP	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Hoá chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
			Amigo 10 WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH - TM ACP
			Ansius 10 WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
			Buzanon 10WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Dongbu Farm Hannong Co., Ltd.
			Herrice 10 WP	cỏ/ lúa cấy, lúa gieo thẳng	Công ty CP Đồng Xanh
			Pyrasus 10WP	cỏ/ lúa gieo thẳng, lúa cấy	Công ty CP Nicotex
			Rossiitalia 100WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM Thôn Trang
			Rus – annong 10WP, 200SC, 700WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
			Russi 10 WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
			Saathi 10 WP	cỏ/ lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
			Saly 700WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông nghiệp HP
			Silk 10 WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
			Sirius 10 WP, 70WG	cỏ/ lúa cấy, lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Nissei Corporation Việt Nam
			Sontra 10 WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Bailing Agrochemical Co., Ltd
			Star 10 WP	cỏ/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
			Starius 100 WP	cỏ/ lúa cấy	Cali – Parimex. Inc.
			Surio 3 WP, 10 WP	cỏ/ lúa cấy	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung

			Sunriver 10 WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Việt Thắng
			Sunrus 100WP, 150SC, 150WP	100WP: cỏ/ lúa gieo thẳng, lúa cây 150SC, 150WP: cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
			Tungrius 10WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
			Virisi 25 SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
			Vu gia 10 WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
205	3808	Pyrazosulfuron Ethyl 2.5% + <i>Bacillus thuringensis</i> var kurstaki 22% + Imidacloprid 2.5% + vi lượng (Cu, Fe, Zn, Mn, B, Mo) 5%	Moxigold 32WP	cỏ/ lúa cây, lúa gieo thẳng; bộ trĩ, rầy nâu, sâu cuốn lá nhỏ/ lúa	Công ty CP Nông Hưng
206	3808	Pyrazosulfuron Ethyl 0.6% + Pretilachlor 34.4%	Parany 35WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
207	3808	Pyrazosulfuron Ethyl 2.0 % + Quinclorac 32.5 %	Accura 34.5WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH - TM ACP
208	3808	Pyrazosulfuron Ethyl 30g/kg + Quinclorac 220g/kg	Genius 25WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
209	3808	Pyrazosulfuron Ethyl 3% (3%) + Quinclorac 25% (47%)	Sifa 28WP, 50WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Đồng Xanh
210	3808	Pyrazosulfuron Ethyl 3% + Quinclorac 47%	Nasip 50WP	cỏ/ lúa gieo thẳng, lúa cây	Công ty CP Nicotex
			Siricet 50WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
211	3808	Pyrazosulfuron Ethyl 30g/l + Quinclorac 470g/l	Sunquin 50SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Sundat (S) Pte Ltd
212	3808	Pyrazosulfuron Ethyl	Fasi	cỏ/ lúa gieo thẳng	Map Pacific PTE Ltd.

		30g/kg (15g/l) + Quinclorac 470g/kg (235g/l)	50 WP, 250 OD		
213	3808	Pyrazosulfuron Ethyl 50g/l + Quinclorac 200g/l	Ozawa 250SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
214	3808	Pyrazosulfuron Ethyl 70g/l + Quinclorac 180g/l	Socet 250SC	Cỏ/ lúa gieo thẳng	Cali – Parimex Inc.
215	3808	Pyrazosulfuron Ethyl 50g/l + Quinclorac 250g/l	Viricet 300 SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
216	3808	Pyrazosulfuron Ethyl 50g/kg + Quinclorac 450g/kg	Bomber TSC 500WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Vật tư KTNN Cần Thơ
			Quinpyrad 500WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Bình Điền Mê Kông
			Quipyra 500WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông Việt
			Tanrius 500WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM DV Tân Hưng
			Vinarius 500WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông dược Việt Nam
217	3808	Pyrazosulfuron Ethyl 30g/kg + Quinclorac 470g/kg	Andophasi 500WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
			Ozawa 500WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
218	3808	Pyrazosulfuron Ethyl 40g/kg (40g/kg) + Quinclorac 515g/kg (565g/kg)	Famirus 555WP, 605WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Vật tư NN Hoàng Nông
219	3808	Pyribenzoxim (min 95 %)	Decoechino 30EC	cỏ/lúa gieo	Công ty CP Giải pháp NN \Tiên Tiến
			Kenji 30EC	cỏ/ lúa sạ	Công ty TNHH TM SX Vỹ Tâm
			Pyanchor	3EC: cỏ/ lúa	Công ty CP BVTV

			3EC, 5EC	5EC: cỏ/ lúa gieo thẳng	Sài Gòn
			Pysaco 30EC	Cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Nicotex
220	3808	Quinclorac (min 99 %)	Adore 25SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông dược HAI
			Angel 25 SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH - TM ACP
			Clorcet 50WP, 250SC, 300SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Cali – Parimex. Inc.
			Dancet 25SC, 50WP, 75WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
			Denton 25SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Kiên Nam
			Ekill 25 SC, 37WG, 80WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Map Pacific PTE Ltd
			Facet ^(R) 25 SC	cỏ/ lúa	BASF Vietnam Co., Ltd.
			Farus 25 SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Bailing Agrochemical Co., Ltd
			Fasetusa 250SC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
			Fony 25 SC, 300SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yên
			Forwacet 50 WP, 250SC	50WP: cỏ/ lúa 250SC: cỏ/ lúa gieo thẳng	Forward International Ltd
			Naset 25SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Nicotex
			Nomicet 250 SC, 500 WP	250SC: cỏ/ lúa gieo thẳng 500WP: cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
			Paxen - annong 25SC, 500WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
			Tancet 250SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
			Vicet 25SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
221	3808	Quizalofop-P-Ethyl (min 98 %)	Cariza 5 EC	cỏ/ đậu tương, sắn	Công ty CP Nicotex
			Fagor 50EC	cỏ/ sắn	Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn

			Greensun 50EC	Cỏ/ lạc	Công ty TNHH Nam Nông Phát
			Maruka 5EC	Cỏ/sắn, lạc, vùng, đậu tương	Công ty TNHH BMC
			Targa Super 5 EC	cỏ/ lạc, sắn, bông vải, đậu tương, vùng, khoai mỡ	Công ty TNHH Nissei Corporation Việt Nam
			TT-Jump 5EC	cỏ/đậu tương	Công ty TNHH TM Tân Thành
222	3808	Sethoxydim (min 94 %)	Nabu S 12.5 EC	cỏ/ lúa, đậu tương	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
223	3808	Simazine (min 97 %)	Sipazine 80 WP	cỏ/ mía, ngô	Forward International Ltd
			Visimaz 80 WP	cỏ/ ngô, cây ăn quả	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
224	3808	Tebuthiuron (min 99%)	Tebusan 500 SC	cỏ/ mía	Dow AgroSciences B.V
225	3808	Topramezone (min 96%)	Clio 336SC	cỏ/ ngô	BASF Vietnam Co., Ltd
226	3808	Triclopyr butoxyethyl ester	Garlon 250 EC	cỏ/ cao su, lúa gieo thẳng, mía	Dow AgroSciences B.V
227	3808	Trifluralin (min 94 %)	Triflurex 48 EC	cỏ/ đậu tương	Công ty TNHH Adama Việt Nam

4. Thuốc trừ chuột:

1	3808	Brodifacoum (min 91%)	Klerat 0.05 %, 0.005 pellete	0.05%: chuột/ nhà, kho tàng, chuồng trại, đồng ruộng, nơi công cộng 0.005 pellete: chuột trong quần cư, nhà kho	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
			Forwarat 0.05 %, 0.005 %	chuột/ đồng ruộng, quần cư	Forward International Ltd
			Vifarat 0.005% AB	chuột/ đồng ruộng	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
2	3808	Bromadiolone (min 97%)	Antimice 0.006 GB	chuột/đồng ruộng	Công ty CP ENASA Việt Nam
			Bellus 0.005 AB	chuột/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
			Broma 0.005 AB	chuột/ lúa	Guizhou CVC INC. (Tổng Công ty Thương mại Zhongyue Quý Châu Trung

					Quốc)
			Cat 0.25 WP	Chuột/ đồng ruộng	Công ty CP Thuốc sát trùng Cần Thơ
			Hicate 0.25WP	chuột/ đồng ruộng	Công ty TNHH SP Công nghệ cao
			Killrat 0.005 Wax block	chuột/ đồng ruộng, quần cư	Forward International Ltd
			Lanirat 0.005 GR	chuột/ trang trại, kho tàng, quần cư	Novartis Animal Health Inc.
3	3808	Coumatetralyl (min 98%)	Racumin 0.0375 PA, 0.75TP	0.0375 PA: chuột/ ruộng lúa, nhà kho, trang trại 0.75TP: chuột/ đồng ruộng, kho, trang trại	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
4	3808	Diphacinone (min 95%)	Gimlet 800SP	Chuột/lúa	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
			Kaletox 800WP	chuột/ đồng ruộng	Công ty TNHH Việt Thắng
			Linh miêu 0.5WP	chuột/đồng ruộng	Công ty CP NN Công nghệ cao Thái Bình
5	3808	Flocoumafen (min 97.8%)	Coumafen 0.005% wax block	Chuột/lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
			Storm 0.005 % block bait	chuột/ đồng ruộng, quần cư	BASF Vietnam Co., Ltd.
6	3808	Sulfur 33 % + Carbon	Woolf cygar 33 %	chuột trong hang	Công ty CP Giải pháp Nông nghiệp Tiên Tiến
7	3808	Warfarin Sodium 0.02% + Samonella enteritidis var. Danysz Lysine (-) Phago type 6a $\geq 10^7$ CFU/g (1.25%)	Biorat	chuột/ đồng ruộng, quần cư	Công ty TNHH Labiofam Việt Nam
8	3808	Warfarin 0.05 % + Salmonella enteritidis isatchenko 7. F-4	Bả diệt chuột sinh học	chuột/ đồng ruộng, kho tàng, quần cư	Viện Bảo vệ thực vật
9	3808	Warfarin	Ars rat killer 0.05% viên	chuột/ quần cư	Công ty TNHH TM Viễn Phát
			Killmou 2.5DP	chuột/đồng ruộng	Công ty CP ENASA Việt Nam
			Ran part	chuột/ đồng ruộng	Công ty TNHH Sản phẩm

			2% DS		Công nghệ cao
			Rat K 2% DP	chuột/ đồng ruộng	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
			Rasger 20 D	chuột/đồng ruộng	Công ty CP Nông dược QT Nhật Bản
			Rat-kill 2% DP	chuột/đồng ruộng	Công ty TNHH Agricare Việt Nam
			Rodent 2DP	chuột/đồng ruộng	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Ngọc Lâm
10	3808.99.90	Zinc Phosphide (min 80 %)	Fokeba 20CP	chuột/ đồng ruộng	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
			Zinphos 20 %	chuột/ đồng ruộng	Công ty CP BVTV Sài Gòn

5. Thuốc điều hoà sinh trưởng:

1	3808	Alpha - Naphthyl acetic acid	HQ - 301 Fructonic 1% SL	kích thích sinh trưởng/ lúa, ngô, cà phê, nho	Cơ sở Nông dược sinh nông, Tp. HCM
2	3808	ANA, 1- NAA + β - Naphthoxy Acetic Acid (β - N.A.A) + Gibberellic acid - GA3	Kích phát tổ hoa - trái Thiên Nông	kích thích sinh trưởng/ cà phê, lúa, vải, nhãn, đậu, lạc, cà chua, ớt, dưa, bầu bí, cây có múi, bông vải	Công ty Hóa phẩm Thiên nông
3	3808	ATCA 5.0 % + Folic acid 0.1 %	Samino 5.1 SL	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
4	3808	Auxins 11 mg/l + Cytokinins 0.031mg/l + Gibberellic	Kelpak SL	kích thích sinh trưởng/ lúa, thanh long, bắp cải, chè, dưa hấu, cam, nho	Công ty TNHH Việt Hoá Nông
5	3808	Brassinolide (min 98%)	Dibenro 0.15WP, 0.15EC	kích thích sinh trưởng/ lúa, đậu tương, ngô, dưa chuột, hoa cúc, cải xanh, xoài.	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
			Cozoni 0.1 SP, 0.0075 SL	kích thích sinh trưởng/ lúa, chè	Công ty CP Nicotex
			Nyro 0.01 SL	kích thích sinh trưởng/ lúa, cải xanh	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
			Rice Holder 0.0075SL	kích thích sinh trưởng/ lúa	Chengdu Newsun Crop Science Co., Ltd.
			TT-biobeca 0.1SP	kích thích sinh trưởng/ lúa, bắp cải, cà chua	Công ty TNHH TM Tân Thành

6	3808	Brassinolide 2g/kg + Salicylic acid 150g/kg	Bracylic 152WP	kích thích sinh trưởng/ cải xanh, lúa	Công ty TNHH An Nông
7	3808	Cytokinin (Zeatin)	3 G Giá giòn giòn 1.5WP	kích thích sinh trưởng/ giá đậu xanh	Công ty TNHH Ngân Anh
			Acjapanic 1.6WP	Kích thích sinh trưởng/lúa, thanh long	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
			Agsmix 0.56 SL	kích thích sinh trưởng/ bắp cải, chè	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
			Agrispon 0.56 SL	kích thích sinh trưởng/ bắp cải, lạc, lúa	Cali – Parimex. Inc.
8	3808	Cytokinin 0.1% + Gibberellic 0.05%	Sieutonic 15WG	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH Hóa Sinh Á châu
9	3808	Dịch chiết từ cây <i>Lychnis viscaria</i>	Comcat 150 WP	kích thích sinh trưởng/ chè, nho, nhãn, cam, dâu tây, vải thiều, xoài, thanh long, dưa hấu, cải bó xôi, bắp cải, cà chua, dưa chuột, bí đao, hành, hẹ, cà rốt, lúa, ngô, đậu tương, phong lan; ức chế bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá, giúp lúa phục hồi, tăng trưởng; xử lý hạt giống để điều hoà sinh trưởng/lúa, ngô	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
10	3808	Ethephon	Adephone 2.5 PA, 48SL	2.5PA: kích thích mủ/ cao su 48SL: kích thích ra hoa/ dứa, kích thích mủ/ cao su	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
			Callel 2.5 PA	kích thích mủ/ cao su	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
			Dibgreen 2.5 PA	kích thích mủ/ cao su	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
			Effort 2.5 PA	kích thích mủ/ cao su	Công ty CP Nông dược HAI
			Ethrel 10PA, 480SL	kích thích mủ/ cao su	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
			Forgrow 2.5 PA, 5 PA, 10 PA	kích thích mủ/ cao su	Forward International Ltd
			Kinafon 2.5 PA	Kích thích mủ/cao su	Công ty TNHH Kiên Nam
			Latexing 2.5LS, 5PC	kích thích mủ/ cao su	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd
			Mamut 2.5 PA	Kích thích mủ/cao su	Công ty TNHH TM

					Thái Phong
			Revenue 25PA	Kích thích mủ/cao su	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
			Sagolalex 2.5 PA	kích thích mủ/ cao su	Công ty CP BVTV Sài Gòn
			TB-phon 2.5LS	Kích thích mủ/cao su	Công ty TNHH SX – TM Tô Ba
			Telephon 2.5 LS	kích thích/ mủ cao su; kích thích ra hoa/ xoài, nhãn, thanh long, cây cảnh	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
11	3808	Forchlorfenuron (min 97%)	Acura 10SC	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
12	3808	Fugavic acid	Siêu to hạt 25 SP	kích thích sinh trưởng lúa, ngô, lạc, hồ tiêu	Công ty TNHH TM - SX Phước Hưng
13	3808	Fulvic acid	Siêu Việt 250SP, 300SL, 700SP	250SP, 700SP: kích thích sinh trưởng/ lúa, cải bẹ xanh, cải bó xôi, chè 300SL: kích thích sinh trưởng/ lúa, đậu xanh, cà phê, cải xanh	Công ty TNHH An Nông
			Supernova 250SP, 300SL, 700SP	250SP, 700SP: kích thích sinh trưởng/ lúa, cải bẹ xanh, chè 300SL: kích thích sinh trưởng/ cà phê, đậu xanh, cải ngọt, lúa	Công ty TNHH US.Chemical
14	3808	Gibberellic acid	Ac Gabacyto 50TB, 100SP, 100TB, 200TB, 200WP	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH MTV Lucky
			Agrohigh 2SL, 3.8EC, 10SP, 18TB, 20SP, 20TB, 40SP, 92EC	2SL: kích thích sinh trưởng/ lúa, bắp cải, hoa cúc 3.8EC: kích thích sinh trưởng/ chôm chôm 10SP, 20SP, 40SP: kích thích sinh trưởng/ lúa, bắp cải 18TB: kích thích sinh trưởng/ cải bó xôi, cà chua, dưa chuột 20TB: kích thích sinh trưởng/ lúa, cà phê 92EC: kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH Kiên Nam
			Ankhang 20WT	kích thích sinh trưởng/ lúa, cà chua, đậu tương, chè, cải bẹ, ngô, dưa chuột	Công ty TNHH Trường Thịnh
			Arogip 100SP, 200TB	100SP: kích thích sinh trưởng/ lúa, cải bẹ xanh 200TB: kích thích sinh trưởng/ cam, đậu cove	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân

A-V-Tonic 10WP, 18SL, 20WP, 50TB	10WP: kích thích sinh trưởng/cải xanh, hoa hồng, lúa 18SL: kích thích sinh trưởng/cải xanh, dưa chuột, lúa, cam 20WP: kích thích sinh trưởng/ cải xanh, dưa chuột, hoa hồng, lúa 50TB: kích thích sinh trưởng/ cải xanh, dưa chuột, hoa hồng	Công ty TNHH Việt Thắng
Azoxim 20SP	kích thích sinh trưởng/ chè, lúa	Công ty CP Nicotex
Bebahop 40WP	kích thích sinh trưởng/ cà chua, bắp cải, dưa chuột, hoa hồng, chè, lúa	Công ty TNHH Nông Sinh
Colyna 200TB	Điều hoà sinh trưởng/lúa, thanh long, cà phê, cà chua, hồ tiêu, vải, chè	Công ty CP Nông dược HAI
Đầu Trâu KT Supper 100 WP	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty CP Bình Điền MeKong
Dogoc 5TB, 10TB, 20TB	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
Dolping 40EC, 200WP	40EC: Kích thích sinh trưởng/lúa 200WP: Kích thích sinh trưởng/ chè	Công ty TNHH BMC
Falgro 10SP, 13TB, 18.4TB	10SP, 13TB: kích thích sinh trưởng/ lúa, nho, thanh long, dưa hấu, cam, bắp cải, chè 18.4TB: kích thích sinh trưởng/ thanh long, bắp cải, chè, cam, lúa, dưa hấu, nho	Công ty TNHH Hoá nông Lúa Vàng
G3Top 3.33SL, 20TB, 40SG	kích thích sinh trưởng/ lúa, bắp cải, dưa hấu, đậu tương, xoài	Công ty TNHH Phú Nông
GA ₃ Super 50TB, 100TB, 100SP, 200TB, 200 WP	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH US.Chemical
Gibbeny 10WP, 20TB	10WP: kích thích sinh trưởng/ dưa chuột 20TB: kích thích sinh trưởng/ lúa, dưa chuột, rau cải xanh	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
Gib ber 0.54 SP, 1.5TB, 2SP, 2SL, 4TB, 10SP, 10TB, 20TB, 40WG	0.54SP, 1.5TB: kích thích sinh trưởng/ lúa 2SP: kích thích sinh trưởng/ rau cần, xoài, cam, dưa hấu 2SL: kích thích sinh trưởng/ rau cần, rau cải, cà chua, chè	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu

	4TB: kích thích sinh trưởng/ lúa, chè, thanh long 10SP: kích thích sinh trưởng/ lúa, xoài 10TB: kích thích sinh trưởng/ chè, hoa hồng 20TB: kích thích sinh trưởng/ rau cải, thanh long 40WG: kích thích sinh trưởng/ cam	
Gibbone 50TB	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH CEC Việt Nam
Gibgro 10SP, 20TB	10SP: kích thích sinh trưởng/ lúa 20TB: kích thích sinh trưởng/ rau cải, bắp cải, thanh long	Nufarm Ltd, Australia
Gibline 10SP, 20TB	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
Gibta T 20 (GA3)	kích thích sinh trưởng/ lúa, dưa chuột, dưa hấu, đậu	Bailing Agrochemical Co., Ltd
Gippo 20TB	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH ADC
Gibow 50TB, 200WP, 200TB	50TB: Kích thích sinh trưởng/thanh long 200WP: Kích thích sinh trưởng/lúa 200TB: Điều hoà sinh trưởng/ thanh long	Công ty TNHH Hoá chất và TM Trần Vũ
Goliath 1SL, 4SL, 10SP, 16TB, 20TB, 20SP, 20WP	1SL, 4SL: kích thích sinh trưởng/ lúa, thanh long, nho, cà phê, hồ tiêu 10SP: kích thích sinh trưởng/ lúa 16TB, 20TB, 20SP, 20WP: kích thích sinh trưởng/ nho, thanh long, cà phê, hồ tiêu.	Công ty CP Tập đoàn Điện Bàn
Greenstar 20EC, 20TB	kích thích sinh trưởng/ lúa, chè	Công ty CP Vật tư NN Hoàng Nông
Highplant 10 WP	điều hoà sinh trưởng lúa	Công ty CP Đồng Xanh
Kích phát tổ lá, hạt Thiên Nông GA - 3	kích thích sinh trưởng/ dâu nuôi tằm, thuốc lá, artiso, cỏ chăn nuôi, rau gia vị, đậu, nho, làm giá đậu	Công ty Hóa phẩm Thiên nông
Megafarm 50TB, 200WP	50TB: kích thích sinh trưởng/ lúa, vải, chè, cà phê, dưa hấu 200WP: kích thích sinh trưởng/ lúa, rau cải, hoa hồng, xoài, cam	Công ty CP Nông dược Nhật Việt

Map-Combo 10WP	kích thích sinh trưởng/ lúa	Map Pacific PTE Ltd
NanoGA3 50TB, 100WP	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH Thuộc BVTV Nam Nông
ProGibb 10 SP, 20TB, 40%SG	10SP: kích thích sinh trưởng/ chè, lúa, bắp cải, đậu Hà lan, cà chua, cà rốt, cải thảo, cần tây, cà phê, hồ tiêu 20TB: Kích thích sinh trưởng/ chè, cam, lúa, nho, dâu tây 40%SG: kích thích sinh trưởng/ lúa, bắp cải, đậu Hà lan, cà chua, cà rốt, cải thảo, cần tây, thanh long, nho, cà phê, hồ tiêu	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
Proger 20 WP	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH - TM Thái Nông
Sitto Mosharp 15 SL	kích thích sinh trưởng/ sắn, cà rốt	Công ty TNHH Sitto Việt Nam
Stinut 5 SL	kích thích sinh trưởng/ lúa, lạc, đậu đũa, cà chua, dưa chuột, bắp cải, chè, cam quýt, hoa hồng	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
Super GA ₃ 50TB, 100TB, 100SP, 200WP, 200TB	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH An Nông
Tony 920 40EC	kích thích sinh trưởng/ lúa, chè, dưa hấu	Công ty CP Nông nghiệp HP
Tungaba 5TB, 20TB	5TB: kích thích sinh trưởng/ lúa, bắp cải, cải thảo, cà chua, dưa chuột, dưa hấu, nho, đậu xanh, đậu tương, chè, cà phê, hồ tiêu, điều, cây có múi, xoài, nhãn 20TB: kích thích sinh trưởng/ lúa, dưa chuột, dưa hấu, đậu côve, cà chua, bắp cải, chè	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
Vertusuper 1SL, 1WP, 100SP, 400WG	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH Pháp Thụy Sĩ
Vigibb 1SL, 1WP, 16 TB, 20TB, 100SP, 200WP	16TB: kích thích sinh trưởng/ lúa 1SL, 1WP, 20TB, 100SP, 200WP: kích thích sinh trưởng/ lúa, chè, dưa chuột, rau cải	Công ty TNHH SX & TM Viễn Khang
Vimogreen 1.34 SL, 1.34 WP,	1.34SL: kích thích sinh trưởng/ cải xanh, nho, lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam

			1.34TB, 10SG, 10TB	1.34WP: kích thích sinh trưởng/ cải xanh, cây cảnh, hoa 1.34TB: kích thích sinh trưởng/ lúa, cải xanh, cải cúc, nho, phong lan 10SG: Kích thích sinh trưởng/ dưa hấu, lúa, nho, cải xanh, xoài, cà phê, nhãn, quýt 10TB: Kích thích sinh trưởng/ dưa hấu, nho, nhãn, quýt, cải xanh, xoài	
			Zhigip 4TB	kích thích sinh trưởng/ rau cải	Công ty TNHH SX TM DV Tô Đăng Khoa
15	3808	Gibberellic 0.3g/kg (0.5g/l), (0.5g/kg) + [N 10.7g/kg (10.5g/l), (10.5g/kg) + P ₂ O ₅ 10g/kg (20g/l), (20g/kg) + K ₂ O 10g/kg (20g/l), (20g/kg) + Vi lượng]	Yomione 31GR, 51SL, 51WP	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
16	3808	Gibberellic acid 0.3g/kg (0.4g/l), (0.4g/kg) + N 10.7g/kg (10.6g/l), (10.6g/kg) + P ₂ O ₅ 10g/kg (10g/l), (10g/kg) + K ₂ O 10g/kg (20g/l), (20g/kg) + Vi lượng	Lucasone 31GR, 41SL, 41WP	kích thích sinh trưởng/vải	Công ty TNHH Pháp Thủy Sĩ
17	3808	Gibberellin 10% + Calciumglucoheptonate 6% + Boric acid 2%	Napgibb 18SP	kích thích sinh trưởng/ lúa, bưởi	Công ty TNHH Đồng Bằng Xanh
18	3808	Gibberellic acid 2% + Cu 5% + Zn 5% + Fe 4% + Mg 3%+ Mn1%.	Sitto Keelate rice 20SL	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH Sitto Việt Nam
19	3808	Gibberellic acid 20g/l + Cu 36g/l + Zn 50g/l + Mg 16g/l + Mn 16g/l + B 1g/l + Mo 1g/l + Glysine amino acid	Sitto Give-but 18 SL	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH Sitto Việt Nam

		40g/l.			
20	3808	Gibberellic acid + NPK + Vi lượng	Lục điệp tố 1 SL	kích thích sinh trưởng/ lúa, đậu tương	Viện Bảo vệ thực vật
21	3808	Gibberellic acid 1% + 5% N+ 5% P ₂ O ₅ + 5% K ₂ O + Vi lượng	Super siêu 16 SP, 16 SL	16SP: kích thích sinh trưởng/ lúa, dưa chuột, dưa hấu, cà chua, đậu cove, bắp cải, chè 16SL: kích thích sinh trưởng/ lúa, bắp cải, cải thảo, cà chua, dưa chuột, dưa hấu, nho, đậu xanh, đậu tương, chè, cà phê, hồ tiêu, điều, cây có múi, nhãn, xoài	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
22	3808	Gibberellic acid 20g/l (1g/l), (1g/kg) + N 30g/l (70g/l), (70g/kg) + P ₂ O ₅ 30g/l (25g/l), (25g/kg) + K ₂ O 30g/l (25g/l), (25g/kg) + vi lượng	Gibusa 110 SL, 176SL, 176WP	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
23	3808	Hymexazol	Tachigaren 30 SL	điều hoà sinh trưởng/ lúa, hoa cúc; héo vàng/dưa hấu, chết cây con do nấm/lạc	Mitsui Chemicals Agro, Inc.
24	3808	Mepiquat chloride (min 98 %)	Animat 40SL, 97WP	40SL: kích thích sinh trưởng/ lạc 97WP: kích thích sinh trưởng/ lạc, bông vải	Công ty CP BVTV Sài Gòn
			Mapix 40SL	kích thích sinh trưởng/ bông vải; điều hoà sinh trưởng lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Á Châu
25	3808	Nucleotide (Adenylic acid, guanylic acid, cytidylic acid, Uridylic acid)	Anikgold 0.5SL	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
			Sunsuper 0.5SL	kích thích sinh trưởng/ vải	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
26	3808	Nucleotide 0.4 g/kg + Humic acid 3.4 g/kg	Subaygold 3.8GR	Kích thích sinh trưởng/ chè, dưa chuột, lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
27	3808	1-Naphthylacetic acid (NAA)	RIC 10WP	kích thích sinh trưởng/ cà phê; điều hoà sinh trưởng/chanh dây, cà chua, lúa, quýt, hồ tiêu, hoa hồng, nho	Công ty TNHH DV KH KT Khoa Đăng
28	3808	α - Naphthyl Acetic Acid (α - N.A.A) + β - Naphthoxy Acetic Acid (β - N.A.A)	Vipac 88	dùng để xử lý hạt (ngâm) và dùng để phun cho lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam

29	3808	α - Naphthyl Acetic Acid (α - N.A.A) + β - Naphthoxy Acetic Acid (β - N.A.A)	Viprom	dùng để chiết cành hồ tiêu, cam	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
30	3808	α - Naphthyl Acetic Acid (α - N.A.A) + β - Naphthoxy Acetic Acid (β - N.A.A)	Vikipi	kích thích sinh trưởng ra hoa, đậu quả/ xoài, cam	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
31	3808	β - Naphthoxy Acetic Acid + Ethanol + nước	ViTDQ 40	kích thích sinh trưởng, tăng đậu quả/ cà chua, nhãn, kích thích tăng đậu quả/ điều	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
32	3808	α - Naphthalene Acetic Acid (α - N.A.A)	HD 207 1 SL	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH - TM Thái Nông
			Hợp chất ra rễ 0.1 SL	kích thích ra rễ, giảm cành, chiết cành/ cây ăn quả, hoa cảnh	Công ty CP Vật tư KTNN Cần Thơ
33	3808	α - Naphthalene Acetic Acid (α - N.A.A) + NPK + vi lượng	Flower - 95 0.3 SL	kích thích sinh trưởng/ xoài, sầu riêng, nhãn, lúa	Công ty TNHH SX - TM Tô Ba
34	3808	Oligoglucan	Enerplant 0.01 WP	kích thích sinh trưởng/ lúa, cà chua, đậu Hà Lan, dâu tây, chè, mía	Công ty TNHH Ngân Anh
35	3808	Paclobutrazol (min 95 %)	Acrabongxoai 15WP	điều hoà sinh trưởng/ xoài	Công ty TNHH MTV Lucky
			Apaclousa 15WP	Điều hoà sinh trưởng/xoài	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
			Atomine 15 WP	kích thích sinh trưởng/ lạc, lúa, xoài, sầu riêng	Công ty TNHH – TM Thái Nông
			Baba-X 15WP	Điều hoà sinh trưởng/xoài	Công ty TNHH SX phân bón hoá sinh RVAC
			Bidamine 15 WP	kích thích sinh trưởng/ lúa, xoài, sầu riêng, lạc	Bailing Agrochemical Co., Ltd
			Bonsai 10 WP, 25SC	10WP: kích thích sinh trưởng/ lúa 25SC: kích thích sinh trưởng/ xoài, lúa	Map Pacific PTE Ltd
			BrightStar 25 SC	điều hoà sinh trưởng/ lúa	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
			Dopaczol 15WP	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thanh Hưng
			Kihora 15WP	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty CP DV KT NN TP Hồ Chí Minh

			Lunar 150WP	kích thích sinh trưởng/ sầu riêng, lúa, xoài	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
			Newbosa 100WP, 150WP, 250SC	100WP: kích thích sinh trưởng/ lúa 150WP, 250SC: kích thích sinh trưởng/ lúa, sầu riêng; kích thích ra hoa/ xoài	Công ty TNHH An Nông
			Paclo 10SC, 15WP, 15SC	10SC: kích thích sinh trưởng/ sầu riêng, xoài, bưởi, chôm chôm, lúa 15WP: kích thích sinh trưởng/ lúa, chôm chôm, xoài; kích thích ra hoa/chanh 15SC: kích thích sinh trưởng/ lúa, sầu riêng, kích thích ra hoa/xoài	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
			Parlo 20WP	Kích thích ra hoa/xoài	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng
			Palove gold 15WP	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH – TM Nông Phát
			Propac 20WP	Kích thích ra hoa/xoài	Công ty TNHH Thuốc BVTV MeKong
			Paxlomex 15 SC, 15WP	15SC: kích thích sinh trưởng/ sầu riêng, kích thích ra hoa/ xoài 15WP: kích thích ra hoa/ xoài, kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
			Sài gòn P1 15 WP	kích thích ra hoa/ xoài, kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
			Stopgrowth 15 WP	kích thích sinh trưởng/ lúa, xoài, sầu riêng, bưởi	Công ty CP Thanh Điền
			Super Cultar Mix 10 WP, 15 WP	10WP: kích thích ra hoa/ xoài, bưởi 15WP: kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH Ngân Anh
			Toba – Jum 20WP	kích thích sinh trưởng/ sầu riêng	Công ty TNHH SX - TM Tô Ba
			Vanphongthu 20WP	Kích thích ra hoa/xoài	Công ty TNHH TM Thái Phong
36	3808	Polyphenol chiết xuất từ than bùn và lá cây vải (<i>Litchi chinesis sonn</i>)	Chocaso 0.11 SL	kích thích sinh trưởng/ chè, lúa	Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ hóa sinh

37	3808	Polyphenol chiết xuất từ cây hoa hòe (<i>Sophora japonica</i> L. Schott)	Lacasoto 4SP	kích thích sinh trưởng/ lúa, sắn, đậu tương, khoai lang, khoai tây, ngô, lạc	Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ hóa sinh
38	3808	Polyphenol chiết xuất từ than bùn và lá, vỏ thân cây xoài (<i>Mangifera indica</i> L)	Plastimula 1SL	kích thích sinh trưởng/ lúa, lạc, dưa chuột, bắp cải, cà chua, cải xanh, đậu tương, ớt, cà rốt, đậu xanh; xử lý hạt giống để tăng sức đề kháng của cây lúa đối với bệnh vàng lùn do virus	Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ hóa sinh
39	3808	Pyraclostrobin	Headline 100CS, 250EC, 200FS, 250EC	100CS: Đạo ôn/lúa 200EC: kích thích sinh trưởng/ngô, cà phê, đậu tương 200FS: Xử lý hạt giống điều hoà sinh trưởng/ngô 250EC: kích thích sinh trưởng/ lạc	BASF Vietnam Co., Ltd
40	3808	Sodium-5-Nitroguaiacolate 3g/l + Sodium-O-Nitrophenolate 6g/l + Sodium-P-Nitrophenolate 9g/l	Atonik 1.8SL	kích thích sinh trưởng/ lúa, hoa, cây cảnh	Công ty TNHH ADC
41	3808	Sodium-5-Nitroguaiacolate 0.3% + Sodium-O-Nitrophenolate 0.6%+ Sodium-P-Nitrophenolate 0.9%	ACXONICannong 1.8SL	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH An Nông
			Ausin 1.8 EC	kích thích sinh trưởng/ lúa	Forward International Ltd
			Gonik 1.8SL	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH TM-SX GNC
			Katonic-TSC 1.8SL	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty CP Vật tư KT NN Cần Thơ
42	3808	Sodium-5-Nitroguaiacolate 0.2% + Sodium-O-Nitrophenolate 0.4% +	Better 1.2 SL	kích thích sinh trưởng/ lạc	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông

		Sodium-P-Nitrophenolate 0.6%			
43	3808	Sodium-O-Nitrophenolate 0.71% + Sodium-P-Nitrophenolate 0.46% + Sodium-5-Nitroguaiacolate 0.23%	Alsti 1.4 SL	kích thích sinh trưởng/ hoa hồng, lúa	Công ty TNHH Sản phẩm Công Nghệ Cao
44	3808	Sodium-5-Nitroguaiacolate 0.3% + Sodium-O-Nitrophenolate 0.4% + Sodium-P-Nitrophenolate 0.7%	Kithita 1.4 SL	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty CP BVTV I TW
45	3808	Sodium-P-nitrophenolate 9g/l + Sodium-O-nitrophenolate 6g/l + Sodium-5-nitroguaiacolate 3g/l + Salicylic acid 0.5g/l	AGN-Tonic 18.5SL	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH An Nông
46	3808	Sodium-5-Nitroguaiacolate (Nitroguaiacol) 0.3% + Sodium-O-Nitrophenolate (Nitrophenol) 0.6% + Sodium-P-Nitrophenolate (Nitrophenol) 0.9% + Sodium - 2,4 Dinitrophenol 0.15%	Aron 1.95 SL	kích thích sinh trưởng/ lúa, cà phê	Công ty TNHH Một thành viên Nông Thịnh
			Daiwanron 1.95SL	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty CP Futai
			Dotonic 1.95 SL	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
			Jiaddonix 1.95 SL	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)

			Litosen 1.95 EC	kích thích sinh trưởng/ lúa	Forward International Ltd
47	3808	Sodium-5-Nitroguaiacolate (Nitroguaiacol) 0.085% + Sodium-O-Nitrophenolate (Nitrophenol) 0.185% + Sodium-P-Nitrophenolate (Nitrophenol) 0.285% + Sodium - 2,4 Dinitrophenol 0.035%	Litosen 0.59 GR	kích thích sinh trưởng/ lúa	Forward International Ltd
48	3808	Sodium-5-Nitroguaiacolate (Nitroguaiacol) 3.45g/l + Sodium-O-Nitrophenolate (Nitrophenol) 6.9g/l + Sodium-P-Nitrophenolate (Nitrophenol) 10.35g/l + Sodium - 2,4 Dinitrophenol 1.73g/l	Ademon super 22.43SL	Xử lý hạt giống để kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam
			Dekamon 22.43 SL	kích thích sinh trưởng/ lúa	P.T.Harina Chem Industry Indonesia
49	3808	1-Triacontanol (min 90%)	Tora 1.1SL	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
50	3808	Uniconazole (min 90%)	Sarke 5WP	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH Phú Nông
			Stoplant 5 WP	điều hoà sinh trưởng/ lúa, lạc	Công ty CP Đồng Xanh
6. Chất dẫn dụ côn trùng :					
1	3808	Methyl Eugenol	Jianet 50EC	ruồi đục quả/ roi, dưa hấu	Công ty CP Jianon Biotech (VN)
2	3808	Methyl eugenol 75 % + Dibrom 25 %	Ruvacon 90 SL	ruồi vàng đục quả/ cây có múi, xoài, táo, ổi	Công ty TNHH SX - TM Tô Ba

			Vizubon D	ruồi đục quả/ cây có múi	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
3	3808	Methyl Eugenol 85% + Imidacloprid 5%.	Acdruoivang 900 OL	ruồi đục quả/ cây có múi	Công ty TNHH MTV Lucky
4	3808	Methyl eugenol 7% + Hexadecenyl acetate 1.5% + Dodecenol butenoate 1.5%	Vidumy 10AL	sâu tơ/ bắp cải, cải xanh; bọ hà/ khoai lang; ruồi đục quả/ xoài, mận	Công ty TNHH Công nghệ cao Việt Đức Mỹ
5	3808	Methyl Eugenol 75% + Naled 25%	Dacusfly 100SL	ruồi đục quả/thanh long	Công ty TNHH SX TM DV Tô Đăng Khoa
6	3808	Methyl Eugenol 90% + Naled 5%	Flykil 95EC	ruồi đục quả/ ổi	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
7	3808	Methyl Eugenol 60% + Propoxur 10%	Vizubon - P	Ruồi đục quả/ cây có múi	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
8	3808	Protein thủy phân	Ento-Pro 150SL	ruồi hại quả/ cây có múi, mận, đào, ổi, vải, dổi, hồng, thanh long, táo, lê, đu đủ, khế, na, quýt hồng bì, mướp, mướp đắng, hồng xiêm, gấc, bí đỏ, trứng gà, bí xanh, cà, ớt	Công ty CP Công nghệ sinh học An toàn Việt Nam

7. Thuốc trừ ốc:

1	3808	Cafein 1.0% (1.5%) + Nicotine Sulfate 0.2% (0.3%) + Azadirachtin 0.05% (0.08%)	Tob 1.25GR, 1.88GR	1.25GR: ốc bươu vàng/ lúa; ốc sên/ súp lơ 1.88GR: ốc bươu vàng/ lúa; ốc sên/ cải bó xôi	Viện Khoa học vật liệu ứng dụng
2	3808	Metaldehyde	Andolis 120AB, 150BB, 190BB	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
			Anhead 6GR, 12GR	Ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
			Assail 12.5GB	Ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
			BN-Meta 18GR	ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Bảo Nông Việt
			Bolis 4GB, 6GB, 10GB, 12GB	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH ADC
			Bombay-ấn độ	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Anh Dầu

13BR		Tiền Giang
Bosago 12AB	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
Boxer 15 GR	ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Công nghệ NN Chiến Thắng
Corona 6GR, 80WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH - TM ACP
Cửu Châu 6GR, 12GR, 15GR, 18GR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
Helix 10GB, 15GB, 500WP	10GB, 15GB: ốc bươu vàng/ lúa 500WP: ốc bươu vàng/ lúa; ốc sên/ cây cảnh	Công ty TNHH - TM Tân Thành
Honeycin 6GR	Ốc bươu vàng/Lúa	Công ty CP Nông dược HAI
MAP Passion 10GR	ốc bươu vàng/ lúa	Map Pacific PTE Ltd
Metalix 180AB, 200AB	Ốc bươu vàng/Lúa	Công ty CP Vật tư NN Hoàng Nông
Milax 100GB	ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
Moioc 6 GR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Đồng Xanh
Molucide 6GB, 80WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP TST Cần Thơ
Notralis 18GR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM DV Nông Trang
Octigi 6GR	Ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
Oxout 60AB, 120 AB, 160AB	Ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Nam Mekong
Osbuvang 5GR, 6GR, 80WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
Passport 6AB, 150GR, 180GR, 200GR, 240GR, 300GR	Ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Việt Đức
Pilot 10AB, 15AB, 17AB, 19AB, 500WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
Snail Killer	Ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP SX - TM - DV

			12RB, 800WP		Ngọc Tùng
			Sneo-lix 6AB, 120AB	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Phú Nông
			Tatoo 150AB	Ốc bươu vàng/Lúa	Công ty TNHH Hoá chất và TM Trần Vũ
			Tomahawk 4GR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
			Toxbait 9AB, 60AB, 120AB, 160AB	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Hoá nông Lúa Vàng.
			T-P odix 120GR	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM Thái Phong
			TRIOC annong 6WG, 10WG, 12WG, 50WP, 80WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH An Nông
			Trumso 12AB, 222AB	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH MTV BVT Long An
			Tulip 12.5AB, 15AB, 18AB	Ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
			Yellow - K 12GB, 250SC	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
3	3808	Metaldehyde 4.5% + Carbaryl 1.5%	Superdan 6GR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Thuốc BVT Việt Trung
4	3808	Metaldehyde 7% + Carbaryl 3%	Mecaba 10GR	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
5	3808	Metaldehyde 40% + Carbaryl 20%	Kiloc 60WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH ADC
6	3808	Metaldehyde 10% + Niclosamide 20%	MAP Pro 30WP	ốc bươu vàng/ lúa	Map Pacific PTE Ltd
7	3808	Metaldehyde 10g/kg + Niclosamide 740g/kg	Capgold 750WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
			Pizza 750WP	Ốc bươu vàng/Lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
8	3808	Metaldehyde 50g/kg + Niclosamide 700g/kg	Radaz 750WP	Ốc bươu vàng/Lúa	Công ty CP Delta Cropcare
			TT-occa 750WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành

9	3808	Metaldehyde 6g/kg (50g/kg), (1g/kg), (152g/kg), (1g/l) + Niclosamide 6g/kg (400g/kg), (704g/kg), (1g/kg), (255g/l)	Vịt Đỏ 12BR, 450WP, 705WP, 153GR, 256EW	Ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
10	3808	Metaldehyde 400g/kg + Niclosamide-olamine 175g/kg	Goldcup 575WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH ADC
11	3808	Metaldehyde 300g/kg + Niclosamide 500g/kg	Starpumper 800WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Công nghệ NN Chiến Thắng
12	3808	Metaldehyde 300g/kg + Niclosamide-olamine 500g/kg	Npiodan 800WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH – TM Nông Phát
13	3808	Metaldehyde 100g/kg + Niclosamide-olamine 700g/kg	E-bus 800WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
14	3808	Metaldehyde 8g/kg + Niclosamide-olamine 880g/kg	Robert 888WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
15	3808	Niclosamide (min 96%)	Ac-snailkill 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Á Châu Hà Nội
			Aladin 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH – TM Thái Nông
			Anpuma 700WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Hoá chất và TM Trần Vũ
			Apple 700WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Real Chemical
			Awar 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Bailing Agrochemical Co., Ltd
			Baycide 70WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ Cao
			Bayluscide 70WP	ốc bươu vàng/ lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
			Bayoc 750WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM Thiên Nông

BenRide 250 EC, 700WP, 750WP	ốc brou vàng/ lúa	Công ty TNHH An Nông
Blackcarp 750WP	ốc brou vàng/lúa	Công ty TNHH CEC Việt Nam
Boing 250EC, 750WP	ốc brou vàng/ lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
Catfish 70 WP	ốc brou vàng/ lúa	Công ty CP Đồng Xanh
Daicosa 700WP	ốc brou vàng/ lúa	Công ty CP Futai
Dioto 250 EC	ốc brou vàng/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
Duckling 250EC, 700WP	ốc brou vàng/ lúa	Công ty TNHH TM & SX Gia Phúc
Hn – Samole 700WP	ốc brou vàng/ lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
Honor 700WP	Ốc brou vàng/lúa	Công ty CP Hóc Môn
Jia-oc 70WP	ốc brou vàng/ lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
Kit - super 700WP	ốc brou vàng/ lúa, cải	Công ty TNHH SX - TM Tô Ba
Laobv 75WP	Ốc brou vàng/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
Miramaxx 700WP	Ốc brou vàng/lúa	Công ty TNHH Hóa nông Mê Kông
Molluska 700WP	Ốc brou vàng/Lúa	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
Morgan star 700WP	ốc brou vàng/lúa	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
Mossade 700WP	ốc brou vàng/ lúa	Công ty TNHH Trường Thịnh
No-ocbuuvang 50WP	Ốc brou vàng/ lúa	Công ty TNHH TM SX GNC
Notrasit-neo 860WP	ốc brou vàng/ lúa	Công ty TNHH TM DV Nông Trang

NP snailicide 250EC, 700WP, 820WP, 860WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
Ốc usa 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Phong Phú
OBV - α 250 EC, 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thanh Hưng
Oc clear 700WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP SAM
Oosaka 700WP	Ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH BMC
Ockill 700WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM DV Việt Nông
Ossal 500 SC, 700WP, 700WG	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
Pazol 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Nicotex
Pisana 700WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
Prize 700WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
Sachoc TSC 850WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Vật tư KT NN Cần Thơ
Sieu naii 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH - TM Thái Phong
Snail 250EC, 500SC, 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Phú Nông
Sun-fasti 25EC, 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Sundat (S) Pte Ltd
Transit 750WP, 700WP, 780WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
TT-snailtagold 750WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
Tung sai 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
Vdcsnail new 700WP, 750WP, 860WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Việt Đức
Viniclo 70WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam

			VT – dax 700WP	ốc brou vàng/ lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
			Znel 70WP	ốc brou vàng/ lúa	Eastchem Co., Ltd.
16	3808	Niclosamide 700g/kg + Abamectin 20g/kg	OBV gold 720WP	Ốc brou vàng/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thanh Hưng
17	3808	Niclosamide 720g/kg + Abamectin 30g/kg	Lino sachoc 750WP	ốc brou vàng/lúa	Công ty CP Liên nông Việt Nam
18	3808	Niclosamide-olamine 780g/kg + Abamectin 20g/kg	Bayermunich-đức 800WP	Ốc brou vàng/lúa	Công ty TNHH Anh Dầu Tiền Giang
19	3808	Niclosamide 500g/kg + Carbaryl 200 g/kg	Brengun 700WP	ốc brou vàng/lúa	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
20	3808	Niclosamide 500g/kg (680g/kg) + Carbaryl 200 g/kg (22g/kg).	Oxdie 700WP, 702WP	ốc brou vàng/ lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
21	3808	Niclosamide-olamine (min 98%)	Amani 70WP	Ốc brou vàng/ lúa	Công ty TNHH TM SX Khánh Phong
			BN-Nisa 860WP	ốc brou vàng/lúa	Công ty CP Bảo Nông Việt
			Chopper 700WP	ốc brou vàng/lúa	Công ty CP VT NN Thái Bình Dương
			Clodansuper 250EC, 250WP, 500WP, 700WP	ốc brou vàng/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
			Dioto 830WG	ốc brou vàng/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
			Morningusa 870WP	Ốc brou vàng/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
			Ocny 50WP, 760WP, 860WP	ốc brou vàng/ lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
			Startac 250 WP	ốc brou vàng/ lúa	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
			Tanthanh-oc 760WP, 850WP	Ốc brou vàng/ lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
			Truocaic 700WP	Ốc brou vàng/lúa	Công ty CP Hoá chất Nông

					nghiệp và Công nghiệp AIC
22	3808	Pentacyclic triterpenoids alcaloid	Eclinton 4WP	ốc brou vàng/ lúa	Công ty CP Enasa Việt Nam
23	3808	Saponin	Abuna 15 GR	ốc brou vàng/ lúa; ốc sên/ cải xanh; ốc nhót, ốc sên /cải củ, súp lơ	Công ty TNHH SX - TM Tô Ba
			Anponin 150GR, 150WP, 210WP	Ốc brou vàng/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
			Asanin 10WP, 15WP, 15GR, 35SL	ốc brou vàng/ lúa	Công ty CP Thanh Điền
			Bai yuan 15WP	ốc brou vàng/ lúa	Công ty TNHH – TM - DV Hải Bình
			Dibonin super 5WP, 15WP	ốc brou vàng/ lúa; ốc sên, ốc nhót/ cải xanh	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
			Espace 5WP, 15WP, 19.6 BR, 21.5BR	ốc brou vàng/ lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
			Golfatoc 150WP, 150GR	ốc brou vàng/ lúa	Công ty Cổ phần Nông dược Việt Nam
			Maruzen Vith 15WP	ốc brou vàng/ lúa	Công ty TNHH Việt Thăng
			Morgan 200BR	ốc brou vàng/ lúa	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
			Nomain 15 WP	ốc brou vàng/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
			Occa 15WP	ốc brou vàng/ lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
			O.C annong 150 WP	ốc brou vàng/ lúa	Công ty TNHH An Nông
			Ocsanin 15GR	ốc brou vàng/ lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Á Châu
			Ốc tiêu 15 GR	ốc brou vàng/ lúa; ốc sên, ốc nhót/ cải xanh	Công ty TNHH TM DV Tân Hưng
			Parsa 15WP	ốc brou vàng/ lúa	Công ty TNHH Hóa chất Đại Nam Á
			Pamidor 50 WP, 150BR	ốc brou vàng/ lúa	Công ty TNHH MTV SX TM XNK Hung Xiang (Việt Nam)

			Phenocid 20 WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Được Mùa
			Raxful 15WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
			Rumba 15BR	Ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM SX Khánh Phong
			Safusu 20AP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Long Sinh
			Sapo 150WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
			Sapoderiss 15%BR, 70%BR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM SX Phước Hưng
			Saponolusa 150BR, 150GR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Vật tư NN Hoàng Nông
			Saponular 15 GR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Sitto Việt Nam
			Soliti 15 WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Nicotex
			Super Fatoc 150WP, 150GR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
			Teapowder 150 BR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
			Thiocis 150GR, 150WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty Cổ phần Hoá nông Mỹ Việt Đức
			Tranin super 18WP, 18GR, 35 SL	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
24	3808	Saponin 149.5 g/kg+ Azadirachtin 0.5 g/kg	Viking 150BR, 150GR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH An Tâm
25	3808	Saponin 5%+ Cafein 0.5% + Azadirachtin 0.1%	Dietoc 5.6 GR	ốc bươu vàng/ lúa, ốc sên/ cải bó xôi	Công ty TNHH Voi Trắng
26	3808	Saponin 30 g/kg + Cafein 6g/kg + Azadirachtin 1g/kg	Ovadan 37GR	ốc bươu vàng/ lúa, ốc sên/ rau cải	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
27	3808	Saponin 145g/kg (g/l) + Rotenone 5 g/kg (g/l)	Sitto - nin 15 BR, 15SL	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Sitto Việt Nam

8. Chất hỗ trợ (chất trái):					
1	3808	Azadirachtin	Dầu Nim Xoan Xanh Xanh 0.15EC	hỗ trợ tăng hiệu quả của thuốc trừ bọ cánh tơ, rầy xanh/ chẻ; hỗ trợ tăng hiệu quả của thuốc trừ sâu tơ/ cải bắp; hỗ trợ tăng hiệu quả của thuốc trừ mốc sương/ khoai tây	Công ty TNHH Ngân Anh
2	3808	Chất căng bề mặt 340g/l + dầu khoáng 190g/l + Ammonium sulphate 140g/l	Hot up 67SL	làm phụ trợ cho nhóm thuốc trừ cỏ sau nảy mầm không chọn lọc; làm tăng hiệu quả diệt cỏ	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
3	3808	Esterified vegetable oil	Hasten® 70.4 SL	tăng hiệu quả của nhóm thuốc trừ cỏ chọn lọc sau nảy mầm/ lúa thuộc nhóm sulfonyl urea, cyclohexanedion, bipyridilium; tăng hiệu quả của nhóm thuốc trừ sâu thuộc nhóm pyrethroid, carbamate; tăng hiệu quả của nhóm thuốc trừ bệnh/ cây trồng thuộc nhóm triazole.	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
			Rocten 74.8 SL	tăng hiệu quả của thuốc bảo vệ thực vật sử dụng trên cây lúa	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
4	3808	Esters of botanical oil	Subain 99SL	hỗ trợ thuốc trừ sâu nhóm: Carbamate (rầy nâu/ lúa), Lân hữu cơ (sâu cuốn lá/ lúa), Pyrethroid (sâu xanh/ rau cải); hỗ trợ thuốc trừ bệnh nhóm: Triazole (khô vằn/ lúa); hỗ trợ thuốc trừ cỏ nhóm: Sulfonyl urea (cỏ/lúa)	Công ty CP BVTV Đa Quốc Gia
5	3808	Trisiloxane ethoxylate	Enomil 30SL	hỗ trợ tăng hiệu quả của thuốc trừ sâu, trừ bệnh, trừ cỏ	Công ty CP Enasa Việt Nam
II. THUỐC TRỪ MỐI:					
1	3808	Beta-naphthol 1% + Fenvalerate 0.2%	Dầu trừ mối M- 4 1.2SL	trừ mối trong kho bảo quản gỗ	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
2	3808	Bistrifluron (min 95%)	Xterm 1%	mối/công trình xây dựng	Công ty TNHH Hoá chất Sumitomo Việt Nam
3	3808	Chlorfenapyr	Mythic 240SC	mối/ công trình xây dựng	BASF Vietnam Co., Ltd.
4	3808	Chlorfluazuron	Requiem 1 RB	mối/công trình xây dựng	Ensystem Australasia Pty Ltd.
5	3808	Chlorpyrifos Ethyl (min 94 %)	Fugosin 500EC	mối/ công trình xây dựng	Công ty TNHH Phú Nông
			Lenfos 50 EC	mối/ công trình xây dựng	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí

			Landguard 40EC	môi/công trình xây dựng	Imaspro Resources Sdn Bhd
			MAP Sedan 48EC	môi/ công trình xây dựng	Map Pacific Pte Ltd
			Termifos 500EC	môi/ công trình xây dựng	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
6	3808	Extract of Cashew nut shell oil (min 97%)	Wopro ₂ 10FG	môi/ công trình xây dựng	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam
7	3808	Fipronil	Agenda 25 EC	môi/ công trình xây dựng, đê đập	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
			Mote 30EC	môi/ công trình xây dựng	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
			Terdomi 25EC	Môi/công trình xây dựng	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Ngọc Lâm
			Tefurin 25EC	Môi/ công trình xây dựng	Công ty TNHH Phú Nông
			Termisuper 25EC	môi/ công trình xây dựng	Công ty CP Khử trùng - Trừ môi Việt Nam
8	3808	Imidacloprid	Termize 200SC	môi/ công trình xây dựng	Imaspro Resources Sdn Bhd
9	3808	<i>Metarhizium anisopliae</i> var. <i>anisopliae</i> M2 & M5 10 ⁸ - 10 ⁹ bào tử/g	Metavina 10DP	môi/ đê, đập, công trình kiến trúc, công trình xây dựng, nhà cửa, kho tàng	Công ty CP Phòng trừ môi Việt Nam
10	3808	<i>Metarhizium anisopliae</i> var. <i>anisopliae</i> M1 & M7 10 ⁸ - 10 ⁹ bào tử/ml	Metavina 80LS	môi/ đê, đập	Công ty CP Phòng trừ môi Việt Nam
11	3808	<i>Metarhizium anisopliae</i> var. <i>anisopliae</i> M1 & M3 10 ⁹ - 10 ¹⁰ bào tử/g	Metavina 90DP	môi/ công trình xây dựng, nhà cửa, kho tàng	Công ty CP Phòng trừ môi Việt Nam
12	3808	Permethrin	Map boxer 30EC	môi / công trình xây dựng	Map Pacific Pte Ltd
13	3808.91.93 (Có khứ mùi)	Na ₂ SiF ₆ 50% + HBO ₃ 10% + CuSO ₄ 30%	PMC 90 DP	môi hại cây lâm nghiệp	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam
	3808.91.99 (Loại khác)				
14	3808.91.93 (Có khứ mùi)	Na ₂ SiF ₆ 80 % + ZnCl ₂ 20 %	PMs 100 CP	môi hại nền móng, hàng rào quanh công trình xây dựng	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam
	3808.91.99				

	(Loại khác)				
III. THUỐC BẢO QUẢN LÂM SẢN:					
1	3808	Chlorothalonil 45% + Carbendazim 10%	KAA-Antiblu CC 55SC	trừ nấm để bảo quản gỗ	Công ty TNHH Behn Meyer Việt Nam
2	3808	Cypermethrin (min 90%)	KAntiborer 10 EC	mọt hại gỗ	Behn Meyer Specialty Chemical Sdn Bhd.
3	3808	Deltamethrin (min 98%)	Cease 2.5EC	mọt/ gỗ	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
			Cislin 2.5 EC	mọt hại gỗ	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
4	3808	Extract of Cashew nut shell oil (min 97%)	Wopro ₁ 9AL	mối/ gỗ	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam
5	3808	CuSO ₄ 16% + CuO 2% + K ₂ Cr ₂ O ₇ 2%	M ₁ 20LA	con hà hại thuyền gỗ, ván thuyền	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam
6	3808	CuSO ₄ 80% + K ₂ Cr ₂ O ₇ 18% + CrO ₃ 2%	CH _G 100SP	con hà, nấm mục hại thuyền gỗ, ván thuyền	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam
7	3808.99.10	CuSO ₄ 50 % + K ₂ Cr ₂ O ₇ 50 %	XM ₅ 100 SP	nấm, mục, côn trùng hại tre, gỗ, song, mây	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam
8	3808.99.10	ZnSO ₄ .7H ₂ O 60% + NaF 30 %	LN ₅ 90 SP	nấm, mục, côn trùng hại gỗ sau chế biến, song, mây, tre	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam
IV . THUỐC KHỬ TRÙNG KHO:					
1	3808.94	Aluminium Phosphide	Alumifos 56% tablet	khử trùng kho	Asiagro Pacific Ltd
			Celphos 56 % tablets	sâu mọt hại kho tàng	Excel Crop Care Limited
			Fumitoxin 55 % tablets	côn trùng hại nông sản, nhà kho, phương tiện chuyên chở	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
			Phostoxin 56% viên tròn, viên dẹt	côn trùng, chuột hại kho tàng	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
			Quickphos 56 %	sâu mọt hại kho tàng, nông sản	Công ty TNHH UPL Việt Nam

2	3808	Deltamethrin (min 98%)	K - Obiol® 25WP, 10SC, 10ULV	sâu mọt hại kho tàng	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
3	3808.94	Magnesium phosphide	Magtoxin 66 tablets, pellet	sâu mọt hại kho tàng	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
4	3808	Pirimiphos - Methyl (min 88%)	Actellic 50EC	sâu mọt hại kho tàng	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam

V. THUỐC SỬ DỤNG CHO SÂN GOLF.

1. Thuốc trừ sâu:

1	3808	Thiamethoxam	Meridian 25WG	sâu đất/ cỏ sân golf	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
---	------	--------------	---------------	----------------------	-----------------------------------

2. Thuốc trừ bệnh:

1	3808	Azoxystrobin	Heritage max 95ME	đốm nâu, đốm xám/ cỏ sân golf	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
2	3808	Metalaxyl M	Subdue max 240SL	héo rũ tàn lụi/ cỏ sân golf	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
3	3808	Propiconazole	Banner maxx 156EC	đốm nâu/ cỏ sân golf	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam

3. Thuốc trừ cỏ:

1	3808	Trifloxysulfuron sodium (min 89%)	Monument 100 OD	cỏ/ sân golf	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
---	------	--------------------------------------	--------------------	--------------	-----------------------------------

4. Thuốc điều hoà sinh trưởng:

1	3808	Trinexapac-Ethyl (min 94%)	Primo maxx 120SL	điều hoà sinh trưởng/ cỏ sân golf	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
---	------	-------------------------------	---------------------	-----------------------------------	-----------------------------------

VI. THUỐC XỬ LÝ HẠT GIỐNG

1. Thuốc trừ sâu:

1	3808	Dinotefuran 25% + Hymexazol (min 98%) 15%	Sakura 40WP	xử lý hạt giống trừ rầy nâu, bọ trĩ/ lúa	Mitsui Chemicals Agro, Inc.
			Seal 40WP	xử lý hạt giống trừ rầy nâu, bọ trĩ, sâu đục thân/	Công ty TNHH Phú Nông

				lúa	
2	3808	Fipronil 100g/l + Azoxystrobin 100g/l + Gibberellic acid 1g/l	Treat 201SC	xử lý hạt giống trừ bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Á Châu
3	3808	Imidacloprid	Barooco 600FS	Xử lý hạt giống trừ bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH Nam Bộ
			Gaucha 70 WS, 600FS	70WS: Xử lý hạt giống trừ rầy nâu, rầy xanh, bọ trĩ, ruồi/ lúa; Xử lý hạt giống trừ sâu chích hút bông vải; Xử lý hạt giống trừ sâu trong đất/ ngô 600FS: Xử lý hạt giống trừ rệp/ bông vải, Xử lý hạt giống trừ bọ trĩ, rầy nâu/ lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
			Gaotra 600FS	xử lý hạt giống trừ bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH Việt Đức
4	3808	Imidacloprid 25% (300g/l) + Carbendazim 10% (20g/l) + Thiram 5% (120g/l)	Enaldo 40FS, 440FS	40FS: xử lý hạt giống trừ rầy nâu, bọ trĩ/ lúa; xử lý hạt giống trừ bệnh chết cây con/ lạc 440FS: xử lý hạt giống trừ rầy nâu, bọ trĩ/ lúa	Công ty CP ENASA Việt Nam
5	3808	Imidacloprid 300g/kg + Metconazole 360g/kg	Kola gold 660WP	xử lý hạt giống trừ rầy nâu, bệnh lúa von/ lúa	Công ty TNHH ADC
			Obawin 660WP	Xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von, rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
6	3808	Imidacloprid 370g/l + Metconazole 300g/l	London-anh quốc 670FS	rầy nâu/lúa (xử lý hạt giống)	Công ty TNHH Anh Dầu Tiền Giang
7	3808	Thiamethoxam	Cruiser 350FS	Xử lý hạt giống trừ bọ trĩ, rầy xanh, rệp/ bông vải, sâu xám/ ngô	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
8	3808	Thiamethoxam 300g/l + Azoxystrobin 50g/l + Prochloraz 62.5g/l	Pre-pat 412.5FS	Xử lý hạt giống trừ rầy nâu/ lúa	Công ty CP Nông Tín AG
9	3808	Thiamethoxam 250g/l + Difenoconazole 75g/l	Anrusher 325FS	rầy nâu/ lúa (xử lý hạt giống)	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
10	3808	Thiamethoxam 262.5g/l + Difenoconazole 25g/l + Fludioxonil 25g/l	Cruiser Plus 312.5FS	xử lý hạt giống để trừ bọ trĩ, rầy nâu, rầy lưng trắng/ lúa; xử lý hạt giống trừ sâu xám/ ngô, bệnh lúa von/ lúa, xử lý hạt giống trừ bệnh lở cổ rễ cây con/đậu tương	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
11	3808	Thiamethoxam 250g/l +	Cuisor super	xử lý hạt giống trừ bọ trĩ, rầy nâu, bệnh lúa	Công ty TNHH An Nông

		Difenoconazole 25g/l + Thiophanate Methyl 75g/l	350SC	von/ lúa	
12	3808	Thiamethoxam 265g/l + Tebuconazole 30g/l + Metalaxyl-M 17.5g/l	Topmax 312.5FS	Xử lý hạt giống trừ rầy nâu, bọ trĩ, bệnh lúa von/ lúa	Công ty TNHH Phú Nông
2. Thuốc trừ bệnh:					
1	3808	Carbendazim 250g/l + Imidacloprid 250 g/l + Thiram 100 g/l	Doright 600FS	Xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von, rầy nâu, bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
2	3808	Fludioxonil	Celest 025FS	lúa von/lúa (xử lý hạt giống)	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
3	3808	Ipconazole (min 95%)	Jivon 6WP	xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/ lúa	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
4	3808	Isotianil (min 96%)	Routine 200SC	đạo ôn/lúa (xử lý hạt giống)	Bayer Vietnam Ltd
5	3808	Metconazole	Provil super 10SL	Xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/ lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
6	3808	Metalaxyl-M	Apron XL 350ES	Xử lý hạt giống trừ bệnh mốc sương (bạch tạng)/ngô	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
7	3808	Metiram complex 650g/kg + Thiamethoxam 150g/kg	Biwonusa 800WP	Xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
8	3808	Pefurazoate (min 94%)	Fortissimo 20WP	lúa von/lúa (xử lý hạt giống)	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
9	3808	Tebuconazole	Foniduc 450SC	xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/ lúa	Công ty TNHH Việt Đức
			Sforlicuajapane 450SC	Xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
10	3808	Triflumizole (min 99.38%)	Trifmine 15EC	Xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/ lúa	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.

BỘ TRƯỞNG

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Phụ lục II
DANH MỤC THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT CẤM SỬ DỤNG TẠI VIỆT NAM**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 03 /2016/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 4 năm 2016
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn).*

TT	MÃ HS	TÊN CHUNG (COMMON NAMES)	MÃ HS	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAMES)
Thuốc trừ sâu, thuốc bảo quản lâm sản.				
1	2903.82.00	Aldrin	3808.50.10	Aldrex, Aldrite...
2	2903.81.00	BHC, Lindane	3808.50.10	Beta - BHC, Gamma - HCH, Gamatox 15 EC, 20 EC, Lindafor , Carbadan 4/4 G; Sevidol 4/4 G
3	2620.91.00	Cadmium compound (Cd)	3808.91.99	Cadmium compound (Cd)
4	2903.82.00	Chlordane	3808.50.10	Chlorotox, Octachlor, Pentichlor...
5	2903.92.00	DDT	3808.50.10	Neocid, Pentachlorin , Chlorophenothane...
6	2910.40.00	Dieldrin	3808.50.10	Dieldrex, Dieldrite, Octalox ...
7	2920.90	Endosulfan	3808.91.19	Cyclodan 35EC, Endosol 35EC, Tigiodan 35ND, Thasodant 35EC, Thiodol 35ND
8	2910.90 00	Endrin	3808.91.19	Hexadrin...
9	2903.82.00	Heptachlor	3808.50.10	Drimex, Heptamul, Heptox...
10	2903.89.00	Isobenzen	3808.91.19	Các loại thuốc BVTV có chứa Isobenzen
11	2903.89.00	Isodrin	3808.91.20	Các loại thuốc BVTV có chứa Isodrin
12	2620.29.00	Lead (Pb)	3808.91.19	Các loại thuốc BVTV có chứa Lead (Pb)
13	2930.50.00	Methamidophos	3808.50.10	Dynamite 50 SC, Filitox 70 SC, Master 50 EC, 70 SC, Monitor 50EC, 60SC, Isometha 50 DD, 60 DD, Isosuper 70 DD, Tamaron 50 EC...
14	2920.11.00	Methyl Parathion	3808.50.10	Danacap M 25, M 40; Folidol - M 50 EC; Isomethyl 50 ND; Metaphos 40 EC, 50EC; (Methyl Parathion) 20 EC, 40 EC, 50 EC; Milion 50 EC; Proteon 50 EC; Romethyl 50ND; Wofatox 50 EC ...
15	2924.12.00	Monocrotophos	3808.50.10	Apadrin 50SL, Magic 50SL, Nuvacron 40 SCW/DD, 50 SCW/DD, Thunder 515DD...
16	2920.11.00	Parathion Ethyl	3808.91.19	Alkexon , Orthophos , Thiopphos ...

17	2908.19.00	Sodium Pentachlorophenate monohydrate	3808.91.19	Copas NAP 90 G, PMD 4 90 bột, PBB 100 bột
18	2908.11.00	Pentachlorophenol	3808.50.10	CMM 7 dầu lỏng
19	2924.12.00	Phosphamidon	3808.50.10	Dimecron 50 SCW/ DD...
20	2903.89.00	Polychlorocamphene	3808.50.10	Toxaphene, Camphechlor
			3808.91.91	Strobane
21	2925.21.00	Chlordimeform	3808.50.10	Các loại thuốc BVTV có chứa Chlordimeform
Thuốc trừ bệnh.				
1	2931.90.10	Arsenic (As)	2931.9041	Các hợp chất hữu cơ của thạch tín (dạng lỏng)
			2931.9049	Các hợp chất hữu cơ của thạch tín (dạng khác)
2	2930.90.90	Captan	3808.50.29	Captane 75 WP, Merpan 75 WP...
3	2930.50.00	Captafol	3808.50.21	Difolatal 80 WP, Folcid 80 WP... (dạng bình xịt)
			3808.50.29	Difolatal 80 WP, Folcid 80 WP... (dạng khác)
4	2903.92.00	Hexachlorobenzene	3808.50.21	Anticatic, HCB... (dạng bình xịt)
			3808.50.29	Anticatic, HCB... (dạng khác)
5	2852.10	Mercury (Hg)	3808.50.21	Các hợp chất của thủy ngân (dạng bình xịt)
			3808.50.29	Các hợp chất của thủy ngân (dạng khác)
6	2804.90.00	Selenium (Se)	3808.92.19	Các hợp chất của Selen
Thuốc trừ chuột.				
1			3808.99.90	Hợp chất của Tali (Taliu compound (TI))
Thuốc trừ cỏ.				
1	2918.91.00	2.4.5 T	3808.50.31	Brochtox , Decamine , Veon ...(dạng bình xịt)
			3808.50.39	Brochtox , Decamine , Veon... (dạng khác)

BỘ TRƯỞNG
(Đã ký)
Cao Đức Phát

Phụ lục III

BẢNG CHI TIẾT MÃ HS THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT ĐƯỢC PHÉP SỬ DỤNG TẠI VIỆT NAM
(Ban hành kèm theo Thông tư số **03/2016/TT-BNNPTNT** ngày **21 tháng 4** năm **2016**
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn).

Mã hàng	Mô tả hàng hoá
3808.91	-- Thuốc trừ côn trùng (thuốc trừ sâu, thuốc trừ nhện)
	--- Chế phẩm trung gian để sản xuất thuốc trừ côn trùng:
3808.91.11	---- Có 2-(1-Methylpropyl) phenol methylcarbamate)
3808.91.19	---- Loại khác
3808.91.20	--- Hương vòng chống muỗi
3808.91.30	--- Tẩm thuốc diệt muỗi
	--- Loại khác:
	---- Dạng bình xịt:
3808.91.91	----- Có chức năng khử mùi
3808.91.92	----- Loại khác
	---- Loại khác:
3808.91.93	----- Có chức năng khử mùi
3808.91.99	----- Loại khác
3808.92	-- Thuốc diệt nấm (thuốc trừ bệnh và các tác nhân gây bệnh)
	--- Dạng bình xịt:
3808.92.11	---- Có hàm lượng validamycin không vượt quá 3% tính theo trọng lượng tịnh
3808.92.19	---- Loại khác

3808.92.90	- - - Loại khác
3808.93	- - Thuốc diệt cỏ (thuốc trừ cỏ), thuốc chống nảy mầm và thuốc điều hoà sinh trưởng cây trồng:
	- - - Thuốc diệt cỏ:
3808.93.11	- - - - Dạng bình xịt
3808.93.19	- - - - Loại khác
3808.93.20	- - - Thuốc chống nảy mầm
3808.93.30	- - - Thuốc điều hoà sinh trưởng cây trồng
3808.94	- - Thuốc khử trùng:
3808.94.10	- - - Có chứa hỗn hợp các axit nhựa than đá và các chất kiềm
3808.94.20	- - - Loại khác, dạng bình xịt
3808.94.90	- - - Loại khác
3808.99	- - Loại khác:
3808.99.10	- - - Thuốc bảo quản gỗ, chứa chất diệt côn trùng hoặc diệt nấm
3808.99.90	- - - Loại khác

BỘ TRƯỞNG
(Đã ký)
Cao Đức Phát